BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Vươn ra **thế giới**
Vững tới **tương lai**

Vươn ra thế giới
Vững tới tương lai

Tầm nhìn

Trở thành nhà thầu khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới.

Sứ mệnh

Cung cấp dịch vụ khoan và kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực, tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những dịch vụ chất lượng cao và giá cả cạnh tranh.

Nội dung

PVD VƯƠN RA THẾ GIỚI - VỮNG TỚI TƯƠNG LAI

02 Tầm nhìn - Sứ mệnh
06 Thư gửi cổ đông
10 Quá trình hình thành và phát triển (2001 - 2011)
12 Các sự kiện nổi bật năm 2012
14 Ngành nghề kinh doanh
16 Sơ đồ tổ chức
18 Vốn cổ phần/Cơ cấu cổ đông
20 Giới thiệu Hội đồng Quản trị và các nhiệm vụ đảm nhiệm
22 Giới thiệu Ban Kiểm Soát
24 Giới thiệu Ban Tổng giám đốc
26 Chỉ số tài chính
28 Báo cáo Hội đồng Quản trị
32 Báo cáo của Ban Kiểm soát
38 Báo cáo Ban Tổng giám đốc
44 Danh hiệu và giải thưởng

Sâu PHÁT HUY NỘI LỰC

48 Tổng quan Kết quả sản xuất kinh doanh
58 Phân tích Chỉ số tài chính
64 Phát triển Công nghệ cao

Xa ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

68 Thị trường khoan và thị phần PV Drilling
72 Chiến lược phát triển dịch vụ ra nước ngoài
74 Kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn

Bền QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

78 Quản trị rủi ro
92 Chính sách Nhân sự
96 Phát huy vai trò của CNTT trong SXKD
98 Minh bạch thông tin
102 Công tác Quan hệ cổ đông

Rộng MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG

108 Giới thiệu các đơn vị thành viên
130 Các hoạt động hướng về cộng đồng
132 An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (HSEQ)

Chắc BÁO CÁO TÀI CHÍNH

144 Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (USD)
190 Báo cáo tài chính quy đổi theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VND)

"Năm 2012, đối với PV Drilling là một năm ghi nhớ nhiều dấu ấn nổi bật, đánh dấu bước tiến quan trọng trên con đường trở thành nhà thầu khoan uy tín trong khu vực và thế giới ...

11.929 TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU

1.697 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và các Đối tác liên quan

Năm 2012, kinh tế thế giới được đánh giá là một năm "vượt qua bóng tối" mặc dù các bất ổn về kinh tế và chính trị vẫn chưa kết thúc, điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế ở khu vực Châu Âu vẫn còn đang được loay hoay gỡ rối và các cuộc tranh chấp chủ quyền lãnh hải của các quốc gia Châu Á. Kinh tế Việt Nam có gam màu sáng hơn nhờ nỗ lực cải thiện kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn bộn bề ấy, thị trường dầu khí tiếp tục diễn ra sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các công ty dịch vụ như một minh chứng về nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng trên thế giới, giá dịch vụ vận hành giàn khoan của các giàn thế hệ mới và có hiệu suất hoạt động cao đã tăng từ 10% đến 20% tùy theo khu vực do nguồn cung còn hạn chế.

Đối với PV Drilling, năm 2012 là một năm ghi nhớ nhiều dấu ấn nổi bật, đánh dấu bước tiến quan trọng trên con đường trở thành nhà thầu khoan uy tín trong khu vực và thế giới.

Hoạt động kinh doanh ổn định trong năm qua cũng bảo đảm mục tiêu tăng trưởng và gia tăng giá trị cổ đông. Với doanh thu đạt 11.929 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.322 tỷ đồng, PV Drilling đã tăng trưởng lợi nhuận hơn 24% so với năm 2011. Đóng góp vào sự tăng trưởng trên vẫn chủ yếu là việc đưa giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm TAD - PV DRILLING V vào hoạt động an toàn từ tháng 2/2012, sự tăng giá dịch vụ vận hành giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật cao khác cũng dần dần gia tăng tỷ trọng. Từ kết quả này, PV Drilling đã tạo đà cho sự phát triển bền vững bằng việc nâng cao công tác quản trị, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro. Chính những áp lực gia tăng rủi ro bên ngoài lại chuyển thành cơ hội để PV Drilling thay đổi, phát triển một cơ chế quản trị rủi ro hiệu quả. PV Drilling đã có sự chuyển mình theo hướng Bền và Chắc. Bắt đầu từ việc nâng cao nhận thức rủi ro của Ban lãnh đạo, PV Drilling đã và đang ngày càng học hỏi nhiều kinh nghiệm từ các đối tác, hoàn thiện các chính sách, gìn giữ nhân tài và từng bước xây dựng văn hóa phòng chống rủi ro.

Những hoạt động vì môi trường – xã hội ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Tại PV Drilling, hệ thống HSEQ (An toàn – Sức khỏe – Môi trường – Chất lượng) luôn được duy trì và cải tiến nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất xuyên suốt, tuân thủ quy định hiện hành và ngăn ngừa các rủi ro môi trường. Năm 2012, PV Drilling đạt 6 triệu giờ lao động không có tai nạn mất thời gian làm việc (Zero LTI - Zero Lost Time Incident), đóng góp vào thành quả các giàn khoan đều Zero LTI kể từ khi vận hành đến nay. Năm 2012, hiệu quả của hệ thống HSEQ được kiểm chứng qua 16 lần đánh giá nội bộ và 51 lần đánh giá từ các tổ chức bên ngoài, trong đó nhiều tổ chức là khách hàng tiềm năng. Đặc biệt đến ngày 10/3/2013, giàn khoan PV DRILLING I chính thức đạt kỷ lục mới với 6 năm vận hành liên tục không gặp bất kỳ sự cố LTI nào (Lost Time Incident).

Công tác an sinh xã hội đã là truyền thống và luôn nhận được sự quan tâm của PV Drilling. Năm 2012, số tiền chi cho các chương trình cộng đồng lên đến vài chục tỷ đồng, chủ yếu vào các lĩnh vực giáo dục, y tế và xây dựng nhà tình nghĩa ở các vùng sâu vùng xa. Hoạt động an sinh xã hội đã là truyền thống của PV Drilling. Nhưng sâu xa hơn, đấy là ước mơ gửi gắm vào một thế hệ trẻ, năng động, sáng tạo sẽ tiếp nối con đường phát triển bền vững của các doanh nghiệp Việt Nam trong tương lai.

Trong hơn một năm qua, PV Drilling còn gặt hái nhiều quả ngọt. Sự kiện "GIÀN KHOAN TAD ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO" và giải thưởng "NHÀ THẦU KHOAN DẦU KHÍ TỐT NHẤT CHÂU Á NĂM 2012" là những dấu ấn ghi nhận sự chuyển mình trên con đường trở thành nhà thầu khoan uy tín trên khu vực và thế giới. Các sự kiện trên không đơn giản chỉ là thành tích mà còn là sự tích lũy quá trình phấn đấu suốt chặng đường phát triển 11 năm qua và mở ra giai đoạn mới hướng ra thế giới.

Tôi chân thành cảm ơn toàn thể CBCNV đã đoàn kết, gắn bó cùng PV Drilling. Chính lòng nhiệt huyết, sự phấn đấu thay đổi từng ngày của những cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân đang khoác tấm áo PV Drilling đã tạo dựng những giá trị bền vững như ngày hôm nay.

Vươn ra thế giới

Từng bước vững chắc tham gia vào thị trường dịch vụ khoan dầu khí khu vực và thế giới là chiến lược chúng tôi sẽ thực hiện với quyết tâm cao trong năm 2013. Về ngắn hạn, mở ra phương hướng kinh doanh ở thị trường mới không thể tránh khỏi việc gia tăng rủi ro. Nhưng xét trong dài hạn, chiến lược này sẽ tối đa lợi nhuận, tối thiểu rủi ro thông qua đa dạng hóa thị trường. Chúng tôi đang làm hết sức mình để bảo đảm sự tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của cổ đông.

Thực hiện chiến lược trên, PV Drilling đã xây dựng được những bước đệm cần thiết để vươn ra các nước lân cận và thế giới. Thành lập văn phòng tại Malaysia, tham gia đấu thầu dịch vụ dầu khí quốc tế là những bước thăm dò đầu tiên. Tiến tới gần hơn nữa, PV Drilling đã ký kết hợp đồng với đối tác thành lập liên doanh vào cuối năm 2012. Liên doanh này sẽ đầu tư giàn khoan biển tự nâng thế hệ mới để cung cấp cho các nhà thầu dầu khí ở khu vực Đông Nam Á, Vịnh Mexico, Trung Đông, ...

...Vững tới tương lai

Con số tăng trưởng cao hàng năm đã thể hiện một cách rõ ràng sự thành công các dự án và định hướng chiến lược đúng đắn của Tổng Công ty. Nhưng tôi tin rằng PV Drilling còn có thể làm hơn thế nữa, gia tăng giá trị hơn nữa vượt ngoài giới hạn của khối tài sản đơn thuần hiện nay.

Còn rất nhiều thử thách PV Drilling đặt ra phía trước. Trong môi trường kinh doanh nhiều yếu tố đa chiều tác động hiện nay, thử thách càng không dễ dàng giải quyết bằng tư duy chủ quan và đơn hướng. Chúng tôi hiểu và sẽ tiếp tục nỗ lực hơn nữa, làm việc bằng tất cả sự nhiệt huyết và cẩn trọng để quyết tâm chinh phục những tầm cao mới. Chúng tôi sẽ vươn ra xa hơn thị trường mới, khoan sâu hơn bằng công nghệ hiện đại, mở rộng hơn phạm vi cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao. Và chúng tôi cũng luôn cân nhắc các quyết định dưới nhiều góc nhìn đa chiều để bảo đảm sự tăng trưởng ổn định và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông.

Chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung nâng cao công tác quản trị rủi ro, xây dựng môi trường văn hóa chống rủi ro, gia tăng chất lượng dịch vụ cho khách hàng. Và điều tất yếu, chúng tôi sẽ luôn quan tâm hoạt động an toàn, môi trường, xã hội và chăm lo đời sống CBNV - những hoạt động có vai trò không thể thiếu trong sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Thay mặt hơn 1.800 CBCNV, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các Đối tác và Khách hàng liên quan đã cùng hỗ trợ PV Drilling trong suốt chặng đường phát triển vừa qua. Với sự đồng hành của Quý vị trên chặng đường dài phía trước, chúng tôi tin rằng sẽ vượt qua các thử thách, đạt nhiều thành công mới, mang lại nhiều giá trị cho cổ đông và nâng cao giá trị bền vững doanh nghiệp.

Tổng Giám đốc

PHẠM TIẾN DŨNG

Chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung nâng cao công tác quản trị rủi ro, xây dựng môi trường văn hóa chống rủi ro, gia tăng chất lượng dịch vụ cho khách hàng. Và điều tất yếu, chúng tôi sẽ luôn quan tâm đến hoạt động an toàn, môi trường, xã hội và chăm lo đời sống CBCNV - những hoạt động có vai trò không thể thiếu trong sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

các sự kiện quan trọng trong quá trình HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (2001 - 2011)

2001

Công ty Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Drilling) được thành lập, là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), trên cơ sở tiếp nhận nguồn nhân lực từ Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore).

2004

Thành lập Xí nghiệp Địa vật lý Giếng khoan và Thử vỉa nay là Công ty TNHH MTV Địa vật lý Giếng khoan Dầu khí (PVD Logging).

2005

PV Drilling chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3477/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

2006

Niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán "PVD" trên sàn chứng khoán Việt Nam với vốn điều lệ tại thời điểm này là 680 tỷ đồng.

Thành lập Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp nay là Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ khoan Dầu khí PVD (PVD Tech). Thành lập Công ty Liên doanh BJ Services – PV Drilling.

2007

Khánh thành giàn khoan PV DRILLING I là giàn khoan biển tự nâng đa năng đầu tiên do người Việt Nam sở hữu 100%.

Khánh thành Giàn khoan đất liền PV DRILLING 11.

Thành lập Xí nghiệp Điều hành khoan (PVD Drilling Division).

Thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (PVD Well Services).

2008

Thành lập Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu khí PV Drilling - PTI (PVD-PTI).

Sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest) vào PV Drilling, nâng giá trị tổng tài sản của Tổng Công ty lên đến trên 12.000 tỷ đồng và vốn điều lệ lên đến 2.105 tỷ đồng.

2009

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) công nhận liên tục 2 năm vận hành an toàn, không xảy ra LTI (Zero Lost Time Incident) với hiệu suất 99,9%.

Tiếp nhận 2 giàn khoan biển tự nâng đa năng PV DRILLING II & PV DRILLING III.

Nhận được nhiều giải thưởng cũng như đánh giá tích cực của cộng đồng trong và ngoài nước như: "Cổ phiếu vàng 2009", Cúp vàng "Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2009".

2010

Thành lập Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan Dầu khí (PVD Invest).

Thành lập Liên doanh PVD – Baker Hughes.

Giàn khoan PV DRILLING I đã được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế ghi nhận thành tích 03 năm liên tục vận hành an toàn sau đúng 3 năm đi vào hoạt động. Giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 1 năm hoạt động an toàn, không xảy ra LTI từ khi đưa vào vận hành năm 2009.

Lần đầu tiên nghiên cứu và triển khai thành công hợp đồng cung cấp dịch vụ trọn gói (Bundled Services).

Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đầu tư giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) và thành lập Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (PVD Deepwater).

Thuê thêm giàn khoan từ các đối tác để kịp thời đáp ứng nhu cầu dịch vụ khoan của thị trường trong nước.

Vinh dự được bình chọn và nhận Giải thưởng "Giải xuất sắc Báo cáo thường niên năm 2010"; Cúp vàng cho "Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2010" và "Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2010".

2011

Đón nhận Huân **Chương lao động Hạng Nhất** do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng, đồng thời kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Tổng Công ty (26/11/2001- 26/11/2011).

Tiếp nhận giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm công nghệ cao đầu tiên tại Việt Nam - PV DRILLING V.

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế ghi nhận thành tích 04 năm liên tục vận hành an toàn, không xảy ra LTI, hiệu suất vận hành đạt 99,4%. Giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 2 năm hoạt động an toàn kể từ ngày đưa vào vận hành năm 2009, đạt hiệu suất tương ứng 99,53% và 96,9%.

PVD Well Services cung cấp thành công dịch vụ khoan kiểm soát áp suất (MPD) và định hướng phát triển MPD trở thành dịch vụ mũi nhọn của PVD Well Services.

PVD Training được công nhận cấp phép đào tạo An toàn biển (T-BOSIET, T-FOET và T-HUET) theo chuẩn mực quốc tế OPITO (Offshore Petroleum Industry Training Ogranization) của ngành công nghiệp Dầu khí toàn cầu.

Ký kết thành lập Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech – Oil States Industries (PVD - OSI).

Vinh dự được bình chọn và nhận Giải thưởng "Giải đặc biệt xuất sắc Báo cáo thường niên năm 2011".

NHÀ THẦU KHOAN DẦU KHÍ TỐT NHẤT KHU VỰC CHÂU Á NĂM 2012

Vinh dự được đón nhận Giải thưởng "Nhà thầu khoan Dầu khí tốt nhất khu vực Châu Á năm 2012" (Best Oil and Gas Drilling Contractor in Asia, 2012) do Tạp chí World Finance trao tặng. Đây là giải thưởng trong lĩnh vực dầu khí do một tạp chí uy tín thế giới trao tặng, là thành quả đáng tự hào của Tổng Công ty trong nỗ lực đưa tên tuổi và tầm vóc của PV Drilling vươn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

GIÀN KHOAN TAD NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Vinh dự đón nhận Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao của Bộ Khoa học Công nghệ cho "Dự án ứng dụng công nghệ giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại vùng biển nước sâu Việt Nam".

PVD WELL SERVICES NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

PVD Well Services vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng.

GIÀN KHOAN PV DRILLING I VẬN HÀNH AN TOÀN 5 NĂM LIÊN TIẾP

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế ghi nhận thành tích 5 năm liên tục vận hành an toàn, không xảy ra LTI, hiệu suất vận hành đạt 99,0%. Giàn khoan PV DRILLING II & PV DRILLING III đạt 3 năm hoạt động an toàn, hiệu suất tương ứng đạt 99,7% và 98,2%. Giàn khoan PV DRILLING 11 cũng hoạt động an toàn kể từ khi đưa vào vận hành trở lại vào tháng 11/2011, đạt hiệu suất 99,7%.

VẬN HÀNH LẦN ĐẦU TIÊN GIÀN KHOAN TAD - PV DRILLING V

Lần đầu tiên đưa vào vận hành giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm TAD - PV DRILLING V (một trong các giàn khoan hiện đại nhất trong các thế hệ giàn khoan tiếp trợ trên thế giới hiện nay) trong điều kiện khắc nghiệt của thời tiết một cách an toàn và hiệu quả, đạt hiệu suất trên 97%.

5 NĂM LIỀN ĐOẠT GIẢI BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT

Vinh dự được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bình chọn là "Doanh nghiệp có thành tích liên tục đạt Giải Báo cáo thường niên tốt trong 5 năm qua" - là một trong 15 doanh nghiệp được tặng bằng khen ghi nhận nỗ lực minh bạch thông tin của các doanh nghiệp niêm yết nhiều năm qua.

ĐƯA VÀO SỬ DỤNG CĂN CỨ ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Bàn giao đưa vào sử dụng Căn cứ Ứng phó Sự cố Tràn dầu tại Vũng Tàu và Tàu Nasos II, góp phần nâng cao năng lực ứng cứu tràn dầu quốc gia của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

PVD TECH CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

PVD Tech chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần và đưa Liên doanh PVD Tech – Oil States Industries đi vào hoạt động. Đồng thời, hoàn tất việc đầu tư để nắm giữ 51% vốn điều lệ của Liên doanh Vietubes, qua đó công tác nội địa hóa tiện ren ống chống sẽ được hỗ trợ và đẩy mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như gia tăng hiệu quả kinh tế cho PVD Tech và PV Drilling.

2012

PV Drilling

Sở hữu và điều hành 3 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan đất liền, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, cung ứng các dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan, PV Drilling là nhà thầu khoan duy nhất cung ứng dịch vụ khoan trọn gói tại Việt Nam.

PV DRILLING I

PV DRILLING 11

PV DRILLING II

PV DRILLING III

PV DRILLING V

Ngành nghề
Kinh doanh

PV Drilling chuyên cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trong và ngoài nước:

Sở hữu và điều hành giàn khoan biển & đất liền;

Dịch vụ thiết bị khoan;

Đo karota khí và cung cấp chuyên gia địa chất;

Kéo thả ống chống;

Dịch vụ thiết bị đầu giếng;

Ứng cứu sự cố dầu tràn;

Sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí;

Đào tạo, cung cấp nhân lực khoan;

Đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác;

Cung cấp vật tư, thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác;

Bảo trì thiết bị công nghiệp: Lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các cụm thiết bị và dây chuyền công nghiệp;

Chế tạo ống chống, thiết kế chế tạo cụm thiết bị và kết cấu kim loại;

Dịch vụ kỹ thuật khác hợp tác với các đối tác nước ngoài: Bơm trám xi măng và kích thích vỉa; Cung cấp dịch vụ trọn gói OCTG, sửa chữa bảo dưỡng OCTG; Thử vỉa và khai thác sớm; Khoan định hướng và khảo sát; Đo trong khi khoan; Lấy mẫu lõi; Đo địa vật lý giếng khoan (trừ dịch vụ đo karota khai thác); Treo đầu ống chống lửng; Cứu kẹt sự cố giếng khoan; Đại lý bán hàng cho hóa phẩm cho khai thác; Choòng khoan; Ép vỉa nhân tạo; Hoàn thiện giếng thông minh; Công nghệ khai thác mỏ.

Tư vấn đầu tư – quản lý dự án và tư vấn quản lý; Tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực dầu khí. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên bao gồm: Cung ứng giàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.

sơ đồ TỔ CHỨC

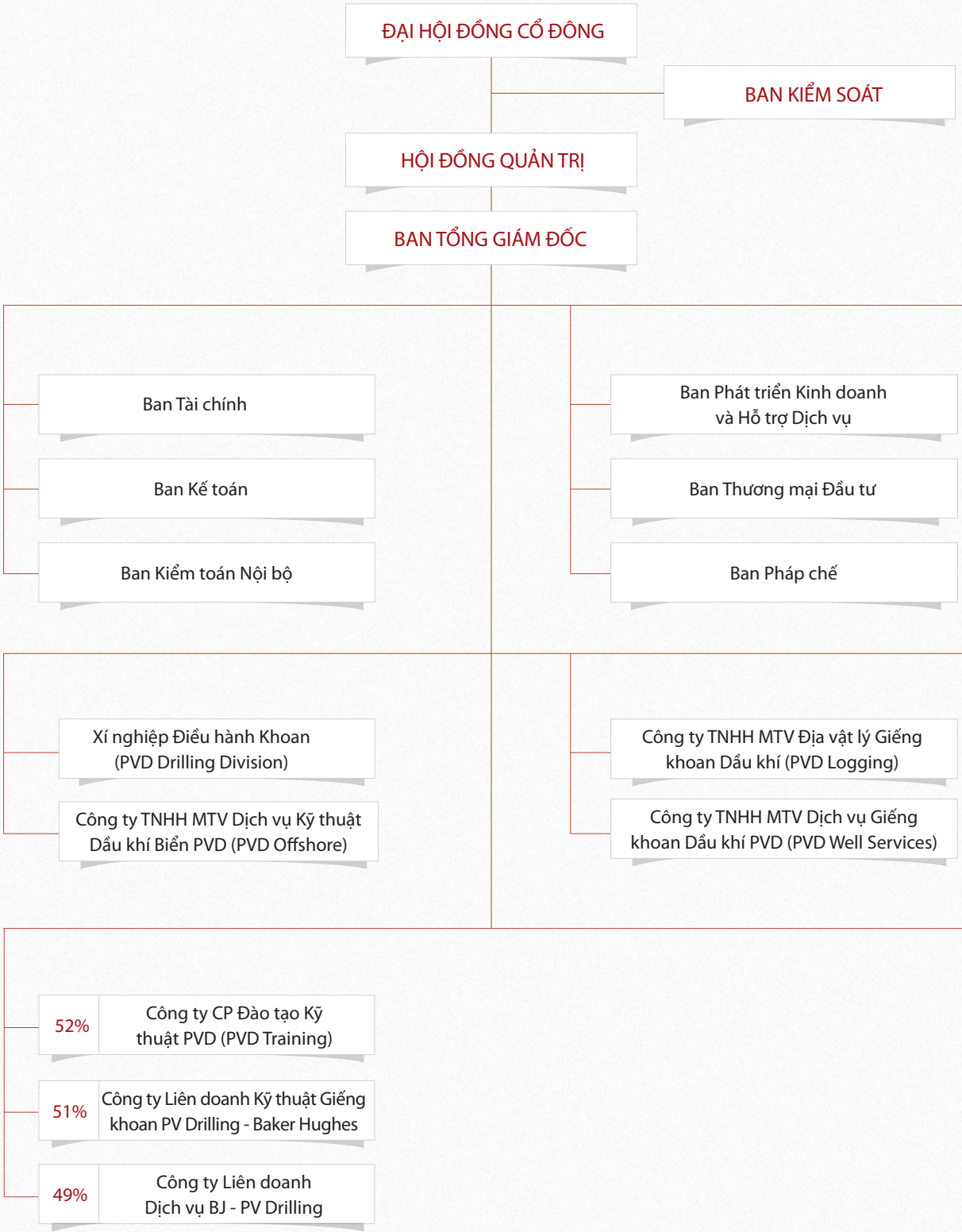
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Ban Tài chính
Ban Kế toán
Ban Kiểm toán Nội bộ
Ban Phát triển Kinh doanh và Hỗ trợ Dịch vụ
Ban Thương mại Đầu tư
Ban Pháp chế
Xí nghiệp Điều hành Khoan (PVD Drilling Division)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (PVD Offshore)
Công ty TNHH MTV Địa vật lý Giếng khoan Dầu khí (PVD Logging)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (PVD Well Services)
52%
Công ty CP Đào tạo Kỹ thuật PVD (PVD Training)
51%
Công ty Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling - Baker Hughes
49%
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling

Hiện nay, PV Drilling và các đơn vị trực thuộc có tổng số cán bộ công nhân viên tính đến ngày 31/12/2012 là 1.853 người. Cơ cấu tổ chức của PV Drilling bao gồm Văn phòng điều hành Tổng Công ty và các đơn vị thành viên như sau:

- Ban Quản lý Hệ thống Thông tin
- Ban Quản lý Dự án & Xây dựng Cơ bản
- Ban An toàn Chất lượng
- Văn phòng Tổng Công ty
- Ban Nhân sự - Đào tạo
- Văn phòng Đảng Đoàn
- Công ty CP Thương mại & Dịch vụ khoan Dầu Khí PVD (PVD Tech)
- Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (PVD Deepwater)
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan Dầu khí (PVD Invest)
- Văn phòng điều hành Dự án tại Algeria
- 51% Công ty Liên doanh PVD - PTI
- 51% Công ty Liên doanh PVD Tubulars Management
- 51% Công ty Liên doanh Vietubes
- 51% Công ty Liên doanh PVD - OSI

CỔ PHẦN

Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng : 210.508.215

Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành : 210.159.735

Mệnh giá của cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Cập nhật theo danh sách chốt ngày 2/4/2013 căn cứ theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành)

	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH	%
TRONG NƯỚC	132.953.861	63,26%
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (cổ đông Nhà nước)	106.055.468	50,46%
- Tổ chức khác	17.521.578	8,34%
- Cá nhân	9.376.815	4,46%
NGOÀI NƯỚC	77.205.874	36,74%
- Tổ chức	75.539.360	35,94%
- Cá nhân	1.666.514	0,79%
TỔNG CỘNG	210.159.735	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (căn cứ theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành)

	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	106.055.468	50,46%
Deutsche Bank AG London	12.788.832	6,09%

CỔ PHIẾU QUỸ (Giao dịch năm 2012)

Số lượng cổ phiếu quỹ đầu kỳ (31/12/2011)	988.580
Số lượng cổ phiếu quỹ trong kỳ:	
Mua cổ phiếu quỹ	+50.000
Khen thưởng Cán bộ Nhân viên	-690.100
Số lượng cổ phiếu quỹ cuối kỳ	348.480

Theo nghị quyết số 01/01/2012/NQ-HĐQT ngày 11/01/2012, PV Drilling đã quyết định thưởng cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên với tổng số lượng cổ phiếu quỹ là 690.100 cổ phiếu, nguồn thực hiện từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng Công ty với hình thức là dùng cổ phiếu quỹ để khen thưởng bằng cổ phiếu.

PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM 2012: Không phát hành

LỊCH SỬ THAY ĐỔI VỐN CỔ PHẦN

	DIỄN GIẢI	NGÀY PHÁT HÀNH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU
Lần đầu	Cổ phần hóa	28/11/2006	68.000.000
Lần 1	Trả cổ tức + phát hành tăng vốn	10/07/2007	9.519.730
Lần 2	Phát hành tăng vốn	07/08/2007	1.340.000
Lần 3	Phát hành tăng vốn	17/08/2007	31.280.000
Lần 4	Trả cổ tức	16/06/2008	22.027.774
Lần 5	Sáp nhập PVD Invest vào PVD	16/10/2009	25.716.285
Lần 6	Trả cổ tức	12/01/2010	52.624.426
	TỔNG CỘNG		210.508.215

Ông **ĐỖ ĐỨC CHIẾN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị PV Drilling: Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, phụ trách lĩnh vực Chiến lược, Cơ cấu, Tổ chức Nhân sự, Đào tạo, Đổi mới Doanh nghiệp.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật.
Cử nhân Chính trị.

Quá trình công tác:

1983 – 1987: Công tác tại Cục cảnh vệ Bộ Công an.
1988 – 1999: Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng phòng Vật tư Công ty Đầu tư phát triển Giao thông vận tải.
1999 – 2006: Chánh Văn phòng, Phó Bí thư thường trực, Bí thư Đảng ủy Khối Dầu khí tại TP. Hồ Chí Minh.
2007: Phó Tổng Giám đốc Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng phía Nam – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
2007 – 2009: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland).
2009 – 2010: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco).
04/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT PV Drilling.

Ông **PHẠM TIẾN DŨNG**

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Drilling: Chỉ đạo chính sách Phát triển bền vững, Pháp chế và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

(Các thông tin khác xem phần giới thiệu Ban Tổng Giám đốc, trang 24).

Ông **TRẦN VĂN HOẠT**

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc PV Drilling: Theo dõi lĩnh vực Chế độ chính sách đối với CBCNV, Đấu thầu và Nghiên cứu khoa học của Tổng Công ty.

(Các thông tin khác xem phần giới thiệu Ban Tổng Giám đốc, trang 24).

Bà **KIỀU THỊ HOÀI MINH**

Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Thương mại Đầu tư PV Drilling: Theo dõi lĩnh vực Thương mại, Kế hoạch và Đầu tư của Tổng Công ty.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Ngoại ngữ: Pháp - Anh.
Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển.
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

1993 – 1997: Chuyên viên Thanh toán quốc tế, Hội sở chính, Ngân hàng TMCP Hàng hải VN.
1998 – 2001: Chuyên viên Thương mại Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển thuộc PTSC.
2002 – 2003: Chuyên viên Thương mại PV Drilling.
2003 – 2007: Phó Phòng Thương mại PV Drilling
2007 đến nay: Trưởng Ban Thương mại Đầu tư PV Drilling.
12/2009 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling.

Ông **LÊ VĂN BÉ**

*Thành viên HĐQT **độc lập** PV Drilling: Theo dõi lĩnh vực Tài chính, kế toán của Tổng Công ty.*

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế (Đại học Tài chính Kế toán).

Quá trình công tác:

1970 – 1974: Trợ lý tại Phòng Tài chính- Tổng cục Hậu cần
1975 – 1989: Trợ lý tại Phòng Tài chính- Tổng cục Kỹ thuật
1990 – 1995: Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính, phụ trách công tác kế toán Ngân hàng.
03/1993 – 1995: Trực tiếp xây dựng đề án thành lập NH TMCP Quân đội, Trưởng Ban tư vấn Thư ký của Hội đồng Quản trị.
1995 – 2009: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội.
01/2010 đến nay: Phó Chủ tịch thứ nhất Ngân hàng TMCP Quân đội.
2010 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling.

Bà **ĐINH THỊ THÁI**

Thành viên HĐQT PV Drilling: Theo dõi lĩnh vực Tài chính, kế toán của Tổng Công ty.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Anh văn.
Thạc sỹ Kinh tế.

Quá trình công tác:

1997 – 1999: Nhân viên Văn phòng đại diện Daewoo Corporation tại Hà Nội.
1999 – 2005: Cán bộ phòng Đầu tư dự án, Vietcombank.
2005 – 2006: Kiểm soát viên phòng Đầu tư dự án, Vietcombank.
2006 – 2008: Phó phòng Đầu tư dự án, Vietcombank.
09/2008 đến nay: Trưởng phòng Đầu tư dự án, Vietcombank.
2010 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling.

Ông **DƯƠNG XUÂN QUANG**

Thành viên HĐQT PV Drilling: Theo dõi lĩnh vực Tài chính, kế toán của Tổng Công ty.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế.
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

1994 – 2000: Chuyên viên Phòng Kế toán, Tổng Công ty Dầu khí.
2000 – 2002: Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Công ty Dầu khí.
2002 – 2005: Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long.
2005 – 2008: Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long.
01/2009 – 04/2009: Phó Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
05/2009 – 12/2009: Phó Giám đốc chi nhánh Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh;
01/2010 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.
2010 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling.

Bà **NGUYỄN THỊ THỦY**

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế (Tài chính Kế toán).
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh quốc tế.

Quá trình công tác:

1989 – 2001: Công tác tại Phòng Kế toán Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
2002 - 2003 : Phụ trách Phòng Kế toán Xí nghiệp Khoan dầu khí thuộc PV Drilling.
2003 - 2007 : Kế toán trưởng Xí nghiệp Khoan dầu khí thuộc PV Drilling.
2007 - 2008 : Kế toán trưởng Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam (NASOS), kiêm thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan dầu khí Việt Nam (PVD Invest).
2008 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát PV Drilling kiêm Kế toán trưởng NASOS.

Ông **NGUYỄN VĂN TỨ**

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.

Quá trình công tác:

1997 – 2000: Công ty Thương mại và Đầu tư Petec.
2000 – 2004: Công ty TNHH Deloitte Vietnam.
2004 – 2007: Công ty Theodore Alexander Ltd.
2007 – 2008: Chuyên viên Phòng Kiểm toán Nội bộ PV Drilling.
2008 – 2009: Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ PV Drilling.
2010 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ PV Drilling.

Bà **PHẠM BẢO NGỌC**

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế thế giới hệ chính quy Học viện Tài chính trực thuộc Chính phủ Liên bang Nga.

Quá trình công tác:

2003 – 2005: Chuyên viên Phòng thanh toán Liên ngân hàng, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
2005 đến nay: Chuyên viên phòng Đầu tư thuộc Hội sở chính, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
5/2012 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát PV Drilling.

Trong công tác quản trị tài chính, PV Drilling đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính, tối đa hóa lợi ích dòng tiền bằng cách triển khai tốt công tác quản lý ngân quỹ tập trung, tăng cường công tác kiểm soát ngân sách.

(Thứ tự từ trái sang phải)

Ông TRẦN VĂN HOẠT
Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư khoan Dầu khí.
Kỹ sư khoan dầu khí nâng cao tại Liên Xô cũ.

Quá trình công tác:
1983 – 1987: Đốc công khoan tại Công ty Dầu khí I Thái Bình.
1987 – 2001: Chánh kỹ sư và Giàn trưởng giàn khoan tự nâng Cửu Long, Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
2001 – 2006: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling.
2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling và Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam(NASOS).
5/2012: Thành viên HĐQT PV Drilling, kiêm Phó Tổng Giám đốc PV Drilling và Giám đốc NASOS.

Ông Hoạt có gần 30 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, đặc biệt là kinh nghiệm trong quản lý và điều hành giàn khoan tự nâng. Ông tham gia vào Ban lãnh đạo PV Drilling ngay từ những ngày đầu mới thành lập. Hiện ông Hoạt đang giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc PV Drilling phụ trách công tác nội chính, Chủ tịch Hội đồng thẩm định các dự án đầu tư của PV Drilling, kiêm Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam (NASOS).

Bà HỒ NGỌC YẾN PHƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Tài chính Kế toán Quốc tế tại Trường Đại học Swinburne, Úc.

Quá trình công tác:
1993 – 1995: Kế toán tại Tổng Công ty Nông Thổ sản (Agrimex).
1995 – 1998: Kế toán trưởng Công ty FDI VMEP (nay là Công ty SYM).
2000 – 2003: Financial Controller của Công ty Holcim Việt Nam.
2003 – 2007: Giám đốc Tài chính (CFO) Công ty S-Telecom (Sfone).
2007 – 6/2008: Trưởng phòng Tài chính Chứng khoán – Giám đốc Tài chính PV Drilling.
7/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling.

Với 18 năm kinh nghiệm làm quản lý trong lĩnh vực tài chính – kế toán tại các công ty liên doanh thuộc các Tập đoàn có tên tuổi tại Việt Nam, bà Phương gia nhập PV Drilling từ giữa năm 2007. Bà là người chỉ đạo triển khai thành công hệ thống quản trị doanh nghiệp tại PV Drilling, góp phần cải thiện và nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện bà Phương đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, phụ trách xây dựng Hệ thống Quản trị Doanh nghiệp, hướng đến phát triển bền vững, phụ trách công tác tài chính, kế toán, kiểm toán, pháp chế, công nghệ thông tin; quản lý quy trình/hệ thống quản trị doanh nghiệp và công tác quan hệ cổ đông của Tổng Công ty.

Ông **PHẠM TIẾN DŨNG**
Tổng Giám đốc

Kỹ sư Cơ khí.
Cử nhân Ngoại ngữ - Anh văn.

Quá trình công tác:
1992 – 2001: Làm việc tại các công ty dịch vụ dầu khí đa quốc gia (Singapore, Úc, Thái Lan…).
2002 – 2005: Giám Đốc Xí nghiệp Khoan Dầu khí thuộc PV Drilling.
2005 – 2009: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan.
2009 – 8/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực PV Drilling.
8/2010 đến nay: Tổng Giám đốc PV Drilling.

Ông Dũng là chuyên gia kỹ thuật, gia nhập ngành dầu khí từ năm 1992, với hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành trong đó có hơn 9 năm làm việc tại các công ty dầu khí đa quốc gia, uy tín trên thế giới. Ông Dũng là người đã xây dựng và phát triển thành công dịch vụ xưởng cơ khí cho PTSC Offshore – tiền thân của PV Drilling. Ông cũng là một trong những người gắn bó với PV Drilling từ những ngày đầu thành lập và chịu trách nhiệm điều hành trực tiếp các giàn khoan của Tổng Công ty trong thời gian là Giám đốc Xí nghiệp Điều hành khoan. Ông Dũng giữ chức vụ Tổng Giám đốc PV Drilling từ năm 2010 đến nay. Dưới sự lãnh đạo của ông, Tổng Công ty đã có những bước tiến vượt trội với kết quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng ấn tượng cùng những thành tựu và giải thưởng danh giá từ trong và ngoài nước. Kết quả đó còn có ý nghĩa đặc biệt hơn nữa trong giai đoạn nền kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn và thách thức.

Tiến sĩ VĂN ĐỨC TỜNG
Phó Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Thiết bị công nghệ chế tạo máy khoan và Khai thác dầu khí tại Rumani.

Quá trình công tác:
1981 - 1982: Chuyên viên cơ khí thiết bị khoan tại Công ty Dầu khí I, Thái Bình.
1982 – 1984: Cán bộ Trường Đào tạo CBCN tại XNLD Vietsovpetro, Vũng Tàu.
1984 – 1987: Kỹ sư trưởng XNLD Vietsovpetro (VSP);
1987 – 2002: Phó Giàn cơ khí Xí nghiệp Khoan VSP; Phó phòng cơ khí XN khoan VSP; Trưởng phòng cơ khí XN khoan VSP; Trưởng phòng Cơ khí-điện-Tự động hóa Liên Doanh VSP.
2002 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling.

Ông Tờng có 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ khí thiết bị khoan và khai thác dầu khí. Ông là một trong số ít những chuyên gia Việt Nam am hiểu sâu rộng lĩnh vực đóng giàn khoan, ông đã trực tiếp tham gia chỉ đạo tất cả các dự án đóng mới giàn khoan của PV Drilling từ lúc bắt đầu cho đến khi đưa giàn vào hoạt động thành công. Hiện ông là Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, trực tiếp hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và giám sát các dự án đầu tư giàn khoan và hỗ trợ triển khai công tác đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn khoan dầu khí.

giới thiệu
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông TRỊNH VĂN VINH
Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư Cơ khí.

Quá trình công tác:
1987 – 2002: Kỹ sư cơ khí; Giàn phó cơ điện; Trợ lý Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.
2002 – 2006: Phó Trưởng phòng/ Trưởng phòng Kỹ thuật PV Drilling.
2006 – 6/2011: Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí (PVD Tech).
6/2011 – 8/2011: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Công ty PVD Tech.
8/2011 – Nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty PVD Tech, Chủ tịch Công ty Tubulars Management.

Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1987, đến nay ông Vinh đã có 25 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành, trong đó có 11 năm kinh nghiệm quản lý. Với nền tảng là kỹ sư cơ khí, ông đã được tín nhiệm giao trọng trách xây dựng công ty PVD Tech, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại dầu khí. Trong những năm qua PVD Tech đã phát triển mạnh mẽ các dịch vụ của mình cả về chiều sâu và chiều rộng, đồng thời đóng góp đáng kể lợi nhuận vào kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Hiện ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Drilling - phụ trách công tác phát triển kinh doanh, Chủ tịch HĐQT Công ty PVD Tech, Chủ tịch Công ty Tubulars Management.

Ông NGUYỄN XUÂN CƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư Khoan Dầu khí.

Quá trình công tác:
1992 – 1996: Công tác tại Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).
1996 – 1999: Kỹ sư Khoan, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC (PVSC).
1999 – 2001: Kỹ sư Khoan – Công ty Unocal.
2001 – 2003: Trưởng Dự án Bồn trũng Hà Nội, Trưởng Dự án Amara, Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí (PIDC).
2003 – 2005: Phó Trưởng phòng Thi công Khoan, Trưởng phòng Thi công Khoan Công ty PIDC.
2005 – 2008: Giám đốc Thi Công, Phó Giám đốc, Công ty PVEP – Algeria.
6/2008 – 9/2010: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP).
9/2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling.

Với 22 năm làm việc trong lĩnh vực khoan dầu khí tại nhiều cương vị công tác, đặc biệt với cương vị Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP), ông Cường có nhiều kinh nghiệm thực tế tại các công trình và giàn khoan dầu khí trong nước và quốc tế. Hiện ông Cường đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành khoan, trực tiếp đảm nhận công tác quản lý và điều hành các giàn khoan của PV Drilling, đồng thời triển khai mảng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoan.

Ông ĐÀO NGỌC ANH
Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư Thiết bị Động lực Tàu thủy, Trường Đại học Đóng Tàu Leningrad, Liên Xô.

Quá trình công tác:
1987 – 1994: Nhân viên phòng Phương tiện Nổi – Công ty Xuất Nhập Khẩu Thiết bị & Kỹ Thuật Dầu khí, PETECHIM.
1994 – 2001: Phó phòng Nhập Công ty Thương Mại Dầu khí, PETECHIM.
2001 – 2003: Phó phòng Vận Tải Dầu khí Công ty Thương Mại Dầu khí, PETECHIM.
2003 – 2008: Trưởng phòng Nhập Công ty Thương Mại Dầu khí, PETECHIM.
2008 – 2009: Trưởng phòng Quản lý Dự án & Xây dựng cơ bản, PV Drilling.
12/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling.

Với 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, trong đó hơn 20 năm kinh nghiệm trong quản lý dự án dầu khí và trong lĩnh vực thương mại hợp đồng dầu khí, hiện ông Ngọc Anh đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, phụ trách các vấn đề thương mại, đầu tư và quản lý các dự án của Tổng Công ty, kiêm thành viên HĐQT Công ty Liên doanh PVD-PTI.

Ông ĐOÀN ĐẮC TÙNG
Kế toán trưởng

Cử nhân Kinh tế của Trường Đại học Tài chính Kế toán.

Quá trình công tác:
1998 – 2001: Phụ trách công tác kế toán cho Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore) – đơn vị thành viên Công ty PTSC.
2002 – 2006: Phó phòng Tài chính – Kế toán của PV Drilling.
2006 đến nay: Kế toán trưởng PV Drilling.

Gia nhập và đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng PTSC Offshore – tiền thân PV Drilling vào năm 1998, ông Tùng đã có 12 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán. Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng PV Drilling kể từ khi công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty đại chúng vào năm 2006 cho đến nay.

các chỉ số
TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

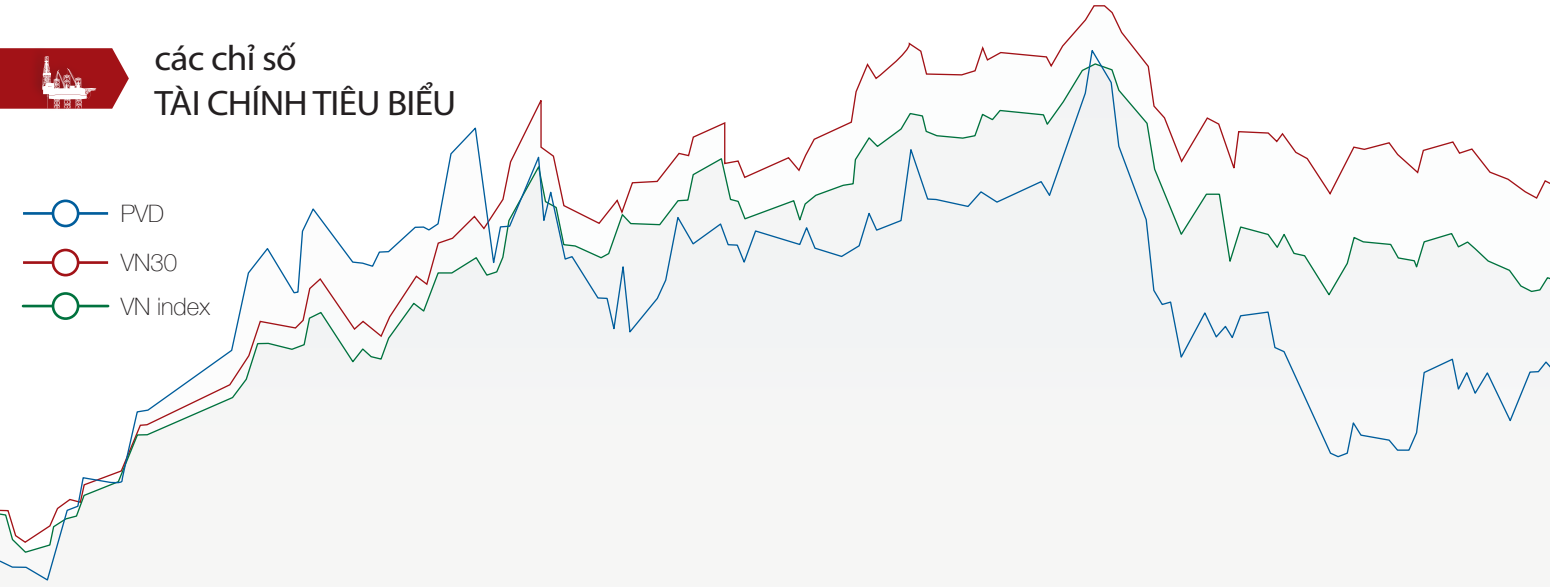

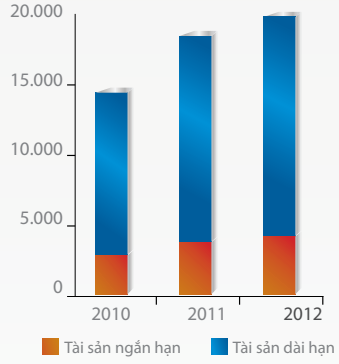

TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)

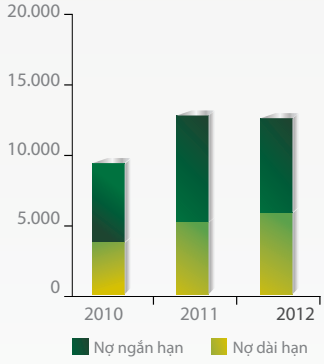

NỢ (TỶ ĐỒNG)

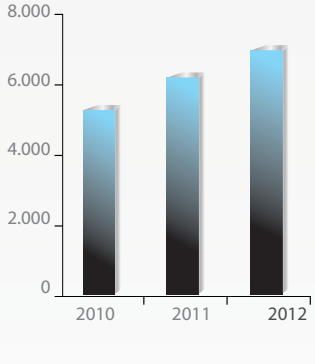

TÀI SẢN RÒNG (TỶ ĐỒNG)

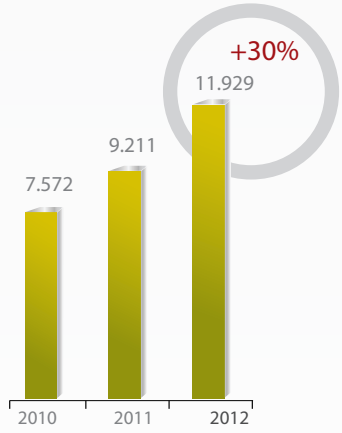

DOANH THU (TỶ ĐỒNG)

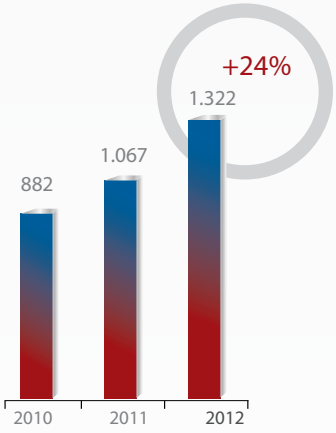

LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ ĐỒNG)

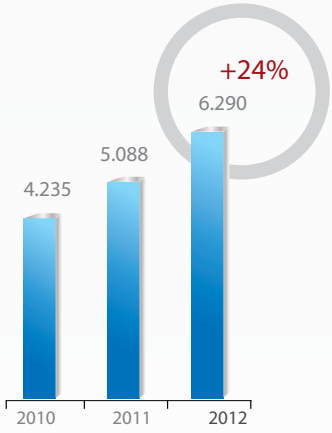

EPS (ĐỒNG)

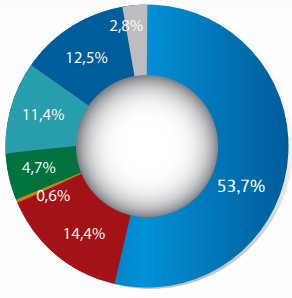

DOANH THU THEO DỊCH VỤ

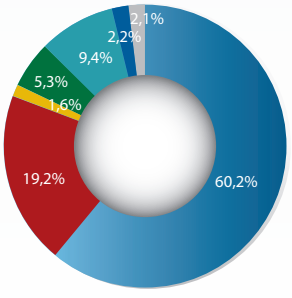

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THEO DỊCH VỤ

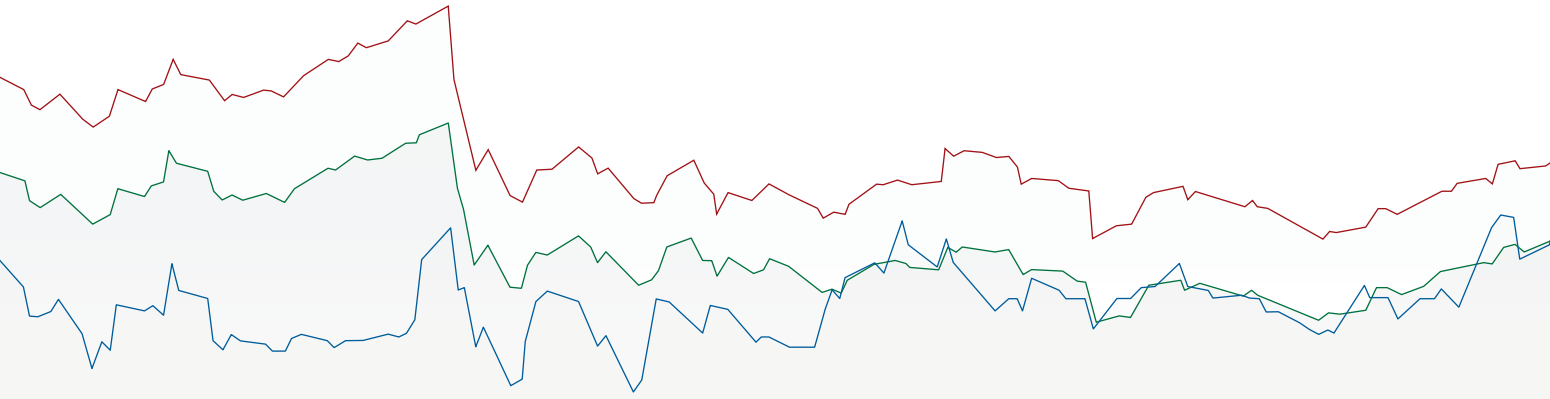

KHẢ NĂNG SINH LỜI

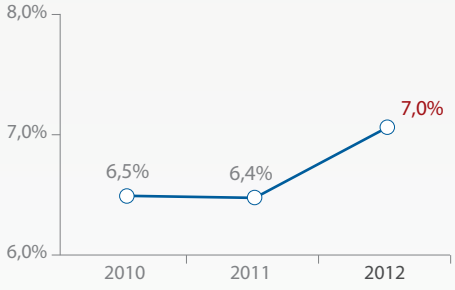

ROA (%)

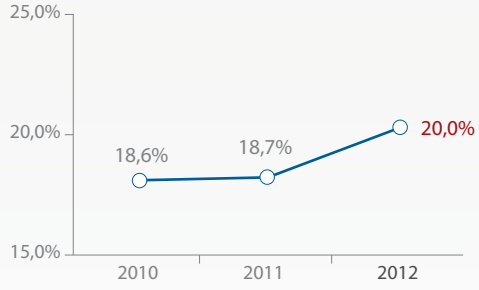

ROE (%)

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

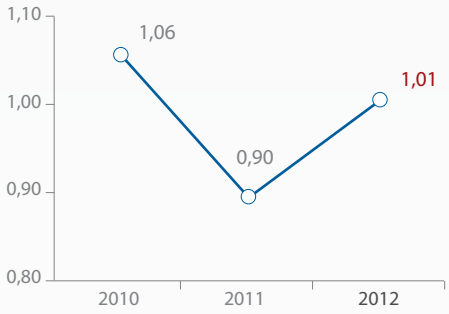

KHẢ NĂNG THANH TOÁN HIỆN THỜI (LẦN)

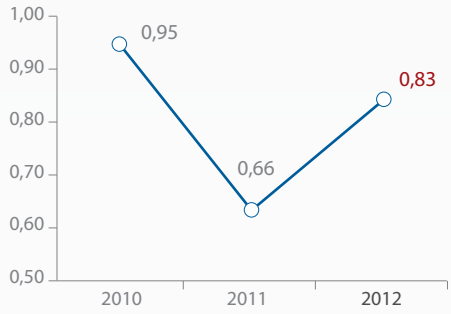

KHẢ NĂNG THANH TOÁN NHANH (LẦN)

ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH

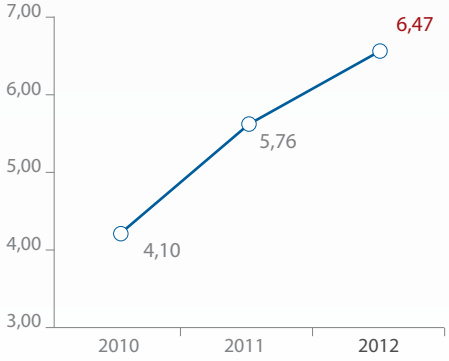

CHỈ SỐ ĐẢM BẢO LÃI VAY (LẦN)

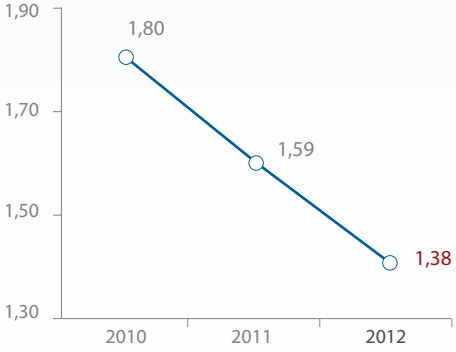

TỔNG NỢ/VỐN CHỦ SỞ HỮU (LẦN)

Kinh tế thế giới năm 2012 vẫn còn nhiều những khó khăn thách thức. Cuộc khủng hoảng nợ công của khu vực Châu Âu vẫn chưa đến hồi kết và các bất ổn chính trị, tranh chấp biển đảo cũng tạo ra một bức tranh chưa khả quan đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2012 kinh tế Việt Nam có nhiều cải thiện về chính sách kinh tế vĩ mô nhưng các doanh nghiệp vẫn còn tiếp tục bị ảnh hưởng và cân nhắc trong các quyết định đầu tư. Trong bối cảnh đó, PV Drilling dành nhiều thời gian tập trung cải tiến nguồn lực, bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, tăng cường kiểm soát ngân sách, triển khai, tổ chức theo dõi và thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan đã ký kết với các nhà thầu dầu khí, đồng thời chủ động tìm kiếm các hợp đồng cung cấp dịch vụ khoan (kể cả những hợp đồng ngắn hạn) nhằm đảm bảo công việc cho các giàn khoan, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy kết thúc năm tài chính 2012, kết quả sản xuất kinh doanh của PV Drilling đã đạt được những thành tích ấn tượng về doanh thu và lợi nhuận, với tổng doanh thu đạt 11.929 tỷ đồng bằng 118% so với kế hoạch (10.100 tỷ đồng); Lợi nhuận sau thuế chia cho cổ đông đạt 1.322 tỷ đồng bằng 115% so với kế hoạch (1.150 tỷ đồng). Đây là một thành tích rất đáng tự hào của tập thể Ban lãnh đạo và hơn 1.800 CBCNV PV Drilling.

Có được thành quả lớn lao này là nhờ vào sự kiên định theo đuổi thực hiện chiến lược lâu dài của Hội đồng Quản trị nói riêng và tập thể Ban lãnh đạo PV Drilling nói chung thông qua việc tiếp tục cung cấp các dịch vụ truyền thống với chất lượng ngày càng cao và giá cả cạnh tranh; Đẩy mạnh hợp tác với các công ty dầu khí và nhà thầu khoan dầu khí có uy tín trên thế giới nhằm mở rộng hoạt động và chiếm lĩnh thị trường khoan dầu khí tại Việt Nam; Tiếp tục đầu tư các thiết bị, máy móc chuyên ngành hiện đại và hệ thống quản lý tiên tiến; Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, phát huy tính chuyên nghiệp, luôn luôn coi trọng và giữ uy tín, chất lượng dịch vụ với khách hàng; Từng bước phát triển các dịch vụ ra nước ngoài…

HOẠT ĐỘNG CỦA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kết quả năm 2012 là một thành tích lớn lao, là minh chứng cho những nỗ lực, sáng tạo không ngừng của tập thể Ban lãnh đạo PV Drilling trong quyết tâm chinh phục những đỉnh cao mới nhằm tiếp tục đưa PV Drilling phát triển trở thành nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực và thế giới.

Trong năm 2012, HĐQT PV Drilling đã triển khai hoạt động theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV Drilling, Quy chế làm việc của Hội đồng Quản trị PV Drilling và Quy chế quản trị Tổng Công ty, cụ thể:

- Bám sát việc thực hiện nội dung Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/5/2012 của Đại hội đồng cổ đông năm 2012.
- Xem xét và thông qua các Nghị quyết/Quyết định để Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát có hiệu quả Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Thực hiện tốt công tác sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp như: Mua lại cổ phần của công ty Vietubes, chuyển đổi PVD Tech sang công ty cổ phần, ...; HĐQT cũng đã tiến hành họp hàng Quý về các vấn đề chiến lược, chính sách của Tổng Công ty, quy chế làm việc của HĐQT, các vấn đề về đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT, …; và thực hiện việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và nhiều hình thức linh hoạt để xử lý nhanh công việc và kịp thời đưa ra các quyết định cho các vấn đề quan trọng khác.
- Chủ động tiết giảm các chi phí trong quá trình sản xuất, đặc biệt là các chi phí trung gian trong quá trình sản xuất, nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng dịch vụ.
- Trong năm 2012 HĐQT đã tiếp tục rà soát, xây dựng các quy chế đảm bảo hỗ trợ tốt cho công tác điều hành cũng như giám sát nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổng Công ty và từng đơn vị thành viên. Cụ thể: HĐQT đã ban hành quy chế làm việc của HĐQT, quy chế quản lý tài chính, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ và quy chế quản lý hoạt động sáng kiến, sáng chế…
- Luôn quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông đồng thời cũng đã có những chính sách để cải thiện quyền lợi và điều kiện làm việc cho CBCNV Tổng Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2012, các giàn khoan của PV Drilling tiếp tục được quản lý và vận hành an toàn, đạt hiệu quả cao.

Ngoài ra, Tổng Công ty thường xuyên thuê thêm từ 3 – 4 giàn khoan của các đối tác nước ngoài để đưa vào thực hiện các chiến dịch khoan cho các nhà thầu dầu khí nhằm tăng mức doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty trong năm 2012 và những năm tiếp theo. Với những kết quả đạt được của việc điều hành các giàn khoan nêu trên, có thể khẳng định PV Drilling hoàn toàn có đủ khả năng quản lý, vận hành và khai thác các giàn khoan hiện đại đạt hiệu suất rất cao, không chỉ hoạt động trong nước mà cả ở thị trường nước ngoài.

Các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan truyền thống và dịch vụ mới trong lĩnh vực kỹ thuật giếng khoan tiếp tục được PV Drilling duy trì và phát triển với tiến độ và chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các nhà thầu dầu khí. Năm 2012 là một năm thành công khi số lượng các hợp đồng cung ứng nhân lực và dịch vụ kỹ thuật đều gia tăng đóng góp một phần không nhỏ vào doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty.

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế ghi nhận thành tích 5 năm liên tục vận hành an toàn, không xảy ra LTI, hiệu suất vận hành đạt 99,0%. Giàn khoan PV DRILLING II & PV DRILLING III đạt 3 năm hoạt động an toàn, hiệu suất tương ứng đạt 99,7% và 98,2%. Giàn khoan PV DRILLING 11 cũng hoạt động an toàn kể từ khi đưa vào vận hành trở lại từ tháng 11/2011, đạt hiệu suất 99,7%. Giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm PV DRILLING V (một trong các giàn khoan hiện đại nhất trong các thế hệ giàn khoan tiếp trợ trên thế giới hiện nay) lần đầu tiên được PV Drilling đưa vào hoạt động trong điều kiện khắc nghiệt của thời tiết một cách an toàn và hiệu quả, đạt hiệu suất trên 97%.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

PV Drilling tiếp tục tập trung đầu tư các dự án trọng điểm, thiết bị chuyên ngành kỹ thuật giếng khoan. "Dự án ứng dụng công nghệ cao của giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại vùng biển nước sâu Việt Nam" đã vinh dự được Bộ Khoa học Công nghệ trao Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao. Việc đầu tư thành công cũng như nhận được những khuyến khích lớn từ chủ trương, chính sách của Nhà nước cho các sản phẩm công nghệ cao sẽ là nền tảng giúp PV Drilling tự tin triển khai nghiên cứu và thực hiện nhiều dự án khác trong tương lai.

Năm 2012, PV Drilling cũng đã đưa Liên doanh PVD Tech – Oil States Industries đi vào hoạt động, đồng thời hoàn tất việc đầu tư để nắm giữ 51% vốn điều lệ của Liên doanh Vietubes. Kết quả này thật sự là một thành tích lớn lao, là minh chứng cho những nỗ lực, sáng tạo không ngừng của tập thể Ban lãnh đạo PV Drilling trong quyết tâm chinh phục những đỉnh cao mới nhằm tiếp tục đưa PV Drilling phát triển trở thành nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực và thế giới.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG PV DRILLING NĂM 2013

Năm 2013, kinh tế thế giới có những điểm sáng và khá lạc quan so với năm 2012, đặc biệt là sự phát triển của các quốc gia Châu Á. Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục cải thiện chính sách kinh tế vĩ mô, quyết liệt với những biện pháp tái cấu trúc và lấy lại niềm tin của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, thị trường năng lượng dự báo sẽ tiếp tục gia tăng trong dài hạn, qua đó ảnh hưởng tích cực đến giá dầu thô và các hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí. Đây là những thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của PV Drilling.

Đặc biệt với chiến lược phát triển bền vững của Tổng Công ty cùng các thành quả và những nguồn lực đã được tạo dựng, Hội đồng Quản trị tin tưởng sẽ định hướng PV Drilling phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2013 và những năm tiếp theo. Theo đó, các chỉ tiêu kế hoạch về tài chính được đặt ra trong năm 2013 là: Doanh thu 11.275 tỷ đồng tăng 12% so với kế hoạch năm 2012, lợi nhuận sau thuế 1.360 tỷ đồng tăng 18% so với kế hoạch năm 2012. Theo phân tích của PV Drilling, trường hợp thị trường có nhiều diễn biến thuận lợi hơn, PV Drilling sẽ nhắm đến mục tiêu tăng trưởng trên 5% doanh thu và trên 10% lợi nhuận so với năm 2012. Để hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng này, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã chủ động xây dựng những chủ trương và giải pháp để thực hiện và chủ động đối phó với các khó khăn có thể phát sinh như sau:

1. VỀ DỊCH VỤ CHO THUÊ VÀ VẬN HÀNH GIÀN KHOAN: Tiếp tục đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả cao những giàn khoan PV Drilling hiện sở hữu và các giàn khoan hợp tác với đối tác nước ngoài. Tích cực tìm kiếm cơ hội hợp tác với các nhà thầu khoan có tiềm lực và uy tín trên thế giới để cung cấp dịch vụ vận hành giàn khoan thuê.

2. VỀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT GIẾNG KHOAN VÀ CÁC DỊCH VỤ DẦU KHÍ KHÁC: Tiếp tục đẩy mạnh các loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, truyền thống thuộc thế mạnh của PV Drilling, tăng cường khả năng tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác nước ngoài.

3. PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ RA NƯỚC NGOÀI: Là mục tiêu trọng tâm của năm 2013 nhằm hướng đến sự phát triển dài hạn và bền vững của PV Drilling. Các thị trường trong khu vực như Malaysia, Indonesia, Myanmar, Vịnh Mexico, Trung Đông…sẽ là điểm đến của PV Drilling trong tương lai thông qua chiến lược liên doanh và hợp tác với các đối tác quốc tế.

4. VỀ ĐẦU TƯ: Năm 2013, PV Drilling sẽ tập trung ưu tiên những dự án trọng điểm như: Dự án thành lập liên doanh với đối tác để mua và vận hành giàn khoan biển tự nâng đa năng và các dự án đầu tư khác nhằm tăng nguồn lực cho PV Drilling.

5. VỀ NHÂN SỰ - ĐÀO TẠO: Tiếp tục xây dựng và kiện toàn chính sách lương thưởng, hoàn thiện hệ thống đánh giá công việc một cách hiệu quả, công bằng, chuyên nghiệp, đảm bảo người lao động được đãi ngộ xứng đáng. Chú trọng tuyển dụng, nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV, đặc biệt tiến tới dần thay thế các chức danh cao cấp bằng nguồn nhân lực trong nước với chi phí phù hợp. Tổ chức thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, lãnh đạo mà Tổng Công ty đã quy hoạch.

6. VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH: Tiếp tục tăng cường công tác quản trị tài chính thông qua việc quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả. Nghiên cứu các giải pháp về tiết giảm chi phí trong quá trình sản xuất, tăng cường kiểm soát ngân sách và đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro.

7. VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP: Tiếp tục rà soát, bổ sung xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của PV Drilling, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến và công tác điều hành và phát triển doanh nghiệp.

8. VỀ CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI: Duy trì công tác an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng bằng các chương trình đền ơn đáp nghĩa, khuyến học, xóa đói giảm nghèo,… nhằm chia sẻ khó khăn, thể hiện rõ vai trò và trách nhiệm với xã hội của PV Drilling.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2012 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp bị lỗ hoặc suy giảm doanh thu và lợi nhuận so với năm trước. Tuy nhiên, với sự nỗ lực, quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của PV Drilling và sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV Drilling đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, ...

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát hoạt động với 3 thành viên chuyên trách:

NGUYỄN THỊ THỦY	: *Trưởng ban*
NGUYỄN VĂN TỨ	: *Thành viên*
PHẠM BẢO NGỌC	: *Thành viên*

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty PV Drilling và Kế hoạch thực hiện kiểm tra năm 2012 của Ban Kiểm soát PV Drilling, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện công tác kiểm tra và giám sát các hoạt động của Tổng Công ty PV Drilling và các Đơn vị thành viên theo đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua. Ngoài nhiệm vụ kiểm tra giám sát thường kỳ, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra tại Tổng Công ty và 4 Công ty thành viên của PV Drilling.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã có những ý kiến đóng góp thiết thực trong quá trình quản trị tại doanh nghiệp.

Việc kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát đã tập trung vào các vấn đề sau:

- Kiểm tra việc bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Giám sát tình hình chấp hành Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị PV Drilling;
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với PV Drilling;
- Kiểm tra giám sát các dự án đầu tư;
- Kiểm tra tiến độ cổ phần hóa, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm.

Hàng quý Ban Kiểm soát đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Tổng Công ty PV Drilling như thông qua Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính quý, năm…

MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY PV DRILLING

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty (HĐQT) đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2012 và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong năm 2012, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc tăng vốn cho Công ty thành viên (PVD Well Services), Nghị quyết thành lập Văn phòng đại diện của PV Drilling tại Malaysia, Quy chế đi công tác, Quy chế Tổ chức và quản lý công tác đào tạo, Quy chế Quản lý Tài chính (sửa đổi), Quy chế Quản lý hoạt động sáng kiến sáng chế, Quy chế Quản lý hoạt động khoa học công nghệ… nhằm hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị doanh nghiệp, đồng thời thực hiện tốt công tác giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2012, Tổng Công ty và các Đơn vị trực thuộc đã tìm cách tối ưu quy trình sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng máy móc, thiết bị tại các nhà xưởng; kiểm soát chặt việc tồn kho nguyên vật liệu, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế để tiết kiệm chi phí tồn kho. Tổng Công ty đã tuân thủ chặt chẽ Quy định về Quản lý một số chi phí, Quy chế Quản lý tài chính PVD/PVN và thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, quản lý sản xuất đạt hiệu quả với tổng số tiền tiết kiệm là 34,98 tỷ đồng (trong đó tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp là 29,25 tỷ đồng và tiết kiệm từ cải tiến hợp lý hóa sản xuất, nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng là 5,73 tỷ đồng). Trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, tổng số tiền tiết kiệm được là 26,23 tỷ đồng từ việc tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu có chất lượng và giá cạnh tranh nhất…

Về công tác đầu tư và quản lý các dự án

Nhìn chung các dự án do PV Drilling triển khai thực hiện trong năm 2012 đảm bảo về tiến độ và khối lượng công việc. Dự án Trang thiết bị phục vụ hoạt động giàn khoan và phục vụ Công nghệ thông tin thực hiện giãn tiến độ theo nhu cầu thực tế; dự án đóng mới Sà lan khoan tiếp trợ (Tender Barge) giãn tiến độ do kế hoạch khoan của Chevron tạm dừng, PV Drilling vẫn đang khẩn trương thực hiện các công việc liên quan đến dự án đầu tư Sà lan khoan này. Ngoài ra, PV Drilling đang thực hiện kiểm toán quyết toán đối với dự án mua (đóng) mới giàn khoan TAD.

Việc góp vốn vào Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries, mua lại vốn điều lệ của Vietubes đã được thực hiện trong năm 2012.

Về công tác thương mại, cung cấp dịch vụ và chiến lược phát triển kinh doanh

PV Drilling đang điều hành hiệu quả 5 giàn khoan sở hữu, đồng thời hợp tác thuê thêm giàn của các đối tác nước ngoài nhằm giữ và mở rộng thị phần cung cấp giàn khoan tại Việt Nam.

Các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác do các Công ty thành viên của PV Drilling thực hiện tiếp tục được duy trì tốt.

PV Drilling đã và đang tích cực tiếp cận các thị trường Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Vịnh Mexico… để tìm hiểu các thông tin có liên quan, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác kinh doanh tại các nước này nhằm mở rộng phát triển dịch vụ ra nước ngoài.

Về công tác nhân sự - đào tạo

Tổng Công ty PV Drilling đã nghiêm túc tuân thủ Luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành trong công tác quản lý cán bộ. Tổng Công ty đang tiếp tục triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc dựa trên năng lực thành tích cá nhân, là cơ sở để xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nghề nghiệp của người lao động.

PV Drilling đang tập trung đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý theo Mô hình và lộ trình phát triển năng lực lãnh đạo PV Drilling; Tiếp tục đào tạo nhân lực cho quản lý vận hành các giàn khoan và đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV của PV Drilling.

Về công tác Kế toán Tài chính, Kiểm toán Nội bộ

Báo cáo tài chính năm 2012 của PV Drilling đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của PV Drilling. Việc ghi chép, phân loại và trình bày các nội dung kinh tế… đã được thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

PV Drilling đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và Quy chế quản lý tài chính, tối đa hóa lợi ích dòng tiền của Tổng Công ty bằng cách triển khai tốt công tác quản lý ngân quỹ tập trung, tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát ngân sách Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Trong năm 2012, PV Drilling đã ban hành Quy chế Quản lý Tài chính mới được bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị tài chính.

Công tác kiểm toán nội bộ được thực hiện thông qua việc kiểm tra, kiểm toán các hoạt động SXKD, tính tuân thủ về thuế, hạch toán kế toán, tài chính ở các đơn vị thành viên và tại Văn phòng Tổng Công ty. Trong năm 2012 Ban Kiểm soát đã phối hợp cùng Ban Kiểm toán nội bộ, kiểm soát viên đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra giám sát phù hợp quy định.

Báo cáo tài chính năm 2012 của PV Drilling đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập, được thực hiện theo quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của PV Drilling.

Về công tác an sinh xã hội

Trong năm 2012, PV Drilling tiếp tục thực hiện công tác an sinh xã hội với số tiền 39 tỷ đồng như xây dựng Nhà đại đoàn kết thông qua UBMTTQVN tại các địa phương như: Lai Châu, Trà Vinh, Tây Ninh, Vĩnh Phúc, Đà Nẵng, Quảng Trị, ... hỗ trợ xây dựng trường học cho tỉnh Nam Định, hỗ trợ mua máy xét nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng phòng khám chữa bệnh cho Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh Quảng Bình, xây dựng Trạm y tế xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; tài trợ mổ tim và phẫu thuật nụ cười cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, vùng sâu vùng xa. Tài trợ đội bóng chuyền nữ tỉnh Thái Bình, tài trợ Giải bóng đá thiếu nhi các làng SOS toàn quốc - Cúp "PVD 2012"; tài trợ các suất học bổng Thắp sáng Niềm tin; tài trợ chương trình Thắp sáng Ước mơ Tuổi trẻ, hỗ trợ cho các cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn đột xuất, ...

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢ NĂM 2012

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ giao ngày 12/5/2012	Thực hiện năm 2012	% hoàn thành
Tổng doanh thu	10.100	11.929	118%
Lợi nhuận trước thuế	1.314	1.697	129%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Tổng Công ty	1.150	1.322	115%

Trong năm 2012, Tổng Công ty PV Drilling tiếp tục duy trì tình hình tài chính ổn định, phát triển bền vững và có chiều sâu dịch vụ cung cấp giàn khoan cũng như chú trọng phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao.

BÁO CÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	**TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM**	Dương Xuân Quang Thành viên HĐQT	8.509.180	4,06%	7.677.840	3,66%	BÁN
2.	**VĂN ĐỨC TỜNG** Phó Tổng GĐ và Người thân		90.218	0,03%	30.008	0,01%	BÁN
3.	**NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG**	Em trai Nguyễn Xuân Cường (Phó TGĐ)	10.008	0,00%	8	0,00%	BÁN

NĂM 2013 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, Ban Kiểm soát PV Drilling dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2013 như sau:

1 Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng Công ty;

2 Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của Tổng Công ty để kịp thời có những kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

3 Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có liên quan đến hoạt động của PV Drilling;

4 Xem xét sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn/nhóm cổ đông (khi thỏa mãn điều kiện của Luật Doanh nghiệp);

5 Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, 6 tháng, hàng quý của Tổng Công ty;

6 Xem xét kết quả điều tra nội bộ (nếu có) và ý kiến phản hồi của Hội đồng Quản trị để có thêm thông tin trong quá trình thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát;

7 Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát với Kiểm soát viên tại các đơn vị, với Kiểm toán nội bộ để thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát để có những kiến nghị, đóng góp kịp thời nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và cổ đông của Tổng Công ty;

8 Các thành viên Ban Kiểm soát tích cực tham gia các lớp đào tạo, cập nhật chính sách/quy định mới ban hành để nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tham dự đầy đủ các hội nghị chuyên ngành có liên quan đến công tác kiểm soát.

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2012, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp bị lỗ hoặc suy giảm doanh thu và lợi nhuận so với năm trước. Tuy nhiên, với sự nỗ lực quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của PV Drilling và với sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV Drilling đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước….

Nhìn chung, trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động và Quy chế Quản lý Tài chính của Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT PV Drilling và các quy định pháp luật có liên quan.

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhằm đảm bảo chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh việc tiếp tục vận hành an toàn, hiệu quả cao các giàn khoan do PV Drilling sở hữu và các giàn khoan hợp tác với đối tác nước ngoài, Tổng Công ty cần chú trọng công tác quản trị rủi ro trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tăng cường nghiên cứu các dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao, phát triển các dịch vụ mới, tăng cường khả năng tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác nước ngoài.

Để thu hút nguồn nhân sự chất lượng cao và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ quản lý, Tổng Công ty cần tiếp tục xây dựng và kiện toàn chính sách lương thưởng, xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nhân viên, hoàn thiện hệ thống đánh giá công việc một cách hiệu quả, công bằng và chuyên nghiệp, đảm bảo người lao động được đãi ngộ xứng đáng và gắn bó lâu dài với PV Drilling.

Tăng cường công tác kiểm soát ngân sách, tiết kiệm chi phí, bảo đảm tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trưởng Ban Kiểm soát

NGUYỄN THỊ THUỶ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Kinh tế thế giới năm 2012 kết thúc với nhiều khó khăn chính vẫn chưa được giải quyết như khủng hoảng nợ công ở châu Âu, tranh chấp đặc quyền ở biển Đông gay gắt hơn với sự nhập cuộc và liên đới của nhiều quốc gia … làm cho tăng trưởng của các nền kinh tế đầu tàu suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác.

PV Drilling tiếp tục vươn cao và khẳng định uy tín thương hiệu của mình, trở thành một trong những Tổng Công ty hoạt động hiệu quả cao trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với việc hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh năm 2012 và về đích lợi nhuận trước 2 tháng.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều thách thức như đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm, bất động sản đóng băng, nợ xấu của hệ thống ngân hàng cao, kéo theo sự phá sản của nhiều doanh nghiệp. Tuy nhiên, năm 2012 nền kinh tế Việt Nam cũng có những điểm sáng nhờ vào chính sách kinh tế vĩ mô được cải thiện như: Lạm phát được kiểm soát, lãi suất giảm, giá trị tiền đồng Việt Nam được duy trì ổn định và đây là năm xuất siêu đầu tiên của Việt Nam kể từ năm 1993. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2012 tăng 5,03% tuy là mức tăng thấp nhưng phù hợp trong bối cảnh kinh tế thế giới còn khó khăn và cả nước tập trung thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Đối với lĩnh vực dầu khí, giá dầu thô trong năm 2012 vẫn ở mức cao với nhiều diễn biến phức tạp. Giá dầu đạt đỉnh 109 USD/thùng vào tháng 2/2012, giảm dần đến mức thấp nhất 78 USD/thùng vào tháng 6/2012 và lại tăng lên mức 91 USD/thùng vào cuối năm. Với mức giá dầu thô tiếp tục duy trì ở mức cao đã thúc đẩy các công ty dầu khí đẩy mạnh việc tìm kiếm, thăm dò và khai thác. Thị trường Việt Nam không nằm ngoài xu hướng của thị trường thế giới, công tác tìm kiếm thăm dò trước đây chủ yếu tập trung vào các vùng nước nông và trung bình, hiện nay công tác thăm dò đã phát triển sang các khu vực sâu hơn, mở ra nhu cầu đầu tư đóng mới giàn khoan để đáp ứng kịp thời xu thế này.

Vượt lên những khó khăn chung, PV Drilling vẫn tiếp tục vươn cao và khẳng định uy tín thương hiệu của mình, trở thành một trong những Tổng Công ty hoạt động hiệu quả cao trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với việc hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh năm 2012 được giao và về đích lợi nhuận trước 2 tháng. Năm 2012 thực sự là một năm rất đặc biệt, đánh dấu bước đột phá của PV Drilling, với hàng loạt giải thưởng, khẳng định chất lượng và tính chuyên nghiệp.

19.084

tỷ đồng tài sản, tăng 3% so với năm 2011

Đến cuối năm 2012, Tổng Công ty đã đạt được quy mô tầm cỡ với 14 đơn vị thành viên bao gồm 02 xí nghiệp trực thuộc, 6 công ty con, 6 liên doanh với hơn 1.800 cán bộ công nhân viên, tổng tài sản vượt 19 ngàn tỷ đồng, chủ yếu là các giàn khoan thế hệ mới, công nghệ cao và máy móc thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động khoan để tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí.

11.929

tỷ đồng doanh thu, tăng 29% so với năm 2011 và vượt 18% so với kế hoạch

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 đã ghi nhận sự nỗ lực của toàn thể CBCNV PV Drilling với doanh thu cả năm đạt trên 11.929 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2011 và vượt 18% so với kế hoạch đề ra

Năm 2012 là năm PV Drilling tích lũy thêm nhiều giá trị (tài sản, con người, công nghệ…), nâng cao vị thế trên thị trường khoan dầu khí trong nước và quốc tế. Giàn khoan PV DRILLING I đạt chứng nhận của Hiệp hội nhà thầu khoan quốc tế (IADC) với 5 năm vận hành liên tục không xảy ra sự cố nghiêm trọng, giàn khoan PV DRILLING II và III đạt 3 năm vận hành liên tục không xảy ra sự cố nghiêm trọng, kể từ ngày đưa vào hoạt động. Một sự kiện nổi bật khác là việc PV Drilling vinh dự được Bộ Khoa học Công nghệ trao Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng nghệ cao cho "Dự án ứng dụng công nghệ giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại vùng biển nước sâu Việt Nam". Đội ngũ nhân lực của PV Drilling có đủ khả năng và kinh nghiệm để tác nghiệp trong việc vận hành và quản lý các giàn khoan cũng như các dịch vụ kỹ thuật cao khác. Hiện tại, bên cạnh việc chiếm lĩnh 50% thị phần khoan, PV Drilling còn kết hợp giữa việc phát triển các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan mà PV Drilling đã làm chủ công nghệ với việc liên kết với các đối tác quốc tế có uy tín nhằm tạo ra nhiều dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các nhà thầu dầu khí trong nước và khu vực, tạo ra vị thế PV Drilling là nhà thầu khoan duy nhất ở Đông Nam Á có khả năng cung cấp dịch vụ khoan trọn gói, bao gồm cung cấp giàn khoan và các dịch kèm theo mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng và tạo sự khác biệt đối với các đối thủ cạnh tranh khác.

1.697

tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng 38% so với năm 2011, tăng 29% so với kế hoạch

Tuy có tuổi đời còn khá trẻ nhưng do hoạt động hiệu quả và giữ uy tín với khách hàng nên những năm gần đây thương hiệu "PV Drilling" đã dần trở nên quen thuộc với các thị trường khoan và cung cấp dịch vụ khoan khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt, vào tháng 10/2012 vừa qua, PV Drilling đã khai trương Văn phòng đại diện tại Kuala Lumpur - Malaysia, góp phần đưa dịch vụ của Tổng Công ty đến gần hơn với thị trường Malaysia và các nước khác trong khu vực như Indonesia, Myanmar, ... Bên cạnh đó, thương hiệu PV Drilling cũng đã hiện diện tại một số nước ngoài khu vực Châu Á như Mexico và Algeria, ... để cung cấp dịch vụ khoan cho nhiều nhà thầu tên tuổi.

1.697 tỷ đồng là con số lợi nhuận trước thuế ấn tượng mà PV Drilling đạt được trong năm 2012. Bên cạnh việc duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ, PV Drilling luôn tìm tòi và nghiên cứu để có thêm được những dịch vụ mới, với mong muốn đa dạng hóa dịch vụ nhưng trên hết là cung cấp một chương trình khoan toàn diện, mang lại chuỗi giá trị gia tăng cao nhất cho các khách hàng.

PV DRILLING

NHÀ THẦU KHOAN DẦU KHÍ TỐT NHẤT KHU VỰC CHÂU Á

Sự phát triển ổn định với định hướng đúng đắn và những thành quả ấn tượng mà PV Drilling đã đạt được trong một chặng đường dài đã được tôn vinh bằng giải thưởng quốc tế "Nhà thầu khoan dầu khí tốt nhất khu vực Châu Á năm 2012" do tạp chí uy tín World Finance trao tặng. Đây là thành quả đáng tự hào của PV Drilling trong nỗ lực đưa tên tuổi và tầm vóc của PV Drilling vượt ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

1.322
tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2011 và 15% so với kế hoạch

Với tham vọng chiếm lĩnh thị phần trong nước và vững vàng tiến ra nước ngoài, PV Drilling tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư thêm các giàn khoan hiện đại, phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao, đẩy mạnh hợp tác với các đối tác quốc tế có uy tín, tên tuổi bên cạnh việc chú trọng phát triển đội ngũ kỹ sư, công nhân khoan chuyên nghiệp, lành nghề. Ngoài ra, việc nâng cao hệ thống quản trị rủi ro là một trong những yêu cầu trọng tâm, bảo đảm các giàn khoan và các hoạt động kinh doanh khác luôn an toàn và hiệu quả nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, gìn giữ các giá trị đạt được và giúp PV Drilling phát triển bền vững.

2.976 tỷ đồng
EBITDA, tăng trưởng 32% so với năm 2011 - tỷ lệ EBITDA trên doanh thu (EBITDA margin) đạt 25%

Đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp có nhu cầu vốn lớn như ngành dầu khí, lợi nhuận trước thuế, khấu hao và lãi vay (EBITDA) là 1 chỉ tiêu được nhiều nhà đầu tư quan tâm vì nó thể hiện khái quát khả năng tạo ra lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư thuận lợi hơn trong việc so sánh giữa những doanh nghiệp cùng ngành nhưng ở những giai đoạn đầu tư phát triển khác nhau hoặc có sự khác biệt về cách thức, cấu trúc huy động vốn, thuế suất và phương pháp khấu hao.

Tại PV Drilling, EBITDA đã tăng trưởng liên tục qua các năm, cụ thể EBITDA năm 2012 tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. EBITDA margin từ năm 2009 cho đến nay luôn ở mức trên 24% và luôn cao hơn mức bình quân của ngành là 19%. Có được kết quả này là do Tổng Công ty đã tăng doanh thu bằng cách tập trung đầu tư phát triển lĩnh vực kinh doanh chính là dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan thông qua việc đầu tư các giàn khoan thế hệ mới, hiện đại để cung cấp cho các nhà thầu dầu, mua sắm máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến phục vụ cho các dịch vụ kỹ thuật cao với doanh thu và tỷ suất lợi nhuận tốt. Đồng thời, việc kiểm soát tốt chi phí vận hành, theo dõi sát kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng giàn khoan, thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí cũng đã đóng góp lớn trong việc tăng trưởng EBITDA qua các năm.

6.290 đồng
EPS, tăng trưởng 24% so với năm 2011

Với kết quả lợi nhuận năm 2012 tăng trưởng tốt, thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 6.290 đồng, tăng 1.202 đồng tương đương 24% so với cùng kỳ năm trước. Từ thời điểm niêm yết trên sàn HOSE đến nay, cổ phiếu PVD luôn được đánh giá là một trong những blue-chips có thanh khoản cao, chiếm được niềm tin của giới đầu tư thông qua EPS tăng trưởng đều đặn qua từng năm và tình hình tài chính lành mạnh. Trong bối cảnh nhịp đập của thị trường năm 2012 không ổn định, nhiều cổ phiếu mất giá đáng kể, việc cổ phiếu PVD giữ vững được thị giá cùng với sự tăng trưởng EPS so với năm trước đã tạo ra một hệ số giá trên thu nhập (P/E) hấp dẫn nhà đầu tư.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

PV Drilling dự kiến kế hoạch năm 2013 với mức doanh thu 11.275 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.360 tỷ đồng. Doanh thu năm 2013 dự kiến sụt giảm so với năm 2012 nhưng lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước thông qua việc quản lý hiệu quả và an toàn các giàn khoan, cải thiện tỷ lệ tự thực hiện của các dịch vụ kỹ thuật cao, mở rộng các dịch vụ mới và kiểm soát tốt các vấn đề chi phí.

Kinh tế thế giới năm 2013 được dự đoán sẽ sáng sủa hơn năm 2012 và có sự phục hồi sau nhiều nỗ lực kích cầu của chính phủ các nước trên thế giới. Tuy nhiên, các chuyên gia kinh tế đánh giá các khó khăn vẫn tiếp diễn trong năm 2013 khi các rủi ro kinh tế vẫn còn hiện hữu như vách đá tài khóa của Mỹ, nợ công Châu Âu chưa thể giải quyết triệt để.

Năm 2013, kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ có nhiều điểm sáng hơn năm 2012 nếu Chính phủ kiên trì thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, kiềm chế lạm phát, giải quyết nợ xấu ngân hàng, khơi thông thị trường bất động sản và thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước.

Thị trường khoan năm 2013 được dự đoán sẽ sôi động hơn năm 2012, đơn giá các hợp đồng khoan vừa mới ký lại của PV Drilling tại thị trường Việt Nam tăng khoảng 10% - 15%, dao động trong khoảng 135.000 - 150.000 USD/ngày so với

mức giá bình quân khoảng 125.000 -135.000 USD/ngày của năm 2012. Tuy nhiên, mức đơn giá này vẫn thấp hơn ở khu vực Đông Nam Á 140.000 - 156.000 USD/ngày, vì thế các nhà thầu khoan có xu hướng rút các giàn đang cho thuê tại Việt Nam mang ra các nước khác trong khu vực để có được lợi nhuận tốt hơn. Bên cạnh đó, các chương trình khoan tại Việt Nam thường ngắn và không hấp dẫn. Do đó, PV Drilling sẽ khó khăn hơn trong việc thuê thêm các giàn khoan thuê để gia tăng nhu cầu cung cấp cho khách hàng, mở rộng thị phần, trong khi đó hợp đồng của 3 giàn khoan thuê hiện tại dự kiến kết thúc vào khoảng quý 2/2013. Điều này có thể làm giảm sút doanh thu của PV Drilling năm 2013. Hiện tại các giàn khoan thuê đang đóng góp khoảng 18% - 20% vào tổng doanh thu của PV Drilling. Theo đó, PV Drilling dự kiến kế hoạch 2013 với doanh thu đạt 11.275 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.360 tỷ đồng.

Thành công trong quá khứ, lớn mạnh ngay trong giai đoạn khó khăn, PV Drilling được kỳ vọng sẽ gặt hái nhiều thành công hơn trong năm 2013.

TÀI SẢN	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2012	KH 2013 so với TH 2012
Doanh thu	tỷ đồng	11.275	11.929	-5,49 %
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	1.615	1.697	-4,85 %
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	1.360	1.322	2,89 %
Vốn điều lệ	tỷ đồng	2.756	2.105	30,90 %
Tỷ suất LNST/VĐL bình quân	%	55,96	62,79	-6,83 %

Hiệp hội các Nhà thầu Khoan Quốc tế (IADC) cấp chứng nhận cho hoạt động của các giàn khoan của PV Drilling:

GIÀN KHOAN PV DRILLING I

được chứng nhận 5 năm liên tiếp vận hành an toàn, không xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (Zero LTI).

GIÀN KHOAN PV DRILLING II VÀ III

được chứng nhận 3 năm liên tiếp vận hành an toàn, không xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (Zero LTI).

Về hoạt động Ứng dụng Công nghệ cao:

GIÀN KHOAN PV DRILLING V

vinh dự được Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng Giấy chứng nhận cho "Dự án Ứng dụng Công nghệ cao Giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại vùng biển nước sâu Việt Nam".

Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

NHÀ THẦU KHOAN DẦU KHÍ TỐT NHẤT CHÂU Á NĂM 2012

(The best Asian Drilling Contractor 2012) trao tặng bởi tạp chí World Finance.

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng cho CÔNG TY PVD WELL SERVICES - đơn vị thành viên của PV Drilling vì những thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

GIẢI THƯỞNG VỀ

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP & THÔNG QUA CÔNG BỐ MINH BẠCH THÔNG TIN

Với nội dung súc tích, phong phú, thiết kế ấn tượng và tính minh bạch cao, trong năm qua Báo cáo thường niên (BCTN) của Tổng Công ty đã vinh dự nhận được một số các giải thưởng trong nước và quốc tế.

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

➧ Top 10 BCTN Tốt nhất

Là 1 trong **3** doanh nghiệp đạt giải cao nhất, nằm trong top 10 Báo cáo thường niên TỐT NHẤT trong năm 2012.

Là Doanh nghiệp có thành tích **5** năm liên tục đạt giải Báo cáo thường niên TỐT NHẤT.

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ

➧ Hiệp hội LACP

Giải **NHÌ** trong lĩnh vực năng lượng quốc tế (Overall Gold Award - joint second place in Energy category worldwide).

Giải **BẠC** cho Báo cáo thường niên có sự tiến bộ nhất của khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Silver Awards for "Most improved AR in Asia Pacific").

➧ Giải thưởng ARC

Giải **VÀNG** cho Báo cáo thường niên trong lĩnh vực Dịch vụ sản xuất Dầu khí thuộc khu vực không sử dụng tiếng Anh (Gold Award, for Non - English AR Category in the Oil & Gas Production Services sector).

Khai thác giá trị ẩn giấu, tập trung phát triển chiều

Sâu

Tập trung đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là vận hành giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan, PV Drilling sở hữu các giàn khoan hiện đại bậc nhất trên thế giới và các thiết bị kỹ thuật cao; chú trọng đào tạo và phát triển đội ngũ kỹ thuật chuyên môn cao, sẵn sàng làm chủ công nghệ, nhằm thúc đẩy **phát triển chiều sâu**.

PHÁT HUY NỘI LỰC

Tổng quan Kết quả SXKD
Phân tích Chỉ số tài chính
Phát triển Công nghệ cao

PV DRILLING V

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012 đánh dấu một thời khắc đặc biệt của Tổng Công ty khi đưa vào vận hành giàn khoan PV DRILLING V – giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, đáp ứng kịp thời xu hướng khoan thăm dò & khai thác ở các khu vực nước sâu xa bờ.

DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN THEO TỪNG DỊCH VỤ

Trong năm 2012, PV Drilling đã chủ động tìm kiếm đối tác mới để duy trì số lượng giàn khoan thuê, tăng cường cung cấp các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan cũng như mở rộng mạng lưới khách hàng cho một số dịch vụ thế mạnh như dịch vụ kéo thả ống chống, cho thuê thiết bị, cung ứng nhân lực, ... Đồng thời, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, chú trọng công tác quản trị, tăng cường kiểm soát ngân sách nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và gia tăng cơ hội phát triển trong tương lai.

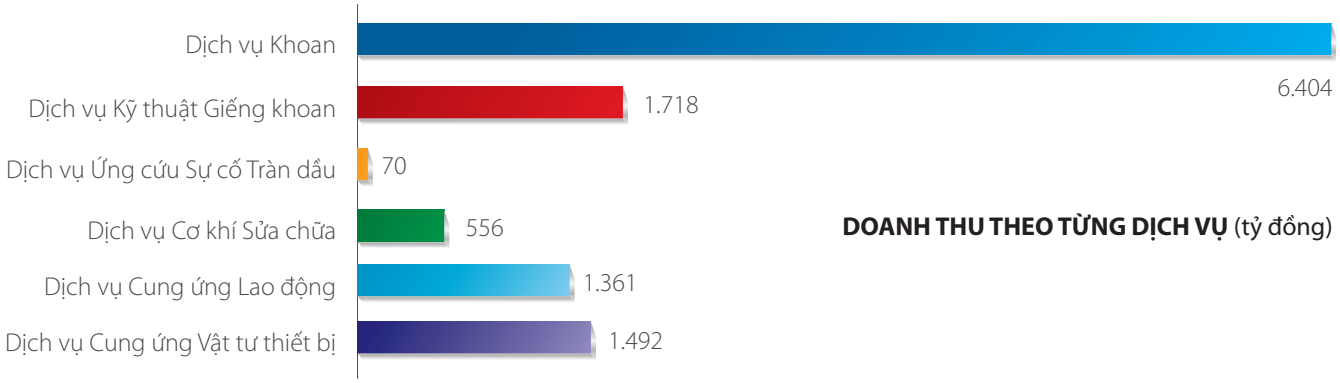

DOANH THU THEO TỪNG DỊCH VỤ (tỷ đồng)

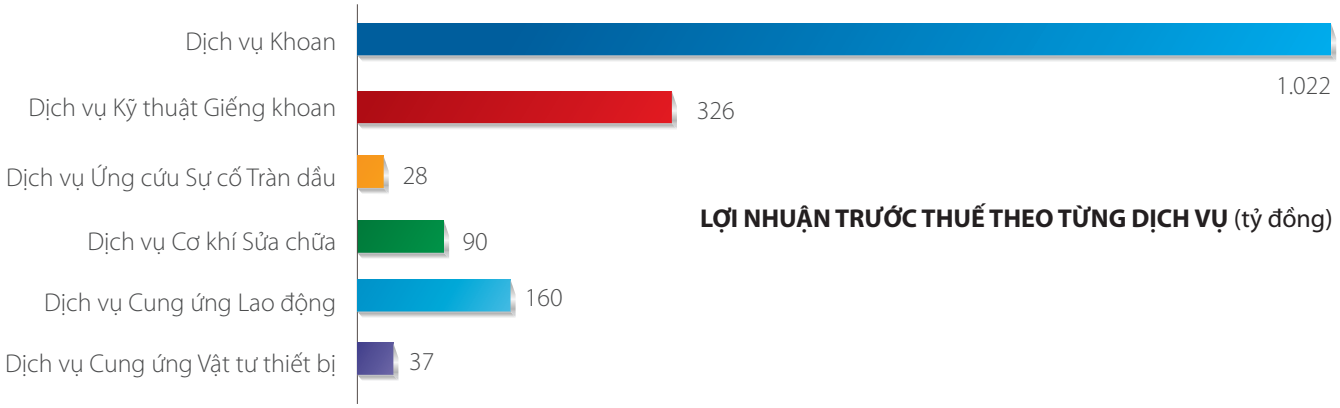

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THEO TỪNG DỊCH VỤ (tỷ đồng)

DỊCH VỤ KHOAN

Tiếp tục giữ vững vai trò chủ đạo trong tăng trưởng doanh thu là nhiệm vụ khá thử thách cho dịch vụ khoan năm 2012 trong điều kiện giàn khoan PV DRILLING I phải mất 2 tháng để thực hiện bảo trì định kỳ lớn 5 năm một lần, giàn khoan PV DRILLING II gặp sự cố địa chất tại mỏ Đại Hùng bên cạnh giàn khoan PV DRILLING III trải qua 19 ngày để khắc phục sự cố chân giàn khoan trong quý 2 năm 2012.

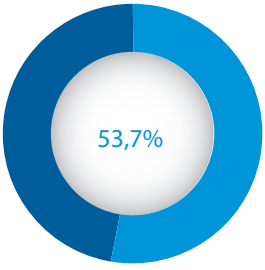

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO DOANH THU

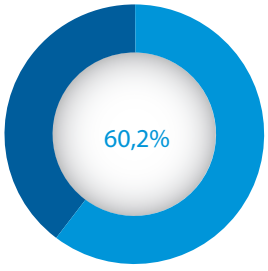

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO LNTT

Đứng trước thách thức này, toàn thể CBCNV PV Drilling đã nỗ lực vượt qua khó khăn, tập trung vận hành các giàn khoan và cố gắng đưa giàn khoan TAD sớm đi vào hoạt động. Vào ngày 14/2/2012, giàn khoan TAD chính thức khoan mũi khoan đầu tiên tại khu vực mỏ Mộc Tinh cho khách hàng Biển Đông POC và được vận hành xuyên suốt, an toàn với hiệu suất hoạt động cao trên 97%, mức hiệu suất được đánh giá là xuất sắc theo chuẩn mực của Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế, cho đến nay.

Việc vận hành giàn khoan TAD an toàn với hiệu suất cao đã chứng minh cho chiến lược đầu tư của PV Drilling là đúng đắn, mở ra con đường chinh phục vùng biển nước sâu khắc nghiệt, đặt nền móng cho sự phát triển công nghệ khoan nước sâu trong tương lai.

Bên cạnh sự thành công của giàn khoan TAD, sự hoạt động trở lại của giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 - thực hiện hợp đồng với GBRS từ tháng 11 năm 2011 tiếp thêm thành công chung cho dịch vụ khoan, góp phần vào sự tăng trưởng của mảng dịch vụ này so với năm 2011.

Mảng giàn khoan thuê hoạt động ổn định và đóng góp gần 35% trong tổng doanh thu dịch vụ khoan của năm 2012. Hiện nay, số lượng giàn khoan của Việt Nam chỉ đáp ứng 50 - 60% nhu cầu khoan tại thị trường Việt Nam, số lượng còn lại phải thuê từ các nhà thầu nước ngoài, do đó mảng giàn khoan thuê được dự báo sẽ đóng góp nhiều cho PV Drilling trong những năm sắp tới.

Song song với những thành công là những trở ngại gặp phải, công tác tuyển dụng nhân sự cho giàn tương đối khó khăn do cạnh tranh với các công ty dầu khí nước ngoài. Nỗi lo thiếu hụt nhân sự khi vận hành giàn luôn là vấn đề quan tâm của Ban lãnh đạo Tổng Công ty. Đứng trước tình hình đó, hệ thống đào tạo và phát triển nhân sự cho các giàn khoan đã được triển khai và thực hiện nghiêm túc.

Năm 2012, dịch vụ khoan phát sinh một số các chi phí lớn liên quan đến bảo trì định kỳ giàn khoan PV DRILLING I, bảo trì máy phát điện, thuê thiết bị BOP & chi phí khắc phục sự cố chân giàn PV DRILLING II. Tuy nhiên với sự hoạt động trở lại của giàn đất liền PV DRILLING 11, đưa vào cung cấp mới giàn PV DRILLING V cho Biển Đông trong năm 2012 và tăng 5% đơn giá cung cấp các giàn khoan tự nâng là những nguyên nhân chính giúp dịch vụ khoan tăng trưởng mạnh so với năm 2011 về cả doanh thu (+27%) và lợi nhuận trước thuế (+36%).

DỊCH VỤ KỸ THUẬT GIẾNG KHOAN

Kết hợp phát triển các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan Tổng Công ty làm chủ công nghệ cùng với đẩy mạnh liên kết với các đối tác quốc tế uy tín nhằm tạo ra các dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các nhà thầu dầu khí trong nước và khu vực. Đến nay, Tổng Công ty đã bước đầu thành công trong việc hợp tác với các công ty cung cấp kỹ thuật dầu khí hàng đầu trên thế giới để thành lập 6 liên doanh, tạo sức mạnh cộng hưởng để hướng tới phát triển bền vững.

Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan đạt được 1.718 tỷ đồng doanh thu và 326 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong năm 2012, tăng nhẹ 2% doanh thu và 1% lợi nhuận so với kết quả của năm 2011.

Các dịch vụ có tỷ lệ thuê ngoài (back-to-back) cao như đo địa vật lý giếng khoan, thử vỉa, khoan định hướng đã không giữ được mức tăng trưởng như các năm qua ảnh hưởng bởi sự thay đổi kế hoạch khoan của các nhà thầu cụ thể Vietgazprom và Vietsovpetro hoãn chiến dịch khoan, Lukoil chấm dứt từ cuối năm 2011. Bù lại các dịch vụ có tỷ lệ tự thực hiện cao ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan. Đó là kết quả của sự đầu tư tập trung và có định hướng từ các năm vừa qua, các dịch vụ đo karota khí, slickline, MPLT, cho thuê thiết bị, kéo thả ống chống tăng doanh thu và lợi nhuận đáng kể. Tại thời điểm cuối năm 2012, PV Drilling hoàn thành việc nhập 2,5 bộ thiết bị kéo thả ống chống, nâng số bộ thiết bị PV Drilling sở hữu lên 7 bộ với mục tiêu nhanh chóng đưa tỷ lệ tự thực hiện & thuê ngoài của dịch vụ này là 50:50 trong năm 2013. Dịch vụ đo karota khí duy trì 90% thị phần cung cấp dịch vụ tại Việt Nam và đang được triển khai ra nước ngoài, giới thiệu thương hiệu PV Drilling đến các đối tác bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

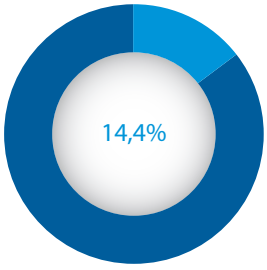

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO DOANH THU

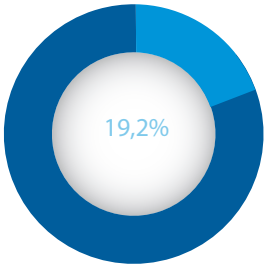

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO LNTT

Các dịch vụ mới sau quá trình nghiên cứu và phát triển đã có những bước tiến rõ rệt. PV Drilling đã đào tạo thành công đội ngũ kỹ sư solid control, MPD sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho khách hàng, góp một phần không nhỏ vào sự phát triển của mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG NHÂN LỰC

PV Drilling tiếp tục duy trì và quản lý tốt các hợp đồng cung cấp chuyên gia bậc cao cho các khách hàng lớn như Premier Oil, Cửu Long, Hoàng Long, Hoàn Vũ thông qua việc liên tục đàm phán thành công việc gia hạn hợp đồng.

Thành công của PV Drilling được tạo ra từ đội ngũ nhân lực xuất sắc, mang đến giá trị gia tăng cho khách hàng thông qua cam kết cung cấp nhân lực chất lượng tốt và chuyên nghiệp nhất. Một trong những lý do chính đẩy mạnh doanh thu dịch vụ cung ứng nhân lực năm 2012 tăng trưởng 44% so với cùng kỳ năm trước đến từ việc tăng số lượng giàn sở hữu đưa vào hoạt động (giàn đất liền, giàn PV DRILLING V), tăng số lượng giàn khoan gia nhập thị trường. Ngoài ra, góp phần không nhỏ cho sự tăng trưởng này đó là PV Drilling đã chủ động tận dụng các cơ hội đưa nhân lực ra thị trường quốc tế nhằm mở rộng thị trường và tạo điều kiện cọ sát với quốc tế.

Năm 2012, nhân lực khoan của PV Drilling đã làm việc tại Bangladesh, Malaysia và được khách hàng đánh giá cao.

Như đã đề cập từ trước, dịch vụ cung ứng nhân lực thị trường đối mặt với sự cạnh tranh lớn về đơn giá cung cấp nhân sự khoan. Giá đầu ra không thể tăng nhưng chi phí đầu vào tăng khá nhiều do phải liên tục xem xét chế độ lương thưởng nhằm ổn định đội ngũ nhân lực khoan trước chính sách thu hút nhân sự giỏi của các công ty khác. Ngoài ra, PV Drilling sử dụng nhiều ngân sách cho các khóa đào tạo đặc biệt như kiểm soát giếng khoan, cân bằng khoan, vận hành cẩu biển,… nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sở hữu, với mục tiêu cung cấp nhân sự thật sự có chuyên môn cho các khách hàng như PV Drilling đã cam kết. Do đó, mặc dù doanh thu tăng mạnh nhưng lợi nhuận không thể tăng song hành với tốc độ tăng doanh thu. So với năm 2011, lợi nhuận trước thuế dịch vụ cung ứng nhân lực của PV Drilling năm 2012 tăng 2%.

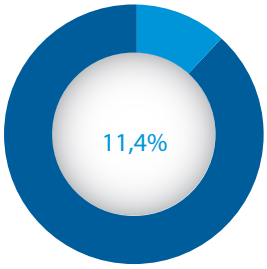

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO DOANH THU

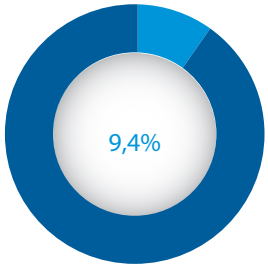

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO LNTT

DỊCH VỤ CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

Nếu như năm 2011 là năm phát triển vượt bậc của dịch vụ cơ khí sửa chữa, thì năm 2012 là năm dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị thể hiện sự bứt phá vượt trội. Vươn lên vị trí thứ 3 trong cơ cấu đóng góp doanh thu của PV Drilling năm 2012 chính là mảng kinh doanh cung cấp vật tư thiết bị này.

Với phương châm luôn đáp ứng các yêu cầu cao của khách hàng về chất lượng, thời gian đối với dịch vụ cung cấp thiết bị chuyên ngành dầu khí, Tổng Công ty đã đấu thầu thành công nhiều hợp đồng cung cấp thiết bị giá trị lớn như cung cấp ống conductor, ống casing cho Biển Đông, duy trì cung cấp subsea cable, seamless pipe, beam, steel,... cho PTSC; cung cấp phụ tùng steel pipe cho PVCL; sắt thép, van cho VSP cũng như valve, fitting cho khách hàng Hoàng Long.

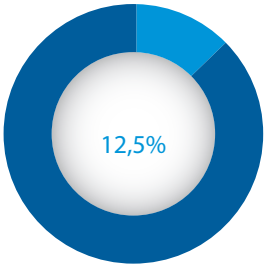

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO DOANH THU

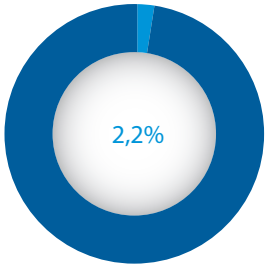

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO LNTT

DỊCH VỤ CƠ KHÍ SỬA CHỮA

Tiếp bước thành công của năm 2011, dịch vụ cơ khí sửa chữa khép lại năm 2012 với mức doanh thu tăng trưởng ấn tượng (+29%). Sự tin tưởng của khách hàng đối với dịch vụ này thể hiện rõ qua số lượng đơn đặt hàng thiết kế chế tạo tăng lên đáng kể. Năm 2012, PV Drilling đã thực hiện thành công các hợp đồng chế tạo dầu khí kỹ thuật cao như Chemical Injection Skid, Air conducting với PTSC; H4-WHP Compact Manifolds cho Hoàng Long cũng như chế tạo hệ thống xử lý nước cho VSP.

Ngoài dịch vụ mới Rope access đã triển khai thành công, PV Drilling đã mạnh dạn phát triển thêm các dịch vụ kiểm định dưới nước, kiểm định cáp cẩu và chế tạo mặt bích. Để phát triển các dịch vụ này một cách bền vững, năm 2012 Tổng Công ty đã đầu tư khoảng 20 tỷ đồng vào các thiết bị phục vụ cho mảng dịch vụ này như máy phay, máy nén khí, hệ thống cầu trục 3 tấn,… Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng nghiên cứu thuê chuyên gia nước ngoài để nâng cao khả năng tự thực hiện dịch vụ, giảm thuê ngoài và hơn trên hết là chủ động đối phó với rủi ro khi sự cạnh tranh để giành thị phần ngày càng khốc liệt.

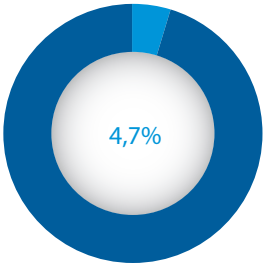

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO DOANH THU

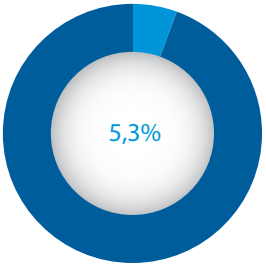

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO LNTT

DỊCH VỤ ỨNG CỨU SỰ CỐ TRÀN DẦU

Trong các dịch vụ của PV Drilling, dịch vụ Ứng cứu sự cố tràn dầu đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ nhất. Để giữ vững thị phần của mình, bên cạnh việc duy trì cung cấp dịch vụ cho các khách hàng truyền thống, Tổng Công ty chủ động tìm hướng đi mới, bước đầu tham gia dịch vụ hàng hải: Cung cấp tàu biển phục vụ công tác lặn khảo sát vỏ đáy tàu FSO và phục vụ khảo sát lấy mẫu đất đáy biển. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, dịch vụ Ứng cứu sự cố tràn dầu đã tăng 7% doanh thu và 3% lợi nhuận trước thuế so với năm 2011.

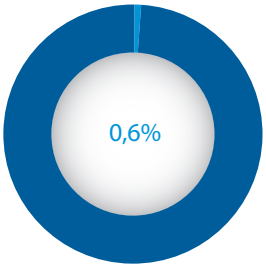

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO DOANH THU

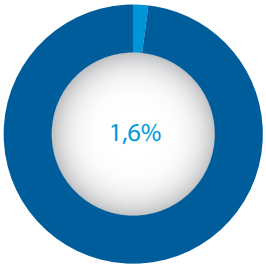

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO LNTT

Tại thị trường Việt Nam, PV Drilling đã chiếm lĩnh 50% thị trường khoan và từ 50% -70% thị phần đối với dịch vụ liên quan đến khoan. Thương hiệu PV Drilling đã vượt khỏi lãnh thổ Việt Nam khi tiếp tục thực hiện chiến dịch khoan tại Algeria, cung ứng nhân lực và mở rộng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật chất lượng cao ở khu vực Đông Nam Á.

CẤU TRÚC VỐN

Tỷ trọng nợ vay và vốn chủ sở hữu hiện nay đang phù hợp cho một công ty trên đà phát triển mạnh mẽ, cần nhu cầu vốn lớn cho việc đầu tư phát triển máy móc, khoa học kỹ thuật hiện đại như PV Drilling. Với việc nỗ lực duy trì một tỷ lệ cấu trúc vốn hợp lý, đồng thời hướng đến khả năng tự chủ tài chính, kiểm soát các rủi ro, PV Drilling đang tạo đà cho sự phát triển, vươn ra thị trường thế giới và phát triển bền vững.

Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, cạnh tranh trên thị trường ngày càng mạnh mẽ thì nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, nhất là nhu cầu vốn dài hạn của các doanh nghiệp cho sự đầu tư phát triển ngày càng lớn. Do đó, đòi hỏi các doanh nghiệp phải huy động cao độ nguồn vốn bên trong đồng thời phải tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài để đáp ứng nhu cầu phát triển của chính mình.

Nguồn tài trợ hiện nay cho nhu cầu sử dụng vốn của PV Drilling chủ yếu đến từ nguồn vốn vay. Tỷ trọng nợ vay và vốn chủ sở hữu vào thời điểm cuối năm 2012 tương ứng là 63% và 37% là phù hợp cho một công ty đang trên đà phát triển mạnh mẽ, cần một nhu cầu vốn lớn cho việc đầu tư phát triển máy móc, khoa học kỹ thuật hiện đại như PV Drilling. Với việc nỗ lực duy trì một tỷ lệ cân đối trong cấu trúc vốn thông qua việc gia tăng lợi nhuận giữ lại cho thấy hiệu quả trong đầu tư của PV Drilling đồng thời hướng về khả năng tự chủ tài chính, kiểm soát các rủi ro, duy trì sự phát triển bền vững liên tục và là nền tảng để PV Drilling vươn ra thị trường thế giới.

Với vai trò là đơn vị duy nhất cung cấp dịch vụ khoan tại Việt Nam, từ năm 2008, PV Drilling đã liên tục đầu tư thêm các giàn khoan để đáp ứng nhu cầu thị trường giàn khoan tại Việt Nam. Cuối năm 2012, tổng tài sản của PV Drilling đã lên đến trên 19 nghìn tỷ đồng với 5 giàn khoan sở hữu cùng nhiều máy móc và trang thiết bị công nghệ cao, tăng hơn 140 lần sau chặng đường 11 năm phát triển.

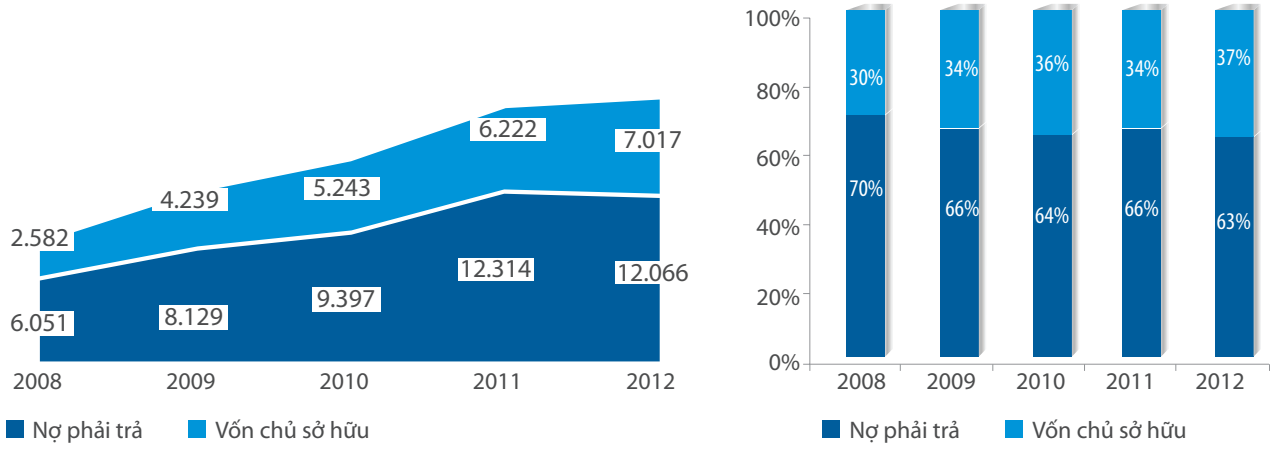

CƠ CẤU NGUỒN VỐN QUA CÁC NĂM

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2012	2011	2010	2009	2008	2007
TỔNG TÀI SẢN	tỷ đồng	19.084	18.535	14.640	12.368	8.633	4.330
Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	5.079	3.915	3.211	2.565	2.065	1.659
Tài sản dài hạn	tỷ đồng	14.005	14.620	11.429	9.803	6.568	2.671
NỢ PHẢI TRẢ	tỷ đồng	12.066	12.314	9.397	8.129	6.051	1.969
Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	5.691	5.087	3.992	2.501	3.935	672
Nợ dài hạn	tỷ đồng	6.376	7.227	5.405	5.628	2.116	1.297
Vốn chủ sở hữu bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số	tỷ đồng	7.017	6.222	5.243	4.239	2.582	2.361

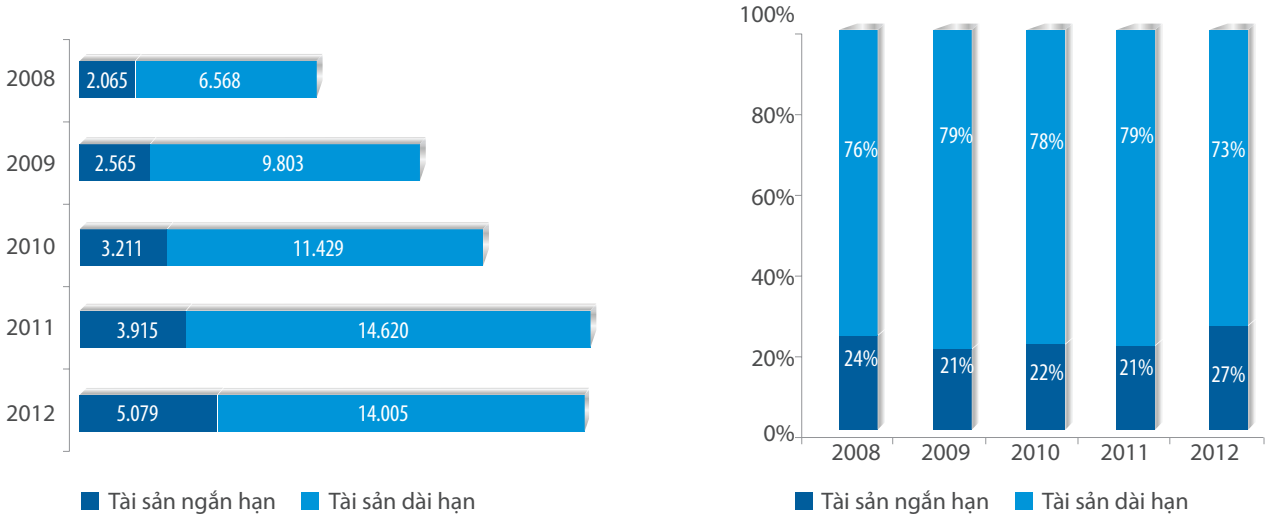

CƠ CẤU TÀI SẢN QUA CÁC NĂM

TÀI SẢN NGẮN HẠN

Tài sản ngắn hạn của PV Drilling tính đến thời điểm cuối năm 2012 là 5.079 tỷ đồng, tăng 1.164 tỷ đồng hay 30% so với năm 2011 và tăng gấp 2 lần so với năm 2009. Trong cơ cấu tài sản thì khoản mục các khoản phải thu chiếm tỷ trọng khá lớn. So sánh với cùng kỳ năm trước, các khoản phải thu cuối năm 2012 tăng 53% chủ yếu do sự tăng trưởng mạnh của dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan. Năm 2012, PV Drilling đã đưa vào vận hành và khai thác giàn khoan PV DRILLING V, đóng góp khoảng 11% trong tổng doanh thu của Tổng Công ty. Cơ cấu nợ quá hạn quá hạn tại PV Drilling rất thấp, chiếm tỷ trọng khoảng 3% trên tổng công nợ phải thu từ khách hàng. Để tăng cường kiểm soát các khoản phải thu, năm 2012, Tổng Công ty đã ban hành Quy chế tài chính mới trong đó yêu cầu các khoản phải thu đối với dịch vụ khoan phải dưới 50 ngày và đối với các dịch vụ khác dưới 65 ngày.

Bên cạnh việc kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu, PV Drilling cũng rất chú trọng công tác quản trị hàng tồn kho. Với mục tiêu đảm bảo vận hành liên tục và hiệu quả các giàn khoan sở hữu và các xưởng sản xuất kỹ thuật khoan nhưng vẫn đảm bảo quản lý hiệu quả tồn kho hàng hóa, nguyên vật liệu, PV Drilling đã chủ trương áp dụng hệ thống quản lý hàng tồn kho hiện đại, bằng cách vận dụng quản lý hàng tồn kho theo Mô hình đặt hàng kinh tế cơ bản (Economic Order Quantity Model - EOQ) linh hoạt với cơ chế thiết lập mức tồn kho thấp nhất và cao nhất (Min-Max) một cách tự động cho từng hạng mục vật tư thiết bị hoạtđộng, nhờ đó hàng tồn kho cuối năm 2012 giảm 21% so với năm 2011 mặc dù có thêm một giàn khoan sở hữu và công suất các xưởng cao hơn. Điều này cho thấy, PV Drilling ngày càng hợp lý hóa các quy trình, hiện đại hóa các hệ thống quản lý dựa trên sự hỗ trợ của khoa học tiến bộ để nguồn vốn được sử dụng và quay vòng hiệu quả.

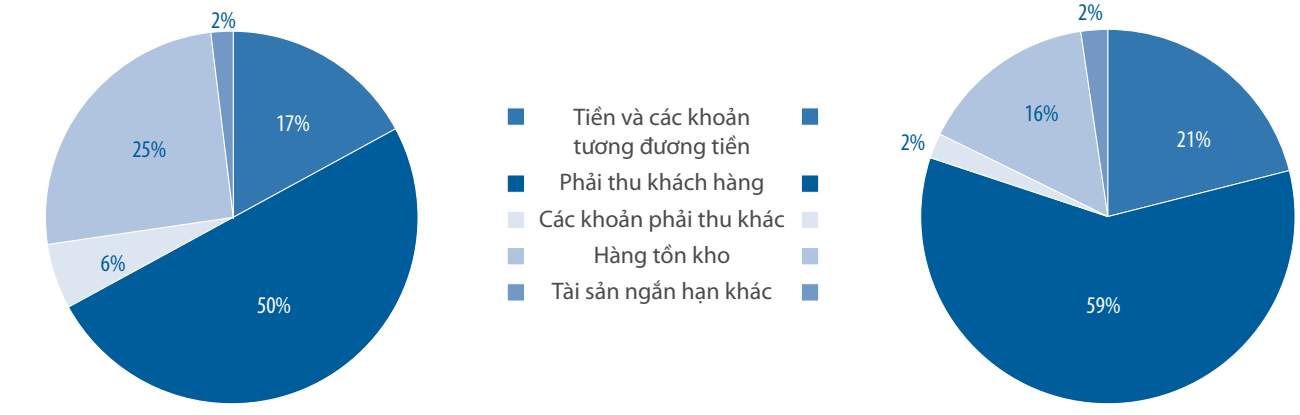

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN NĂM 2011

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN NĂM 2012

TÀI SẢN DÀI HẠN

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, cơ cấu tài sản của một doanh nghiệp trước hết phụ thuộc vào ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp đó. Trong cơ cấu tài sản dài hạn của PV Drilling thì tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 70%-75%, và tăng dần qua các năm phụ thuộc vào chiến lược đầu tư của PV Drilling, trong đó chủ yếu là tài sản cố định hữu hình bao gồm các giàn khoan và máy móc thiết bị phục vụ trong lĩnh vực khoan.

Tài sản dài hạn của PV Drilling tính đến thời điểm 31/12/2012 đạt 14.005 tỷ đồng, giảm nhẹ 4% so với 2011 do PV Drilling không có dự án đầu tư trọng điểm giàn khoan trong năm 2012 và giàn khoan PV DRILLING V đã hoàn thành đầu tư và được ghi nhận trong năm 2011. Theo đó tổng vốn đầu tư cho tài sản cố định và tài sản dài hạn khác của PV Drilling năm 2012 là 812 tỷ đồng trong khi năm 2011 là 2.705 tỷ đồng.

Dự kiến trong giai đoạn 2014-2016, tài sản cố định của PV Drilling sẽ tiếp tục tăng mạnh do PV Drilling đang tiến hành đầu tư thêm 2 giàn khoan tự nâng thế hệ mới để gia tăng thị phần khoan, mở rộng thị trường kinh doanh. Trong năm 2013, PV Drilling cùng với đối tác liên doanh sẽ hoàn thành việc mua một giàn khoan tự nâng, góp phần đưa tổng tài sản của PV Driling đạt mức 1 tỷ Đô la Mỹ.

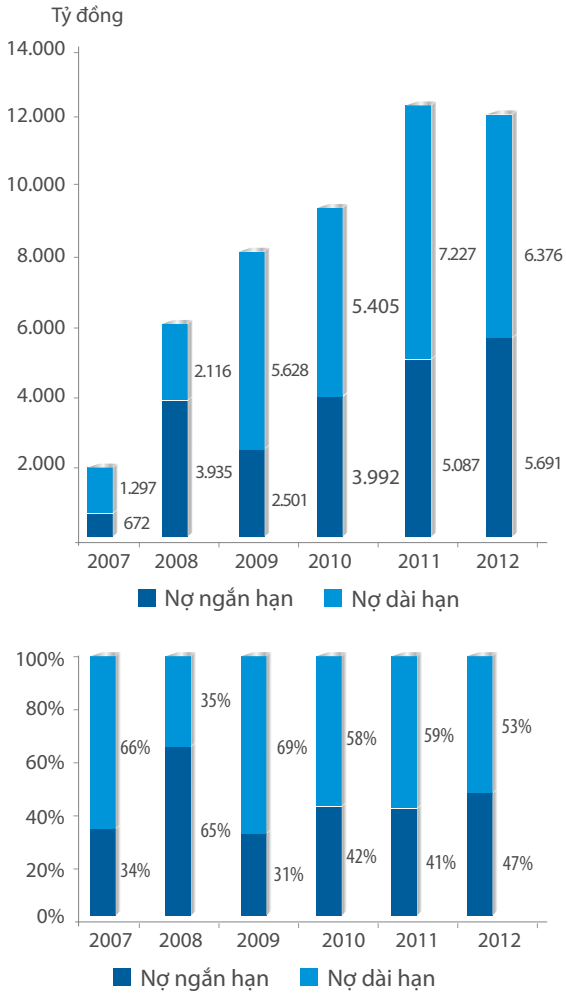

NỢ PHẢI TRẢ

PV Drilling đã tăng quy mô và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua từng năm, cùng với việc đầu tư tăng tài sản để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tổng Nợ phải trả của PV Driling cũng tăng qua các năm và đạt 12.066 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2012, trong đó Nợ vay là 6.809 tỷ đồng chiếm 57%, bao gồm Vay ngắn hạn và Nợ dài hạn đến hạn trả 1.940 tỷ đồng (chiếm 28% tổng Nợ vay), và Vay dài hạn là 4.868 tỷ đồng (chiếm 71% tổng Nợ vay). Tổng nợ vay năm 2012 giảm khoảng 14% so với năm 2011 thể hiện nguồn lực tài chính vững mạnh của PV Drilling, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ vay đến hạn.

Nợ phải trả của PV Drilling năm 2012 giảm khoảng 3% so với năm 2011 chủ yếu do giảm các khoản nợ vay. Trong năm 2012 PV Drilling đã thực hiện thanh toán đúng hạn cho các khoản vay ngắn và dài hạn hơn 2.893 tỷ đồng, góp phần giảm bớt áp lực chi trả cho các năm tiếp theo.

Tuy cấu trúc vốn có nợ vay dài hạn chiếm hơn 40% trong tổng nợ phải trả nhưng PV Drilling đã sử dụng rất hiệu quả nguồn vốn vay trong việc mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, thể hiện thông qua các chỉ tiêu khả năng thanh toán tốt và mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) luôn ở mức cao (năm 2012 là 20%) và luôn nằm trong danh sách các công ty niêm yết có mức sinh lời cao. Trong Quy chế quản lý tài chính của PV Drilling, công tác quản lý các khoản nợ phải trả được đề cập chi tiết nhằm giám sát chặt chẽ các khoản công nợ với đối tác, đánh giá và phân tích khả năng thanh toán nợ, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời. Chi phí lãi vay của PV Drilling với các khoản vay chủ yếu bằng đồng USD, lãi suất bình quân vào khoảng 4,02% năm 2012, thấp hơn so với mặt bằng chung trên thị trường - dao động ở mức 4% - 5,5%.

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31/12/2012, nguồn vốn chủ sở hữu của PV Drilling bao gồm lợi ích của cổ đông thiểu số đạt 7.017 tỷ đồng, tăng 795 tỷ đồng tương đương 13% so với cuối năm 2011 chủ yếu do đóng góp từ lợi nhuận chưa phân phối của cổ đông và chiếm 37% trong tổng nguồn vốn.

Với xu hướng thay đổi tỷ trọng các khoản mục nguồn vốn nghiêng về sự gia tăng tỷ trọng của Vốn chủ sở hữu thông qua việc gia tăng lợi nhuận giữ lại cho thấy hiệu quả trong đầu tư của PV Drilling, đồng thời việc giữ vững cơ cấu nguồn vốn với tỷ lệ vốn chủ sở hữu ổn định trong khoảng 34%-37% qua các năm gần đây giúp Tổng Công ty kiểm soát được các rủi ro, đứng vững và vượt qua được những khó khăn trong giai đoạn tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều bất ổn, là nền tảng cho những bước tiến vững chắc trong tương lai, đặc biệt là đưa thương hiệu PV Drilling tham gia vào thị trường cung cấp giàn khoan của thế giới.

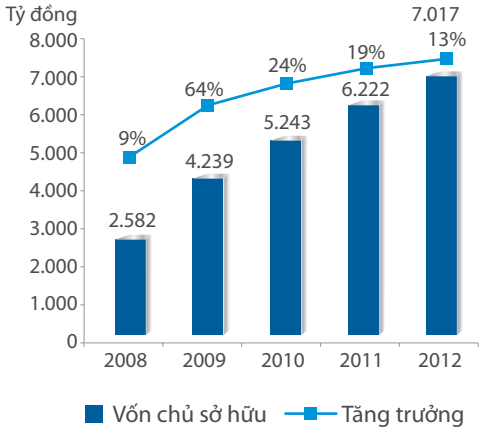

PHÂN TÍCH **CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục trải qua một năm 2012 đầy khó khăn và thử thách. Sản xuất đình đốn, nguồn tín dụng hạn hẹp, đầu ra bế tắc đã khiến số lượng doanh nghiệp Việt Nam phải giải thể, ngừng hoạt động tăng lên con số xấp xỉ 55.000. Khó có thể phủ nhận rằng, một trong những nguyên nhân trọng yếu dẫn đến tình cảnh này là việc rất nhiều doanh nghiệp chưa đánh giá đúng mức tầm quan trọng của quản trị rủi ro, dẫn đến thiếu sự chuẩn bị, ứng phó trước những diễn biến bất lợi của thị trường.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực rủi ro cao là thăm dò, khai thác dầu khí, PV Drilling đã xây dựng và dần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro như một phần cực kỳ quan trọng và không thể tách rời với hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong quản trị tài chính doanh nghiệp, Ban lãnh đạo PV Drilling nhìn nhận, đánh giá rủi ro trên cả 2 khía cạnh tích cực và tiêu cực để vận dụng những lợi thế nội tại của Tổng Công ty nhằm tìm ra cơ hội trong thử thách. Trên cơ sở đó, công tác quản trị rủi ro tài chính của PV Drilling được kết hợp cân đối giữa hiệu quả tài chính đem lại và tác động của các rủi ro liên quan, hay nói cách khác để có được khả năng sinh lời khả quan và bền vững thì tình hình tài chính phải lành mạnh, hạn chế tối đa các rủi ro về thanh khoản và đảm bảo khả năng tiếp cận với nguồn tín dụng phục vụ cho các dự án đầu tư.

ĐẢM BẢO SỨC KHỎE TÀI CHÍNH, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vốn lưu động là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và tiềm lực của một doanh nghiệp. Do vậy, nó được coi là một trọng điểm của công tác quản lý của mỗi doanh nghiệp. Đối với PV Drilling, công tác quản trị rủi ro không chỉ tập trung vào chiến lược trung và dài hạn mà quan trọng hơn cả là áp dụng quy trình quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Chính vì thế, công tác quản trị nguồn vốn lưu động hiệu quả là một trong những trọng tâm được Ban lãnh đạo đặt ra. Bên cạnh đó, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn và xây dựng một cơ cấu nợ/ vốn hợp lý nhằm nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng cũng là yêu cầu cốt yếu để đảm bảo hoạt động xuyên suốt và sức khỏe tài chính lành mạnh của PV Drilling.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	**2012**	2011	2010	2009	2008
Kỳ lưu kho bình quân	Ngày	23	24	21	32	16
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	76	76	72	80	73
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	64	60	60	130	110
Vòng quay tài sản cố định	Lần	0,9	0,7	0,7	0,5	0,8
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,6	0,6	0,6	0,4	0,6

Trong doanh nghiệp, hàng tồn kho luôn chiếm một tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu Tài sản ngắn hạn. Đặc biệt trong lĩnh vực cung cấp giàn khoan và dịch vụ khoan dầu khí, quản trị hàng tồn kho luôn là nhiệm vụ chủ yếu trong quản trị sản xuất tác nghiệp. Với tầm nhìn chiến lược, Ban lãnh đạo PV Drilling đã triển khai và ứng dụng thành công hệ thống phần mềm Maximo từ năm 2007, phần mềm chuyên dụng quản lý tài sản, hàng tồn kho và quản lý bảo dưỡng bảo trì tài sản và máy móc thiết bị giàn khoan. Ngoài ra, PV Drilling còn xây dựng mô hình quản lý kho trung tâm tại căn cứ Vũng Tàu và các kho vệ tinh tại các căn cứ sản xuất trên giàn và tại sa mạc Sahara. Hàng tồn kho sẽ được quản lý tập trung tại kho trung tâm nhằm duy trì số lượng dự trữ tối ưu đáp ứng nhu cầu sử dụng của tất cả giàn khoan do PV Drilling quản lý và vận hành. Năm 2012, PV Drilling đã đưa vào vận dụng quản lý hàng tồn kho theo Mô hình đặt hàng kinh tế cơ bản (Economic Order Quantity Model - EOQ) linh hoạt với cơ chế Min-Max tự động. Tại kho trung tâm và từng kho vệ tinh đều hoạt động theo mô hình tồn kho EOQ với Min - Max. Từng hạng mục vật tư, thiết bị đều được xây dựng mức tồn kho Min-Max riêng biệt (tồn kho cơ chế Min - Max sẽ tương ứng với Khối lượng đặt hàng lại và tổng của tồn kho tối ưu với lượng đặt hàng tối ưu theo mô hình EOQ), khi tồn kho về Min, hệ thống sẽ tự động tạo yêu cầu sử dụng hàng (Purchase Requisition) để trình phê duyệt và khởi đầu 1 chuỗi cung ứng được quản lý chặt chẽ và được ghi nhận vào hệ thống theo thời gian thực và tuân thủ Quy trình quản lý riêng biệt. Kỳ lưu kho bình quân giai đoạn 2010-2012 được duy trì ổn định khoảng 21 đến 24 ngày.

Bên cạnh công tác quản trị hàng tồn kho, việc thu hồi công nợ đúng hạn, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được PV Drilling chú trọng. Với định hướng dài hạn, PV Drilling sẽ dần dần hạ chỉ tiêu kỳ thu tiền bình quân xuống 50 ngày đối với dịch vụ khoan và 65 ngày đối với các dịch vụ khác. Đây là một trong những tiêu chí mà Ban lãnh đạo đặt ra và đưa vào Quy chế tài chính để kiểm soát hoạt động tại các đơn vị thành viên và trong toàn Tổng Công ty. Kỳ trả tiền bình quân cũng được Tổng Công ty quản lý ở mức ổn định, giúp giữ vững uy tín với các nhà cung cấp. Đặt mục tiêu phát triển bền vững, PV Drilling tận dụng triệt để mọi nguồn lực để tối đa hóa việc sử dụng tài sản. Song hành với tốc độ tăng trưởng bình quân (CAGR) của tổng tài sản khoảng 14%/năm trong giai đoạn từ 2010 đến 2012, vòng quay tổng tài sản vẫn được giữ ổn định ở mức 0,6 lần, đồng thời vòng quay tài sản cố định đã được nâng lên 0,9 lần trong năm 2012 so với mức 0,7 lần ở 2 năm liền trước đã cho thấy hiệu quả trong việc sử dụng tài sản của PV Drilling. Thời điểm cuối năm 2012, PV Drilling cùng lúc vận hành 08 giàn khoan bao gồm 05 giàn khoan sở hữu và 03 giàn khoan thuê, tất cả duy trì hiệu suất hoạt động cao, trên 98% đối với giàn khoan tự nâng, 95% của giàn khoan TAD và 99% đối với giàn khoan đất liền.

KHẢ NĂNG THANH KHOẢN NGẮN HẠN

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2012	2011	2010	2009	2008
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,01	0,90	1,06	1,03	0,95
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,66	0,95	0,90	0,87

Nhìn vào diễn biến của chỉ số thanh toán nhanh và chỉ số thanh toán hiện thời qua 5 năm từ 2008 đến 2012 có thể thấy PV Drilling quản lý vốn lưu động của mình khá hiệu quả. Cụ thể, khả năng thanh toán hiện thời luôn ở quanh mức 1 lần và năm 2012 là 1,01 lần cho thấy sự cân bằng giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn, hướng tới dòng vốn lưu động dương, giảm thiểu việc sử dụng một phần nợ dài hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn.

Trong năm 2011, khả năng thanh toán nhanh giảm xuống còn 0,66 lần so với mức 0,95 lần trong năm 2010. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc phải hoàn tất thanh toán theo tiến độ đối với giàn khoan PV DRILLING V do giàn này chính thức được bàn giao từ tháng 10/2011. Qua năm 2012, PV Drilling không thực hiện đầu tư thêm giàn khoan nên khả năng thanh toán nhanh đã tăng lên 0,83 lần.

KHẢ NĂNG THANH KHOẢN DÀI HẠN

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2012	2011	2010	2009	2008
Tổng nợ vay / EBITDA	Lần	2,29	3,51	3,42	4,97	3,19
Tổng nợ vay / Tổng tài sản	Lần	0,36	0,43	0,46	0,51	0,45
Tổng nợ vay / Vốn chủ sở hữu	Lần	0,97	1,27	1,28	1,50	1,50
Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu (*)	Lần	1,38	1,59	1,80	1,92	2,89
Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu	Lần	2,72	2,98	2,79	2,92	3,34
Chỉ số đảm bảo lãi vay	Lần	6,47	5,76	4,10	13,30	12,30

(*) Đã loại trừ các khoản phải trả liên quan đến dịch vụ thương mại và dịch vụ thuê ngoài (Back-to-Back), cũng như khoản phải trả dài hạn khác (ghi nhận phần vốn góp tương ứng 38% của các bên trong hợp đồng BCC của giàn khoan PV DRILLING V) để phản ánh đúng bản chất hoạt động của PV Drilling.

Với kế hoạch đầu tư thêm 1 đến 2 giàn khoan tự nâng thế hệ mới trong giai đoạn từ 2013 đến 2015, PV Drilling cần phải đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng một cách thuận lợi nhất. Do đó, PV Drilling luôn theo dõi sát sao kế hoạch vay, giải ngân, hoàn trả nợ vay nhằm cải thiện các chỉ số nợ và chỉ số bảo đảm lãi vay, hợp lý hóa tỷ lệ nợ trong cấu trúc vốn, đáp ứng yêu cầu chặt chẽ của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. Để kiểm soát tốt việc sử dụng đòn bẩy tài chính tại Tổng Công ty, Ban lãnh đạo PV Drilling đã đặt ra các chỉ tiêu Tổng nợ vay/Vốn chủ sở hữu tối đa là 1,5 lần, thấp hơn nhiều so với các ràng buộc mà tổ chức tín dụng nước ngoài đặt ra cho PV Drilling trong các khế ước vay dài hạn. Việc kiểm soát tài chính tốt, sử dụng đòn bẩy tài chính hiệu quả đã giúp chỉ số ROE tại PV Drilling liên tục cải thiện qua các năm và vượt mức 20% trong năm 2012.

Năm 2012 cũng là năm mà khá nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam "chết trên đống tài sản" chỉ vì duy trì hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu quá cao. Theo thống kê của Vietstock, trong hơn 300 doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán TP.HCM, có đến 26 doanh nghiệp có hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu vượt 5 lần và 8 doanh nghiệp có hệ số này trên 10 lần. Tại PV Drilling, mặc dù việc đầu tư các giàn khoan và máy móc thiết bị công nghệ cao đòi hỏi vốn đầu tư lớn, nhưng PV Drilling vẫn duy trì cơ cấu vốn hợp lý theo tỷ lệ 70/30 (70% vốn vay và 30% vốn chủ sở hữu). Vì vậy, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm dần qua các năm, đặc biệt trong năm 2012 chỉ tiêu này đã được PV Drilling giảm xuống chỉ còn 1,38 lần. Đối với hệ số Tổng nợ vay/EBITDA, hệ số này đã giảm từ 3,5 lần năm 2011 xuống 2,3 lần cuối năm 2012.

Trong danh sách 1.000 doanh nghiệp có xếp hạng tốt nhất theo đánh giá của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Trung tâm thông tin tín dụng, PV Drilling là 1 trong những doanh nghiệp lớn đạt được chỉ số tín dụng AA+. Với mức độ đánh giá trên, Tổng Công ty được xem như một doanh nghiệp có uy tín và bảo đảm tốt khả năng thanh toán các khoản nợ cũng các khoản cam kết tài chính khác.

Một chỉ tiêu rất quan trọng và được các tổ chức tín dụng quan tâm khi xem xét giải ngân một khoản vay chính là khả năng đảm bảo lãi vay (interest coverage ratio). Chỉ số đảm bảo lãi vay của PV Drilling rất tốt và giữ được đà tăng qua các năm khi tăng từ 4,3 lần năm 2010 lên đến 6,5 lần năm 2012 so với mặt bằng chung của thị trường là 2 lần. Đó không chỉ là vì công tác quản lý nợ vay hiệu quả mà còn nhờ vào lợi thế hoạt động của PV Drilling. Cụ thể, PV Drilling có nguồn doanh thu từ USD chiếm khoảng 80% tổng doanh thu nên tất cả các khoản vay dài hạn của PV Drilling đều bằng USD với lãi suất thấp, đem lại lợi ích kinh tế cho Tổng Công ty. Đa phần lãi suất của các khoản vay dài hạn là lãi suất thả nổi (LIBOR + biên) và theo dự báo của các chuyên gia kinh tế thế giới thì LIBOR sẽ còn được duy trì ở mức thấp ít nhất đến năm 2015 nhờ đợt Nới lỏng định lượng 4 (QE4) mà Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) áp dụng từ tháng 1/2013. Trong năm 2012, bình quân lãi suất của các khoản vay dài hạn của PV Drilling chỉ vào khoảng 4,02%, tạo nên lợi thế kinh tế riêng biệt cho Tổng Công ty so với các công ty niêm yết khác trên thị trường.

KIỂM SOÁT CHI PHÍ HIỆU QUẢ, KHẢ NĂNG SINH LỜI KHẢ QUAN

Mặc dù thị trường khoan tại Việt Nam đã được cải thiện nhờ vào chuyển biến tích cực của thị trường thế giới và khu vực nhưng sự cạnh tranh vẫn còn gay gắt. Để có thể thắng thầu các hợp đồng khoan và dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí, bên cạnh việc sở hữu các giàn khoan hiện đại, các trang thiết bị, máy móc công nghệ cao, PV Drilling phải đưa ra mức giá cạnh tranh và đảm bảo chất lượng dịch vụ ở mức cao để đem lại giá trị gia tăng cho các nhà thầu dầu. Chính vì vậy, PV Drilling rất chú trọng công tác quản trị giá vốn hàng bán, chi phí hoạt động, đồng thời đảm bảo sự tăng trưởng ổn định của doanh thu và lợi nhuận để đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Tổng Công ty.

TỶ TRỌNG LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ TRÊN DOANH THU

TỶ TRỌNG CỦA CHI PHÍ / DOANH THU	2012	2011	2010	2009	2008
Giá vốn hàng bán	77,5%	77,7%	76,8%	69,7%	67,6%
Chi phí bán hàng	0,3%	0,3%	0,0%	0,1%	0,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,3%	6,1%	5,9%	6,6%	6,3%
Chi phí lãi vay	2,5%	2,9%	4,1%	1,8%	2,1%

Bảng phân tích tỷ trọng chi tiết ở trên đã cho thấy sự nâng cao về quản lý hoạt động SXKD và quản trị rủi ro của PV Drilling theo thời gian. Tổng Công ty đã thành công trong việc kiểm soát, ổn định cơ cấu chi phí đồng bộ với sự tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận, nâng cao khả năng cạnh tranh và bảo đảm sự phát triển bền vững.

Đối với cơ cấu chi phí, PV Drilling đã ổn định tỷ trọng giá vốn hàng bán một cách hiệu quả nhờ vào công tác quản trị hàng tồn kho bằng hệ thống Maximo, cũng như vận hành các giàn khoan sở hữu với hiệu suất cao, bình quân trên 98%, và thành công trong việc nâng tỷ lệ tự thực hiện đối với các dịch vụ kỹ thuật cao như đo karota khí, slickline, đo thông số trong khai thác…Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được duy trì ở mức bình quân 6,1%/ doanh thu trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2012 do Tổng Công ty kết hợp hiệu quả giữa việc thực hiện tiết kiệm các chi phí quản lý với công tác điều chỉnh chế độ lương thưởng phù hợp để gìn giữ nhân tài, tạo sự gắn kết của CBCNV với PV Drilling, tránh sự thất thoát nguồn nhân lực kỹ thuật cao, giàu kinh nghiệm. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng thấp và chủ yếu được sử dụng để phục vụ cho công tác marketing, giữ vững mối quan hệ thân thiết với khách hàng hiện tại và quảng bá thương hiệu, tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng.

Tỷ trọng của chi phí lãi vay được cải thiện đáng kể khi giảm mạnh xuống còn 2,5% doanh thu trong năm 2012 so với mức 4,1% doanh thu năm 2011. Đó là do PV Drilling đã hoàn trả đáng kể các khoản vay dài hạn cho giàn PV DRILLING I và PV DRILLING 11, giảm gần 17% tổng các khoản vay dài hạn trong năm 2012 so với năm 2011 và được hưởng lãi suất thấp đối với các khoản vay dài hạn, bình quân khoảng 4,02%, trong năm 2012. Thêm vào đó, hoạt động huy động vốn từ ngân hàng của Tổng Công ty cũng không tăng nhiều do không thực hiện đầu tư đóng mới giàn khoan trong năm 2012.

TỶ TRỌNG CỦA LỢI NHUẬN / DOANH THU	**2012**	2011	2010	2009	2008
Lợi nhuận gộp	22,5%	22,3%	23,2%	30,3%	32,4%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	12,8%	12,7%	13,2%	20,7%	23,5%
EBITDA	24,9%	24,4%	26,0%	31,2%	32,5%
EBIT	16,4%	16,7%	17,9%	24,9%	27,5%
Lợi nhuận trước thuế	14,2%	13,3%	13,5%	22,6%	24,9%
Lợi nhuận ròng	11,1%	11,6%	11,6%	19,9%	23,9%

Quản lý chi phí hiệu quả, giảm thiểu các rủi ro kiểm soát được, tận dụng triệt để các cơ hội (tác động tích cực từ rủi ro không kiểm soát được), vận hành các giàn khoan sở hữu đạt hiệu suất cao, an toàn, không xảy ra sự cố nghiêm trọng… là những yếu tố mấu chốt tạo nên đà tăng trưởng mang tính tổng thể của lợi nhuận mà PV Drilling đạt được. Theo bảng phân tích tỷ trọng của Lợi nhuận/ Doanh thu, tỷ suất của lợi nhuận gộp, lợi nhuận từ hoạt động SXKD, EBIT và lợi nhuận ròng được giữ ổn định trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2012. Trong cùng giai đoạn này, PV Drilling đã tạo được sự tăng trưởng với tỷ suất Lợi nhuận trước thuế, lãi suất và khấu hao (EBITDA) và tỷ suất Lợi nhuận trước thuế. Bên cạnh đó, các chỉ số ROA và ROE năm 2012 đã tăng lên đáng kể so với năm 2011 và 2010. Đây là quả ngọt từ sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV PV Drilling để đáp lại sự tin tưởng và gắn kết của các cổ đông trong suốt thời gian qua.

CHỈ TIÊU	2012	2011	2010	2009	2008
ROE	20,0%	18,7%	18,6%	25,8%	45,1%
ROA	7,0%	6,4%	6,5%	7,8%	13,8%

QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN THUẾ

CHỈ SỐ	2012	2011	2010	2009	2008
Thuế TNDN / LNTT (*)	14,7%	12,8%	13,1%	11,7%	2,8%

(*) : *Thuế TNDN đã bao gồm thu nhập / chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Thuế là một trong những yếu tố rủi ro về tài chính và quản trị chi phí thuế vừa thể hiện trách nhiệm tuân thủ của doanh nghiệp vừa thể hiện sự linh hoạt của doanh nghiệp trong việc tận dụng những ưu đãi về chính sách để đem lại lợi ích kinh tế cho các cổ đông.

Tỷ suất thuế TNDN/LNTT của PV Drilling dưới mức 25% là nhờ Công ty mẹ vẫn đang được hưởng ưu đãi thuế (giảm 50%) đến hết năm 2013. Từ năm 2014, Công ty mẹ sẽ đóng thuế TNDN theo mức quy định thông thường (25%). Tuy nhiên, trong năm 2012, sự kiện giàn khoan PV Drilling V (TAD) được Bộ Khoa học & Công nghệ chứng nhận ứng dụng công nghệ cao đã đem lại những ưu đãi về chính sách cho PV Drilling. Cụ thể, công ty PVD Deepwater, công ty con do PV Drilling sở hữu 100% vốn và cũng là công ty trực tiếp quản lý, vận hành giàn PV Drilling V sẽ được hưởng ưu đãi thuế với thuế suất 10% trong vòng 15 năm, trong đó bao gồm 4 năm đầu miễn thuế và 9 năm tiếp theo được giảm thuế 50%.

Đây là nền tảng để PV Drilling có thể mạnh dạn triển khai, thực hiện đầu tư các dự án giàn khoan, các máy móc thiết bị công nghệ cao khác, ứng dụng sản phẩm công nghệ cao này vào thực tiễn kinh doanh, đem lại lợi ích tối đa cho các cổ đông.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO PV DRILLING ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ KHOAN NƯỚC SÂU TRONG TƯƠNG LAI

Hiện nay hầu hết các mỏ dầu khí của Việt Nam tập trung ở khu vực ven bờ nơi có mức nước sâu trung bình nhỏ hơn 100 mét. Do đó dịch vụ cung cấp giàn khoan cho phân khúc nước sâu này chiếm tới 80% thị phần cung cấp giàn khoan cho Việt Nam và đối với khoan nước sâu hiện tại các nhà thầu khoan nước ngoài đang chiếm giữ thị phần 100%. Mục tiêu tiến ra biển sâu đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) xác định trong thời gian tới để tăng cường an ninh năng lượng cũng như bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Quốc Gia. Hơn nữa đối với phân khúc nước sâu là nơi chưa được tiến hành thăm dò, thẩm lượng một cách chi tiết, cụ thể điều này có thể dự báo thị trường khoan nước sâu tại Việt Nam trong tương lai gần rất sôi động. Với lợi thế có kinh nghiệm điều hành giàn khoan thành công và khả năng vượt trội về mặt công nghệ, giá cả dịch vụ, an toàn trong thi công đầu giếng giàn TAD sẽ chắc chắn là sự lựa chọn của nhà thầu dầu khí trong thời gian tới điều này sẽ giúp cho PV Drilling có nguồn doanh thu ổn định tạo đà cho việc phát triển đội ngũ kỹ thuật vận hành giàn khoan cũng như kiểm tra độ ổn định của thiết bị, công nghệ và giúp có định hướng tốt trong thời gian tới.

ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CAO CHO PHÂN KHÚC NƯỚC SÂU

Xuất phát từ định hướng ứng dụng khoa học công nghệ làm trọng tâm cho sự phát triển của PV Drilling và hướng tới làm chủ hoàn toàn các công nghệ chủ động phát triển mở rộng thị trường dịch vụ cung cấp giàn khoan. Ngay từ những ngày đầu năm 2009 lãnh đạo PV Drilling đã chủ trương chỉ đạo nghiên cứu ứng dụng công nghệ giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm trong việc khoan phát triển mỏ ở những vùng biển nước sâu vừa và nước sâu có điều kiện thủy văn, địa chất địa tầng phức tạp. Sự thành công của chủ trương đã giúp phần định hình ra sản phẩm giàn khoan tiếp trở nửa nổi nửa chìm (TAD) đầu tiên của Việt Nam với hàng loạt công nghệ mới được ứng dụng để có thể thi công được các giếng khoan có điều kiện địa tầng phức tạp (áp suất cao, nhiệt độ cao). Kể từ ngày giàn được đưa về Việt Nam (ngày 17/10/2011) PVD Deepwater đã nhanh chóng làm chủ phân khúc nước sâu này bằng hợp đồng khoan kéo dài 05 năm với Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông POC, việc này đã đem lại cho PV Drilling không những thành công vượt bậc trong các chỉ tiêu về tài chính, kinh tế của doanh nghiệp mà đồng thời đội ngũ CBCNV của PV Drilling đã có cơ hội trải nghiệm với công nghệ của giàn khoan được coi là tiên tiến và hiện đại nhất trong các giàn khoan TAD trên thế giới tính tới thời điểm này.

Sự làm chủ và vận hành thành công về mặt công nghệ đã giúp giàn TAD đạt được hiệu suất cao, an toàn, chất lượng và góp phần thành công cho dự án khoan cho Biển Đông POC tại mỏ Mộc Tinh. Để cam kết sự duy trì và tiếp tục cải tiến, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực giàn khoan, PVD Deepwater đơn vị chủ sở hữu giàn khoan cam kết và hiện thực hóa chi trên 1% tổng doanh thu hàng năm cho việc đào tạo, nghiên cứu ứng dụng Khoa học Công nghệ cao để dần tiếp cận và chuyển giao công nghệ.

> Minh chứng cho chủ trương đúng đắn của lãnh đạo PV Drilling, ngày 31/08/2012 giàn TAD đã được Văn phòng Chứng nhận của Bộ KHCN chứng nhận Dự án ứng dụng công nghệ giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm TAD phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại vùng biển nước sâu Việt Nam, theo giấy chứng nhận số: 19/HĐUD, ngày 31/08/2012.

Hợp tác mở rộng, đột phá công nghệ, bước đến tầm nhìn

Xa

Định hướng phát triển công nghệ khoan nước sâu và kỹ thuật cao, cùng với hợp tác liên doanh, liên kết, mở rộng tiến ra thị trường khu vực và thế giới là bước đi với **tầm nhìn xa của Ban lãnh đạo**.

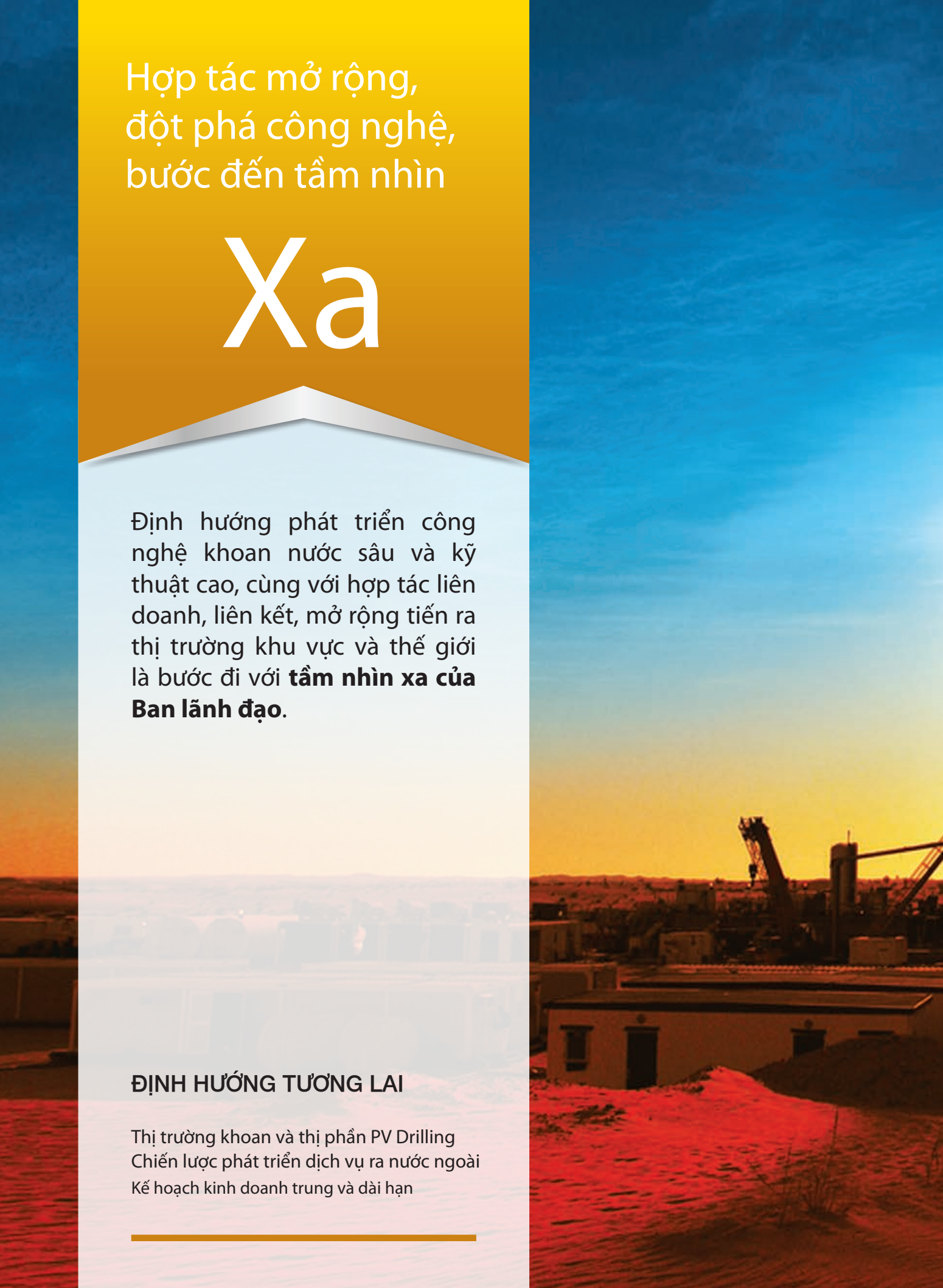

ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

Thị trường khoan và thị phần PV Drilling
Chiến lược phát triển dịch vụ ra nước ngoài
Kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn

PV DRILLING-11

THỊ TRƯỜNG DẦU MỎ THẾ GIỚI

Kết thúc năm 2012, nhìn chung, kinh tế thế giới không ghi nhận bước đột phá mà chỉ dừng lại ở mức một số nền kinh tế lớn có dấu hiệu phục hồi. Kinh tế Mỹ trong những ngày cuối năm vẫn tiếp tục ảm đạm với nỗi lo thường trực về "Vách đá tài khóa". Kinh tế Trung Quốc được nhận định có thể đã chạm đáy và được World Bank dự báo tăng trưởng chỉ khoảng trên 8% vào năm sau. Kinh tế châu Âu xuất hiện một số tín hiệu tích cực khi các nước thành viên của Liên minh Châu Âu đạt thỏa thuận về giám sát ngân hàng và các gói cứu trợ đối với Hy Lạp và Tây Ban Nha. Kinh tế Nhật Bản có thể được kích thích tăng trưởng trong thời gian tới.

Mặc dù căng thẳng chính trị bao trùm khắp Trung Đông với một loạt diễn biến quan trọng ở Syria, Israel và Ai Cập, nhu cầu năng lượng của thế giới trong năm 2012 vẫn bị đánh giá ở mức yếu ớt. Tuy nhu cầu Trung Quốc đang có dấu hiệu tăng trưởng trở lại, mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn nhiều so với một năm về trước. Trong bản báo cáo mới nhất của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), nhu cầu thế giới trong cả năm 2012 được ước tính tăng khoảng 760.000 thùng/ngày so với năm 2011. Điều này tương ứng với việc giá dầu Brent trung bình trong năm 2012 vào khoảng 109,35 USD/thùng, tăng khoảng 1,5 USD/thùng so với trung bình năm 2011 (Nguồn: Platts).

Trong bối cảnh thị trường dầu thô thế giới khá trầm lắng trong năm 2012, thị trường giàn khoan thế giới cũng bị tác động theo thị trường dầu thô. Tuy vậy, thị trường giàn khoan biển năm 2012 vẫn chứng kiến những bước phát triển khả quan khi tổng số lượng giàn khoan cung cấp cho thị trường trung bình đạt 771 giàn, tăng khoảng 1% (tương đương 24 giàn) so với năm 2011 nhưng tỷ lệ sử dụng giàn khoan năm 2012 vẫn tăng gần 2,9% so với cùng kỳ năm trước ở mức trung bình khoảng 93% (Nguồn: ODS Petrodata). Số lượng giàn khoan biển hoàn thành đóng mới và đưa vào thị trường trên toàn thế giới trong năm 2012 tổng cộng 34 giàn, trong số này giàn khoan tự nâng chiếm đa số là 14 giàn. Điều này cho thấy các hoạt động khoan trên toàn cầu vẫn diễn ra sôi động, đặc biệt tập trung vào phân khúc giàn khoan tự nâng, bất chấp tình hình kinh tế thế giới suy thoái trong năm vừa qua.

THỊ TRƯỜNG KHOAN CHÂU Á

Trong bức tranh chung thị trường giàn khoan thế giới năm qua, thị trường giàn khoan khu vực Đông Nam Á vẫn duy trì được sự tăng trưởng như đã từng có trong các năm gần đây thể hiện qua việc số lượng các giàn khoan cung cấp cho thị trường trung bình đạt 94 giàn, tăng hơn 1% (tương đương 3 giàn) so với năm 2011 trong khi tỷ lệ sử dụng giàn khoan vẫn tăng thêm khoảng 1% so với năm trước, đạt mức hơn 90% (Nguồn: ODS Petrodata), trong đó thị phần cho thuê giàn khoan tự nâng vẫn chiếm phần lớn. Mặc dù mức tăng trên là không nhiều nhưng lại là con số đáng khích lệ trong tình hình số lượng giàn khoan biển luôn duy trì ở trạng thái cung vượt cầu như hiện nay. Báo cáo của IHS cho thấy nguồn cung giàn khoan tự nâng trong khu vực năm qua vượt mức cầu khoảng hơn 3 giàn. Đối với thị phần giàn khoan nước sâu như giàn nửa nổi nửa chìm, con số này là hơn 4 giàn và đối với tàu khoan là 2 tàu. Thực tế cho thấy các giàn khoan không có hợp đồng chủ yếu là các giàn khoan cũ không đáp ứng được yêu cầu của các công ty dầu trong khi một số nhu cầu về giàn khoan mới (dưới 10 năm tuổi) và kỹ thuật cao lại không được đáp ứng. Vì vậy, giá thuê giàn khoan tự nâng đã ký trong năm 2012 vẫn tăng và đạt mức khoảng 130.000 đến 145.000 USD/ngày so với mức 120.000 đến 130.000 USD/ngày trong năm 2011.

Dự kiến năm 2013 sẽ tốt hơn, tuy nhiên, thế giới vẫn tồn tại nhiều vấn đề bất ổn như: Gánh nặng nợ công chồng chất tại khu vực đồng Euro, tăng trưởng kinh tế tại Trung Quốc chậm phục hồi… sẽ khiến thị trường dầu mỏ thế giới trong năm 2013 vẫn bị suy giảm nhẹ đặc biệt tập trung vào khoảng quý I thậm chí 6 tháng đầu năm 2013 (nguồn: OPEC). Quan điểm của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cũng tương đồng khi cho rằng mức tăng giá vẫn hạn chế do tăng trưởng kinh tế chậm chạp theo đó, nhu cầu dầu thế giới năm 2013 dự kiến tăng 110.000 thùng lên 90,5 triệu thùng/ngày khiến giá dầu thô thế giới năm 2013 sẽ tiếp tục dao động ở mức tương đương năm 2012. Dự đoán này phù hợp với dự đoán giá dầu Brent của Wood Mckenzie trong năm 2013 chỉ xoay quanh mức 108 USD/thùng, giảm nhẹ so với trung bình 109,35 USD/thùng của năm 2012.

Mặc dù những thông tin về thị trường dầu mỏ thế giới trong năm tới không thực sự tích cực, thị trường giàn khoan thế giới vẫn được dự đoán sẽ tiếp tục

THỊ TRƯỜNG KHOAN CHÂU Á (tiếp theo)

tăng trưởng trong năm 2013 và cả những năm tiếp theo do nhu cầu khoan tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại các khu vực như Đông Nam Á, Trung Đông, Vịnh Mexico, Châu Úc, … cũng như trên toàn thế giới vẫn tiếp tục tăng cao kéo theo nhu cầu về các dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan đến khoan không ngừng tăng trưởng tạo ra thị trường lớn cho dịch vụ cho thuê và vận hành giàn khoan. Báo cáo thị trường giàn khoan tự nâng trên 300 feet của thế giới xuất bản vào tháng 10/2012 của IHS CERA cũng đưa ra nhận định thị trường giàn khoan tự nâng năm 2013 sẽ tăng lên so với 2012, theo đó nhu cầu trung bình năm 2013 là 425 giàn khoan tự nâng so với 397 giàn của tháng 12/2012.

Đối với thị trường khu vực châu Á trong dài hạn, dự báo về cung và cầu giàn khoan tự nâng trên 300 feet tới năm 2020 của khu vực Châu Á đầy hứa hẹn, đặc biệt giai đoạn 2012 – 2020 nhu cầu giàn khoan tự nâng trên 300 feet tại khu vực này sẽ rất cao (*xem biểu đồ bên dưới, Nguồn: IHS-5/2012*).

Riêng trong năm 2013, khu vực Đông Nam Á được dự đoán sẽ có sự bùng nổ về nhu cầu giàn khoan tự nâng, tập trung chủ yếu tại các thị trường như Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Thái lan và Myanmar. Nhu cầu giàn khoan tự nâng trong khu vực trong năm 2013 dự đoán trung bình vào khoảng 62 giàn so với 57 giàn hiện tại, trong đó Indonesia sẽ cần khoảng 19 giàn so với 15 giàn hiện tại, Malaysia cần khoảng 18 giàn so với 16 giàn hiện tại và Thái Lan cần khoảng 11 giàn gần như không đổi so với hiện tại. Riêng thị trường Việt Nam lại được dự báo nhu cầu giàn khoan giảm nhẹ xuống còn khoảng 11 giàn so với 12 giàn hiện tại. Chỉ số trung bình cung vượt cầu giàn khoan tự nâng khu vực Đông Nam Á trong năm 2013 dự đoán sẽ là 7,5 giàn khoan do trong năm này thị trường sẽ được bổ sung khoảng 56 giàn đóng mới trên toàn thế giới. Mặc dù nguồn cung vượt cầu, thị trường vẫn còn nhiều tiềm năng do áp lực ngày càng lớn về việc loại trừ các giàn khoan thế hệ cũ từ các nhà thầu dầu khí. Tuy nhiên, việc nguồn cung được dự báo vượt cầu sẽ ít nhiều khiến mức độ cạnh tranh về giá giữa các nhà thầu trở nên gay gắt hơn.

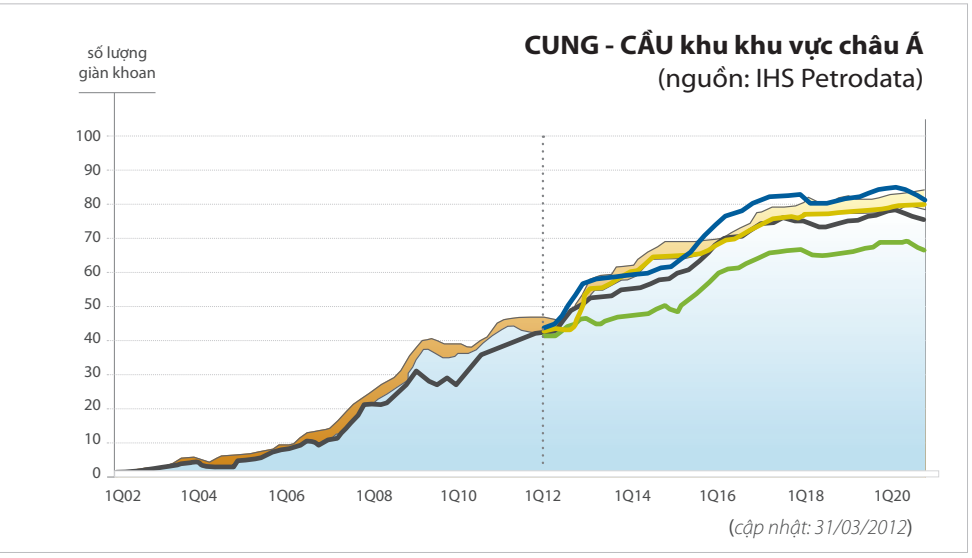

CUNG - CẦU khu khu vực châu Á
(nguồn: IHS Petrodata)

(*cập nhật: 31/03/2012*)

THỊ PHẦN CỦA PV DRILLING

Bất chấp những khó khăn và mức độ cạnh tranh gay gắt, thị phần dịch vụ khoan của PV Drilling trong năm 2012 vẫn duy trì ở mức ổn định và chiếm lĩnh 50% thị phần giàn khoan tự nâng tại Việt Nam.

Bên cạnh việc sở hữu và vận hành hiệu quả 3 giàn khoan tự nâng PV DRILLING I, PV DRILLING II và PV DRILLING III cung cấp dịch vụ khoan dài hạn cho các nhà thầu dầu khí trong lãnh thổ Việt Nam như Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro, Công ty Liên doanh Dầu khí Việt - Nhật (JVPC), Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP), các công ty điều hành chung như Hoàng Long Hoàn Vũ JOC, Cửu Long JOC,... trong năm 2012 PV Drilling đã tăng cường hợp tác với các đối tác nhà thầu khoan nước ngoài như Ensco, Transocean nhằm cung cấp giàn khoan cho các chiến dịch khoan của các khách hàng như Thăng Long JOC, PVEP POC, … góp phần giữ vững vị thế đứng đầu trên thị trường khoan Việt Nam.

Với định hướng trở thành một nhà thầu khoan chuyên nghiệp và đa dạng hóa dịch vụ khoan, ngoài việc duy trì và mở rộng thị phần giàn khoan tự nâng tại Việt Nam, PV Drilling đã tham gia vào thị trường khoan nước sâu Việt Nam trong năm 2012 thông qua việc cung cấp giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm PV DRILLING V cho chiến dịch khoan 5 năm của Biển Đông POC tại 2 mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh và đã trải qua một năm hoạt động hiệu quả. Ngoài ra, do nắm bắt được nhu cầu khoan nước sâu của các công ty dầu khí đang hoạt động tại Việt Nam, trong năm 2012 PV Drilling đã hợp tác với đối tác Diamond Offshore đưa hai giàn khoan nửa nổi nửa chìm (semi-submersible) sang Việt Nam để khoan cho các khách hàng TNK, Talisman (giàn Ocean Monarch) và Idemitsu (giàn Ocean Patriot). Giàn Ocean Monarch đã rời Việt Nam từ tháng 3/2012 sau khi thực hiện xong chiến dịch của TNK và Talisman. Giàn Ocean Patriot cũng sẽ kết thúc giếng khoan của Idemitsu vào tháng 3/2013. Các giàn khoan nói trên đã và đang hoạt động rất hiệu quả và nhận được những phản hồi tích cực từ phía khách hàng. Nhận thức được những lợi ích từ việc hợp tác với PV Drilling, đối tác Diamond Offshore đang cân nhắc khả năng đưa giàn Ocean General sang Việt Nam khoan cho khách hàng Premier Oil và Origin ngay trong tháng 3/2013.

Xa hơn nữa, để nắm bắt nhu cầu phát triển của thị trường khoan thế giới và khu vực (trọng tâm là khu vực Đông Nam Á), PV Drilling đã và đang triển khai các dự án trực tiếp đầu tư vào các giàn khoan nhằm tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ khoan cho nhu cầu ngày càng tăng từ các công ty dầu khí trong và ngoài nước, với tham vọng trong vòng 5 năm tới sẽ sở hữu đội giàn khoan bao gồm 5 giàn khoan tự nâng, 1 giàn khoan đất liền, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm và 1 sà lan khoan. Năm 2013 sẽ là năm PV Drilling cụ thể hóa một phần tham vọng của mình thông qua việc hợp tác với các đối tác nước ngoài để mở rộng, phát triển các loại hình dịch vụ.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH VÀ MỞ RỘNG DỊCH VỤ RA NƯỚC NGOÀI CỦA PV DRILLING

Sau giai đoạn khủng hoảng và suy thoái trong những năm qua, nền kinh tế thế giới trong năm 2013 được các chuyên gia đánh giá là sẽ có bước đệm cho sự phục hồi vững chắc hơn khi hầu hết tất cả các quốc gia chịu ảnh hưởng đều đã nhìn rõ được những thiếu sót, khuyết điểm của mình trong các chính sách kinh tế vĩ mô và đang tích cực thực hiện những giải pháp khắc phục. Với riêng nền kinh tế Việt Nam, sau một thời gian dài với tốc độ tăng trưởng nóng dẫn tới những hệ lụy như lạm phát tăng, lãi suất luôn ở mức cao, tình hình nợ xấu nghiêm trọng… thì trong giai đoạn cuối năm 2012, chính phủ đã có những biện pháp kiên quyết và chính sách thực tế để kiểm soát tình hình, đưa nền kinh tế quay trở lại quỹ đạo phát triển lành mạnh và ổn định hơn. Với những tín hiệu thuận lợi như vậy, cùng với các nguồn lực đã được chuẩn bị kỹ càng trong những năm qua, PV Drilling tin rằng năm 2013 sẽ là năm bản lề để thực hiện chiến lược phát triển mạnh mẽ hơn nữa nhằm củng cố vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực khoan dầu khí trong nước và đặc biệt là phải giành được thị phần ổn định trong thị trường khoan khu vực và thế giới.

> Thị trường nước ngoài đã và đang bắt đầu thời kỳ sôi động cho ngành khoan dầu khí. Hàng loạt các giàn khoan thế hệ cũ đang dần bị loại bỏ do yêu cầu khắt khe về an toàn - môi trường, cùng với số lượng các giàn khoan mới không nhiều, dẫn đến việc cạnh tranh gay gắt trong việc tìm kiếm giàn khoan. Điều này tạo nhiều cơ hội lớn cho các nhà thầu khoan dầu khí uy tín và có đủ năng lực ...

Việc phát triển dịch vụ ra nước ngoài mang một ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của PV Drilling. Chiến lược này đã được Ban lãnh đạo Tổng Công ty ngay từ thời điểm thành lập nhấn mạnh thể hiện qua Sứ mệnh và Tầm nhìn của Tổng Công ty. Cho tới nay, bằng những bước đi đầu tiên và hoạt động của giàn khoan đất liền tại Algeria xa xôi từ năm 2006, PV Drilling đã từng bước tích lũy kinh nghiệm và năng lực vững chắc để phát triển dịch vụ khoan ra thị trường thế giới, trọng tâm là dịch vụ cung cấp giàn khoan biển. Và trải qua 11 năm phát triển, PV Drilling nhận thấy việc hiện thực hóa nhiệm vụ này ngày càng trở nên rõ ràng và cấp thiết hơn nhằm chuẩn bị cho giai đoạn sau 2015, thị trường khoan trong nước có thể vào giai đoạn bão hòa cùng với số lượng các giàn khoan của các đối thủ cạnh tranh tăng lên đáng kể qua các năm. Trong khi đó thị trường nước ngoài đã và đang bắt đầu thời kỳ sôi động cho ngành khoan dầu khí. Một trong những nguyên nhân chính đó là các nguồn năng lượng sạch như gió, mặt trời chưa thể đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu năng lượng, cộng thêm khủng hoảng về năng lượng hạt nhân trong hai năm gần đây, đã khiến cho các quốc gia tăng thêm ngân sách cho việc tìm kiếm nguồn năng lượng hóa thạch để đảm bảo sự tăng trưởng. Cùng với đó, hàng loạt các giàn khoan thế hệ cũ lại đang dần bị loại bỏ do yêu cầu khắt khe hơn của cộng đồng quốc tế về tính an toàn với môi trường, số lượng các giàn khoan mới hiện tại là không nhiều, dẫn đến việc cạnh tranh gay gắt trong việc tìm kiếm giàn khoan, tạo cơ hội thuận lợi đối với các nhà thầu khoan dầu khí có đủ năng lực cung cấp các giàn khoan thế hệ mới, hiện đại. Nhờ vậy giá giàn khoan

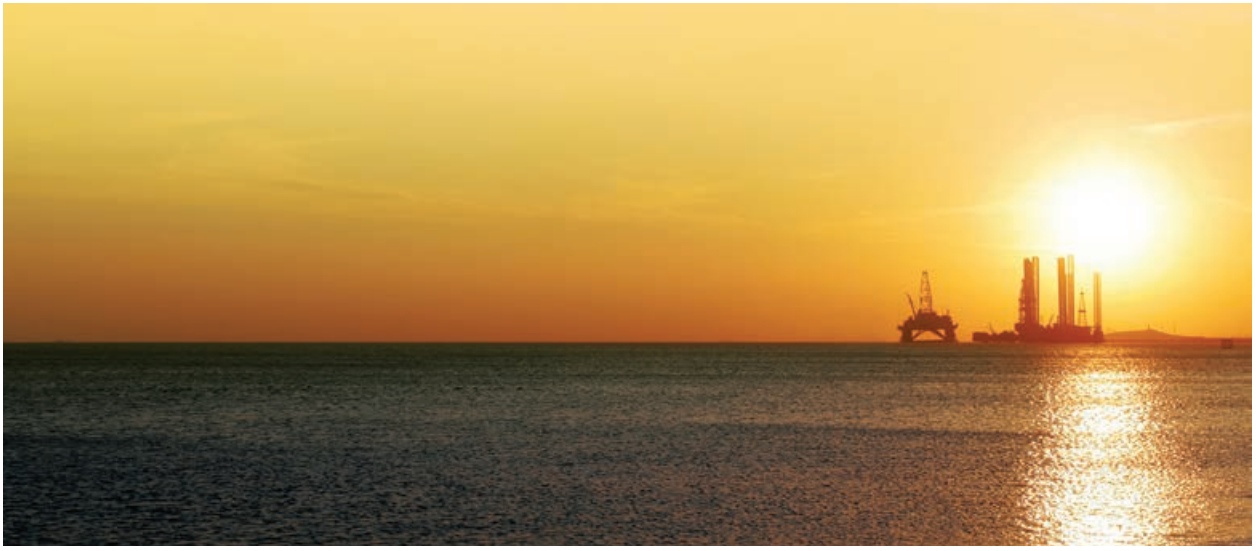

hai năm gần đây đã liên tục tăng lên mức tương đối cao, đặc biệt giá thuê giàn khoan jack-up đã tăng từ mức trung bình 120.000 USD/ ngày từ năm 2011 đến 140.000 USD - 156.000 USD/ngày trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, các công ty thăm dò và khai thác dầu khí cũng đưa ra nhiều chương trình khoan dài hạn tạo tính ổn định và hấp dẫn với các nhà thầu khoan. Trước những cơ hội đó, có thể khẳng định rằng việc đưa dịch vụ cung cấp giàn khoan biển của PV Drilling ra thị trường nước ngoài là một chiến lược hoàn toàn đúng đắn và khả thi, và PV Drilling hiện tại đã và đang có đủ năng lực cả về cơ sở vật chất và con người để làm tốt nhiệm vụ này.

Để chuẩn bị cho nhiệm vụ chiến lược này, PV Drilling đã không ngừng học hỏi và tích lũy kinh nghiệm, đồng thời huy động được nguồn lực cả về tài chính và kinh nghiệm từ nhiều đối tác, đặc biệt là từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty dầu khí uy tín trên thế giới để phát triển và hoàn thiện dịch vụ cung cấp giàn khoan và các dịch vụ khác liên quan đến khoan. Đến nay, PV Drilling đang sở hữu và vận hành 3 giàn khoan tự nâng hiện đại, 1 giàn khoan đất liền, cùng với 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm thế hệ mới nhất tại vùng biển Việt Nam với hiệu suất cao và tính an toàn luôn được đảm bảo. Bên cạnh việc vận hành các giàn khoan sở hữu, từ năm 2010, PV Drilling đã đẩy mạnh việc hợp tác với các nhà thầu khoan dầu khí lớn có uy tín trên thế giới như Transocean, Seadrill, Ensco, Maersk Drilling, Vantage Drilling… để đưa thêm giàn khoan vào phục vụ cho các chiến dịch khoan tại vùng biển Việt Nam. Chính sách này không chỉ nhằm mục đích tìm kiếm doanh thu và lợi nhuận, mà còn giúp PV Drilling học hỏi được thêm kinh nghiệm quản lý, vận hành giàn khoan tiên tiến của thế giới và phát triển đội ngũ nhân lực khoan cho Tổng Công ty. Ngoài ra, PV Drilling cũng đã phát triển được các mảng dịch vụ kỹ thuật cao đi kèm như dịch vụ đo Karota khí (Mudlogging), đo trong khi khoan (MWD), khoan định hướng (Directional Drilling), thử vỉa, lấy mẫu, dịch vụ gia công cơ khí và cho thuê thiết bị khoan dầu khí … tất cả đều đã được thực hiện rất tốt tại thị trường Việt Nam, trong đó nhiều dịch vụ đã chiếm lĩnh được hơn 90% thị phần, mang lại nguồn thu cũng như gia tăng uy tín đáng kể cho PV Drilling trong thời gian qua. Với năng lực đó, cùng với sự trưởng thành của đội ngũ nhân lực, PV Drilling hiện tại hoàn toàn tự tin có khả năng cung cấp giàn khoan và các dịch vụ khoan trọn gói cho các chiến dịch khoan tại nước ngoài.

Song song với việc chuẩn bị nguồn lực, trong những năm qua, PV Drilling đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường nước ngoài, nắm bắt và dự đoán nhu cầu của thị trường khoan dầu khí ở một số khu vực như như Malaysia, Indonesia, Campuchia, Myanmar, hay xa hơn nữa là Bắc Phi, Trung Đông và một số nước Châu Mỹ La Tinh. Trong tương lai gần, PV Drilling tập trung vào thị trường Đông Nam Á, đặc biệt Malaysia và Indonesia sẽ là hai thị trường nhiều tiềm năng. Bên cạnh đó, PV Drilling đã tìm và thiết lập quan hệ đối tác với các công ty địa phương như UMW Standard Drilling, MKN Odyssey tại Malaysia, Altus Drilling tại Indonesia nhằm kịp thời nắm bắt thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dự thầu cung cấp dịch vụ khoan. Mục tiêu của PV Drilling sẽ là đưa từ 1 đến 2 giàn khoan biển của PV Drilling hoạt động thường xuyên tại các khu vực này, và sẽ mua hoặc đóng mới thêm các giàn khoan để đảm bảo giữ vững được thị phần khoan trong nước. Hiện tại, tất cả các nguồn lực như cơ sở vật chất, con người, khả năng tài chính, quy trình quản lý đều đã được chuẩn bị đầy đủ để sẵn sàng cho việc đưa những giàn khoan của PV Drilling ra biển lớn, và PV Drilling tin tưởng rằng bước đi táo bạo này sẽ gặt hái những thành công đầu tiên trong tương lai không xa.

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRUNG VÀ DÀI HẠN

Để hiện thực hóa tầm nhìn đã đặt ra và đạt được mục tiêu phát triển một cách bền vững, PV Drilling đề ra kế hoạch kinh doanh dài hạn tập trung những công việc chính như sau:

1 Tiếp tục củng cố vị thế chiếm lĩnh ở thị trường khoan trong nước đồng thời đẩy mạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh tại thị trường trong khu vực và quốc tế, xây dựng PV Drilling thành một thương hiệu có uy tín trong khu vực và trên thế giới.

2 Tiếp tục hợp tác với các nhà thầu khoan lớn trên thế giới để cung cấp các giàn khoan tại Việt Nam dưới hình thức liên doanh, liên kết nhằm giữ vững và mở rộng thị trường, tăng doanh thu lợi nhuận. Tiếp cận và học hỏi các phương pháp quản lý và điều hành giàn khoan tiên tiến, công nghệ hiện đại từ các đối tác uy tín.

3 Tăng cường quan hệ với đối tác hiện hữu và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín, có khả năng về công nghệ và dịch vụ tốt trên thế giới để phát triển các loại hình dịch vụ khoan kỹ thuật cao tại thị trường Việt Nam. Tuy nhiên PV Drilling chú trọng phát triển bền vững bằng việc tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, mở rộng thêm các loại hình dịch vụ kỹ thuật khoan nâng cao cả về lượng và chất bằng việc tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cao từ nước ngoài.

4 Tiếp tục mở rộng đội ngũ giàn khoan, đặc biệt phát triển dịch vụ vận hành giàn khoan tự nâng sẽ là nòng cốt trong chiến lược phát triển của PV Drilling. Với mục tiêu đưa các giàn khoan và dịch vụ của PV Drilling tiếp cận thị trường thế giới, PV Drilling sẽ đẩy mạnh liên kết và hợp tác đầu tư, mua đóng mới giàn khoan, đồng thời phát triển các loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, liên tục cập nhật kỹ thuật tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực khoan, nghiên cứu đầu tư các loại hình giàn

khoan và dịch vụ mới phục vụ công tác khoan, thử vỉa, sửa chữa giếng khoan, khai thác sớm và chứa dầu… Trong kế hoạch phát triển đến năm 2020, PV Drilling có thể duy trì cung cấp từ 5 đến 7 giàn khoan tự nâng, và một số giàn khoan nước sâu khác khi nhu cầu tăng lên.

5 Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả của các giàn khoan, đảm bảo hiệu suất vận hành giàn cao bằng việc tối ưu hóa quy trình vận hành, thực hiện tốt công tác bảo trì và bảo dưỡng giàn khoan và các thiết bị phục vụ cho ngành khoan; đồng thời làm tốt công tác hậu cần, đáp ứng mọi yêu cầu của sản xuất, đặt biệt chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành giàn khoan cũng như trong toàn doanh nghiệp nhằm đảm báo tính ổn định và xuyên suốt của cả hệ thống. Điều này sẽ là nền tảng của PV Drilling trong lộ trình vươn ra biển lớn.

6 Cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, chú trọng nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ bằng việc tăng cường khuyến khích sự sáng tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực khoan dầu khí trong và ngoài Tổng Công ty.

7 Nâng cao hoạt động quản lý của PV Drilling theo định hướng chuyên nghiệp và hiện đại hoá nhằm tăng năng lực cạnh tranh so với các công ty dịch vụ dầu khí quốc tế khác là một trong các ưu tiên hàng đầu của Tổng Công ty. Chú trọng đầu tư xây dựng kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác quản lý, nâng cao năng lực quản lý chung và quản lý chuyên môn, làm tiền đề cho việc khai thác hiệu quả các nguồn lực có sẵn.

8 Phát triển cũng như quản lý và khai thác một cách hiệu quả và triệt để các nguồn lực sẵn có; Củng cố và phát triển đội ngũ nhân lực vững mạnh cũng như xây dựng một hệ thống quản lý nhân sự chuyên nghiệp, xem xét tái cấu trúc hệ thống lương bổng và phúc lợi cho phù hợp với thị trường và chính sách của Tổng Công ty để thu hút các chuyên gia, cán bộ có kinh nghiệm, làm nền tảng cho sự phát triển của PV Drilling, xây dựng bản sắc và văn hóa của PV Drilling trên cơ sở nhân lực năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn và quản lý chuyên nghiệp.

9 Bên cạnh việc thu hút đội ngũ chuyên gia ngành khoan giàu kinh nghiệm bằng các chính lượng thưởng và phúc lợi, PV Drilling sẽ tập trung nhiều hơn cho hoạt động đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự trẻ, từng bước tiếp cận trình độ của chuyên gia trong ngành của các nước tiên tiến.

10 Tăng cường việc tập trung vào công tác quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy trình quản lý vận hành doanh nghiệp, giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư và nghiên cứu kỹ lưỡng các phương án kinh doanh mới, nhằm đảm bảo khả năng nắm bắt triệt để cơ hội của thị trường mà không ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của PV Drilling.

11 Đảm bảo tốt vấn đề an toàn sức khỏe cho người lao động trong hoạt động sản xuất cùng với việc tuân thủ an toàn môi trường theo các quy định trong nước cũng như theo các chuẩn mực nghiêm ngặt của quốc tế.

12 Triển khai xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn trong 5 năm tới đến từng đơn vị trong Tổng Công ty, nhằm giúp Ban Tổng Giám đốc có những giải pháp thích hợp để quản lý tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp phù hợp với năng lực của Tổng Công ty và thị trường trong từng giai đoạn.

13 Sử dụng các công cụ phái sinh như các hợp đồng Swap, Option nhằm giúp Tổng Công ty chủ động trước những biến động của tỷ giá cũng như lãi suất các khoản vay trong giai đoạn thị trường tài chính không ổn định, hạn chế được những ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

14 Ứng dụng phần mềm quản lý tiên tiến trong quản trị doanh nghiệp, chú trọng về quản trị chi phí hoạt động và thực hiện tiết kiệm chi phí một cách khoa học để đảm bảo sự tăng trưởng lành mạnh trong dài hạn. Cụ thể, Tổng Công ty tiếp tục triển khai các dự án nhằm nâng cao công tác lập ngân sách và kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị online trong toàn Tổng Công ty, thực hiện kiểm soát chi phí đến từng bộ phận và theo dõi hiệu quả sử dụng vật tư, phụ tùng, cũng như thực hiện các chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

15 Với nền tảng phát triển bền vững trong những năm qua và định hướng vươn tới thị trường thế giới, Tổng Công ty đặt ra mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân 10%/năm trong giai đoạn 5 năm tới.

Chú trọng đào tạo quản trị rủi ro, phát triển vững

Bền

Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, chú trọng đào tạo và phát triển đội ngũ quản lý, chuyển mình theo hướng **phát triển vững bền**.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị rủi ro
Chính sách Nhân sự
Phát huy vai trò của CNTT trong SXKD
Minh bạch thông tin
Công tác Quan hệ cổ đông

QUẢN TRỊ RỦI RO

Tại PV Drilling, công tác quản trị rủi ro trở thành một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo ra các giá trị gia tăng và mang lại sự phát triển bền vững đối với doanh nghiệp.

Quản trị rủi ro doanh nghiệp ngày nay được coi như là một bộ phận không thể tách rời với chiến lược doanh nghiệp. Điều đó có nghĩa là chiến lược của doanh nghiệp sẽ được xem là không đầy đủ nếu thiếu vắng sự gắn kết với quản trị rủi ro. Nhân công của một nhà máy nào đó bất ngờ đình công làm ngưng trệ sản xuất. Hàng loạt nhân viên giỏi của một công ty nào đó ra đi để chuyển sang doanh nghiệp khác hoặc thành lập công ty riêng ... Những rủi ro đó sẽ làm cho doanh nghiệp bị bất ngờ và dẫn đến thiệt hại ảnh hưởng đến mục tiêu của doanh nghiệp nếu như chúng không được doanh nghiệp lường trước. Tất cả những vấn đề đó đều được thiết kế và soi rọi trong lăng kính của quản trị rủi ro doanh nghiệp. Có nhiều loại rủi ro khác nhau được xâm nhập từ bên ngoài doanh nghiệp cũng như phát sinh bên trong doanh nghiệp. Rủi ro thường được phân loại vào những nhóm chính như rủi ro chiến lược, rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính và rủi ro tuân thủ.

Trong bối cảnh hiện nay, mỗi doanh nghiệp Việt Nam phải có ý thức xây dựng hệ thống quản trị rủi ro để bảo đảm sự phát triển bền vững của chính doanh nghiệp. Mọi quyết định của doanh nghiệp đều cần phải cân nhắc cả hai khía cạnh về hiệu quả tài chính cũng như phải đánh giá, kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra. Công tác quản trị rủi ro ngày nay không còn được xem là nhân tố nhỏ trong việc đánh giá hiệu quả tài chính mà trở thành nhân tố quan trọng góp phần tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp. Tại PV Drilling, công tác quản trị rủi ro được Ban lãnh đạo xem như là kim chỉ nam và trở thành "giá trị" quan trọng mang lại sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI PV DRILLING

Đặc thù của lĩnh vực dầu khí phải đối mặt với nhiều rủi ro vì vậy ngay từ ngày đầu thành lập công tác an toàn đã được PV Drilling chú trọng hàng đầu. Cùng với việc gia tăng hạm đội giàn khoan sở hữu lên 5 giàn vào cuối năm 2012 và tăng thêm số lượng các giàn khoan thuê, phát triển các dịch vụ đa dạng để cung cấp chuỗi dịch vụ hoàn thiện cho các nhà thầu dầu khí, công tác quản trị rủi ro tại PV Drilling ngày càng mở rộng và triển khai bài bản, chuyên nghiệp. Việc PV Drilling được hiệp hội Các nhà thầu khoan quốc tế (International Association of Drilling Contractors - IADC) cấp chứng nhận giàn khoan PV DRILLING I đạt 5 năm vận hành liên tục không xảy ra sự cố nghiêm trọng, giàn khoan PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 3 năm vận hành an toàn, không xảy ra sự cố nghiêm trọng kể từ ngày đưa vào hoạt động minh chứng cho công tác quản trị rủi ro được Ban lãnh đạo quan tâm đúng mực, là niềm tự hào của đội ngũ kỹ sư vận hành giàn khoan, giúp PV Drilling tự tin cạnh tranh với các nhà thầu khoan lớn trong khu vực. Đến nay, PV Drilling cơ bản đã xây dựng được các quy trình để xác định, đánh giá và kiểm soát các tác động của rủi ro một cách hiệu quả đến mục tiêu và hoạt động kinh doanh.

MÔ HÌNH XÁC ĐỊNH MỐI LIÊN HỆ RỦI RO VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI PV DRILLING

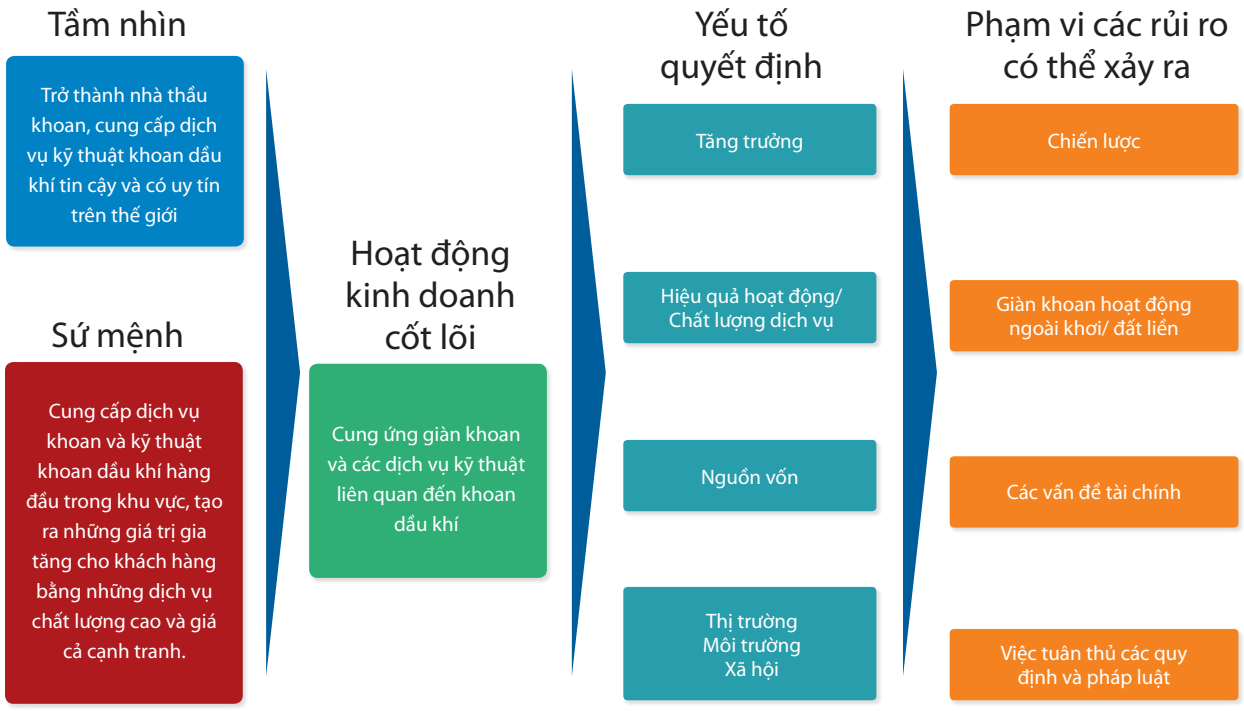

Ban lãnh đạo chú trọng việc xây dựng văn hóa về nhận thức rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Để có được kết quả tăng trưởng bền vững trong giai đoạn khủng hoảng, ngay từ những ngày đầu, PV Drilling đã xác định chiến lược phát triển và mục tiêu đúng đắn. Đó là việc tập trung mọi nguồn lực vào mảng cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí. Ở mọi thời kỳ, PV Drilling không lấn sân tham gia bất cứ lĩnh vực kinh doanh nào khác như đầu tư cổ phiếu hay bất động sản. Tuy có tuổi đời còn khá trẻ nhưng do hoạt động hiệu quả và giữ uy tín với khách hàng nên những năm gần đây thương hiệu "PV Drilling" đã dần trở nên quen thuộc với các thị trường khoan và cung cấp dịch vụ khoan khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt, vào tháng 10/2012 vừa qua, PV Drilling đã khai trương văn phòng đại diện tại Kuala Lumpur, góp phần đưa dịch vụ của Tổng Công ty đến gần hơn với thị trường Malaysia và các nước khác trong khu vực như Indonesia, Myanmar. Bên cạnh đó, thương hiệu PV Drilling cũng đã hiện diện tại một số nước ngoài khu vực Châu Á như Mexico và Algeria, ... để cung cấp dịch vụ khoan cho nhiều nhà thầu tên tuổi.

Với tham vọng chiếm lĩnh thị phần trong nước và vững vàng tiến ra nước ngoài, PV Drilling tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư thêm các giàn khoan hiện đại, phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao, đẩy mạnh hợp tác với các đối tác quốc tế có uy tín, tên tuổi bên cạnh việc chú trọng phát triển đội ngũ kỹ sư, công nhân khoan chuyên nghiệp, lành nghề. Ngoài ra, việc nâng cao hệ thống quản trị rủi ro là một trong những yêu cầu trọng tâm, bảo đảm các giàn khoan và các hoạt động kinh doanh khác luôn an toàn và hiệu quả nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, gìn giữ các giá trị đạt được và giúp PV Drilling phát triển bền vững.

> Hiểu và nắm bắt cơ hội đúng với chiến lược kinh doanh đề ra đã là yếu tố đóng vai trò "trung tâm" cho hoạt động kinh doanh của PV Drilling trong thời gian qua. Điều này chắc chắn tiếp tục là bàn đạp đưa PV Drilling lên những tầm cao mới...

Dự kiến trong năm 2013 cùng với việc tiếp tục gia tăng hạm đội giàn khoan, tổng tài sản của PV Drilling sẽ vượt mốc 1 tỷ USD. Trong tương lai, PV Drilling hướng tới vị trí nhà thầu khoan uy tín và chất lượng, sở hữu từ 8 – 10 giàn khoan hiện đại, chiếm lĩnh 70% thị phần khoan trong nước và đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao liên quan đến khoan như khoan định hướng, kiểm soát áp suất trong khi khoan, slickline, đo karota khí, ... Các dịch vụ của PV Drilling không chỉ cung cấp trong nước mà còn thâm nhập vào các thị trường quốc tế như Đông Nam Á, Bắc Phi, Nam Mỹ, ... khẳng định năng lực cạnh tranh cũng như bảo đảm lợi ích tối đa cho cổ đông và CBCNV của Tổng Công ty.

BÁM SÁT CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Trong quá trình phân tích chuỗi giá trị (the value chain), Ban lãnh đạo PV Drilling đã vạch ra và luôn bám sát những quyết định mang tính sách lược trong kinh doanh, qua đó xác định những tầm nhìn dài hạn bao gồm: Xác định và xem xét tất cả các phương án có thể lựa chọn để theo đuổi trong hoạt động kinh doanh, những cơ hội có thể đầu tư thời gian, tiền bạc, nguồn lực quản lý và chọn ra những cơ hội được cho là tốt nhất.

Xây dựng thành công chuỗi giá trị và bám sát các mục tiêu kinh doanh đặt ra đã hạn chế việc đầu tư ngoài ngành, tránh các rủi ro phát sinh vượt ngoài khả năng chuyên môn và tránh được rủi ro mất khả năng kiểm soát của Tổng Công ty. Điều này mang lại cho PV Drilling sự phát triển ổn định liên tục những năm qua trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế kéo dài và một số doanh nghiệp khác phải chật vật tái cấu trúc, thu gọn mục tiêu kinh doanh. Xác định đúng những cơ hội là một trong những điểm mạnh mà PV Drilling có được tại thời điểm hiện tại. Bên cạnh đó việc dự báo đúng về thị trường liên quan đến biến động cung cầu giàn khoan, dự báo giá dầu, giá cho thuê giàn, dự báo về mức độ tác động của các nhân tố đó đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và đâu là những cơ hội kinh doanh trong bối cảnh của những dự báo thị trường đó luôn được đội ngũ Ban Phát triển Kinh doanh của PV Drilling xem xét tỉ mỉ.

Nắm bắt cơ hội, đánh giá chúng một cách có cơ sở và lựa chọn những cơ hội thật sự phù hợp, đúng với chiến lược kinh doanh đề ra đã đóng vai trò hướng đạo cho hoạt động kinh doanh của PV Drilling trong thời gian qua và chắc chắn tiếp tục là bàn đạp đưa PV Drilling lên những tầm cao mới.

THAY ĐỔI MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Hiện nay, thị trường dịch vụ khoan khu vực Đông Nam Á và thế giới đang có chuyển biến tích cực. Dự kiến giai đoạn 2013 – 2017, nhu cầu giàn khoan tự nâng thế hệ mới sẽ tăng mạnh và giá cho thuê giàn khoan sẽ tiếp tục tăng trưởng trong khoảng 150.000 USD/ngày đến 170.000 USD/ngày. Trước những cơ hội mới đang mở ra, chiến lược vươn ra thị trường nước ngoài được PV Drilling đẩy mạnh sau nhiều năm chuẩn bị nguồn lực. PV Drilling đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với đối tác nước ngoài thành lập Công ty Liên doanh PV Drilling Overseas để cùng đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới đang được đóng mới. Việc hợp tác này sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho PV Drilling trong việc phát triển dịch vụ khoan ra các nước trong khu vực Đông Nam Á, khu vực Vịnh Mêxicô, đưa hình ảnh của PV Drilling vươn xa đến những khu vực như Bắc Mỹ, Châu Phi. Để phù hợp với quy mô mở rộng này PV Drilling đang từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp, chú trọng các chính sách phúc lợi để gìn giữ, phát triển nhân tài, xây dựng lộ trình phát triển cán bộ quản lý nhằm gìn giữ thành quả đạt được sau chặng đường 11 năm phát triển và nâng cao giá trị doanh nghiệp trong tương lai.

QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí tiềm ẩn các rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính mạng và sức khỏe con người, tài sản cũng như môi trường. Đặc biệt là khu vực ngoài khơi Việt Nam nơi điều kiện khí hậu khắc nghiệt, xa đất liền gây nhiều khó khăn cho công tác khắc phục sự cố. Bất kỳ các sự cố nào như phun trào giếng khoan, tràn dầu, cháy nổ trong khi khoan, thiên tai đều có thể dẫn đến việc ngừng hoạt động khoan, làm hư hỏng hoặc phá huỷ thiết bị, máy móc, nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe con người, thậm chí ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

Ý thức được vấn đề này, PV Drilling luôn đặt ưu tiên hàng đầu đến công tác quản trị rủi ro trong hoạt động; nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật mới để nâng cao hiệu quả vận hành giàn từ phương thức khoan truyền thống đến các phương thức khoan hiện đại, từ khoan khu vực nước nông đến khoan khu vực nước sâu, từ đó hạn chế tối thiểu các rủi ro trong hoạt động khoan.

ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ HSEQ (CHẤT LƯỢNG – AN TOÀN – SỨC KHOẺ – MÔI TRƯỜNG)

Hệ thống quản lý Chất lượng – An toàn – Sức khoẻ – Môi trường cho công tác vận hành giàn khoan là bộ khung cho doanh nghiệp khoan dầu khí, giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân theo luật pháp cho cả hoạt động khoan trong bờ lẫn ngoài khơi. Hệ thống này bao gồm 10 lĩnh vực chức năng thiết yếu từ tiêu chuẩn, quy trình, hướng dẫn, luật định, quy tắc áp dụng cho kiểm soát rủi ro về an toàn, chất lượng và môi trường. Các lĩnh vực này được áp dụng rộng rãi từ chính sách công ty, quản trị, phát triển và đào tạo nhân sự, thương mại, ... đến các quy trình ngoài khơi như: Khoan và kiểm soát giếng, bảo trì, bảo dưỡng, hướng dẫn an toàn, hàng hải, ứng phó sự cố và tình huống khẩn cấp, ... Các tài liệu HSEQ được giới thiệu và đào tạo đến tất cả nhân viên làm việc trong bờ lẫn trên giàn khoan để đảm bảo mọi người am hiểu sâu sắc và áp dụng một cách hiệu quả.

Hệ thống quản lý HSEQ được xây dựng ngay từ những ngày đầu thành lập PV Drilling và ngày càng hoàn thiện, quy chuẩn với việc đạt được các chứng chỉ quốc tế như tiêu chuẩn về các dịch vụ chuyên ngành khoan của Viện Dầu khí Hoa Kỳ (API), tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008, tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường ISO 14001, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001, ...

Nhờ hệ thống quản lý an toàn hiệu quả, hiệu suất hoạt động các giàn khoan trong suốt những năm qua luôn đạt ở mức xuất sắc trên 98%, là con số mơ ước của nhiều nhà cung cấp dịch vụ giàn khoan. Hiệu suất hoạt động cao là niềm tự hào của CBCNV, cũng như là hình ảnh thương hiệu uy tín của PV Drilling để cạnh tranh với các nhà thầu khoan lớn trên thế giới.

Mục tiêu của PV Drilling là tiến đến phát triển hệ thống quản lý HSEQ hiệu quả và rõ ràng, trong đó, xác định rõ vai trò của mỗi cá nhân và tập thể, mối quan hệ giữa các chức danh trong hệ thống. Bên cạnh đó, với sự cam kết mạnh mẽ từ Ban lãnh đạo, sự chuyên nghiệp của các cán bộ quản lý cũng như tính tuân thủ nghiêm ngặt của các cán bộ công nhân viên là các nhân tố thiết yếu giúp duy trì và phát triển hệ thống quản lý HSEQ một cách bền vững.

THIẾT LẬP TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ HỆ THỐNG

PV Drilling tự hào là nhà thầu khoan Việt Nam đầu tiên xây dựng cho mình tiêu chuẩn quản lý hệ thống "HSE Case" áp dụng cho hoạt động của tất cả các giàn khoan. Tiêu chuẩn này dựa vào các tiêu chuẩn chung của Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế - IADC và bổ sung cho phù hợp với các quy định pháp luật tại Việt Nam.

QUẢN LÝ VÀ BẢO DƯỠNG TÀI SẢN

Từ những ngày đầu thành lập, PV Drilling đã ứng dụng phần mềm Maximo trong công tác quản lý tài sản, mua sắm, quản lý hàng kho và xây dựng các chương trình bảo dưỡng định kỳ. Đến nay, PV Drilling đang áp dụng thêm các kỹ thuật phân tích mẫu dầu, theo dõi và ghi nhận số liệu từ xa, thiết bị quay ghi nhận nhiệt độ… để nâng cao kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì và thay thế các thiết bị chính yếu trên giàn khoan khi chạm đến ngưỡng "giới hạn kỹ thuật" và tối ưu hiệu suất sử dụng của các thiết bị chính yếu.

PV Drilling đang nghiên cứu phương pháp "bảo dưỡng dựa trên độ tin cậy tập trung" (RCM – Reliability Centered Maintenance) để phát triển công tác bảo trì, bảo dưỡng thông qua việc tìm kiếm các công nghệ trong hàng không, cơ tự động và các ứng dụng trong công nghiệp lọc hoá dầu để hoàn chỉnh hệ thống và phương thức bảo dưỡng trên giàn khoan. Chương trình RCM sử dụng chính các thông số thiết bị vận hành giàn khoan để đáp ứng mục tiêu quản lý tài sản, an toàn, tăng tuổi thọ thiết bị đồng thời đảm bảo thiết bị hoạt động hiệu quả hơn, tiết kiệm chi phí.

Chương trình thí điểm phương pháp RCM đã được thông qua, dưới sự tư vấn của Công ty thẩm định DNV, áp dụng cho các cần cẩu công nghiệp và máy phát điện ngoài giàn, … trong thời gian tới sẽ tiến hành đồng bộ cho mọi thiết bị và hệ thống trên giàn khoan.

QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG THIẾT BỊ CHO GIÀN KHOAN

PV Drilling có hàng nghìn mặt hàng phục vụ hàng ngày cho công tác khoan và các dịch vụ khác, do đó cần phải đảm bảo tính ổn định cho chuỗi cung ứng để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu vật tư cần thiết cho việc vận hành giàn khoan, tạo một vùng đệm an toàn cho hoạt động của giàn khoan. Với định hướng được chiến lược quản trị như trên, PV Drilling đã đầu tư, xây dựng Phân hệ mua hàng và quản trị hàng tồn kho trên hệ thống Maximo và phát triển như một giải pháp hiệu quả để cập nhật thông tin về việc cung cấp và điều chỉnh vật tư, cho phép theo dõi hàng tồn, báo cáo và kiểm toán, mua hàng trực tiếp và bổ sung kho song hành với các giao dịch khác. Với trên sáu năm kinh nghiệm trong hoạt động khoan đã cho phép PV Drilling liên tục hiệu chỉnh các ứng dụng trong Maximo, tối ưu hóa kế hoạch lưu kho và mua hàng, có thể đáp ứng nhu cầu bảo trì tốt hơn, cho phép các thiết bị cần thiết luôn có, ngay khi cần (Just in time).

Hơn nữa, việc thiết lập và triển khai thành công điểm cực tiểu – cực đại (Min – Max) cho vật tư, hàng hóa lưu kho là cột mốc quan trọng trong việc tăng cường trình độ quản lý, giúp PV Drilling có thể giảm thiểu việc thiếu hàng, hàng lưu kho bị hao hụt và tiến tới mua hàng một cách tự động theo định kỳ, theo định mức hoặc yêu cầu từng trường hợp mà vẫn đảm bảo được việc tối ưu hoá chi phí mua hàng và chi phí lưu kho.

Năm 2012, PV Drilling đã đưa vào vận dụng quản lý hàng tồn kho theo Mô hình đặt hàng kinh tế cơ bản (Economic Order Quantity Model - EOQ) linh hoạt với cơ chế Min-Max tự động. Tại kho trung tâm và từng kho vệ tinh đều hoạt động theo mô hình tồn kho EOQ với Min-Max. Từng hạng mục vật tư, thiết bị đều được xây dựng mức tồn kho Min-Max riêng biệt (tồn kho cơ chế Min-Max sẽ tương ứng với Khối lượng đặt hàng lại và tổng của tồn kho tối ưu với lượng đặt hàng tối ưu theo mô hình EOQ), khi tồn kho về Min, hệ thống sẽ tự động tạo Yêu cầu sử dụng hàng (Purchase Requisition) để trình phê duyệt và khởi đầu 1 chuỗi cung ứng được quản lý chặt chẽ và được ghi nhận vào hệ thống theo thời gian thực và tuân thủ Quy trình quản lý riêng biệt.

Để thiết lập và vận dụng Mô hình EOQ linh hoạt với cơ chế Min-Max tự động cho từng hạng mục vật tư thiết bị, PV Drilling đã phải tính toán kỹ lưỡng đến các yếu tố nội tại và cả yếu tố khách quan bên ngoài như việc đáp ứng của bộ phận mua hàng; bộ phận kỹ thuật; bộ phận hậu cần; bộ phận kế toán; bộ phận tiếp nhận hàng; lưu kho và kể cả cân đối nhu cầu sử dụng của khách hàng cũng như khả năng đáp ứng thời gian giao hàng của nhà cung cấp … Định kỳ hằng năm, PV Drilling rà soát phân tích biến động sử dụng vật tư thiết bị, theo dõi chặt chẽ kế hoạch bảo trì bảo dưỡng định kỳ nhằm điều chỉnh và xây dựng mức Min-Max tối ưu cho từng hạng mục đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh hiệu quả và tuyệt đối an toàn.

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ BẢO TRÌ VÀ SỰ CỐ THIẾT BỊ

Các kỹ sư giám sát công tác bảo trì và hoạch định kế hoạch bảo trì đã được huấn luyện chương trình quản lý bảo trì và sự cố thiết bị (RCM – Realiable Maintenace Control). Điều này giúp PV Drilling nhanh chóng có những kế hoạch chủ động trong công tác bảo trì, giảm thời gian dừng thiết bị phục vụ cho công tác bảo trì, bảo dưỡng dẫn tới hiệu suất hoạt động giàn cao.

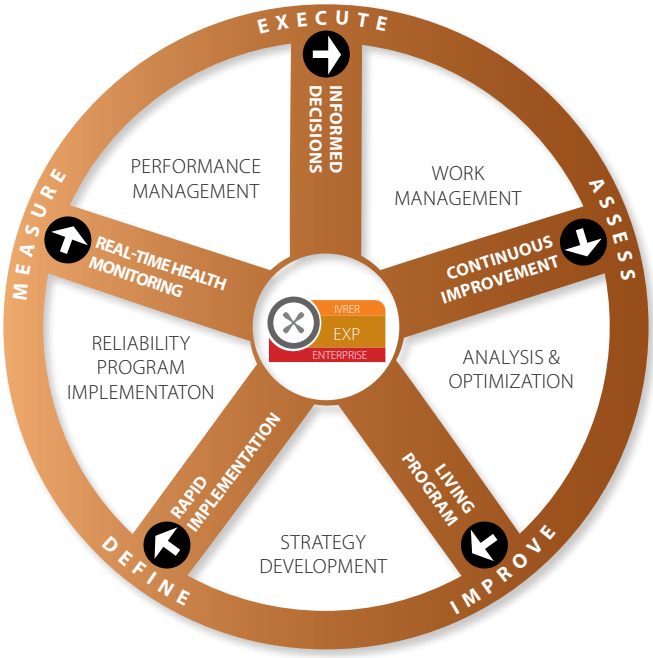

QUY TRÌNH VẬN HÀNH GIÀN

Quy trình vận hành giàn được xây dựng bài bản chuyên nghiệp cho cả khối vận hành trực tiếp cũng như các công tác quản lý An toàn, Sức khỏe, Môi trường liên quan. Các quy trình là chất xám của đội ngũ kỹ sư PV Drilling trải qua kinh nghiệm vận hành đúc kết để đưa ra được những hướng dẫn vận hành chuyên nghiệp hiệu quả. Hệ thống quy trình vận hành giàn còn tích hợp luôn cả các quy trình quản lý an toàn theo chuẩn của các hiệp hội nhà thầu khoan quốc tế (IADC), quản lý chất lượng, an toàn, môi trường theo ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001.

XÁC ĐỊNH CÁC RỦI RO VÀ MỐI NGUY TRONG HOẠT ĐỘNG GIÀN KHOAN

PV Drilling đã xây dựng chương trình Bow Tie là một phần của IADC Safety Case để quản lý vận hành giàn khoan. Với việc ứng dụng chương trình này đã giúp PV Drilling xác định các rủi ro liên quan tới các sự cố thiết bị, con người, thời tiết và đã đưa ra các giải pháp ngăn ngừa và đối phó hiệu quả. Chương trình này được xây dựng dựa trên sự kết hợp tư vấn của nhà thầu MAREX-UK.

XÁC ĐỊNH CÁC RỦI RO VÀ MỐI NGUY TRONG HOẠT ĐỘNG GIÀN KHOAN (tiếp theo)

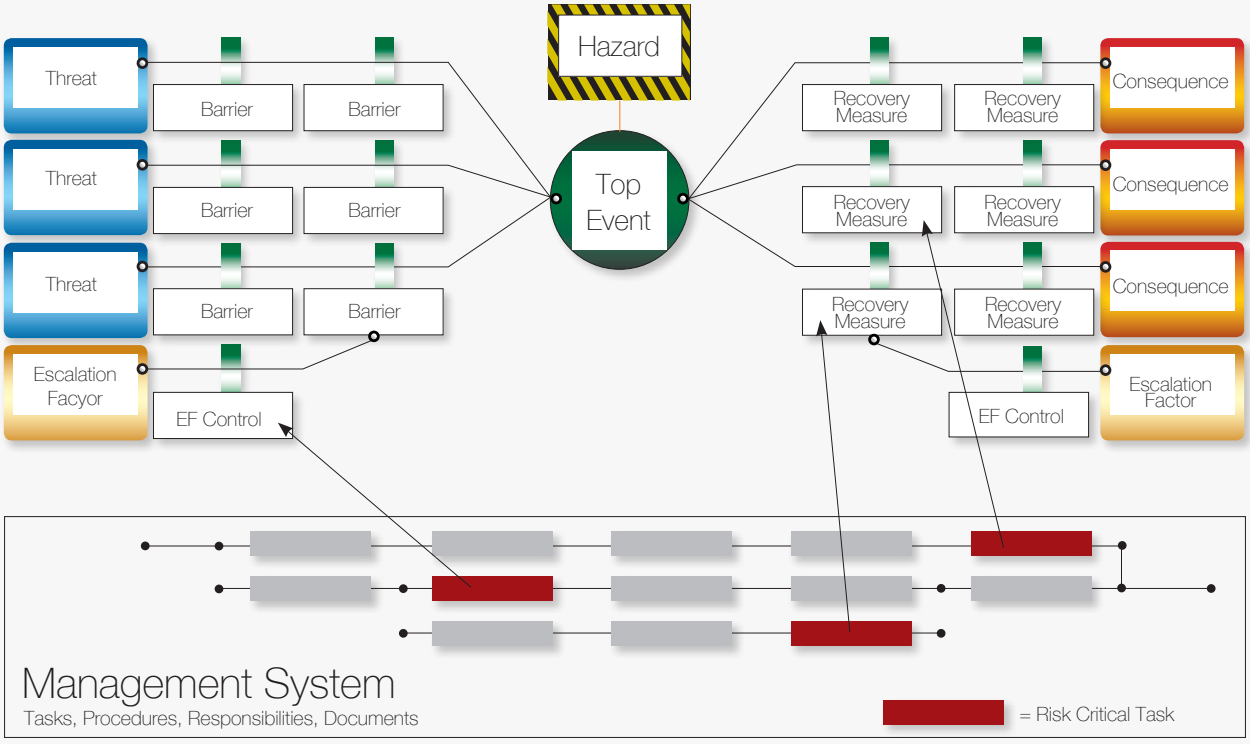

Xây dựng ngân sách vận hành giàn tốt, để chủ động về dòng tiền, nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu rủi ro liên quan tới việc thiếu dòng tiền đầu tư, mua sắm đảm bảo hoạt động giàn xuyên suốt. PV Drilling đã xây dựng được chương trình ngân sách hiệu quả, bám sát vào thực tiễn hoạt động của giàn giúp cho công ty có tầm nhìn xa và rộng trong việc quản lý các giàn khoan sao cho hiệu quả về mặt kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế khủng hoảng và khó khăn trong việc huy động vốn.

ĐÀO TẠO NHÂN SỰ VẬN HÀNH GIÀN

Các nhân sự vận hành giàn khoan được đào tạo bài bản ngay trước khi tiếp nhận giàn về hoạt động tại Việt Nam để làm quen vận hành thiết bị, kỹ thuật an toàn theo các chỉ dẫn của nhà sản xuất cũng như cập nhật các cộng nghệ mới. PV Drilling xây dựng chương trình đào tạo năng lực chuyên môn cho từng vị trí chức danh (competency training matrix) để đảm bảo mỗi vị trí chức danh trên giàn đều được huấn luyện theo phạm vi công việc đảm nhận và phù hợp với chuẩn mực quốc tế, chỉ dẫn an toàn của nhà sản xuất, cung cấp thiết bị. Điều này hỗ trợ các kỹ sư vận hành tránh được những sai sót không cần thiết, có nguy cơ gây hỏng hóc thiết bị, gây mất an toàn lao động và giảm thiểu khả năng giàn phải dừng vận hành do lỗi con người vận hành gây ra.

MUA BẢO HIỂM GIÀN KHOAN NHẰM TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA RỦI RO

Việc phòng ngừa rủi ro về các sự cố bất ngờ xảy ra và không kiểm soát được là hết sức cần thiết đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực khoan luôn hoạt động với cường độ cao Sự kiện cháy nổ giàn khoan Horizon Deepwater tại Vịnh Mexico là bài học rất có giá trị.

PV Drilling rất chú trọng đến công tác mua bảo hiểm giàn khoan nhằm nhằm giảm thiểu rủi ro cao nhất về mặt vận hành như tổn thất gián đoạn kinh doanh (Loss of Hire), hư hỏng thiết bị (Equipment Damaged), ... Điều này giúp Ban lãnh đạo của PV Drilling cũng như các nhà đầu tư yên tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, chính sách bảo hiểm về con người, bảo hiểm các loại tài sản khác cũng được xem trọng và thực hiện đều đặn hàng năm.

NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

PV Drilling hàng năm trích ra một chi phí lớn cho việc nghiên cứu ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ (KHCN) trong lĩnh vực vận hành và điều hành giàn khoan. Việc ứng dụng KHCN giúp cho PV Drilling giảm thiểu được những sự cố đáng tiếc có thể xảy ra liên quan tới an toàn lao động, quản lý hiệu quả các hoạt động vận hành giàn từ đó giảm thiểu các rủi ro do phải dừng giàn để sửa chữa hay khắc phục sự cố. Việc ứng dụng công nghệ cao bằng cách thức lựa chọn công nghệ thiết bị phù hợp, tối ưu hóa trong vận hành, các phần mềm quản lý, thiết bị công nghệ thông tin liên lạc, ... Trong năm 2012, PV Drilling đã vinh dự được Bộ Khoa học và Công nghệ trao Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho "Dự án Ứng dụng công nghệ giàn khoan tiếp trợ nửa nổi, nửa chìm (TAD) phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại vùng biển nước sâu Việt Nam". Việc đầu tư thành công cũng như nhận được những khuyến khích lớn từ chủ trương, chính sách của Nhà nước cho các sản phẩm công nghệ cao sẽ là nền tảng giúp PV Drilling tự tin triển khai nghiên cứu và thực hiện nhiều dự án khác trong tương lai.

QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH, HOẠCH ĐỊNH NGÂN SÁCH

Hoạch định ngân sách chính là hoạch định tài chính ngắn hạn (thường là một năm). Đây là quá trình bao gồm chuẩn bị, lập các kế hoạch ngân sách và giám sát việc thực hiện kế hoạch ngân sách nhằm hướng dẫn cho việc đạt được mục tiêu của tổ chức.

Quy trình cụ thể trong việc lập ngân sách đã được Tổng Công ty xây dựng và áp dụng xuyên suốt đến các công ty thành viên, qua đó điều phối được hoạt động của các đơn vị thành viên và những bộ phận trong Tổng Công ty. Việc xây dựng ngân sách giúp Tổng Công ty thấy được bức tranh về doanh thu, lợi nhuận, nhu cầu đầu tư cũng như xây dựng được cấu vốn hợp lý, đảm bảo tăng trưởng bền vững. PV Drilling luôn xây dựng một ngân sách về doanh thu, lợi nhuận rất "thách thức" và đưa ra nhiều giải pháp để hoàn thành chỉ tiêu mà Tổng Công ty đã đăng ký với cổ đông. Nhiều năm liền PV Drilling đều hoàn thành xuất sắc kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó bất kể những giai đoạn khó khăn nhất của nền kinh tế, từ đó tạo niềm tin cho cổ đông và được các quỹ đầu tư đánh giá là một cổ phiếu tiềm năng, đáng nắm giữ lâu dài.

Việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong xây dựng và kiểm soát ngân sách cũng luôn được chú trọng và đánh giá là công cụ cực kỳ hiệu quả trong công tác quản lý. Mục tiêu đặt ra cho năm 2013, PV Drilling sẽ tiếp tục triển khai Dự án ERP Oracle giai đoạn III bao gồm phát triển các phân đoạn Lập ngân sách và kiểm soát chi phí (Budget – Planning) và Lập hệ thống báo cáo quản trị truy xuất trực tuyến (Business Intelligence) nhằm nâng cao công tác quản trị, cung cấp thông tin sắc bén, kịp thời giúp cho Ban lãnh đạo ra quyết định đúng đắn.

Với việc xây dựng kế hoạch kinh doanh từ ngắn hạn đến trung và dài hạn một cách chặt chẽ, rủi ro doanh nghiệp luôn được kiểm soát tốt. Chính nhờ vậy, chi phí vay vốn cho các dự án giàn khoan của PV Drilling ở mức khá thấp, bình quân khoảng 4 – 5%/năm. Đây là lợi thế cạnh tranh mà PV Drilling đạt được trong những năm qua, mang lại lợi ích vô cùng to lớn cho cổ đông, nhà đầu tư.

ĐIỀU CHỈNH QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NHẰM NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Sau thời gian nghiên cứu sửa đổi và nhận nhiều ý kiến đóng góp từ các đơn vị và phòng ban, cuối năm 2012 PV Drilling đã ban hành Quy chế Quản lý Tài chính mới (Quy chế QLTC) nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính tập trung của Tổng Công ty, quản lý vốn đầu tư và nâng cao năng lực tài chính các đơn vị.

Quy chế QLTC đã đưa ra nhiều chuẩn mực tài chính nhằm nâng cao tính bền vững trong hoạt động kinh doanh như: Quản lý sử dụng vốn, quản lý các khoản nợ phải trả, đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty, quản lý hàng tồn kho, quản lý nợ phải thu, quản lý doanh thu – chi phí – lợi nhuận, các công tác kế hoạch tài chính – kế toán – kiểm toán, ...

Thông qua Quy chế QLTC, PV Drilling luôn theo dõi sát sao các hoạt động tài chính của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, mà cụ thể bằng các chỉ tiêu tài chính được hoạch định dựa trên kinh nghiệm và các thông lệ quản lý tài chính tốt nhất:

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH VỀ QUẢN LÝ CÔNG NỢ		CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUẢN LÝ VỐN VAY	
Số ngày thu tiền bán hàng	- Dưới 50 ngày đối với Dịch vụ Khoan - Dưới 65 ngày đối với Dịch vụ khác	Hệ số thanh toán lãi vay	Từ 2 lần trở lên
Tỷ số thanh toán hiện hành	Trên 1 lần	Tổng Nợ vay/ EBITDA	Dưới 2 lần
Tỷ số thanh toán nhanh	Trên 0,8 lần	Tổng Nợ vay/ Vốn chủ sở hữu	Dưới 1,5 lần
Tỷ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Dưới 3 lần (theo đặc thù ngành Dầu khí)		

QUẢN LÝ VIỆC CÂN ĐỐI DÒNG TIỀN

Tiền mặt được xem là tối thượng khi nói đến việc quản lý tài chính của một công ty đang trên đà phát triển. Sự chậm trễ giữa khoảng thời gian phải trả tiền cho nhà cung cấp và tiền lương nhân viên so với khoảng thời gian mà nguồn tiền phải thu về từ khách hàng là cả một vấn đề, và giải pháp cho vấn đề này là việc quản lý dòng tiền.

PV Drilling luôn xem việc hoạch định dòng tiền là khâu quan trọng bậc nhất của hoạt động quản trị dòng tiền, và quản trị dòng tiền là hoạt động quan trọng bậc nhất trong hoạt động quản trị tài chính. PV Drilling đã xây dựng đội ngũ cán bộ tài chính kế toán chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn cao và áp dụng hệ thống quản lý ERP trong công tác quản trị tài chính, kiểm soát ngân quỹ. Hệ thống ngân quỹ tập trung áp dụng thành công từ năm 2010 đến nay tiếp tục phát huy vai trò tối ưu dòng tiền, đảm bảo việc điều chuyển, phân phối nguồn vốn kịp thời cho các đơn vị thành viên nhằm hỗ trợ kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu chi phí và tối đa hóa thu nhập tài chính.

Việc đo lường dòng tiền được PV Drilling thực hiện hằng ngày nhằm theo dõi sát sao kế hoạch thu chi cho tháng tiếp theo, tuần tiếp theo và thậm chí là ngày kế tiếp. Một kế hoạch dòng tiền chính xác có thể báo động một cách tốt nhất cho những vấn đề trước khi nó xảy ra. Với sự hỗ trợ của hệ thống ERP, các khoản công nợ tại PV Drilling được phân loại theo tuổi nợ, lịch sử thanh toán của các khách hàng, việc xử lý triệt để những khoản nợ của khách hàng khi xác định những chi phí sắp tới, và cả sự kiên nhẫn của các nhà cung cấp. Những giả định không có cơ sở rằng các khoản phải thu sẽ tiếp tục đến với cùng tỷ lệ thời gian và các khoản phải trả có thể được kéo dài càng lâu càng tốt như trong quá khứ luôn được PV Drilling xem xét kỹ lưỡng.

Qua từng năm có thể thấy các chỉ tiêu tài chính thể hiện khả năng thanh khoản của PV Drilling luôn duy trì ổn định và cải thiện, bảo đảm sự lưu thông dòng tiền và hoạt động kinh doanh thông suốt của Tổng Công ty. Cụ thể, chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện thời của PV Drilling duy trì trên 1 lần. Theo dõi sát sao kế hoạch thu tiền từ khách hàng nhưng PV Drilling vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay đúng hạn, các khoản phải trả cho khách hàng theo đúng thời hạn trên hợp đồng. Điều này giúp PV Drilling khẳng định được uy tín với các đối tác và các tổ chức tín dụng.

PV Drilling luôn xem việc hoạch định dòng tiền là khâu quan trọng bậc nhất của hoạt động quản trị dòng tiền và quản trị dòng tiền là hoạt động quan trọng bậc nhất trong hoạt động quản trị tài chính. Sau hoạch định là việc kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo dòng tiền ra, vào theo đúng kế hoạch đã lập với mức chênh lệch nằm trong biên độ cho phép. Các hoạt động tiếp theo sẽ là theo dõi, đánh giá, điều chỉnh dòng tiền theo những biến động (hoặc biến cố) của tình hình sản xuất kinh doanh.

KIỂM SOÁT CÁC KHOẢN LÃI VAY

Công tác theo dõi, kiểm soát biến động lãi vay cũng là một công tác quản trị rủi ro tài chính quan trọng bên cạnh vấn đề cân đối dòng tiền. Cuối năm 2012, tổng dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn của PV Drilling vào khoảng 327 triệu USD với lãi suất thả nổi LIBOR/SIBOR cộng lãi suất biên. Dự đoán lãi suất thả nổi năm 2013 tiếp tục duy trì ở mức thấp do chính sách nới lỏng định lượng của Mỹ mang lại một lợi thế lớn cho PV Drilling. Dù vậy, đội ngũ cán bộ làm công tác điều hành ngân quỹ của PV Drilling vẫn theo dõi sát thị trường và trong trường hợp dự đoán khả năng biến động tăng của LIBOR trong tương lai sẽ thực hiện một số công cụ tài chính phái sinh như hoán đổi lãi suất cho một số khoản vay dài hạn với mức trần lãi suất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro lãi suất gia tăng, đảm bảo chi phí tài chính ổn định qua các năm.

KIỂM SOÁT BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Với doanh thu chiếm gần 90% bằng ngoại tệ (USD) và chi phí vào khoảng 65-70% bằng ngoại tệ trong tổng chi phí phải trả PV Drilling hầu như không gặp trở ngại nếu có biến động về tỷ giá. Mặc dù các khoản vay của PV Drilling đều phần lớn bằng USD nhưng do PV Drilling là đơn vị duy nhất trong ngành được hạch toán kế toán bằng USD nên không phát sinh chênh lệch lỗ do đánh giá lại các khoản vay.

QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO VỀ VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH

Trong thực tiễn hội nhập và phát triển của các Doanh nghiệp hiện nay, việc tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế và quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh là vấn đề sống còn để đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tăng cường uy tín và vị thế của doanh nghiệp trong nước và trên thế giới.

Nhận diện được vấn đề này, PV Drilling đã xây dựng Ban Kiểm toán Nội bộ (Ban KTNB) với một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cao để thực hiện đánh giá thường xuyên các vấn đề về tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy trình, quy chế nội bộ đã ban hành.

Hiện nay, Ban KTNB thực hiện định kỳ và đột xuất việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy trình, quy định, quy chế nội bộ trong Tổng Công ty cũng như việc thực thi các chính sách thuế, các quy định hiện hành…, đồng thời đánh giá công tác quản lý điều hành tại các Đơn vị nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả. Bên cạnh đó, Ban KTNB cũng đánh giá các rủi ro về hoạt động kinh doanh, tài chính, kế toán, thuế, nghiên cứu các chính sách Nhà nước để đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và đề xuất các biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp với mục tiêu sử dụng hiệu quả các nguồn lực Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, PV Drilling cũng nghiên cứu kỹ các chính sách thuế để áp dụng phù hợp với hiện trạng của Tổng Công ty, tối đa hóa các ưu đãi về miễn giảm thuế mang lại lợi ích cho cổ đông. Năm 2012, giàn khoan TAD đã xin được miễn thuế 4 năm, 9 năm tiếp theo hưởng ưu đãi thuế suất 5%, 2 năm tiếp hưởng ưu đãi thuế 10% nhờ chính sách ưu đãi và khuyến khích của Nhà nước đối với ứng dụng công nghệ cao. Bên cạnh đó, PV Drilling đã kiến nghị thành công với Tổng Cục thuế về việc tăng tỷ lệ giá trị gia tăng tính thuế trên doanh thu tính thuế đối với dịch vụ khoan dầu khí của các doanh nghiệp khoan nước ngoài từ 50% lên 70% để tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp khoan trong nước với các doanh nghiệp khoan nước ngoài.

XÂY DỰNG VĂN HÓA QUẢN TRỊ RỦI RO TẠO NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công tác quản trị rủi ro tại PV Drilling luôn được Ban lãnh đạo xem là xương sống trong hoạt động sản xuất kinh doanh, là yếu tố không thể thiếu trong việc gìn giữ giá trị và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Dự kiến trong năm 2013, PV Drilling sẽ kết hợp với các nhà tư vấn chuyên nghiệp để xây dựng hệ thống quản trị rủi ro trong toàn Tổng Công ty theo các quy chuẩn và thông lệ quốc tế, định hình công tác quản trị rủi ro thành một quy trình liên tục, chuyên nghiệp, mang tính hệ thống, có sự tham gia của tất cả các cá nhân và các bộ phận chức năng trong toàn PV Drilling nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành hiệu quả hoạt động giàn khoan, cung ứng kịp thời các dịch vụ khác với chất lượng dịch vụ cao, cũng như hợp tác kinh doanh với các đối tác quốc tế nhằm mở rộng thị phần cung cấp dịch vụ khoan ra thị trường khu vực và thế giới.

CHÍNH SÁCH **QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC**

Coi trọng nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản thúc đẩy hiệu quả doanh nghiệp. Các chính sách nhân sự tại PV Drilling được đề ra nhằm mục đích đưa nguồn nhân lực trở thành một trong những ưu thế cạnh tranh hàng đầu của Tổng Công ty.

Ngành khoan và dịch vụ khoan dầu khí luôn đòi hỏi một lực lượng lao động với trình độ chuyên môn cao, do đó vấn đề về đào tạo và nâng cao năng lực chuyên môn luôn được đặt lên hàng đầu. Nắm bắt được nhu cầu ngày càng cao về nhân lực, Tổng Công ty PV Drilling luôn xác định: Coi trọng nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản thúc đẩy hiệu quả doanh nghiệp. Các chính sách nhân sự tại PV Drilling được đề ra nhằm mục đích đưa nguồn nhân lực trở thành một trong những ưu thế cạnh tranh hàng đầu của Tổng Công ty và chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đã thể hiện rõ nét chủ trương này.

Tổng Công ty PV Drilling đã đầu tư vào PVD Training làm trung tâm đào tạo đáp ứng các nhu cầu thực tiễn của PV Drilling mà các trung tâm khác trong và ngoài nước không đáp ứng được. Nhờ đó, PV Drilling có thể chủ động trong việc phát triển khả năng chuyên môn cho nguồn nhân lực của Tổng Công ty.

MỘT VÀI CHỈ SỐ VỀ ĐÀO TẠO CỦA PV DRILLING QUA CÁC NĂM VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2013:

CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	ĐVT	2010	2011	2012	KH 2013
Số khóa đào tạo trong năm	Khóa	720	766	1.015	1.366
Số lượt người tham gia đào tạo	Người	2.927	3.971	3.994	4.452
Tổng chi phí đào tạo	Tỷ đồng	19,5	29,8	35	37,5
Chi phí đào tạo bình quân/CBCNV	Triệu đồng	12	17,3	21	21,2
Thời gian đào tạo bình quân/CBCNV	Giờ	9,9	10,3	11,8	12,4

PV Drilling đang xây dựng "Môi trường học tập – Learning environment" để trở thành một "Tổ chức luôn học hỏi – Learning organization". PV Drilling đảm bảo cho toàn bộ CBCNV của mình luôn được đào tạo liên tục để có đủ kỹ năng và trình độ chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Do vậy, việc học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý, nghiệp vụ, ngoại ngữ dưới mọi hình thức là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi CBCNV. Lãnh đạo toàn Tổng Công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho CBCNV tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn quản lý, nghiệp vụ của mình đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển của Tổng Công ty và Đơn vị.

Chiến lược đào tạo trọng tâm của PV Drilling là đào tạo phát triển tài năng và đội ngũ kế thừa, trong đó việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên viên kỹ thuật có trình độ cao để từng bước thay thế các vị trí do chuyên gia nước ngoài đảm nhận luôn là mục tiêu hàng đầu.

THỜI GIAN ĐÀO TẠO BÌNH QUÂN (GIỜ)

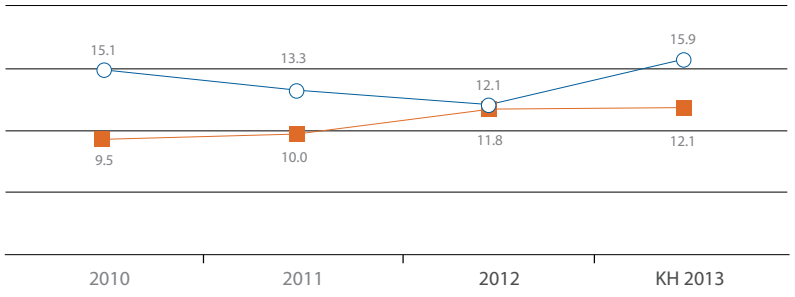

Thời gian đào tạo bình quân/Quản lý
Thời gian đào tạo bình quân/Chuyên viên

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Cơ cấu lao động Tổng Công ty tính đến 31/12/2012 được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ	Số CBCNV	Tỷ trọng	Hợp đồng lao động	Số CBCNV	Tỷ trọng
Tiến sĩ	2	0,1%	Thử việc	14	0,8%
Thạc sỹ	58	3,1%	Thời vụ	14	0,8%
Đại học	831	44,8%	Xác định thời hạn	938	50,6%
Cao đẳng, công nhân kỹ thuật	750	40,5%	Không xác định thời hạn	887	47,9%
Tổng cộng	1.853	100,0%	Tổng cộng	1.853	100,0%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Nhân sự kỹ thuật	1.136	61,3%
Nhân sự khác	717	38,7%

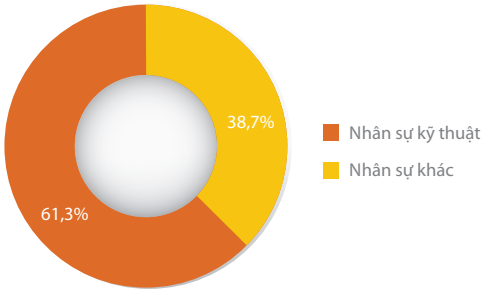

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng Công ty luôn xây dựng một chính sách lao động hợp lý để tạo sự yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài cho cán bộ công nhân viên. PV Drilling luôn hướng đến một chính sách đãi ngộ cạnh tranh dựa trên giá trị mà đội ngũ PV Drilling tạo ra, trên cơ sở hài hoà với lợi ích của nhà đầu tư và quy định của nhà nước Việt Nam. Chính sách này thể hiện sự tôn trọng của PV Drilling đối với nghề nghiệp, cuộc sống, gia đình của mỗi nhân viên, đảm bảo nhân viên có thể an tâm tập trung phát triển sự nghiệp tại PV Drilling để tiếp tục tạo ra và chia sẻ những giá trị mới.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG - THƯỞNG

Tiền lương, tiền thưởng được trả cho người lao động theo quy chế trả lương, trả thưởng của PV Drilling dựa trên cơ sở đánh giá công việc đảm nhận của từng chức danh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương được xây dựng theo các quy định của pháp luật, bảo đảm được tính công bằng và khuyến khích lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao:

- Lương chức danh;
- Lương hiệu quả công việc;
- Lương tháng 13;
- Phụ cấp cho những vị trí công việc đặc thù;
- Chế độ xem xét tăng lương gắn liền với hiệu quả công việc và hiệu quả hoạt động của PV Drilling.

PV Drilling có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho PV Drilling, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của PV Drilling:

- Thưởng nhân dịp lễ tết và các sự kiện đặc biệt của PV Drilling;
- Thưởng thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân hoặc tập thể;
- Thưởng về nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Bên cạnh chính sách tiền lương, tiền thưởng, người lao động làm việc tại PV Drilling còn được hưởng các chế độ phúc lợi khác theo quy định trong Thỏa ước lao động tập thể như: Trợ cấp những dịp lễ Tết, hiếu hỉ, ốm đau, thai sản... Chính sách trợ cấp đã giúp người lao động phấn khởi, tích cực lao động sản xuất và gắn bó lâu dài với PV Drilling.

BẢO HIỂM:

- Bảo hiểm Xã hội, Y tế, Thất nghiệp theo quy định của nhà nước;
- Bảo hiểm sức khoẻ chất lượng cao cho nhân viên: Điều trị bệnh nội/ngoại trú, chữa răng, thai sản;
- Bảo hiểm tai nạn 24/24.

PHÚC LỢI KHÁC:

- Trợ cấp nhân các sự kiện đặc biệt của CBCNV;
- Trợ cấp khi về hưu đối với CBCNV có thâm niên cống hiến tại PV Drilling;
- Trợ cấp ăn trưa;
- Trợ cấp trang phục;
- Hỗ trợ tiền tàu xe khi nghỉ phép năm;
- Chương trình du lịch trong và ngoài nước hàng năm;
- Khám sức khỏe định kỳ tại những trung tâm y tế chất lượng, uy tín;
- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho CBCNV;
- Các chương trình chăm lo cho con em CBCNV: Ngày hội gia đình, hỗ trợ đào tạo, khen thưởng con CBCNV có thành tích học tập tốt.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TRÊN NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trong những năm vừa qua, PV Drilling đã và đang thúc đẩy mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin vào hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Với mục tiêu phát triển bền vững và lấy công nghệ thông tin làm nền tảng, các hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng từng bước phát huy sức mạnh công nghệ và giải pháp để hỗ trợ cho Ban lãnh đạo Tổng Công ty và các cấp quản lý trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp – ERP Oracle: Thực hiện các công tác quản lý tài chính – kế toán, quản lý tài sản cố định, quản lý hàng tồn kho, quản lý hợp đồng – dự án, quản lý nhân sự - tiền lương một cách có hệ thống, đáp ứng các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp, các yêu cầu quản lý và tính sẵn sàng cung cấp thông tin cho các cấp lãnh đạo phục vụ ra quyết định điều hành doanh nghiệp.

Hệ thống quản lý bảo trì, bảo dưỡng và quản lý vật tư/hàng tồn kho của các Giàn khoan (MAXIMO): Thực hiện quản lý hệ thống vật tư/hàng hoá theo mô hình quản lý tối ưu tồn kho min-max, quản lý mua sắm vật tư/hàng hoá và công tác bảo trì, bảo dưỡng cụm máy móc thiết bị, tài sản theo lịch trình hoạt động của hệ thống giàn khoan.

Hệ thống hạ tầng CNTT: Được thiết kế chuẩn hoá theo các tiêu chuẩn mô hình CNTT tiên tiến để tạo ra nền tảng cung cấp môi trường phục vụ cho các hệ thống phần mềm ứng dụng CNTT được hoạt động xuyên suốt, đảm bảo các kênh thông tin liên lạc với đối tác cung cấp, khách hàng, giữa giàn khoan và bờ không bị gián đoạn, hỗ trợ người dùng

khai thác tối đa nguồn lực hạ tầng CNTT ứng dụng trong công việc hàng ngày và bảo mật thông tin lưu trữ của Tổng Công ty.

Đồng hành cùng với chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của PV Drilling và sự ủng hộ mạnh mẽ của Ban Tổng Giám đốc về việc thúc đẩy ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, các kế hoạch phát triển CNTT trong năm 2013 và các năm tiếp theo sẽ tiếp tục theo định hướng: Quản lý tập trung, khai thác tối đa các nguồn lực và giải pháp ứng dụng CNTT để tiếp tục hỗ trợ quản lý điều hành doanh nghiệp hướng đến tính chuyên nghiệp cao, trong đó:

- Thúc đẩy triển khai dự án ERP – Giai đoạn 3: Hệ thống hoạch định ngân sách và quản trị doanh nghiệp thông minh (Business Intelligence) kế thừa hệ thống thông tin sẵn có của hệ thống ERP Oracle (Giai đoạn 1 và 2) hướng đến công tác hoạch định ngân sách online và xây dựng bộ chỉ số KPIs có tính sẵn sàng thông tin cao, hỗ trợ kiểm soát chặt chẽ phục vụ hỗ trợ thông tin ra quyết định và điều hành cho các cấp lãnh đạo từ cấp độ Tổng Công ty xuống Đơn vị thành viên.
- Tiếp tục nghiên cứu và tìm hiểu các giải pháp mới để mở rộng và nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT đảm bảo được tính sẵn sàng cao hỗ trợ cho các ứng dụng CNTT phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả nhất.

THÔNG TIN MINH BẠCH KẾT NỐI VỮNG BỀN

Đối với doanh nghiệp, minh bạch thông tin về các hoạt động doanh nghiệp góp phần lớn trong việc xây dựng hình ảnh cho doanh nghiệp, cải thiện năng lực cạnh tranh. Minh bạch là điều kiện cần thiết trong việc doanh nghiệp hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Đối với cộng đồng, minh bạch thông tin cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao lòng tin của xã hội, các bên liên quan với doanh nghiệp và phòng chống tham nhũng. Sức đề kháng yếu ớt và sự thiếu minh bạch vốn có là những nguyên nhân khiến thị trường tài chính dễ dàng chao đảo mỗi khi xuất hiện thông tin xấu, dù chỉ là tin đồn thiếu căn cứ, đặc biệt đối với một thị trường còn rất non trẻ như thị trường Tài chính – Chứng khoán Việt Nam, trình độ hiểu biết về các báo cáo tài chính, các quy định tài chính còn nhiều hạn chế. Vì vậy, điều kiện minh bạch hóa thông tin và các báo cáo tài chính càng trở nên quan trọng đối với sự phát triển và ổn định của thị trường. Minh bạch thông tin không chỉ là giải trình, công bố, phản biện thông tin một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời ra bên ngoài mà còn là xây dựng những quy chế, quy trình quản trị trong nội bộ doanh nghiệp nhằm đạt được tính nhất quán trong hoạt động.

Minh bạch là một khái niệm còn khá mới mẻ đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam. Hiểu được lợi ích của minh bạch và lấy đó làm văn hóa doanh nghiệp là điều hết sức cần thiết. Thiếu nhận thức về minh bạch thông tin sẽ dẫn đến tình trạng quản trị lỏng lẻo, hoạt động kinh doanh suy yếu và vị thế bị ảnh hưởng xấu ...

Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế vừa qua, hoạt động công bố thông tin sụt giảm đáng kể và có nhiều nghi vấn về minh bạch thông tin của một số doanh nghiệp niêm yết. Theo báo cáo về Thẻ điểm quản trị công ty năm 2012 của IFC, điểm số cho việc minh bạch và công bố thông tin của các doanh nghiệp giảm 3,1% so với năm 2011 và các báo cáo của doanh nghiệp nhìn chung không đầy đủ và mang nhiều tính hình thức hơn so với trước. Các báo cáo tài chính cần là một tấm gương soi được cả một năm hoạt động của một doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc thiếu minh bạch đã khiến nhà đầu tư, thị trường không khỏi lo lắng về tính chính xác và minh bạch của những thông tin được công bố trong mùa công bố báo cáo tài chính hằng năm. Thông tin không được công bố chính xác, đầy đủ và thường xuyên dẫn tới việc nhà đầu tư có những đánh giá không chuẩn xác về doanh nghiệp. Không những thế, trong năm qua một số doanh nghiệp bị phạt về việc chậm công bố thông tin làm niềm tin của nhà đầu tư và cộng đồng vào khối doanh nghiệp niêm yết suy giảm.

PV Drilling nhận thức được tầm quan trọng và xem vai trò của minh bạch thông tin là một phần không thể thiếu trong sự phát triển bền vững, lâu dài của Tổng Công ty. Bởi lẽ hoạt động của một doanh nghiệp bị tác động bởi nhiều yếu tố từ môi trường bên ngoài, bên trong, minh bạch thông tin chính là chất xúc tác tạo sự liên kết trong nội bộ PV Drilling và giữa PV Drilling với cộng đồng, xã hội. PV Drilling đã xây dựng và không ngừng cải tiến hệ thống quản trị nội bộ, quy trình trao đổi thông tin trong và ngoài Tổng Công ty.

MINH BẠCH ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI

Từ khi cổ phiếu PVD được niêm yết năm 2006, Ban lãnh đạo PV Drilling đã xây dựng Bộ phận Quan hệ cổ đông (Investor Relations - IR), trực thuộc Ban Tài chính làm cầu nối thông tin giữa doanh nghiệp và các cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng, các cơ quan chức năng và các bên liên quan khác. Trong những năm qua, Ban lãnh đạo PV Drilling đã cùng bộ phận IR tiếp đón nhiều cổ đông, quỹ đầu tư trong và ngoài nước, công ty chứng khoán, các đối tác chiến lược,… nhằm giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của Tổng Công ty, cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như chia sẻ kế hoạch đầu tư, định hướng phát triển kinh doanh của PV Drilling trong tương lai. Bộ phận Quan hệ cổ đông còn có trách nhiệm công bố các thông tin định kỳ, bất thường và giải trình với các cơ quan chức năng như Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng khoán những biến động tăng giảm trong kết quả hoạt động… Hàng năm, PV Drilling thực hiện công bố thông tin qua Báo cáo thường niên theo Luật định và liên tục đạt các giải thưởng như Báo cáo thường niên xuất sắc 2010, Báo cáo thường niên đặc biệt xuất sắc 2011 và Báo cáo thường niên tốt nhất 2012. Cũng trong năm 2012, PV Drilling đã vinh dự được UBCKNN trao tặng Bằng khen cho nỗ lực minh bạch thông tin của các doanh nghiệp niêm yết.

Thông qua Báo cáo thường niên, hoặc các cuộc họp ĐHĐCĐ hàng năm và những buổi trao đổi trực tiếp, các cổ đông/nhà đầu tư đã có cái nhìn sâu rộng hơn về PV Drilling, từ đó có những phản hồi, ý kiến đóng góp tích cực hỗ trợ Tổng Công ty điều chỉnh định hướng phát triển kinh doanh phù hợp với xu hướng thị trường. Ngoài ra, việc thường xuyên trao đổi, cập nhật thông tin đã góp phần ngăn chặn những tin đồn, thông tin không xác thực ảnh hưởng đến hình ảnh của PV Drilling, đến lợi ích của cổ đông, cán bộ công nhân viên và nâng cao tính minh bạch.

Ngoài ra, các kênh thông tin khác như website www.pvdrilling.com.vn, các tổ chức báo chí uy tín như Đầu tư chứng khoán, Báo Đầu tư, báo mạng như CafeF.vn, www.vietstock.vn,… đều là những kênh cập nhật thường xuyên và đầy đủ thông tin của PV Drilling, góp phần quảng bá cho thương hiệu PV Drilling và thắt chặt mối quan hệ giữa Tổng Công ty và cộng đồng.

Không những thế, nhằm đảm bảo tính nhất quán trong hoạt động trao đổi thông tin giữa PV Drilling và môi trường bên ngoài, Ban lãnh đạo đã ban hành quy trình công bố thông tin để toàn thể cán bộ công nhân viên nhận thức được vai trò của minh bạch thông tin và nắm được quy trình công bố thông tin theo đúng pháp luật. Quy trình công bố thông tin là cơ sở để quản lý hoạt động trao đổi thông tin dễ dàng hơn.

MINH BẠCH TRONG NỘI BỘ TỔNG CÔNG TY

Trải qua chặng đường 11 năm hình thành và phát triển, Tổng Công ty đã đạt được quy mô tầm cỡ với 14 đơn vị thành viên bao gồm 02 xí nghiệp trực thuộc, 06 công ty con, 06 liên doanh với hơn 1.800 Cán bộ Công nhân viên, tổng tài sản vượt 19.000 tỷ đồng. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo của PV Drilling đặt mục tiêu xây dựng văn hóa minh bạch trong nội bộ Tổng Công ty và khuyến khích, chỉ đạo các phòng/ban, đơn vị thực hiện trao đổi thông tin thường xuyên, minh bạch và chính xác.

Các phòng/ban và đơn vị tổ chức những cuộc họp định kỳ để trao đổi thông tin và giải đáp những thắc mắc. Định kỳ hằng năm Tổng Công ty tổ chức các cuộc họp triển khai kế hoạch tài chính ngắn hạn/dài hạn đến toàn thể các công ty thành viên, các Ban trực thuộc Tổng Công ty để đưa ra định hướng, chiến lược từ Ban lãnh đạo từ đó xây dựng một tiếng nói chung từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên.

Trong năm 2013 và 2014, Tổng Công ty sẽ triển khai giai đoạn 3, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP – Enterprise Resource Planning (Business Intelligence) sau khi triển khai thành công giai đoạn 1 & 2 cho các phân hệ Tài chính kế toán, Mua hàng, Quản lý Hợp đồng, Nhân sự. Trong giai đoạn này, công nghệ thông tin sẽ được ứng dụng vào việc lập, Quản lý ngân sách và Hệ thống hóa các báo cáo quản trị với mục tiêu theo dõi kiểm tra chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hình thành ý thức tiết kiệm, tránh lãng phí. Việc hoàn thiện hệ thống quản trị ERP không chỉ hỗ trợ công tác quản lý điều hành cho Ban lãnh đạo mà còn góp phần đưa các thông tin đến nhà đầu tư được chuẩn xác và kịp thời. Bên cạnh đó, hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (IDoc) được triển khai và đưa vào sử dụng thành công trong năm 2012 đã giúp công tác quản lý văn bản và xử lý công việc nhanh chóng, hiệu quả, tăng tính chủ động và tiết kiệm chi phí lưu trữ thông tin. Đặc biệt, hệ thống IDoc giúp rút ngắn thời gian trao đổi giữa các đơn vị trong ngành cùng triển khai phần mềm này.

Đối với hoạt động đầu tư mua sắm, Ban Thương mại Đầu tư làm đầu mối, chịu trách nhiệm lập, trình duyệt các báo cáo phân tích tiền khả thi. Bất cứ một dự án đầu tư lớn nào cũng đều được thành lập hội đồng thẩm định trong đó các thành viên đến từ nhiều phòng ban chức năng khác nhau. Việc làm này một mặt để quản lý, giám sát chặt chẽ các khoản mục đầu tư, mặt khác không kém phần quan trọng đó là chia sẻ thông tin trong nội bộ, để tất cả CBCNV nhận thức được tình hình hoạt động của Tổng Công ty. Để hỗ trợ Ban lãnh đạo trong công tác điều hành doanh nghiệp và kiểm soát rủi ro, Ban Kiểm toán Nội bộ được xây dựng ngay từ những ngày đầu Tổng Công ty thành lập. Sự tuân thủ các quy trình, quy chế luôn được bộ phận Kiểm toán nội bộ theo dõi, giám sát chặt chẽ, nâng cao tính nhất quán và là cơ sở thực hiện sự minh bạch trong nội bộ Tổng Công ty. Ngoài ra, không thể không nhắc đến sự góp phần quan trọng của việc quản lý dữ liệu của hệ thống thông tin tại PV Drilling. Luôn đề cao công tác trao đổi thông tin trong nội bộ Tổng Công ty và hỗ trợ một cách hiệu quả công tác quản trị điều hành doanh nghiệp, hệ thống quản lý thông tin luôn được quan tâm, đầu tư nâng cấp và điều hành bởi Ban Quản lý Hệ thống Thông tin (MIS).

Hiểu rõ việc minh bạch thông tin là một trong những giá trị dẫn đến sự phát triển bền vững, PV Drilling tiếp tục đẩy mạnh minh bạch thông tin, từ trạng thái sẵn sàng, chủ động giải trình sang hoạch định cơ chế, phản biện thông tin và giám sát sự minh bạch trong và ngoài Tổng Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG TRONG TƯƠNG LAI

Qua hơn 11 năm thành lập, hoạt đông công bố, giải trình, trao đổi thông tin và tính minh bạch trong hoạt động của PV Drilling đã tạo ra những kết nối bền vững giữa Tổng Công ty và cộng đồng, xã hội nói riêng và góp phần vào sự minh bạch, nhất quán của môi trường kinh doanh, thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung. Để đạt được mục tiêu trên, PV Drilling tiếp tục:

- Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ Quan hệ cổ đông để phát huy tốt hơn vai trò cầu nối thông tin giữa doanh nghiệp với cổ đông, nhà đầu tư và các tổ chức khác;
- Cung cấp các thông tin, sự kiện quan trọng nhanh chóng, kịp thời đến nhà đầu tư;
- Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ trong Báo cáo thường niên;
- Mở rộng, đa dạng hóa các kênh thông tin khác như website, báo chí, các hội thảo chuyên sâu;
- Xây dựng và áp dụng mô hình quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Xây dựng văn hóa minh bạch thông tin trong nội bộ Tổng Công ty Ban lãnh đạo PV Drilling luôn tâm niệm việc minh bạch thông tin giúp PV Drilling lựa chọn được nhà đầu tư đồng hành với mình trong phát triển sản xuất kinh doanh qua từng giai đoạn. Chọn người đồng hành là nhà đầu tư dài hạn thì đi kèm là chiến lược ổn định, chiến thuật thận trọng, ít biến động. Chọn đồng hành là nhà đầu cơ thì đi kèm sẽ là chiến lược chấp nhận nhiều rủi ro hơn, biến động mạnh hơn. Minh bạch thông tin, vì vậy vừa là nghĩa vụ, vừa là lợi ích của chính doanh nghiệp, là một trong những nhân tố góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ để doanh nghiệp hội nhập vào kinh tế toàn cầu.

công tác
QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Với mong muốn cung cấp thông tin cho cổ đông, các nhà đầu tư đầy đủ, chính xác và kịp thời, ngay từ thời gian đầu cổ phần hóa và niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) vào năm 2006 đến nay, PV Drilling đã không ngừng đầu tư, chú trọng vào công tác quan hệ cổ đông (Investor Relations - IR) nhằm minh bạch thông tin và tạo cầu nối giữa nhà đầu tư với doanh nghiệp, xây dựng hình ảnh PV Drilling thân thiện luôn luôn sẵn lòng đón tiếp cổ đông, nhà đầu tư.

Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR Team) hoạt động với vai trò tiên phong trong việc tập trung tất cả các yêu cầu từ cộng đồng nhà đầu tư. Hầu hết các yêu cầu này được IR Team phản hồi sau khi có sự xem xét của cấp Lãnh đạo cao nhất thông qua việc thu thập thông tin nội bộ từ nhiều Phòng/Ban khác nhau. Với vai trò này, IR Team được xác định trách nhiệm như một kênh liên lạc chính, cũng như cung cấp thông tin phản hồi với ban quản trị về nhận thức của cộng đồng đầu tư đối với Tổng Công ty.

NÂNG CAO CÔNG TÁC
QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Năm 2012, công tác quan hệ cổ đông của PV Drilling được đẩy mạnh trên hai phương diện, đó là xây dựng kênh giao tiếp thông tin rộng rãi, đồng thời đảm bảo chất lượng, độ tin cậy đối với những thông tin cung cấp. Nhằm kịp thời cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh cũng như chia sẻ định hướng phát triển kinh doanh, PV Drilling định kỳ tham gia các hội nghị với nhà đầu tư trong và ngoài nước; cập nhật tin tức thường xuyên về các sự kiện, hoạt động, kết quả tài chính cho các cơ quan truyền thông và trên trang thông tin điện tử: www.pvdrilling.com.vn

Trong năm 2012, trang thông tin điện tử của PV Drilling đã có gần 3 triệu lượt xem từ cộng đồng nhà đầu tư, chủ yếu trong các chuyên mục tin tức và quan hệ nhà đầu tư. PV Drilling cũng đã gặp gỡ, trao đổi, đối thoại với hơn 40 Quỹ đầu tư/Công ty chứng khoán trong và ngoài nước.

Nâng cao công tác quan hệ cổ đông một cách hiệu quả hơn nữa, PV Drilling đã chủ động tham gia nhiều hội thảo về Doanh nghiệp, Tài chính Chứng khoán để cập nhật cập nhật xu hướng thị trường cũng như minh bạch thông tin đối với các nhà đầu tư, điển hình như sau:

- Hội nghị "Ổn định Tài chính khu vực Đông Á" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG phối hợp với Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia tổ chức.
- Hội nghị "Vietnam Access" do Dragon Capital và CLSA phối hợp tổ chức.
- Hội nghị "Vietnam Access Day" do Viet Capital tổ chức.
- Hội nghị "Tình hình kinh tế Thế Giới và Việt Nam 2012 – 2014 & Những rủi ro Doanh nghiệp cần chú ý và chuẩn bị" do Dragon Capital tổ chức.
- Hội nghị "Nhà đầu tư năm 2012" do Macquaries tổ chức tại Singapore.

Thông qua các kênh thông tin, PV Drilling đã nhận được nhiều phản hồi tích cực về tính chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác trong công tác tổ chức/tiếp đón, sự nhiệt tình và cởi mở từ Ban lãnh đạo đến nhân viên, từ đó tạo lập được mối quan hệ bền chặt và uy tín giữa công ty và cổ đông, nhà đầu tư. Gìn giữ và tăng cường hơn nữa những kết quả tốt đẹp này, Ban lãnh đạo PV Drilling luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ chuyên viên Quan hệ Cổ đông, đặc biệt phát triển các chuyên viên có một nền tảng kiến thức vững chắc về tài chính, kế toán, hiểu biết sâu rộng về nhu cầu tài chính trong ngắn/dài hạn của Tổng Công ty.

Năm 2012, PV Drilling đã gặp gỡ, trao đổi thông tin, đối thoại với hơn **40** QUỸ ĐẦU TƯ/CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Dragon Capital, Viet Capital, Mirea Assets, JOM Fund, CLSA, JSI, Edgbaston, Red River Holding, NT Asia Capital, Lion Global, BlackRock, Consilium, BNP Paribas, Maybank Kim Eng, Nikko Probus, Harvest Global, PAN Asian (Citi HK), Binjahhill, Techcom Capital, Victoria Capital, BVSC, Caravel, Matterhorn, Taiwanese Investors, Mondrian, Leopard Capital, CPVN, Daiwa & Group of Funds, Seafarer, Pure Heart HK, PXP, World Over Cap, Asset Design JP, Finansa, Templeton, VCBS & Funds, Thiên Việt Sec, ...

Trong những năm qua, công tác quan hệ cổ đông đã trở thành một cầu nối vững chắc kết nối PV Drilling với cộng đồng nhà đầu tư. Thông tin luôn được cung cấp trung thực, kịp thời đã mang đến cho nhà đầu tư một bức tranh rõ nét về giá trị nội tại của PV Drilling. Và với thái độ cầu thị, PV Drilling đã tiếp nhận nhiều phản hồi tích cực từ cộng đồng nhà đầu tư để hoàn thiện và phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp theo xu hướng bền vững, hài hòa với lợi ích môi trường và xã hội.

Thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay khá đa dạng và phức tạp, đặc biệt những thông tin ngoài luồng lại có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng nhà đầu tư. Trước môi trường đầu tư bị tác động đa chiều như vậy, nhằm bảo đảm quyền lợi cao nhất của cổ đông, Ban lãnh đạo PV Drilling đã xác định hoạt động quan hệ cổ đông là hoạt động quan trọng không thể tách rời với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, cũng như xác định trách nhiệm trong việc nâng cao lòng tin của cổ đông, nhà đầu tư thông qua việc minh bạch trong quản lý, chủ động cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cộng đồng nhà đầu tư, ...

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo PV Drilling nhận thấy tầm quan trọng của các chính sách phát triển Tổng Công ty trong từng thời kỳ tác động đến hoạt động đầu tư của các cổ đông. Không chỉ tập trung vào việc cung cấp các kết quả tài chính, kết quả kinh doanh, sự kiện, ...

... XÂY DỰNG
NIỀM TIN
CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ

PV Drilling còn quan tâm đến việc truyền đạt các chính sách này đến với các bên có quan tâm, cộng đồng nhà đầu tư, cũng như mong muốn nhận được nhiều phản hồi tích cực từ các bên liên quan. Tiếp tục phát huy các chính sách đã thành công những năm qua, các chính sách trách nhiệm đối với môi trường, chính sách đối với cộng đồng, người lao động sẽ luôn được PV Drilling chủ động nâng cao và chú trọng đầu tư, đóng góp vào giá trị bền vững cho Tổng Công ty và cổ đông.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà HỒ NGỌC YẾN PHƯƠNG : *Phó Tổng Giám đốc*

BỘ PHẬN QHCĐ THUỘC BAN TÀI CHÍNH

Quản lý:

Ông ĐỖ DANH RẠNG : *Trưởng Ban Tài chính*

Ông NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG : *Phó Ban Tài chính*

Chuyên viên: 4 chuyên viên nắm vững các chuyên ngành Tài chính, Kế toán, Luật, Quản trị Kinh doanh.

Tel: +84-39142012 - ext 517, 518
Email: ir@pvdrilling.com.vn
www.pvdrilling.com.vn (mục Quan hệ cổ đông).

Mở rộng quy mô,
gắn kết cộng đồng,
uy tín tỏa

Rộng

Đa dạng hóa các loại hình cung cấp dịch vụ giàn khoan, mở rộng quy mô hoạt động, gia tăng giá trị cho khách hàng. Luôn quan tâm đến các hoạt động an toàn, môi trường và xã hội nhằm tạo nên một thương hiệu **uy tín tỏa rộng**.

MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG

Giới thiệu các đơn vị thành viên
Các hoạt động hướng về cộng đồng
An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (HSEQ)

XÍ NGHIỆP
ĐIỀU HÀNH KHOAN
PVD Drilling Division

Là đơn vị đảm nhận mảng dịch vụ then chốt của PV Drilling, việc duy trì các tiêu chuẩn chất lượng của dịch vụ và vận hành giàn khoan an toàn, hiệu suất cao luôn là ưu tiên hàng đầu của Xí nghiệp. Để thực hiện được điều đó, việc phát triển nguồn nhân lực và hệ thống quản lý được coi là trọng tâm trong quá trình phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Sở hữu một đội ngũ nhân sự có năng lực đến từ nhiều quốc gia trên thế giới kết hợp với các hệ thống quản lý tiên tiến đã góp phần tạo ra một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp đã giúp cho Xí nghiệp đạt được các mục tiêu về sản xuất kinh doanh của năm 2012.

Doanh thu và lợi nhuận
toàn Tổng Công ty về dịch vụ khoan

5.567 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

809 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

Ông NGUYỄN XUÂN CƯỜNG
Giám đốc PVD Drilling Division

Giới thiệu Công ty PVD Drilling Division

Xí nghiệp Điều hành Khoan (PVD Drilling Division) là chi nhánh của Tổng Công ty PV Drilling với mảng dịch vụ kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận hành 3 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan đất liền và 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm.

Việc duy trì các tiêu chuẩn chất lượng của dịch vụ và vận hành giàn khoan an toàn, hiệu suất cao luôn là ưu tiên hàng đầu của Xí nghiệp. Để thực hiện được điều đó, việc phát triển nguồn nhân lực và hệ thống quản lý được coi là trọng tâm trong quá trình phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc có một đội ngũ nhân sự có năng lực đến từ nhiều quốc gia trên thế giới kết hợp với các hệ thống quản lý tiên tiến đã góp phần tạo ra một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, theo đó giúp cho Xí nghiệp đạt được các mục tiêu về sản xuất kinh doanh của năm 2012.

Song song với việc không ngừng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, PVD Drilling Division luôn đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ mới của Tổng Công ty như ERP, Oracle, Maximo, ... vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Các công nghệ mới này cũng đã tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất của PVD Drilling Division đạt hiệu quả ngày một cao hơn.

Trong năm 2012, PVD Drilling Division tiếp tục quản lý và vận hành tốt các giàn khoan của Tổng Công ty và các giàn khoan thuê lại từ các đối tác nước ngoài, góp phần thực hiện chiến lược chung về mở rộng thị phần trong nước của Tổng Công ty. GGiàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm PV DRILLING V sau một năm hoạt động đã dần đi vào ổn định, trong khi giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 hoạt động tại Algeria vừa hoàn thành một năm vận hành hiệu quả, an toàn. Hiệu suất vận hành các giàn khoan đều đạt từ 98% trở lên. Các giàn khoan của Tổng Công ty đã vinh dự được Hiệp hội Các Nhà thầu Khoan Quốc tế (IADC) công nhận:

- Giàn PV DRILLING I đạt 5 năm vận hành an toàn, không xảy ra tai nạn mất thời gian làm việc (zero LTI).
- Giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 3 năm vận hành an toàn, không xảy ra tai nạn mất thời gian làm việc (zero LTI).
- Giàn PV DRILLING 11 đạt 1 năm vận hành an toàn, không xảy ra tai nạn mất thời gian làm việc (zero LTI).

PVD Drilling Division

Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, năm 2012, Báo cáo tài chính của PVD Drilling Division đã thể hiện những đóng góp mà kinh doanh vận hành giàn khoan mang lại, doanh thu đạt 5.567 tỉ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 809 tỉ đồng chiếm tương ứng 46,7% và 47,7% tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của toàn Tổng Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ BIỂN PVD

PVD Offshore

Là đơn vị hạch toán độc lập với 100% vốn của Tổng Công ty PV Drilling, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (PVD Offshore) chuyên cung cấp các dịch vụ: Cung ứng nhân lực khoan, Chế tạo – Sửa chữa – Kiểm định và Bảo dưỡng các thiết bị khoan và Ứng cứu sự cố tràn dầu. Ngoài các dịch vụ truyền thống, PVD Offshore còn cung cấp dịch vụ logistics cho nhân lực phục vụ các chiến dịch khoan của các nhà thầu khoan dầu khí.

809 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

187 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

Ông TRẦN THANH TÂN
Giám đốc PVD Offshore

Giới thiệu Công ty PVD Offshore

Năm 2012 là năm PVD Offshore tiếp tục đánh dấu sự phát triển thành công trong hoạt động SXKD của mình, khẳng định vị thế trên thị trường trong nước đối với các dịch vụ thế mạnh bằng chính nội lực là nguồn nhân lực chuyên môn có trình độ, kinh nghiệm và trang thiết bị, máy móc kỹ thuật hiện đại.

PVD Offshore

Kể từ thời điểm hoạt động độc lập từ năm 2007, PVD Offshore đã liên tục duy trì mức tăng trưởng doanh thu bình quân 30% hàng năm. Năm 2012, PVD Offshore đạt doanh thu 809 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 187 tỷ đồng; góp phần không nhỏ vào thành công chung trong năm của Tổng Công ty PV Drilling.

1 **Dịch vụ cung ứng nhân lực khoan:** Với đội ngũ nhân lực khoan hơn 750 người, đảm nhận nhiều chức danh khác nhau, PVD Offshore không chỉ cung ứng liên tục cho 12-13 giàn khoan hoạt động tại Việt Nam, trong đó có 4 giàn của Tổng Công ty PV Drilling, mà còn cho một số giàn hoạt động ở nước ngoài. Ngoài ra, PVD Offshore cũng đang mở rộng việc cung ứng nhân lực trên bờ cho một số công ty, nhà máy tại khu vực phía Nam.

2 **Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, kiểm định và bảo dưỡng các thiết bị khoan:** Được đầu tư các trang thiết bị, máy móc kỹ thuật cao, hiện đại, dịch vụ chế tạo, sửa chữa, kiểm định và bảo dưỡng các thiết bị khoan vẫn tiếp tục duy trì được tốc độ phát triển mạnh mẽ và giành được sự tin tưởng cao của khách hàng đối với các dịch vụ truyền thống; đồng thời có những bước đầu thành công đáng khích lệ trong việc gia tăng thị phần nhiều dịch vụ mới như: Dịch vụ kiểm định dưới nước (UWILD), dịch vụ Rope Access, chế tạo Flange, tiện cắt ren theo bản quyền, … PVD Offshore cũng đang nghiên cứu thị trường, tìm kiếm cơ hội để có thể phát triển dịch vụ ra nước ngoài.

3 **Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu:** Trong năm 2012, PVD Offshore vẫn giữ vững được thị phần cao đối với dịch vụ Ứng cứu sự cố tràn dầu tại Việt Nam. Không chỉ cung cấp dịch vụ cho các nhà thầu dầu khí, PVD Offshore đã và đang tiếp tục mở rộng cung cấp dịch vụ cho các khu vực cảng sông, cảng biển, các đơn vị tàng trữ, vận chuyển dầu. Với việc tiếp quản thêm nguồn cơ sở vật chất hiện đại gồm tàu NASOS I, NASOS II cùng hệ thống kho bãi và cầu cảng từ Trung tâm Ứng cứu Sự cố Tràn dầu Khu vực phía Nam (NASOS) đã góp phần rất lớn trong việc nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ của PVD Offshore.

Với đội ngũ quản lý và nguồn nhân lực có bề dày kinh nghiệm và tâm huyết, PVD Offshore tự tin trước những thách thức mới để gặt hái những thành công mới trong những năm sau, tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực dầu khí.

CÔNG TY TNHH MTV
ĐỊA VẬT LÝ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ

PVD Logging

Là một đơn vị hạch toán độc lập với 100% vốn chủ sở hữu của PV Drilling, PVD Logging chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao trong hoạt động khoan thăm dò và khai thác dầu khí. Bốn lĩnh vực hoạt động chính của PVD Logging là đo Karota khí (Mud Logging), kéo thả thiết bị và đo Karota khai thác (Slickline and Cased Hole Logging/Production Logging), thử vỉa (Well Testing) và cung cấp chuyên gia địa chất…

911 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

105 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

Ông LƯƠNG VĂN CƯƠNG
Giám đốc PV Drilling Logging

PVD Logging

Trong năm kinh tế thế giới có nhiều khó khăn 2012, với mục tiêu tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ đang cung cấp cho các khách hàng đã có và chuẩn bị nguồn lực cho những đột phá vào thời điểm hợp lý, PVD Logging vẫn đạt doanh thu 911 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 105 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2011.

Giới thiệu Công ty PVD Logging

Chính thức hoạt động từ năm 2006 với chỉ gần 20 nhân sự, đến nay PVD Logging đã có hơn 150 nhân viên, chiếm lĩnh phần lớn thị trường trong nước, dịch vụ đo Karota khí luôn giữ vững tỉ trọng 80 – 90% thị phần và các dịch vụ khác chiếm 55 - 75% thị phần.

Được định hướng đúng, khuyến khích và đầu tư thỏa đáng, PVD Logging đã có những bước tiến đáng kể trong công tác nghiên cứu và cải tiến khoa học kỹ thuật trong năm 2012. PVD Logging đã hoàn thành các bước thiết kế, thử nghiệm và cải tiến sau thử nghiệm cho bộ bẫy khí có dung dịch không đổi (Contain Volum Degaser - CVD) kết hợp với thiết bị cảm biến đo tỉ trọng dung dịch có độ nhạy cao (Corolois Density Sensor). Khách hàng chính thức đầu tiên là một công ty dầu khí nước ngoài, đã sử dụng và đánh giá cao hiệu quả mang lại từ bộ thiết bị này.

Trong năm 2012, PVD Logging đã chủ động tiếp xúc với các khách hàng ở thị trường trong khu vực, được mời tham gia đấu thầu nhiều dự án cũng như đã mang về nhiều hồ sơ mời thầu cho các đơn vị thành viên. Tháng 11/2012, PVD Logging đã ký hợp đồng đầu tiên cung cấp dịch vụ đo Karota khí và dịch vụ cung cấp chuyên gia Địa chất tại thị trường Myanmar cho chiến dịch khoan thăm dò dầu khí trong năm 2013.

Liên tục tìm kiếm thị trường nước ngoài, liên doanh với những công ty đa quốc gia có vị thế trong lĩnh vực hoạt động và tiếp tục đầu tư cho công tác nghiên cứu cải tiến khoa học kỹ thuật là những tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ PVD
PVD Well Services

Năm 2012 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Công ty PVD Well Services (PVD WS) với nhiều thành tích xuất sắc như được Nhà Nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba; Năm 2013, PVD WS chú trọng phát triển những ứng dụng mới, thiết bị mới như các thiết bị khoan nước sâu, well bore clean-up,… đã mang lại vị thế cao cho công ty ở thị trường trong nước, làm tiền đề phát triển ra thị trường khu vực và quốc tế.

834 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

168 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

Ông NGUYỄN VIẾT BỘT
Giám đốc PVD Well Services

PVD Well Services

Tuy năm 2012 là một năm khó khăn của nền kinh tế nói chung nhưng với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Tổng Công ty PV Drilling và sự nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên của Công ty, PVD WS vẫn gặt hái được những thành tựu đáng khích lệ với kết quả kinh doanh 834 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế 168 tỉ đồng.

Giới thiệu Công ty PVD Well Services

Mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng PVD WS vẫn duy trì được sự tăng trưởng ổn định, tiếp tục phát triển ba dịch vụ cốt lõi là Tubular Handling Services, Tools Rental và Managed Pressure Drilling một cách mạnh mẽ cả về lượng và chất. Ngoài ra, Công ty cũng luôn tìm kiếm các cơ hội phát triển dịch vụ ra nước ngoài và bước đầu đã thành công trong việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kéo thả ống chống tại Myanmar.

Trong năm qua, Công ty đã không ngừng phát triển các dịch vụ truyền thống vốn là thế mạnh như dịch vụ cho thuê thiết bị khoan, dịch vụ kéo thả ống chống và đã tối đa hóa thị phần trong việc cung cấp dịch vụ cho chiến dịch khoan của các nhà thầu, xây dựng tốt mối quan hệ với khách hàng, bảo đảm doanh thu và lợi nhuận ngày càng tăng. Đặc biệt, đội ngũ kỹ thuật viên kéo thả ống chống từ 28 người đã phát triển lên đến 45 người, có thể đáp ứng đủ nhân lực và thiết bị cung cấp dịch vụ TRS cho 10-15 giàn khoan trong cùng một thời điểm. Dịch vụ cho thuê thiết bị luôn đảm bảo sức cạnh tranh giữ vững 100% thị phần trong nước. Công ty tăng cường đầu tư cần khoan, cần thử vỉa, có khả năng đáp ứng 60% nhu cầu thị trường.

Ngoài việc phát triển các dịch vụ truyền thống, PVD WS đã chủ động liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để đưa các thiết bị mới vào khai thác nhằm đa dạng hóa loại hình dịch vụ mới của công ty trên thị trường Dầu khí như: Dịch vụ khoan có kiểm soát áp suất; dịch vụ tách lọc chất rắn và dịch vụ lọc dung dịch hoàn thiện giếng. Việc phát triển thành công 3 dịch vụ nói trên trong một thời gian ngắn đã đóng góp một phần hết sức quan trọng cho việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD của Công ty trong năm 2012 và sẽ tiếp tục trở thành những dịch vụ cốt lõi của công ty trong thời gian sắp tới.

Năm 2012, PVD WS cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu được triển khai và có 02 giải pháp được Tổng Công ty PV Drilling khen thưởng:

- Giải pháp Ứng dụng thiết bị Derrickman Arm trong công tác kéo thả ống chống.
- Giải pháp Cải thiện thiết bị 500T Slip Type Elevators để điều khiển được từ xa phù hợp với các thiết bị kéo thả ống chống hiện đại, thế hệ mới.

Với những thành tựu đạt được, PVD WS đã từng bước khẳng định mình là một nhà cung cấp dịch vụ giếng khoan chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam và tự tin trên con đường chinh phục những thử thách mới trên thị trường quốc tế với phương châm: KHẲNG ĐỊNH HIỆN TẠI - ĐỘT PHÁ TƯƠNG LAI.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
KỸ THUẬT KHOAN DẦU KHÍ PVD
PVD Tech

PVD Tech là đơn vị hạch toán độc lập với 100% vốn của PV Drilling đã được chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần từ tháng 7/2012, hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực thiết kế chế tạo các cụm thiết bị, cho thuê thiết bị đầu giếng và mudline, dịch vụ trọn gói cung cấp ống chống (TTM) và dịch vụ thương mại dầu khí.

1.966 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

50 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

Ông ĐẶNG XUÂN MẠNH
Giám đốc PVD Tech

PVD Tech

Năm 2012 PVD Tech đạt doanh thu 1.966 tỉ đồng và lợi nhuận trước thuế khoảng 50 tỉ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân về doanh thu là 30% và lợi nhuận trước thuế 37% kể từ khi chuyển đổi mô hình từ một xí nghiệp hạch toán phụ thuộc thành một công ty con của Tổng Công ty PV Drilling (tháng 9/2007).

Giới thiệu Công ty PVD Tech

Năm 2012, với chủ trương đầu tư mạnh mẽ cho chất lượng nguồn nhân lực, máy móc thiết bị, cơ sở vật chất để phát triển các dịch vụ có tỷ lệ nội địa hóa và hàm lượng kỹ thuật cao, PVD Tech đã hoàn thành việc góp vốn và sở hữu 51% vốn tại nhà máy ren ống Vietubes, đầu tư 51% vốn tại Công ty liên doanh PVD-OSI để phối hợp cùng với Công ty liên doanh hiện tại là PVD Tubulars Management tạo ra hệ thống dịch vụ trọn gói cung cấp ống chống bao gồm từ khâu gia công tiện ren, hàn ống đến khâu quản lý ống chống trọn gói. Đồng thời, PVD Tech tiếp tục tập trung đầu tư cho chất lượng nguồn nhân lực, máy móc thiết bị để phát triển dịch vụ thiết kế chế tạo các cụm thiết bị, không những chỉ nhằm vào thị trường trong nước mà còn hướng tới thị trường nước ngoài như Úc, Na Uy, Đan Mạch.

Ngoài ra, năm 2012 PVD Tech cũng đạt được nhiều cột mốc quan trọng như: Hoàn thành công tác chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần trong kế hoạch tái cấu trúc vốn của Tổng Công ty PV Drilling, tạo tiền đề cho việc huy động vốn ở một số dự án quan trọng về sau; ký thỏa thuận hợp tác ba bên với Semco Maritime - Denmark, PV Shipyard để phát triển dịch vụ hoán cải, sửa chữa và nâng cấp các giàn khoan; ký biên bản ghi nhớ với một đối tác tại Mỹ về việc hợp tác đầu tư nhà máy gia công cơ khí chính xác công nghệ cao đặt tại Tp. Vũng Tàu.

CÔNG TY TNHH MTV
KHOAN DẦU KHÍ NƯỚC SÂU PVD

PVD Deepwater

Tăng cường các biện pháp "Quản trị rủi ro" để duy trì ổn định, phát triển hiệu quả hoạt động của giàn khoan TAD - PV DRILLING V, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.362 TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU

296 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Ông TRỊNH VĂN LÂM
Giám đốc PVD Deepwater

PVD Deepwater

PVD Deepwater nhanh chóng đạt được mục tiêu tài tính của năm vừa qua với tổng doanh thu đạt 1.362 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 296 tỷ đồng cũng như bước đầu tiếp cận trọn vẹn, làm chủ công nghệ mới và ổn định, nâng cao hiệu suất hoạt động giàn khoan TAD ở mỏ Hải Thạch, Mộc Tinh nơi được coi là khó khăn bậc nhất ở thềm lục địa Việt Nam hiện nay.

Giới thiệu Công ty PVD Deepwater

PVD Deepwater là đơn vị hạch toán độc lập 100% vốn của PV Drilling. Ngay từ ngày đầu tiếp nhận giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (PV DRILLING V) về hoạt động tại vùng biển Việt Nam, PVD Deepwater đã xác định quản trị rủi ro là vấn đề trọng tâm trong hoạt động quản lý điều hành và khai thác giàn khoan. Với hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập, có các cơ cấu phù hợp và được xác lập liên tục trong toàn hệ thống quản trị điều hành của Công ty từ việc xác định, đánh giá, ra quyết định đến việc phản hồi, tổng hợp thông tin về các cơ hội cũng như mối đe dọa ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu đề ra của Công ty đã giúp cho PVD Deepwater nhanh chóng đạt được mục tiêu tài khóa của năm vừa qua với tổng doanh thu đạt 1.362 tỷ VNĐ, lợi nhuận trước thuế đạt 296 tỷ VNĐ. Đồng thời, PVD Deepwater đã bước đầu tiếp cận trọn vẹn, làm chủ công nghệ mới và ổn định, nâng cao hiệu suất hoạt động giàn khoan TAD ở mỏ Hải Thạch, Mộc Tinh nơi được coi là khó khăn bậc nhất ở thềm lục địa Việt Nam hiện nay về sự khắc nghiệt của thời tiết cũng như tính chất phức tạp của địa chất, địa tầng khu vực.

PVD Deepwater cũng như các doanh nghiệp khác thấu hiểu rằng quản trị rủi ro là việc xem xét đến những khía cạnh tích cực và tiêu cực của rủi ro. Nói cách khác, quản trị rủi ro được sử dụng để đánh giá các cơ hội có thể đem lại các lợi ích cho Công ty (tác động tích cực) cũng như quản trị những nguy cơ có thể có tác động bất lợi đến Công ty (tác động tiêu cực). Do vậy, quản trị rủi ro có thể không chỉ được áp dụng theo một cách chung chung mà nó có thể được sử dụng từ việc đưa ra các chiến lược ban đầu, đến các quyết định đầu tư cho đến các quy trình và các giải pháp hoạt động thực hiện.

Kể từ ngày giàn khoan PV DRILLING V về Việt Nam (17/10/2011), dưới sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), Ban lãnh đạo Tổng Công ty PV Drilling, Xí nghiệp Điều hành Khoan (PVD DD)… cùng với sự hỗ trợ tích cực từ phía khách hàng Biển Đông POC, PVD Deepwater đã điều hành thành công giàn khoan này với hiệu suất hoạt động cao, minh chứng cho sự đúng đắn về định hướng phát triển và lựa chọn công nghệ giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại vùng biển nước sâu Việt Nam. Ngày 31/08/2012 PVD Deepwater đã vinh dự được Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận Hoạt động Ứng dụng Công nghệ cao cho "Dự án ứng dụng công nghệ giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại vùng biển nước sâu Việt Nam".

Việc sử dụng thành công công nghệ đầu giếng khô với giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ở Việt Nam sẽ mở ra một hướng lựa chọn công nghệ mới cho các công ty dầu khí trong việc xem xét sử dụng công nghệ này để áp dụng vào những vùng mỏ phù hợp ở thềm lục địa Việt Nam. Với những ưu điểm nổi bật, các công ty dầu khí sẽ xem xét nghiên cứu khả năng ứng dụng công nghệ này trong thời gian tới và mở ra những cơ hội việc làm cho loại giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, tạo công ăn việc làm cho người lao động Việt Nam với nguồn thu nhập ổn định. Điều đó đồng nghĩa với việc sẽ có thêm nhiều cơ hội để người lao động Việt Nam nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng quản lý, điều hành và từng bước tiến tới tự thực hiện cung cấp dịch vụ dầu khí, đáp ứng nhu cầu phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Như vậy, có thể khẳng định, nhờ việc quản trị rủi ro một cách hiệu quả, PVD Deepwater đã nâng cao được năng lực vận hành, kinh nghiệm tổ chức, xác định được các nguy cơ tiềm ẩn và nhanh chóng có được trước các giải pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và Tổng Công ty PV Drilling nói chúng để tự tin hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao trong năm 2013.

Từ những hiệu quả đạt được nhờ hệ thống quản trị rủi ro, trong thời gian sắp tới, PVD Deepwater sẽ tiếp tục tích cực đầu tư cho việc hoàn thiện, quản lý và vận hành để phát huy tối đa những lợi ích mà hệ thống quản trị rủi ro mang lại.

XÍ NGHIỆP

DỊCH VỤ ĐẦU TƯ KHOAN DẦU KHÍ

PVD Invest

Sau ba năm xây dựng và phát triển, tự hào là một đơn vị trực thuộc Tổng Công ty PV Drilling, PVD Invest đã từng bước khẳng định vị trí của mình cung cấp các dịch vụ kỹ thuật phục vụ các chiến dịch khoan tìm kiếm thăm dò, các dự án phát triển mỏ, khai thác dầu khí tại Việt Nam, và bước đầu phát triển tại thị trường các nước trong khu vực.

1.157 TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU

30 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Ông TRỊNH VŨ ANH
Giám đốc PVD Invest

PVD Invest

Những dịch vụ này đã góp phần không nhỏ trong việc giúp PVD Invest hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, các nhiệm vụ được giao năm 2012, cụ thể doanh thu năm 2012 PVD Invest xuất sắc đạt 1.157 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 30 tỷ đồng

Giới thiệu Công ty PVD Invest

Năm 2012 là một năm bản lề trong tiến trình phát triển dịch vụ của PVD Invest. Với nền tảng là dịch vụ cung cấp chuyên gia trình độ cao và dịch vụ thiết bị bề mặt, PVD Invest bước đầu khẳng định năng lực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao trong ngành dầu khí như Steam Boiler, Mud Cooling System, H2S Safety system, Positive Pressure Habitat, Side Scan Sonar....

Ngoài việc phát triển các dịch vụ chủ yếu của mình, PVD Invest luôn đặt sự hài lòng của khách hàng lên hàng đầu, quan tâm đến công tác phát triển quan hệ khách hàng, đối tác, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và nhân lực nhằm hướng tới sự phát triển bền vững và lâu dài của đơn vị. Với tâm huyết của mình, PVD Invest đã có được uy tín làm việc đối với các công ty dầu khí lớn của Việt Nam như: TNK, Mitra Energy, Idemitsu, Vietsovpetro, PVEP POC, Cuu Long JOC, Petronas Carigali, Premier Oil, HoangLong HoanVu JOC, ThangLong - Truong Son JOC, … các khách hàng đã và đang xem PVD Invest như một đối tác tin cậy trong quá trình khai thác các chiến dịch khoan tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của mình. Đây cũng là động lực để PVD Invest vượt qua khó khăn thử thách, tiến xa hơn nữa trong chiến lược phát triển của PV Drilling.

Năm 2013, PVD Invest sẽ tiếp tục nỗ lực duy trì và thực hiện tốt những hợp đồng dịch vụ với những khách hàng hiện có, củng cố mối quan hệ với các đối tác của Công ty, từng bước nghiên cứu và phát triển thêm các dịch vụ mới, tăng cường khả năng hợp tác với các đối tác quốc tế, khu vực và trong nước. Bên cạnh phát triển sản xuất kinh doanh, PVD Invest cũng sẽ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống HSEQ để nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật, tăng cường công tác đào tạo phát triển nhân lực quản lý, đội ngũ kỹ thuật và xây dựng văn hóa làm việc năng động và nhiệt huyết của mỗi CBCNV cho sự phát triển của PVD Invest.

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÀO TẠO KỸ THUẬT PVD
PVD Training

Là cầu nối nguồn lực cho doanh nghiệp, với 52% vốn góp của Tổng Công ty PV Drilling, năm qua, Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (PVD Training) đạt được những thành công nổi bật: Doanh thu đạt 120 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 20 tỷ đồng, tương ứng tăng 80% và 49% so với năm 2011. Năm 2012 cũng là năm đầu tiên PVD Training triển khai các khóa đào tạo an toàn biển theo tiêu chuẩn OPITO đáp ứng nguồn nhân lực phát triển dịch vụ ra nước ngoài.

120 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

20 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

Ông BÙI THANH VÂN
Giám đốc PVD Training

PVD Training

Từ thế mạnh là đơn vị chuyên đào tạo thực nghiệm và cấp chứng chỉ nên PVD Training có phong phú nguồn nhân lực được đào tạo đạt chất lượng, chứng chỉ hợp pháp để cung ứng lao động. Đặc biệt đáp ứng tính kịp thời và hiệu quả cho dịch vụ cung ứng nhân lực làm việc theo dự án.

Giới thiệu Công ty PVD Training

Bên cạnh việc duy trì tốt chất lượng đào tạo và cung ứng nhân lực, PVD Training đã phát triển các dịch vụ cung cấp, khảo sát, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định và cấp chứng nhận thiết bị an toàn dầu khí và hàng hải, điện tự động hóa dầu khí và các dịch vụ nghiên cứu khoa học, giải pháp kỹ thuật an toàn.

Với mục tiêu phát triển bền vững, PVD Training tiếp tục duy trì, kiện toàn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, hệ thống chứng nhận Quốc tế cho dịch vụ đào tạo an toàn biển theo tiêu chuẩn OPITO, hệ thống đăng kiểm Quốc tế ABS, DNV, Lloyds, IFE cho các dịch vụ kỹ thuật an toàn và hệ thống tiêu chuẩn Quốc tế IWCF, API, IMDG, IATA cho các dịch vụ đào tạo kỹ thuật và đào tạo an toàn hàng hải và hàng không.

Song hành với việc phát triển theo chiều rộng và duy trì chất lượng theo chiều sâu, PVD Training tiếp tục được Liên hiệp Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam kiểm định và cấp Chứng thư thẩm định Tín nhiệm doanh nghiệp năm 2012.

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH KỸ THUẬT GIẾNG KHOAN
PV DRILLING VÀ BAKER HUGHES
PVD Baker Hughes

Để phát huy nội lực cho Tổng Công ty PV Drilling và trên cơ sở định hướng phát triển bền vững, năm 2012, Công ty PVD Baker Hughes tiếp tục tích cực thực hiện song song việc chuyển giao công nghệ cùng với chú trọng đầu tư cho con người, cơ sở vật chất và trang thiết bị nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Giới thiệu Công ty PVD Baker Hughes

Con người: Bên cạnh việc tạo môi trường chủ động, sáng tạo trong công việc, công ty đã đầu tư mạnh mẽ cho con người thông qua việc mở rộng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn để tất cả nhân viên đạt tiêu chuẩn quốc tế khi làm việc trong môi trường cạnh tranh quốc tế bằng việc kết hợp song song công tác tự đào tạo trong nước cùng với việc gửi hàng trăm lượt cán bộ đi đào tạo tại các trung tâm đào tạo hàng đầu thế giới tại Houston, Dubai, hay Đức với chi phí 15,5 tỷ VNĐ.

Cơ sở vật chất: Công ty không ngừng đầu tư cho cơ sở vật chất. Tháng 7 năm 2012, công ty đã hoàn thành xây mới căn cứ hậu cần cho dịch vụ hoàn thiện giếng với diện tích 2.500 m^2 tại Vũng Tàu. Vào tháng 10 năm 2012, công ty tiếp tục mở rộng thêm 675 m^2 căn cứ cho dịch vụ địa vật lý giếng khoan và hiện đang tiếp tục đàm phán với PTSC để mở rộng thêm 6.000m^2 căn cứ cho dịch vụ khoan định hướng và đo địa vật lý giếng khoan.

Trang thiết bị và chuyển giao công nghệ: Công ty tiếp tục đầu tư và thuê các thiết bị hiện đại nhất để phục vụ cho khách hàng tại Việt Nam. Nếu so với các đơn vị cùng loại hình dịch vụ thì PVD Baker Hughes hiện đang sở hữu khối lượng trang thiết bị lớn nhất tại Việt Nam. Bên cạnh đó, công ty cũng rất chú trọng đến việc chuyển giao công nghệ. Các thiết bị mới và hiện đại nhất trên thế giới ngay sau khi sản xuất đã được ứng dụng tại Việt Nam và được khách hàng đánh giá rất cao như thiết bị đo áp suất vỉa trong khi khoan (Testrack), cắt cần khoan và ống khai thác bằng dây cáp (Mechanical Pipe Cutter) hay lấy mẫu lõi đường kính lớn bằng dây cáp (Power Core).

Trên cơ sở đó, Công ty đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận trong năm 2012 khi tiếp tục là một năm hoạt động tuyệt đối an toàn và đạt doanh thu 1.805 tỷ đồng. Tuy nhiên, điều khích lệ hơn nữa đối với Công ty là chất lượng dịch vụ đã ngày càng được nâng cao hơn và được khách hàng tin cậy. Các vị trí chủ chốt đã được người Việt Nam điều hành hiệu quả và chiếm tỷ lệ 70%, liên tục trong 3 tháng (10, 11 và 12) hoạt động khoan định hướng đã đạt hiệu quả 100% và không có thời gian hư hỏng thiết bị.

Với những thành quả đạt được cùng với định hướng phát triển bền vững, PVD Baker Hughes vững tin sẽ "trưởng thành qua thử thách" để tiếp tục phát triển và "vững tới tương lai" cùng với PV Drilling.

1.805 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

173 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH DỊCH VỤ
BJ – PV DRILLING

BJ – PV Drilling

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ – PV Drilling là Công ty Liên doanh giữa PV Drilling và BJ Services với 49% vốn của PV Drilling, chuyên cung cấp dịch vụ can thiệp giếng khoan bằng ống khai thác mềm, bơm trám xi măng, kích thích vỉa, nứt vỉa thủy lực và thấm lọc dung dịch thử vỉa.

Giới thiệu Công ty BJ – PV Drilling

Năm 2012, Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling đã đạt được 744 tỷ đồng doanh thu và 126 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đóng góp 42,7 tỷ đồng vào lợi nhuận sau thuế của PV Drilling. Đạt được kết quả nói trên là do BJ-PV Drilling với sự đồng thuận, hỗ trợ sát sao của Tổng Công ty PV Drilling đã thực hiện triển khai tốt việc cung cấp các dịch vụ cho các công ty dầu khí, trong đó đặc biệt là dịch vụ nứt vỉa thủy lực nhằm nâng cao hệ số thu hồi của các giếng dầu và được các nhà thầu đánh giá rất cao, đặc biệt ghi nhận và tin tưởng từ Liên doanh Vietsovpetro và Petronas.

744 TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU

126 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

CÔNG TY PV DRILLING
PRODUCTION TESTERS INTERNATIONAL
PVD - PTI

PV Drilling Production Testers International (PVD – PTI) là Công ty Liên doanh giữa PVD Logging và Công ty Expro International BV, trong đó PVD Logging đóng góp 51% vốn sở hữu. PVD-PTI tự hào là Công ty liên doanh đầu tiên và chuyên nghiệp cung cấp các dịch vụ thử vỉa giếng khoan và cho thuê các thiết bị khai thác sớm cho các Công ty khai thác dầu khí ở thị trường Việt Nam.

Giới thiệu Công ty PVD - PTI

PVD-PTI tiếp tục duy trì thị phần cao trong cung ứng dịch vụ thử vỉa giếng khoan trong nước, đạt khả năng cung cấp thiết bị và nhân lực kỹ thuật cao hoàn toàn bằng nội lực. Tất cả khách hàng, sau khi sử dụng dịch vụ do PVD-PTI cung cấp, đều đánh giá rất cao và tin tưởng năng lực cung ứng dịch vụ từ nội địa của công ty. Năm 2012, PVD-PTI đạt 119 tỷ đồng doanh thu và 20 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đóng góp 7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế cho Tổng Công ty.

Kết quả đạt được của năm 2012 tạo đà cho Công ty tiếp tục phát triển trong năm 2013. Công ty PVD-PTI nỗ lực duy trì thị phần và khách hàng quen thuộc, tiếp cận có hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu cao nhất của các khách hàng tương lai.

119 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

20 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

CÔNG TY TNHH

CẦN ỐNG KHOAN DẦU KHÍ VIỆT NAM

PVD Tubulars Management

Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam (PVD TM) là Công ty liên doanh giữa PVD Tech (51%) và Marubeni-Itochu Tubulars Asia Pte., Ltd (49%), chuyên kinh doanh cung cấp các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác và cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói cho tất cả các công ty dầu khí đang hoạt động thăm dò, khai thác trong bờ, ngoài khơi và cả những vùng nước sâu tại Việt Nam.

Giới thiệu Công ty PVD Tubulars Management

Từ khi thành lập năm 2008 tới nay, PVD TM đã từng bước khẳng định năng lực cung ứng các thiết bị và vật tư cho các dự án lớn tại Việt Nam, PVD TM đã ký hầu hết các hợp đồng thương mại có giá trị cao với các khách hàng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã giao về doanh thu và lợi nhuận từ 2008 đến nay. Đặc biệt, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, trong bối cảnh khó khăn chung của cả nền kinh tế, PVD TM vẫn đạt được 734 tỷ đồng doanh thu và 27 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.

Hiện nay, xưởng cơ khí sữa chữa, bảo dưỡng và hệ thống kho bãi hiện đại do PVD TM đầu tư xây dựng tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu đã đi vào hoạt động đáp ứng được hầu hết nhu cầu của các nhà thầu khoan dầu khí về dịch vụ kho bãi, bảo trì và sữa chữa cần khoan, ống chống, ống khai thác. Ngoài ra, PVD TM cũng phát triển thêm dịch vụ đại lý mua hàng thay mặt khách hàng tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng mua cần khoan, ống chống, ống khai thác và sau đó thực hiện việc dịch vụ trọn gói quản lý ống chống, ống khai thác (Total Tubulars Management Services).

PVD TM không ngừng nỗ lực phát triển các dịch vụ mới và mở rộng thị trường nhằm phát triển Công ty một

cách bền vững, từng bước tiến tới chiếm lĩnh toàn bộ thị trường cung cấp ống chống và ống khai thác và đặc biệt là dịch vụ cung cấp ống chống trọn gói cho toàn bộ các công ty dầu khí hoạt động tại Việt Nam và phấn đấu phát triển ra nước ngoài.

734 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

27 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

CÔNG TY TNHH
VIETUBES
Vietubes

Công ty TNHH Vietubes (Vietubes) là Công ty Liên doanh giữa PVD Tech với 51% vốn góp và Công ty đa quốc gia Citra Sumit Valind Invesments (CSV) bao gồm Tập đoàn Sumitomo - Nhật, Sumitomo Châu Á, Nippon Steel & Sumitomo Metal Corporation, Citra Tubindo - Indonesia, Vallourec & Mannesmann – Pháp, có trụ sở tại Singapore, với 49% vốn góp. Vietubes được thành lập từ năm 1995 trên cơ sở liên doanh ban đầu giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) và CSV và được PVD Tech mua lại 51% vốn góp trong năm 2012 với tổng mức vốn đầu tư của PVD Tech là 4,3 triệu USD.

Giới thiệu Công ty Vietubes

Vietubes là nhà máy tiện ren dầu khí (OCTG) công nghệ cao đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam có được đầy đủ các giấy phép chuyên ngành cơ khí tiện ren cho loại mối nối thông dụng như API và các mối nối tuyệt hảo của các nhà cấp phép lớn trên thế giới như VAM, NSPJ, JFE, Tenaris – Hydril, Hunting... Vietubes chuyên về ren, gia công, sửa chữa, phục hồi và kiểm tra, kiểm định các loại cần khoan ống chống, chế tạo đầu nối, khớp nối và các phụ kiện với đường kính ngoài từ 2-3/8" đến 20" phục vụ cho hoạt động khoan thăm dò, khai thác dầu khí; gia công kim loại bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại; gia công cơ khí chính xác chi tiết lớn trên máy tự động.

Vietubes có hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại với công suất hiện tại là 50.000 tấn sản phẩm/năm và có thể nâng tới công suất tối đa 60.000 tấn sản phẩm/năm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các hoạt động khoan thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam, đồng thời xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

Năm 2012, Vietubes đạt doanh thu 130 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2011, lợi nhuận trước thuế đạt 35 tỷ đồng, tăng 94% so với năm 2011, đóng góp lợi nhuận sau thuế cho Tổng Công ty là 11 tỷ đồng.

130 TỶ ĐỒNG — **TỔNG DOANH THU**

35 TỶ ĐỒNG — **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH

PVD TECH – OIL STATES INDUSTRIES

PVD - OSI

Công Ty TNHH Liên Doanh PVD Tech – Oil States Industries (PVD-OSI) là Công ty Liên doanh giữa PVD Tech (51%) và Oil States Industries Asia Pte., Ltd. (49%) với tổng vốn góp là 5 triệu USD.

Giới thiệu Công ty PVD - OSI

PVD-OSI chuyên về gia công chế tạo, sửa chữa bảo dưỡng các loại đầu nối nhanh cho ống chống lớn có đường kính ngoài từ 20 inches đến 36 inches (50,8 cm đến 91,4 cm) dùng trong công tác khoan và khai thác dầu khí cho cả thị trường trong nước và nước ngoài.

Nhà máy PVD-OSI được xây dựng hoàn thành giai đoạn I và đi vào hoạt động từ tháng 10/2012, dự kiến sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng nâng cao năng lực sản xuất trong năm 2013.

PV Drilling

CHĂM LO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI

HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

MANG UY TÍN THƯƠNG HIỆU TỎA RỘNG

Trong suốt quá trình phát triển, bên cạnh nỗ lực không ngừng vươn tầm lớn mạnh, PV Drilling cũng luôn ý thức gìn giữ và phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc thông qua các hoạt động phát triển cộng đồng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

CHUNG VAI PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Năm 2012, PV Drilling đã dành 39 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các công tác an sinh - xã hội hướng về cộng đồng. Chung vai phát triển cộng đồng đã thực sự trở thành sứ mệnh và tâm nguyện của toàn thể Ban lãnh đạo và CBCNV PV Drilling.

Xuyên suốt trong năm 2012, các hoạt động an sinh - xã hội vì một cộng đồng lành mạnh đã được Công đoàn, Đoàn Thanh niên cùng toàn thể CBCNV của Tổng Công ty thực hiện liên tục và rộng khắp cả nước với mục tiêu chung tay hành động góp sức xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, tiêu biểu có thể kể đến:

Hoạt động từ thiện - xã hội từ lâu đã trở thành một nét đẹp trong truyền thống văn hóa của PV Drilling và ngày càng được phát huy, khích lệ trong toàn thể CBCNV dưới sự ủng hộ mạnh mẽ từ Ban lãnh đạo Tổng Công ty, góp phần giữ lửa cho truyền thống nhân ái quý báu của người dân Việt Nam. Truyền thống này sẽ tiếp tục được gìn giữ và phát huy trên suốt chặng đường phát triển của PV Drilling, làm tiền đề cho sự phát triển bền vững của PV Drilling trong thời gian tới.

1 Tiếp tục tổ chức và tài trợ toàn bộ kinh phí Giải bóng đá thiếu nhi các làng trẻ SOS toàn quốc; tài trợ chương trình "Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam" do Trung Ương Đoàn Thanh Niên tổ chức;

2 Tài trợ học bổng cho Quỹ học bổng "Thắp sáng Niềm tin"; tài trợ học bổng cho sinh viên giỏi trường Đại học Dầu khí Việt Nam; tài trợ học bổng cho các trường tiểu học Thụy Ninh, Thụy Trường tại tỉnh Thái Bình; trường tiểu học B, Xuân Trường, Nam Định, trường THCS Nam Lợi, Nam Định; trường Mầm non Triệu Tài, Quảng Trị;

3 Ủng hộ "Quỹ vì người nghèo" xây nhà Đại đoàn kết tại các tỉnh Hà Nam, Trà Vinh, Đà Nẵng, Lai Châu, Tây Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Trị và Hưng Yên;

4 Ủng hộ xây dựng Nhà tình nghĩa - công trình Thanh niên "Nhà măng non" tại quận 6, TP.HCM";

5 Hỗ trợ xây dựng trường tiểu học B, Thị trấn Xuân Trường, Nam Định, trường THCS xã Nam Lợi, Nam Định, trường Mầm non Triệu Tài, trường Mầm non Nhan Biểu tại Triệu Phong, Quảng Trị;

6 Xây dựng phòng Xét nghiệm Vệ sinh An toàn Thực phẩm tại TP.HCM, hỗ trợ Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo tỉnh Quảng Bình xây dựng Phòng khám chữa bệnh;

7 Xây dựng Trạm Y tế xã Chương Dương, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;

8 Hỗ trợ kinh phí Biên giới Hải đảo (chương trình Cánh thiệp Niềm tin); ủng hộ chương trình "Hành trình về Biển đảo Quê hương"; tặng quà tết cho đồng bào nghèo tại các tỉnh Lai Châu và Điện Biên;

9 Tài trợ mổ tim và phẫu thuật nụ cười cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn tại các vùng sâu, vùng xa; Tài trợ Trung tâm điều dưỡng thương binh Thuận Thành; Tài trợ dự án A Helping Hand của Hội Sinh viên Việt Nam tại trường Imperial College, London;

10 Hỗ trợ nâng cấp trang thiết bị trưng bày giáo dục cho Ban Quản lý di tích tại Côn Đảo;

11 Tài trợ đội bóng chuyền "PVD Thái Bình".

AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG - CHẤT LƯỢNG

Với đặc thù là ngành có kỹ thuật công nghệ tiên tiến, yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, PV Drilling đã hoàn thiện hệ thống quản lý tích hợp về **AN TOÀN - SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG** và **CHẤT LƯỢNG** trong tất cả các khâu hoạt động sản xuất, kinh doanh và đã được cấp chứng chỉ tích hợp các hệ thống quản lý an toàn - sức khỏe theo tiêu chuẩn Quốc tế OHSAS 18001, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 14001 và chứng chỉ quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001 bởi tổ chức đánh giá chứng nhận quốc tế Det Norske Veritas (DNV).

PV DRILLING
ĐÃ CÔNG BỐ CHÍNH SÁCH AN TOÀN
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG VỚI NGUYÊN TẮC

Mọi tai nạn, rủi ro có nguy cơ gây thiệt hại đến con người, tài sản Tổng Công ty và hủy hoại môi trường đều có thể được ngăn chặn hoặc giảm thiểu bằng cách xây dựng nền văn hoá an toàn chất lượng dựa trên việc tuân thủ pháp luật, quy chế, quy định và áp dụng những biện pháp ngăn ngừa luôn được thực hiện với ý thức nghiêm túc nhất đồng thời thấu hiểu để đáp ứng yêu cầu của khách hàng với chất lượng dịch vụ cao, quy trình phù hợp và luôn được cải tiến, phát triển.

Chính sách an toàn chất lượng môi trường của PV Drilling cũng định rõ "các giàn khoan, cơ sở sản xuất của PV Drilling luôn được quản lý bằng những biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối" và áp dụng cho tất cả cán bộ, nhân viên và các đối tác đang làm việc tại Công ty.

DET NORSKE VERITAS
MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE
PETROVIETNAM DRILLING & WELL SERVICES CORPORATION

DNV BUSINESS ASSURANCE
MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE
PETROVIETNAM DRILLING & WELL SERVICES CORPORATION

DNV BUSINESS ASSURANCE
MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE
PETROVIETNAM DRILLING & WELL SERVICES CORPORATION

Hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường của PV Drilling được quản lý thống nhất từ Tổng Công ty đến các phòng ban, đơn vị trực thuộc để đảm bảo tính thống nhất của toàn hệ thống. Ban An toàn – Chất lượng Tổng Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập, ban hành, và trực tiếp kiểm tra giám sát việc thực hiện và tuân thủ đối với các chính sách, quy trình của hệ thống cũng như tham mưu cho Ban lãnh đạo trong việc giám sát và định hướng phát triển hệ thống An toàn – Sức khỏe – Môi trường tích hợp góp phần vào sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Tại các đơn vị trực thuộc, Phòng An toàn – Chất lượng chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chính sách, quy trình của Tổng Công ty cũng như tư vấn, hỗ trợ các phòng, bộ phận sản xuất trực tiếp trong việc thực hiện, kiểm tra giám sát việc tuân thủ và kịp thời phản ánh những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh nhằm đảm bảo hiệu lực và hiệu quả của hệ thống trong thực tế.

Với 12 quy trình khung là xương sống của hệ thống, còn có hàng trăm quy trình hướng dẫn thực hiện công việc của các phòng ban và đơn vị thành viên tùy vào các hoạt động của mỗi đơn vị. Có thể nói, hệ thống các quy trình của PV Drilling được thiết lập dựa trên quy trình khung này sẽ đảm bảo tất cả các công việc được kiểm soát chặt chẽ và có sự liên kết nhịp nhàng giữa các phòng ban và các đơn vị trong Tổng Công ty.

CAM KẾT CÁC SÁNG KIẾN BÊN NGOÀI VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

PV Drilling thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về An toàn và bảo vệ Môi trường. Từ giai đoạn lập dự án đầu tư, mở rộng cơ sở sản xuất PV Drilling đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Cam kết bảo vệ môi trường và trình phê duyệt tại cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường. Trong giai đoạn xây dựng và vận hành, PV Drilling tiếp tục thực hiện các quy định của Nhà nước về giám sát môi trường tại các xưởng, cơ sở sản xuất, giàn khoan. Định kỳ 1 năm 2 lần, Tổng Công ty mời đơn vị có chức năng thực hiện để tiến hành đo đạc, giám sát môi trường tại tất cả các khu vực sản xuất kinh doanh và khối văn phòng của các đơn vị trực thuộc. Kết quả phân tích, đo đạc theo các Báo cáo đều cho thấy chất lượng môi trường tại cơ sở sản xuất và khu vực lân cận đều nằm trong ngưỡng cho phép của Quy chuẩn Việt Nam.

Bên cạnh việc tuân thủ các quy định, quy chuẩn của nhà nước, PV Drilling triển khai áp dụng các yêu cầu của quốc tế đối với ngành khoan dầu khí, đáp ứng các yêu cầu của nhiều khách hàng trong và ngoài nước về An toàn, Sức khỏe và Môi trường. Các đợt kiểm tra đột xuất của khách hàng và của cơ quan quản lý nhà nước đều thể hiện các ghi nhận về việc tuân thủ triệt để các quy định của pháp luật và yêu cầu từ phía đối tác trong công tác An toàn, Sức khỏe và Môi trường. Những đề nghị cải tiến để tiếp tục nâng cao công tác An toàn, Sức khỏe và Môi trường của khách hàng và của cơ quan nhà nước đều được PV Drilling tiếp nhận và nghiên cứu thực hiện.

Đối với các phong trào bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn do cấp Bộ, cấp địa phương phát động, PV Drilling triển khai khắp các cơ sở trực thuộc các chương trình hành động cụ thể để hưởng ứng. Việc thực hiện các chương trình nói trên đã góp phần tăng cường đảm bảo an toàn và giúp cho các đơn vị của PV Drilling luôn xanh – sạch – đẹp.

PVD Well Services, đơn vị thành viên 100% vốn của PV Drilling, là công ty đầu tiên trong cảng PTSC được Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu chứng nhận có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn và có đề án bảo vệ môi trường đơn giản… đó là những ghi nhận về sự nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo cũng như tập thể Cán bộ Công nhân viên của công ty trong thời gian qua.

THỐNG KÊ HIỆU QUẢ VỀ AN TOÀN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Hiện tại Tổng Công ty có Ban An toàn Chất lượng phụ trách và quản lý về vấn đề An toàn – Chất lượng – Môi trường (HSE) của toàn Tổng Công ty. Các Công ty trực thuộc có bộ phận phụ trách công tác môi trường riêng của đơn vị (Phòng An toàn Chất lượng trực thuộc Công ty) và một mạng lưới An toàn vệ sinh viên hoạt động hiệu quả trải rộng khắp các khu vực sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty luôn thực hiện công tác giám sát và theo dõi, báo cáo các vấn đề liên quan đến **An toàn – Chất lượng – Môi trường** của đơn vị.

Năm 2012, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí cam kết tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường trong toàn Tổng Công ty từ Văn phòng Tổng Công ty đến tất cả các đơn vị thành viên. Theo đó, Ban lãnh đạo đã bố trí nguồn lực làm công tác HSE rộng khắp và đầy đủ tại các đơn vị. Trong năm 2012, nhân lực làm công tác HSE là 44 người (chiếm 2,5% tổng số cán bộ công nhân viên Tổng Công ty), phân bổ khá hợp lý tại các văn phòng, xưởng sản xuất và giàn khoan. Tình hình quản lý công tác HSE được Ban lãnh đạo kiểm tra giám sát định kỳ hàng tháng thông qua các bản báo cáo và qua các cuộc họp, các đợt đánh giá nội bộ, hội nghị về HSE, đồng thời Ban lãnh đạo cũng thực hiện các đợt kiểm tra tình hình quản lý HSE tại các xưởng sản xuất để đảm bảo tính hiệu lực của hệ thống quản lý **An toàn – Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường**. Tính trong năm 2012, công tác kiểm tra, đánh giá trong nội bộ toàn Tổng Công ty được thực hiện 16 lần và PV Drilling cũng tiếp đón 51 lần kiểm tra của các đoàn bên ngoài.

Thông qua các kết quả kiểm tra của các cơ quan chức năng và của các khách hàng, Tổng Công ty PV Drilling và các đơn vị đã tiếp nhận các yêu cầu, kiến nghị và ý kiến đóng góp. Sau đó, bộ phận chuyên trách rà soát lại để phân tích nguyên nhân và đưa ra các biện pháp khắc phục hoặc cải tiến theo đúng thời gian yêu cầu. Bên cạnh đó, công tác rà soát lại các yêu cầu của pháp luật để nhận dạng và thực hiện đúng theo các yêu cầu pháp luật đã quy định cũng được thực hiện liên tục.

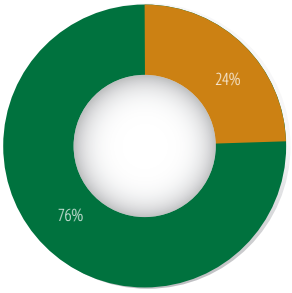

ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ & BÊN NGOÀI 2012

Nội bộ - 16 lần

Bên ngoài - 51 lần

DANH SÁCH MỘT SỐ KHÁCH HÀNG VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỚI KIỂM TRA
TẠI TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ CỦA PV DRILLING TRONG NĂM 2012

THỜI GIAN	TÊN KHÁCH HÀNG/ĐƠN VỊ TỚI KIỂM TRA
Tháng 1	Phòng Tài Nguyên Môi Trường TP. Vũng Tàu; CA PCCC (PC 66) Bà Rịa Vũng Tàu, Petronas; DNV
Tháng 2	DNV
Tháng 3	Công ty Lam Sơn JOC; Tenaris Hydril.
Tháng 4	Tham quan, kiểm tra của nhóm các khách hàng
Tháng 5	Petronas
Tháng 6	Phòng cảnh sát PCTP về MT; Thăng Long JOC; API 6A; BHI
Tháng 7	CA PCCC (PC 66) Bà Rịa Vũng Tàu, Ban An toàn Chất lượng; Công ty Talisman
Tháng 8	Công ty Roll Royce
Tháng 9	Bộ Công an
Tháng 10	Bộ Chỉ Huy Biên Phòng Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Thanh tra Đầu tư và Lao động của Ban quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Công ty Hoàng Long – Hoàn Vũ JOC.
Tháng 11	Cửu Long JOC, Tổng Công ty PV Drilling; Công ty Grant Prideco
Tháng 12	Nhà máy nhiệt điện Thái Bình; Công ty OILSTATE; Công ty TNK-Vietnam

Hàng năm, tất cả các số liệu về công tác HSE tại toàn Tổng Công ty đều được thống kê, báo cáo tổng kết tại hội nghị An toàn, Sức khỏe và Môi trường. Hội nghị này cũng là dịp để tất cả các đơn vị trình bày tham luận chia sẻ kinh nghiệm quản lý HSE của PV Drilling nói riêng và ngành dầu khí nói chung, đồng thời định hướng cho các hoạt động HSE của toàn Tổng Công ty trong năm tiếp theo.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VỀ HSE

Đối với công tác đào tạo HSE, ngay từ đầu năm, tất cả các đơn vị thành viên và Tổng Công ty đều xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo để tổ chức thực hiện trong cả năm. Các kế hoạch đào tạo về HSE đều được phân bổ đều cho các tháng, bao gồm cả đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. Riêng trong năm 2012, Ban lãnh đạo đã trích lập ngân sách tổ chức thực hiện được 4.546 lượt đào tạo nội bộ và 1.508 lượt đào tạo bên ngoài về HSE. Để tiếp tục nâng cao chất lượng về đào tạo nói chung và đào tạo HSE nói riêng, PV Drilling đã ban hành Qui chế đào tạo vào tháng 6/2012 trong đó có nhấn mạnh tăng cường kỹ năng của các chuyên gia đào tạo nội bộ thông qua việc các giảng viên đào tạo nội bộ phải được trải qua quá trình huấn luyện và sau đó được thẩm định trước Hội đồng đào tạo của Tổng Công ty.

6.054

lượt đào tạo nội bộ và bên ngoài về HSE trong năm 2012.

THỨ TỰ	TÊN CÁC KHÓA ĐÀO TẠO VỀ HSE	THỨ TỰ	TÊN CÁC KHÓA ĐÀO TẠO VỀ HSE
1	Quy trình điều tra tai nạn sự cố	11	An toàn phóng xạ
2	An toàn khi làm việc trong không gian hạn chế	12	IATA & IMDG
3	An toàn hóa chất	13	ISO 14001 Lead Auditor
4	Nghiệp vụ PCCC	14	ISO 9001 Lead Auditor
5	An toàn cẩu trục	15	Safety induction
6	Kỹ thuật an toàn truyền, chuyển động	16	H2S Safety training
7	An toàn thiết bị bình áp lực	17	Đào tạo hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004
8	HSEQ internal Auditor		
9	An toàn biển (BOSIET)	18	Đào tạo tích hợp 3 hệ thống HSE
10	FOSIET	19	Safety Officer

CHƯƠNG TRÌNH PVD OBSERVATION CARD

Chương trình này được áp dụng cho toàn thể các đơn vị của PV Drilling, kể cả khu vực văn phòng. Đây là chương trình nhằm khuyến khích CBCNV quan sát các hiện tượng/ hành động tốt và chưa tốt trong công tác HSE. Đặc biệt chương trình này không nhằm vào việc nêu cá nhân cụ thể nào mà chỉ đưa ra các hiện tượng để sau đó các cán bộ HSE tổng kết và thông báo, đưa ra các hành động cụ thể tăng cường an toàn và kết quả thống kê này cũng là một trong các cơ sở để khen thưởng trong công tác HSE.

Có thể nói rằng việc thực hiện nghiêm túc chương trình PVD Observation Card đã góp phần duy trì thành tích an toàn sức khỏe môi trường của toàn Tổng Công ty nói chung và hoạt động của các giàn khoan nói riêng. Các thành tích về HSE đó là:

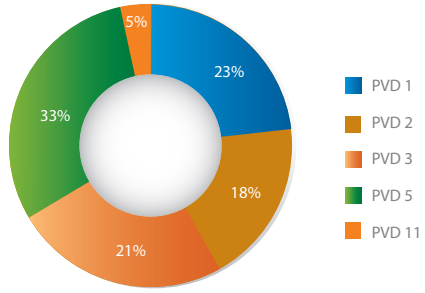

PVD CARD GIÀN KHOAN

- LTIFR (tỷ lệ tai nạn gây mất thời gian lao động) của PV Drilling trong năm 2012 là 0,12 ngang với chỉ số trung bình của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (theo thống kê của IADC)
- 100% cơ sở sản xuất trên bờ của PV Drilling đạt Zero LTI
- Giàn PV DRILLING I đạt 5 năm Zero LTI
- Giàn PV DRILLING II đạt 3 năm Zero LTI
- Giàn PV DRILLING III đạt 3 năm Zero LTI
- Giàn PV DRILLING 11 đạt 1 năm Zero LTI
- 100% các đơn vị thành viên duy trì hiệu lực của các chứng chỉ HSEQ do các tổ chức chứng nhận cấp (ISO 14k, OHSAS 18k, ISO 9k, API Q1, …)

Các chứng nhận về an toàn cho các giàn khoan của PV Drilling do hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) xác nhận.

CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG HSE

Nhằm khuyến khích và động viên CBCNV tham gia vào việc nâng cao an toàn, đảm bảo sức khỏe và bảo vệ môi trường, PV Drilling thực hiện việc khen thưởng bằng cả hiện vật và hiện kim một cách kịp thời (giải thưởng được xét theo tuần, tháng, quý và năm). Tính riêng năm 2012, tổng số chi phí cho các giải thưởng khoảng gần 7 tỷ đồng cho 3.697 lượt người và 13 tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn sức khỏe môi trường.

Hiện tại PV Drilling đang hoàn thiện quy chế thưởng HSE để tiếp tục đẩy mạnh công tác nói trên.

7 tỷ đồng là số tiền thưởng cho các đơn vị đã có thành tích hoạt động an toàn cao trong năm 2012.

Tuyên dương các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác HSE năm 2012

QUẢN LÝ SỨC KHỎE CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Đối với công tác quản lý sức khỏe, ngoài các công việc đã thường xuyên thực hiện như khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về sức khỏe với sự tham gia của các bác sỹ có chuyên môn,… năm 2012 Ban lãnh đạo Tổng Công ty cũng đầu tư nhiều hơn trong lĩnh vực này. Cụ thể PV Drilling tiến hành lập danh sách và triển khai khám bệnh nghề nghiệp đối với những người làm công việc nặng nhọc độc hại; xây dựng và áp dụng giai đoạn phần mềm quản lý y tế để CBCNV tự theo dõi các chỉ số sức khỏe của mình theo thời gian, đồng thời tương tác hai chiều giữa bác sỹ và cán bộ công nhân viên trong việc tư vấn về sức khỏe.

Việc áp dụng phần mềm quản lý y tế sẽ giúp cho cán bộ của PV Drilling luôn có những thông tin bổ ích về nhiều nội dung khác nhau trong vấn đề bảo vệ sức khỏe, đồng thời có sự hỏi đáp trực tiếp với các bác sỹ có kinh nghiệm, giúp giảm thiểu nhiều thời gian và chi phí cho hoạt động khám chữa bệnh của các cá nhân nói riêng và của các đơn vị nói chung.

Giao diện phần mềm quản lý sức khỏe

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM

Ngay từ lúc lập dự án đầu tư PV Drilling đã xác định đầu tư thiết bị đồng bộ từ hệ thống công nghệ chính đến các hệ thống phụ trợ để xử lý các nguồn thải như khí thải, nước thải, chất thải rắn đảm bảo tuân thủ các quy định của luật pháp. Bên cạnh đó việc áp dụng Qui trình đánh giá rủi ro và đánh giá tác động môi trường trong hệ thống quản lý tích hợp HSEQ cũng yêu cầu các đơn vị thường xuyên cập nhật các nguy cơ về an toàn và các nguồn thải từ hoạt động của từng đơn vị, từ đó xác định rõ những rủi ro và tác động môi trường để thiết lập hoạt động giảm thiểu những yếu tố đó.

Một trong những biện pháp để giảm thiểu ô nhiễm tốt nhất là giảm thiểu tiêu hao nguồn nguyên, nhiên liệu cũng được các đơn vị nghiên cứu áp dụng tại từng phân xưởng của mình. Ngoài ra, đối với các hoạt động của khối văn phòng, Tổng Công ty và các đơn vị cũng xây dựng các hướng dẫn cụ thể nhằm tiết kiệm điện, nước, điện thoại để khuyến khích các CBCNV áp dụng để giảm thiểu chi phí và giảm thiểu chất thải. Việc thường xuyên tiến hành bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, thực hiện chính sách tiết kiệm trong sử dụng nguyên vật liệu đã giảm thiểu chất thải phát sinh một cách đáng kể.

Đối với việc xử lý nước thải, tại các giàn khoan của PV Drilling có lắp đặt hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu để xử lý đạt theo yêu cầu của quy chuẩn Việt Nam trước khi thải xuống biển. Tại các cơ sở sản xuất trên bờ, mặc dù các cơ sở đều nằm trong khu công nghiệp tập trung nhưng các đơn vị có lượng chất thải cao đều tự xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng để xử lý nước đạt tiêu chuẩn loại B trước khi thải ra hệ thống thu gom chung. Điển hình là PVD Tech với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, PVD Offshore và PVD Well Services với hệ thống xử lý nước thải sản xuất. Các hệ thống xử lý nước thường xuyên được kiểm tra các thông số nước thải đầu vào và nước sau xử lý ở đầu ra để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động tốt.

Đối với việc quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, tất cả các đơn vị của PV Drilling đều có Quy trình phân loại tại nguồn, thu gom các loại chất thải theo từng loại. Các chất thải sau đó được hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng yêu cầu của pháp luật. Riêng với chất thải nguy hại tại các cơ sở, PV Drilling đều tiến hành đăng ký chủ nguồn thải, lựa chọn nhà thầu có uy tín trong việc vận chuyển xử lý đồng thời có các biện pháp thích hợp để giám sát quá trình xử lý của nhà thầu.

Nhìn chung, 100% các loại chất thải rắn và nước thải của PV Drilling đều được thu gom và xử lý phù hợp.

14.000kg

lượng chất thải được phân loại để tái chế hoặc tái sử dụng trong năm 2012.

Riêng với các loại khí thải, do các nguồn thải không thường xuyên và mang tính di động (ví dụ khí thải từ quá trình hàn cắt) nên không thu gom xử lý tập trung mà chỉ thu gom cục bộ hoặc thông thoáng tự nhiên/ cưỡng bức.

Bên cạnh việc giảm thiểu chất thải, nhiều đơn vị của PV Drilling cũng triển khai hoạt động tái sử dụng chất thải. Năm 2013, PV Drilling sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc tái sử dụng chất thải thông qua chương trình giảm thiểu chất thải.

Ngoài các biện pháp bảo vệ môi trường và giảm thiểu, xử lý chất thải, các đơn vị sản xuất của PV Drilling còn thực hiện các biện pháp để xây dựng cảnh quan xanh sạch đẹp như: Trồng thêm cây xanh tạo cảnh quan, sử dụng tối đa diện tích khoảng trống để phủ xanh khu vực làm việc. Công tác giữ gìn vệ sinh chung được thực hiện một cách nghiêm túc góp phần tạo môi trường làm việc thoải mái cho CBCNV.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG TRONG NĂM 2013

Với tổng số hơn 6 triệu giờ công lao động của năm 2012, tăng 1,6 triệu giờ so với năm 2011, các hoạt động của PV Drilling đang phát triển mạnh mẽ. Việc gia tăng thêm các giàn khoan khai thác, mở rộng hoạt động sang các thị trường mới sẽ làm cho công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường tăng thêm nhiều thách thức trong bối cảnh luôn giữ vững các thành tích đã đạt được về HSE. Nghị quyết của hội nghị An toàn - Sức khỏe - Môi trường năm 2012 đã đề ra các nội dung cụ thể sẽ triển khai trong năm 2013. Một số nội dung chính bao gồm:

- Tổng số cán bộ công nhân viên năm 2013 có thể sẽ tăng cao do bổ sung thêm các giàn khoan mới cũng như mở rộng sản xuất nên cần có những buổi huấn luyện kiến thức về HSE cũng như chuyên môn thực hiện công việc nhằm đảm bảo giữ vững thành tích Zero LTI tại các công trình trên bờ cũng như tiếp tục giảm chỉ số LTIFR cho các công việc trên giàn khoan.

- Tăng cường đào tạo kể cả về nội dung và tần suất nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng HSE trong thực hiện công việc, ít nhất tăng 15% so với năm 2012.

- Tăng cường công tác giám sát kiểm tra định kỳ và đột xuất từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên tại các nơi có tiềm ẩn rủi ro cao.

- Tăng cường công tác huấn luyện, diễn tập với các tình huống khẩn cấp.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác an toàn phòng chống cháy nổ trên bờ/ngoài khơi. Rút ra những bài học kinh nghiệm từ những sự cố của đơn vị cũng như của các đơn vị lân cận. Theo sát với các kiến nghị thực hiện sửa đổi của Bộ Công an cũng như các cơ quan chức năng khác.

- Lên chương trình và có kế hoạch cụ thể việc xây dựng văn hóa an toàn trong tất cả đơn vị thành viên.

- Thực hiện tiếp giai đoạn 2 của phần mềm y tế trong năm 2013 cùng với việc thành lập tổ y tế tại Vũng Tàu sẽ giúp cho công tác quản lý và theo dõi sức khỏe người lao động được tốt hơn và có thể phát hiện được những dấu hiệu có ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động để có biện pháp phòng ngừa thích hợp.

- Xây dựng chương trình giảm thiểu phát thải toàn diện cho các hoạt động của PVD; giúp hạn chế phát sinh chất thải, giảm chi phí sản xuất, góp phần nâng cao hình ảnh PVD luôn hướng đến bảo vệ môi trường.

Để giữ vững và phát triển thêm các thành tích ấy, đồng thời hướng tới phát triển bền vững, ngoài việc tiếp tục duy trì công tác HSE như thời gian vừa qua, PV Drilling đã đưa ra 4 mục tiêu lớn trong năm 2013 và duy trì cho các năm tiếp theo như sau:

1 Giảm 20% chỉ số Lost Time Injury Frequency Rate (LTIFR) so với năm 2012 (từ 0,33 xuống 0,26)

2 Tiếp tục nâng cấp hệ thống quản lý y tế và chăm sóc sức khỏe cho CBCNV của toàn Tổng Công ty.

3 Xây dựng, ban hành và đào tạo áp dụng bộ tiêu chuẩn PVD HSE Standards, với những yêu cầu cao hơn so với mức đang áp dụng hiện tại, mang bản sắc riêng của PVD.

4 Xây dựng và thực hiện chương trình giảm phát thải/ sản xuất sạch hơn cho hoạt động toàn PVD.

ĐỊNH HƯỚNG VỀ VĂN HÓA AN TOÀN

Cấp độ 1 Tuân thủ, ở cấp độ này nhân viên sẵn sàng vi phạm các quy trình an toàn khi vắng mặt người quản lý, giám sát.

Cấp độ 2 Có hệ thống, ở cấp độ này nhân viên suy nghĩ và hành động sao cho an toàn nhất, đảm bảo không xảy ra tai nạn lao động cho chính mình.

Cấp độ 3 văn hóa an toàn, ở cấp độ này trong công ty hình hành thói quen của tất cả mọi người là quan tâm lẫn nhau vì sự an toàn.

PV Drilling xây dựng văn hóa an toàn (cấp độ 3) bắt đầu từ những cam kết của lãnh đạo thể hiện trong chính sách an toàn sức khỏe môi trường. Đi kèm với chính sách này là một hệ thống các mục tiêu an toàn luôn được thiết lập ngày càng chặt chẽ hơn thách thức hơn. Để có thể thực hiện được. Lãnh đạo PV Drilling luôn cung cấp một cách đầy đủ những hướng dẫn và nguồn lực cần thiết để nhân viên các cấp có thể đạt được những mục tiêu nói trên.

Việc xây dựng văn hóa an toàn tại PV Drilling thông qua các hình thức sau:

1 Có sự cam kết từ lãnh đạo cấp cao, trưởng các phòng ban, cho tới những chuyên viên về việc bảo đảo an toàn.

2 Xây dựng và thực hiện đầy đủ các chương trình về an toàn cả về quản lý và kỹ thuật.

3 Hấp dẫn nhân viên ở tất cả các cấp tham gia.

4 Vấn đề an toàn là một phần không thể thiếu trong các đánh giá chất lượng các công việc.

Những năm qua, chất lượng dịch vụ của PV Drilling luôn được các nhà thầu dầu, các đối tác đánh giá cao. Công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường – Chất lượng (HSEQ) đã trở thành giá trị và tạo niềm tin ở khách hàng. PV Drilling sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao công tác HSEQ, xây dựng văn hóa an toàn để nâng cao và mở rộng hình ảnh, uy tín ra khu vực và thế giới.

Nâng cao quản trị, thấu đáo thông tin, tăng trưởng vững

Chắc

Xây dựng tốt hệ thống quản trị trên nền tảng phát triển Công nghệ thông tin, tăng cường Quản trị Tài chính và minh bạch thông tin, nâng cao uy tín trên thị trường vốn, tạo nền tảng cho sự **tăng trưởng vững chắc**.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (USD)

Báo cáo tài chính quy đổi theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VND)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THEO CHUẨN MỰC **KẾ TOÁN VIỆT NAM**

BẰNG USD

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Trịnh Thanh Bình	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2012)
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam
Tel: +848 3910 0751 Fax: +848 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Deloitte.

Số: 0375/Deloitte-AUDHCM-RE

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (được gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013, từ trang 149 đến trang 189. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 146, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

M.S.C.N: 0100112500-002-C.T.T.N.H.H
CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 20 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1529/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	**100**		**243.835.313**	**187.964.262**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**51.265.059**	**32.081.462**
1. Tiền	111		34.738.549	17.920.702
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.526.510	14.160.760
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**149.665.679**	**104.577.644**
1. Phải thu khách hàng	131		144.206.052	93.973.521
2. Trả trước cho người bán	132		2.574.994	2.799.064
3. Các khoản phải thu khác	135		3.073.791	8.153.703
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(189.158)	(348.644)
III. Hàng tồn kho	**140**	**6**	**37.825.646**	**48.160.479**
1. Hàng tồn kho	141		37.876.329	48.241.565
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(50.683)	(81.086)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.078.929**	**3.144.677**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.727.898	1.588.108
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.921.331	1.260.061
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.510	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		428.190	296.508
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+270)	**200**		**672.412.947**	**701.963.614**
I. Tài sản cố định	**220**		**639.410.618**	**677.194.906**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	626.799.697	668.541.291
- Nguyên giá	222		775.019.329	769.577.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(148.219.632)	(101.036.597)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	6.910.633	7.626.681
- Nguyên giá	228		9.219.716	8.932.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.309.083)	(1.305.572)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	5.700.288	1.026.934
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**22.003.888**	**14.869.483**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	10,11	20.408.700	13.274.595
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	1.595.188	1.594.888
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**10.902.891**	**9.779.788**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	9.769.073	8.803.352
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	312.496	178.019
3. Tài sản dài hạn khác	268		821.322	798.417
IV. Lợi thế thương mại	**270**	**15**	**95.550**	**119.437**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**916.248.260**	**889.927.876**

Các thuyết minh kèm theo từ trang 155 đến trang 189 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**579.339.080**	**591.211.128**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**273.226.576**	**244.221.330**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	93.180.949	98.406.710
2. Phải trả người bán	312		107.026.814	93.663.120
3. Người mua trả tiền trước	313		720.536	7.799.286
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17,18	12.635.125	8.612.406
5. Phải trả người lao động	315		5.220.711	2.748.519
6. Chi phí phải trả	316	19	36.914.547	26.463.251
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	7.195.641	1.185.276
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	6.515.081	3.071.172
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.817.172	2.271.590
II. Nợ dài hạn	**330**		**306.112.504**	**346.989.798**
1. Phải trả dài hạn khác	333	11	55.288.042	57.065.700
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	233.719.203	280.948.422
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.208.023	1.812.411
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		259.420	182.724
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	23	15.637.816	6.980.541
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**335.708.492**	**297.779.780**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**24**	**335.708.492**	**297.779.780**
1. Vốn điều lệ	411		117.333.602	117.333.602
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77.037.828	77.037.828
3. Cổ phiếu quỹ	414		(810.486)	(2.342.963)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(5.256.897)	(1.746.136)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.963.748	22.729.918
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.749.931	11.230.241
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		104.690.766	73.537.290
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**500**	**25**	**1.200.688**	**936.968**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500)	**600**		**916.248.260**	**889.927.876**

Các thuyết minh kèm theo từ trang 155 đến trang 189 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại		
Đồng Việt Nam ("VND")	374.432.274.129	404.051.323.354
Đồng Euro ("EUR")	6.114	18.765
Bảng Anh ("GBP")	-	3
Dinars Algeria ("DZD")	63.593.207	50.384.373
Đô la Singapore ("SGD")	13.289	30.058

Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 155 đến trang 189 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		572.760.520	449.550.304
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	572.760.520	449.550.304
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	443.953.132	349.133.796
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		128.807.388	100.416.508
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.603.270	7.439.932
6. Chi phí tài chính	22	29	20.186.210	21.809.099
Trong đó: Chí phí lãi vay	*23*		*14.491.853*	*13.049.749*
7. Chi phí bán hàng	24		1.840.477	1.533.227
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.098.454	27.201.347
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		73.285.517	57.312.767
10. Thu nhập khác	31		8.359.333	4.492.509
11. Chi phí khác	32		3.070.607	5.327.622
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		5.288.726	(835.113)
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	10	2.918.208	3.525.465
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		81.492.451	60.003.119
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	30	12.128.042	7.376.377
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	14	(134.477)	276.043
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	**70**		**69.498.886**	**52.350.699**
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		*25*	*398.934*	*271.700*
- Lợi ích của các bên BCC		*11*	*5.637.817*	*-*
- Cổ đông của Tổng Công ty			*63.462.135*	*52.078.999*
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**80**	**31**	**0,30**	**0,25**

Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 155 đến trang 189 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**81.492.451**	**60.003.119**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	49.096.789	34.653.473
Các khoản dự phòng	03	2.649.632	2.976.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(108.173)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.172.806)	(5.871.860)
Chi phí lãi vay	06	14.491.853	13.049.749
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	**08**	**143.449.746**	**104.810.671**
Biến động các khoản phải thu	09	(44.919.150)	(2.644.764)
Biến động hàng tồn kho	10	10.365.236	(30.044.289)
Biến động các khoản phải trả	11	53. 260.659	69.923.271
Biến động chi phí trả trước	12	(2.105.511)	804.582
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.460.448)	(14.244.213)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.664.968)	(8.932.693)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.757.661)	(5.367.530)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**129.167.903**	**114.305.035**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(39.026.971)	(132.012.007)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	15.276	378.190
3. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(7.896.158)	(5.960.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	999.600	1.656.412
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.563.605	4.495.590
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(42.344.648)**	**(131.441.815)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(72.540)	(377.892)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	86.373.402	114.524.880
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(138.893.946)	(90.052.327)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(15.069.507)	(20.323.943)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(67.662.591)**	**3.770.718**
Lưu chuyển tiền và tương tương tiền trong năm	**50**	**19.160.664**	**(13.366.062)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**32.081.462**	**45.138.885**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	22.933	308.639
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**51.265.059**	**32.081.462**

Các thuyết minh kèm theo từ trang 155 đến trang 189 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 2.869.950 đô la Mỹ (năm 2011: 22.078.546 đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 22.078.546 đô la Mỹ (2011: 24.409.881 đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm này.

Tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 2.918.208 đô la Mỹ (2011: 3.601.716 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 2.224.202 đô la Mỹ (2011: 2.497.210 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 65.730 đô la Mỹ (2011: 76.251 đô la Mỹ) là số lãi phát sinh còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi và cho vay trong năm đã bao gồm 76.251 đô la Mỹ (2011: 88.179 đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong năm nay.

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 253.857 đô la Mỹ (2011: 147.391 đô la Mỹ) là số cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm đã bao gồm 7.857 đô la Mỹ là số cổ tức của năm trước đã trả trong năm nay.

Phạm Tiến Dũng	**Hồ Ngọc Yến Phương**	**Đoàn Đắc Tùng**	**Trần Kim Hoàng**
Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngày 20 tháng 3 năm 2013			

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ, sáu công ty con và sáu công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 5 ngày 03 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là "Petro Việt Nam").

Công ty mẹ có hai Xí nghiệp trực thuộc và một Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101. Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, lầu 12A, Vicom Center, số 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là "PVD Tech"). PVD Tech được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại lầu 8, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Deepwater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deepwater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ("PV DRILLING V"). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 15.

Các công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là "BJ - PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là "PVD Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD Baker Hughes đặt tại lầu 10, Sailling Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International (sau đây gọi tắt là "PVD - PTI") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD-PTI là 4 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Logging nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD-PTI đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 3,5 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Tech nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries (sau đây gọi tắt là "PVD - OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011 với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng (tương đương 5 triệu đô la Mỹ). PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của PVD - OSI. Hoạt động kinh doanh chính của PVD - OSI là sản xuất, chế tạo, ren, tiện các loại đầu nối ống và cấu kiện phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty TNHH Vietubes ("Vietubes"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012 với vốn điều lệ là 77.297.205.000 đồng (tương đương 3.707.300 đô la Mỹ), PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Vietubes. Hoạt động kinh doanh chính của Vietubes là gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại, sản xuất các loại phụ kiện cơ khí phục vụ cho ngành khoan thăm dò, khai thác dầu khí và cơ khí hàng hải, ren, gia công, sửa chữa, phục hồi các loại ống chống, cần khoan, ống khai thác, ống dẫn và các phụ kiện ngành công nghiệp Dầu khí.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ đồng Việt Nam sang đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1

tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không trọng yếu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có

được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

	2012 (Số năm)	2011 (Số năm)
Phần mềm máy tính	5	5
Tài sản vô hình khác	10	20

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, Tổng Công ty đã điều chỉnh thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước từ 20 năm thành 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012. Việc điều chỉnh thời gian khấu hao làm chi phí khấu hao của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tăng 199.729 đô la Mỹ và khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty đã giảm một khoản tương ứng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ, phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tiền mặt	126.800	141.581
Tiền gửi ngân hàng	34.611.749	17.779.121
Các khoản tương đương tiền	16.526.510	14.160.760
	51.265.059	**32.081.462**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Hàng mua đang đi đường	287.630	4.465.089
Nguyên liệu, vật liệu	23.890.947	15.780.321
Công cụ, dụng cụ	30.779	44.737
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	648.469	7.108.296
Hàng hoá	10.820.746	19.564.806
Hàng gửi đi bán	2.197.758	1.278.316
	37.876.329	**48.241.565**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50.683)	(81.086)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**37.825.646**	**48.160.479**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc USD	Máy móc và thiết bị USD	Thiết bị văn phòng USD	Phương tiện vận tải USD	Tài sản khác USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	14.939.381	748.725.879	2.833.341	3.021.136	58.151	769.577.888
Tăng trong năm	94.181	12.686.493	404.191	503.881	-	13.688.746
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	205.907	915.706	46.240	-	-	1.167.853
Phân loại lại	(17.668)	(28.720)	46.388	-	-	-
Thanh lý	-	(97.998)	(138.366)	(114.762)	-	(351.126)
Giảm khác	-	(7.698.937)	-	-	-	(7.698.937)
Chênh lệch tỷ giá	(72.570)	(1.289.829)	(2.204)	(492)	-	(1.365.095)
Tại ngày 31/12/2012	15.149.231	753.212.594	3.189.590	3.409.763	58.151	775.019.329
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	2.642.971	95.063.078	1.405.444	1.917.840	7.264	101.036.597
Khấu hao trong năm	854.088	46.141.842	727.817	355.781	12.950	48.092.478
Phân loại lại	(637)	(444)	1.081	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	(89.901)	(129.718)	(65.834)	-	(285.453)
Chênh lệch tỷ giá	(59.582)	(562.224)	(1.693)	(491)	-	(623.990)
Tại ngày 31/12/2012	3.436.840	140.552.351	2.002.931	2.207.296	20.214	148.219.632
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	**11.712.391**	**612.660.243**	**1.186.659**	**1.202.467**	**37.937**	**626.799.697**
Tại ngày 31/12/2011	**12.296.410**	**653.662.801**	**1.427.897**	**1.103.296**	**50.887**	**668.541.291**

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng đồng Việt Nam và dinar Algeria sang đô la Mỹ.

Như trình bày tại thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12

năm 2012 với số tiền là 344.679.568 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 367.028.831 đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với giá trị 6.398.517 đô la Mỹ (2011: 4.508.162 đô la Mỹ).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm máy tính USD	Khác USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	6.121.918	1.207.559	1.602.776	8.932.253
Tăng trong năm	-	33.914	-	33.914
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	254.508	-	254.508
Chênh lệch tỷ giá	-	(959)	-	(959)
Tại ngày 31/12/2012	6.121.918	1.495.022	1.602.776	9.219.716
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	89.535	745.535	470.502	1.305.572
Khấu hao trong năm	400.935	323.614	279.762	1.004.311
Chênh lệch tỷ giá	-	(800)	-	(800)
Tại ngày 31/12/2012	490.470	1.068.349	750.264	2.309.083
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	**5.631.448**	**426.673**	**852.512**	**6.910.633**
Tại ngày 31/12/2011	**6.032.383**	**462.024**	**1.132.274**	**7.626.681**

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	458.176	712.683
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	265.517	265.517
Mua thiết bị khoan	4.542.297	-
Các công trình xây dựng cơ bản khác	434.298	48.734
	5.700.288	**1.026.934**

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp 31/12/2012 USD	Vốn đã góp 31/12/2011 USD
BJ - PVD	5.000.000	49	2.399.255	2.399.255
PVD - PTI	4.000.000	51	2.040.000	1.908.398
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	1.702.734
PVD - Baker Hughes	20.000.000	51	4.000.000	4.000.000
Vietubes	3.707.300	51	4.346.558	-
PVD - OSI	5.000.000	51	2.550.000	-

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
BJ-PVD	4.455.012	3.591.559
PVD-PTI	2.391.766	3.188.796
PVD Tubulars	2.450.939	2.494.240
PVD-Baker Hughes	4.000.000	4.000.000
Vietubes	4.788.688	-
PVD - OSI	2.322.295	-
	20.408.700	**13.274.595**

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 31/12/2011 USD	Góp vốn trong năm USD	Lợi nhuận giai đoạn trước đầu tư	Lợi nhuận được chia USD	Lợi nhuận đã công bố USD	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo USD	Tại ngày 31/12/2012 USD
BJ - PVD	3.591.559	-	-	1.937.339	(1.100.825)	26.939	4.455.012
PVD - PTI	3.188.796	-	-	258.805	(1.123.377)	67.542	2.391.766
PVD Tubulars	2.494.240	-	-	507.639	(633.206)	82.266	2.450.939
PVD Baker Hughes	4.000.000	-	-	-	-	-	4.000.000
Vietubes	-	5.346.158	(999.600)	442.130	-	-	4.788.688
PVD - OSI	-	2.550.000	-	(227.705)	-	-	2.322.295
	13.274.595	**7.896.158**	**(999.600)**	**2.918.208**	**(2.857.408)**	**176.747**	**20.408.700**

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty chưa góp đủ vốn vào PVD - Baker Hughes và báo cáo tài chính của PVD – Baker Hughes vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng thành viên của liên doanh, do đó Tổng Công ty vẫn hạch toán khoản đầu tư vào liên doanh này theo phương pháp giá gốc.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2012, PVD Tech đã đầu tư vào Vietubes và sở hữu 51% vốn ở công ty này. Chi tiết khoản đầu tư vào Vietubes trong năm 2012 như sau:

	USD
Khoản vốn góp vào liên doanh	5.346.158
Lợi nhuận được chia của giai đoạn trước đầu tư	(999.600)
Giá trị thuần của khoản đầu tư	**4.346.558**
Trong đó: *Phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại liên doanh*	*3.114.261*
Lợi thế thương mại	*1.232.441*
Lợi nhuận được chia	**442.130**
Trong đó: *Lợi nhuận được chia trong năm*	*534.563*
Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	*(92.433)*
Giá trị khoản đầu tư tại ngày tại ngày 31/12/2012	**4.788.688**

11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC

Tổng Công ty cùng với Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan "TAD" hay giàn khoan "PV DRILLING V") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	31/12/2012 %	31/12/2011 %
Phần vốn góp của Petro Việt Nam chiếm tỷ lệ:	23,00	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty chiếm tỷ lệ:	62,43	62,00
Phần vốn góp của MB chiếm tỷ lệ:	9,71	10,00
Phần vốn góp của OCB chiếm tỷ lệ:	4,86	5,00

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tổng tài sản	226.922.051	213.129.922
Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định – giàn khoan PV DRILLING V	*197.898.183*	*197.657.106*

Số vốn thực góp của các đối tác trong BCC ghi nhận Phải trả dài hạn khác:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
- PVN	45.471.865	46.574.834
- MB	6.396.641	6.915.000
- OCB	3.301.170	3.457.500
- Khác	118.366	118.366
	55.288.042	**57.065.700**

	2012 USD	2011 USD
Doanh thu	65.380.996	7.414.097
Giá vốn	37.843.760	5.844.896
Chi phí quản lý tài sản liên doanh	9.362.855	2.064.479
Chi phí tài chính	7.910.691	959.173
Doanh thu tài chính	135.423	-
Doanh thu khác	3.834.007	-
Lợi nhuận/ (lỗ) thuần	14.233.120	(1.454.451)
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	773.048	-
Lợi nhuận/ (lỗ) phân phối cho liên doanh	15.006.168	(1.454.451)
Phân chia theo tỷ lệ vốn góp		
Tổng Công ty	8.595.303	(901.760)
Các bên BCC:	5.637.817	(552.691)
Petro Việt Nam	3.451.419	(334.524)
MB	1.457.099	(145.445)
OCB	729.299	(72.722)

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và chưa phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí	1.114.765	1.114.765
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	480.423	528.206
Chênh lệch tỷ giá	-	(48.083)
	1.595.188	**1.594.888**

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	2.791.885	4.248.521
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV DRILLING II và III	595.718	1.885.904
Chi phí trả trước dài hạn cho ống khoan (Drill Pipe)	-	18.261
Chi phí sửa chữa cho giàn PV DRILLING I	180.911	77.098
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	4.475.044	-
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV DRILLING V	1.320.688	2.148.795
Chi phí trả trước dài hạn khác	404.827	424.773
	9.769.073	**8.803.352**

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2011	349.775	131.625	481.400
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(105.463)	(170.580)	(276.043)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(18.104)	(9.234)	(27.338)
Tại ngày 31/12/2011	226.208	(48.189)	178.019
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	5.722	128.755	134.477
Tại ngày 31/12/2012	**231.930**	**80.566**	**312.496**

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012				31/12/2011			
Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD
PVD Offshore	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	50.000.000.000	2.643.378	2.643.378	100	50.000.000.000	2.643.378	2.643.378
PVD Logging	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959
PVD Tech	100	200.000.000.000	10.324.805	10.324.805	100	100.000.000.000	5.573.825	5.573.825
PVD Training	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066
PVD Deepwater	100	100.000.000.000	4.799.846	4.799.846	100	100.000.000.000	4.799.846	4.799.846
				27.494.876				**22.743.896**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035123077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2012 vốn điều lệ đăng ký của PVD Well là 80.000.000.000 đồng (31/12/2011: 50.000.000.000 đồng). Đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ chưa thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well. Số vốn tăng thêm đã được Công ty mẹ góp đủ vào ngày 06 tháng 02 năm 2013.

Trong năm, Công ty mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Tech với tổng vốn điều lệ đã góp là 4.750.980 đô la Mỹ tương đương với 100.000.000.000 đồng và thực hiện chuyển đổi PVD Tech thành Công ty cổ phần. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong PVD Tech là 97%, PVD Well là 1% và PVD Offshore là 2%.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 đô la Mỹ.

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Lợi thế thương mại USD
Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 01/01/2012 và 31/12/2012	238.874
GIÁ TRỊ PHÂN BỔ LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	119.437
Phân bổ trong năm	23.887
Tại ngày 31/12/2012	143.324
GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	**95.550**
Tại ngày 31/12/2011	**119.437**

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Vay ngắn hạn	19.347.025	25.433.582
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	73.833.924	72.973.128
	93.180.949	**98.406.710**

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Ngân hàng HSBC Việt Nam	8.264.088	-
Ngân hàng Vietcombank	11.082.937	9.433.582
Ngân hàng Citibank, N.A - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	1.000.000
Ngân hàng DBS	-	7.000.000
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	-	8.000.000
	19.347.025	**25.433.582**

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng HSBC Việt Nam là khoản vay tín chấp bằng đồng đô la Mỹ tương đương với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đô la Mỹ và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Vietcombank là khoản vay tín chấp bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ tương đương với hạn mức 1.000 tỷ đồng, và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Thuế giá trị gia tăng	5.518.882	2.871.240
Thuế nhập khẩu	177.030	2.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.489.249	2.026.175
Thuế thu nhập cá nhân	1.197.898	2.019.166
Thuế nhà thầu	-	489.167
Các loại thuế khác	2.252.066	1.203.798
	12.635.125	**8.612.406**

18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	01/01/2012 USD	Số phải nộp USD	Số đã nộp USD	31/12/2012 USD
Thuế giá trị gia tăng	2.871.240	38.524.775	35.877.133	5.518.882
Thuế xuất nhập khẩu	2.860	578.225	404.055	177.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.026.175	12.128.042	10.664.968	3.489.249
Thuế thu nhập cá nhân	2.019.166	22.215.404	23.036.672	1.197.898
Thuế môn bài	-	1.102	1.102	-
Các loại thuế khác	1.692.965	13.959.319	13.400.218	2.252.066
	8.612.406	**87.406.867**	**83.384.148**	**12.635.125**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	21.281.883	10.582.501
Trích trước chi phí lãi vay	4.633.207	3.609.082
Trích bổ sung chi phí lương hiệu quả	-	172.448
Trích trước phí quản lý Petro Việt Nam	694.658	-
Các khoản khác	10.304.799	12.099.220
	36.914.547	**26.463.251**

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Cổ tức phải trả	253.857	147.391
Phải trả các bên BCC	6.311.217	-
Các khoản phải trả khác	630.567	1.037.885
	7.195.641	**1.185.276**

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt theo quyết định của Tổng Công ty.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Các khoản vay dài hạn	307.553.127	353.921.550
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	(73.833.924)	(72.973.128)
	233.719.203	**280.948.422**

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Vietcombank	38.424.742	36.188.952
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC")	1.394.925	4.184.775
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	128.388.277	151.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	51.750.000	74.750.000
MB và Vietinbank	53.993.454	57.593.018
MB và OCB	19.201.729	11.816.528
SCB	14.400.000	18.000.000
	307.553.127	**353.921.550**

Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 31/12/2012	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PV DRILLING I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	20.496.204	Đô la Mỹ
PVFC	Giàn PV DRILLING 11	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV DRILLING 11	1.394.925	Đô la Mỹ
BIDV - Vay đồng tài trợ	Giàn PV DRILLING II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV DRILLING II	110.788.277	Đô la Mỹ
BIDV	Giàn PV DRILLING III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	17.600.000	Đô la Mỹ
HSBC - Vay đồng tài trợ	Giàn PV DRILLING III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV DRILLING III	51.750.000	Đô la Mỹ
MB và Vietinbank	Giàn PV DRILLING V	SIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	53.993.454	Đô la Mỹ
SCB	Giàn PV DRILLING V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	14.400.000	Đô la Mỹ
MB và OCB	Giàn PV DRILLING V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	19.201.729	Đô la Mỹ
Vietcombank	Giàn PV DRILLING V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	15.844.729	Đô la Mỹ
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại khu công nghiệp Đông Xuyên	Tiết kiệm 5 năm + 2%	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm.	4.617.350.298	Đồng Việt Nam
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	8.914.109.837	Đồng Việt Nam
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.456.916	Đô la Mỹ

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Trong vòng một năm	73.833.924	72.973.128
Trong năm thứ hai	72.650.120	71.566.372
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	108.225.935	142.196.827
Sau năm năm	52.843.148	67.185.223
	307.553.127	**353.921.550**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(73.833.924)	(72.973.128)
Số phải trả sau 12 tháng	**233.719.203**	**280.948.422**

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tại ngày 01 tháng 01	6.980.541	3.872.215
Số trích lập trong năm	8.676.976	3.247.744
Số quỹ đã sử dụng	(19.701)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	(139.418)
Tại ngày 31 tháng 12	**15.637.816**	**6.980.541**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.105.082.150.000 đồng.

Cổ phần

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	210.508.215	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	348.480	988.580
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	210.159.735	209.519.635
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và năm 2011 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 50,38% tổng số cổ phần của Tổng Công ty.

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tại ngày 1/1/2011	117.333.602	77.037.828	(1.965.071)	427.503	17.374.910	8.566.920	57.313.295	276.088.987
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(20.471.334)	(20.471.334)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(377.892)	-	-	-	-	(377.892)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(2.173.639)	-	-	-	(2.173.639)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	52.078.999	52.078.999
Phân phối quỹ	-	-	-	-	5.355.008	2.663.321	(15.383.670)	(7.365.341)
Tại ngày 31/12/2011	**117.333.602**	**77.037.828**	**(2.342.963)**	**(1.746.136)**	**22.729.918**	**11.230.241**	**73.537.290**	**297.779.780**
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(15.095.533)	(15.095.533)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(72.540)	-	-	-	-	(72.540)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	1.605.017	-	-	-	-	1.605.017
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(3.510.761)	-	-	-	(3.510.761)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	69.498.886	69.498.886
Phân phối quỹ	-	-	-	-	6.233.830	2.519.690	(17.461.802)	(8.708.282)
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(398.934)	(398.934)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(5.389.141)	(5.389.141)
Tại ngày 31/12/2012	**117.333.602**	**77.037.828**	**(810.486)**	**(5.256.897)**	**28.963.748**	**13.749.931**	**104.690.766**	**335.708.492**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức năm 2011 cho cổ đông bằng tiền mặt là 15% vốn điều lệ, với số tiền là 15.095.533 đô la Mỹ tương đương 315.239.602.500 đồng.

Theo nghị quyết số 01/01/2012/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 01 năm 2012, Tổng Công ty đã quyết định thưởng cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên với tổng số lượng cổ phiếu quỹ là 690.100 cổ phiếu, nguồn thực hiện từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng Công ty với hình thức là dùng cổ phiếu quỹ để khen thưởng bằng cổ phiếu. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện việc thưởng cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên với tổng số lượng cổ phiếu quỹ khen thưởng là 690.100 cổ phiếu, tổng giá trị là 1.605.017 đô la Mỹ tương đương 30.512.410.588 đồng.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria)	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	Tổng số
	USD	USD	USD	USD
Tại ngày 1/1/2011	1.033.594	(755.659)	149.568	427.503
Phát sinh trong năm	(48.094)	(2.009.442)	(116.103)	(2.173.639)
Tại 31/12/2011	**985.500**	**(2.765.101)**	**33.465**	**(1.746.136)**
Phát sinh trong năm	(941.424)	(2.535.872)	(33.465)	(3.510.761)
Tại 31/12/2012	**44.076**	**(5.300.973)**	**-**	**(5.256.897)**

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	VND	Tương đương USD
Vốn điều lệ của công ty con (PVD Training)	28.958.670.000	1.606.508
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	14.996.960.000	831.970
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000	774.538
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	**48,21%**	**48,21%**

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011 như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tổng tài sản	4.212.630	2.566.757
Tổng nợ phải trả	(1.720.753)	(626.122)
Tài sản thuần	**2.491.877**	**1.940.635**
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	1.606.508	1.606.508
Thặng dư vốn cổ phần	16.506	16.506
Các quỹ khác	5.521	(118.516)
Lợi nhuận chưa phân phối	863.342	436.137

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Lợi ích của cổ đông thiểu số	**1.200.688**	**936.968**
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	775.144	775.144
Thặng dư vốn cổ phần	6.643	6.643
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(126.956)	(126.956)
Các quỹ khác	129.078	69.029
Lợi nhuận chưa phân phối	416.779	213.108

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh:

	2012 USD	2011 USD
Lợi nhuận trong năm	827.448	563.547
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	398.934	271.700

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

» Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan ("DV khoan"): Cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
» Bộ phận thương mại ("Thương mại"): Cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
» Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác ("Dịch vụ khác"): Cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
Tài sản					
Tài sản bộ phận	760.225.455	68.490.612	738.285.730	(650.753.393)	916.248.404
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản hợp nhất					**916.248.404**
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	748.571.714	56.679.069	395.099.840	(621.011.543)	579.339.080
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					**579.339.080**

Kết quả hoạt động kinh doanh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
Doanh thu thuần	332.670.818	71.697.888	221.509.791	(53.117.977)	572.760.520
Giá vốn hàng bán	248.776.447	68.848.288	167.368.955	(41.040.558)	443.953.132
Lợi nhuận gộp	83.894.371	2.849.600	54.140.836	(12.077.419)	128.807.388
Doanh thu hoạt động tài chính	679.694	813.444	17.938.963	(16.828.831)	2.603.270
Chi phí tài chính	16.422.512	384.847	3.533.088	(154.237)	20.186.210
Chi phí bán hàng	814.777	34.034	1.046.301	(54.635)	1.840.477
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.424.565	2.231.927	27.440.859	(11.998.897)	36.098.454
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.912.211	1.012.236	40.059.551	(16.698.481)	73.285.517
Thu nhập khác	6.542.632	109.555	1.707.146	-	8.359.333
Chi phí khác	2.373.883	54.707	642.017	-	3.070.607
Lợi nhuận khác	4.168.749	54.848	1.065.129	-	5.288.726
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-				2.918.208
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53.080.960	1.067.084	41.124.680	(16.698.481)	81.492.451
Chi phí thuế TNDN hiện hành					12.128.042
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(134.477)
Lợi nhuận sau thuế					**69.498.886**

Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
Tài sản					
Tài sản bộ phận	725.071.976	62.271.049	763.615.985	(661.031.134)	889.927.876
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản hợp nhất					**889.927.876**
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	720.371.863	56.055.224	453.691.261	(638.907.220)	591.211.128
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					**591.211.128**

Kết quả hoạt động kinh doanh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
Doanh thu thuần	250.594.664	64.205.799	160.147.311	(25.397.470)	449.550.304
Giá vốn hàng bán	188.497.296	58.158.667	121.528.740	(19.050.907)	349.133.796
Lợi nhuận gộp	62.097.368	6.047.132	38.618.571	(6.346.563)	100.416.508
Doanh thu hoạt động tài chính	598.248	1.099.323	26.463.905	(20.721.544)	7.439.932
Chi phí tài chính	14.205.358	1.391.733	6.212.008	-	21.809.099
Chi phí bán hàng	-	93.419	1.439.808	-	1.533.227
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.948.611	2.382.988	21.192.424	(6.322.676)	27.201.347
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38.541.647	3.278.315	36.238.236	(20.745.431)	57.312.767
Thu nhập khác	511.481	486.680	3.494.348	-	4.492.509
Chi phí khác	2.378.420	228.805	2.720.397	-	5.327.622
Lỗ khác	(1.866.939)	257.875	773.951	-	(835.113)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	3.525.465
Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.674.708	3.536.190	37.012.187	(20.745.431)	60.003.119
Chi phí thuế TNDN hiện hành					7.376.377
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					276.043
Lợi nhuận sau thuế					**52.350.699**

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 USD	2011 USD
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.268.936	35.763.009
Chi phí nhân công	133.372.098	97.962.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.096.789	32.744.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.953.275	161.675.713
Chi phí khác	15.339.050	17.391.869
Giá vốn thương mại	68.861.915	32.330.390
	481.892.063	**377.868.370**

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 USD	2011 USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.328.882	2.074.633
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.273.380	5.268.357
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.008	96.942
	2.603.270	**7.439.932**

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 USD	2011 USD
Chi phí lãi vay	14.491.853	13.049.749
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	85.239	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.899.185	7.858.552
Chi phí tài chính khác	1.709.933	900.798
	20.186.210	**21.809.099**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 USD	2011 USD
Lợi nhuận trước thuế	81.492.451	60.003.119
Điều chỉnh cho các khoản:		
Thu nhập không chịu thuế	(16.676.344)	(21.606.587)
Chi phí thực hiện từ nguồn trích của năm trước	234.742	(55.556)
Chênh lệch đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	(163.003)	(365.430)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.281.825	2.279.463
Thu nhập chịu thuế	**69.169.671**	**40.255.009**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.844.886	7.348.661
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	283.156	27.716
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**12.128.042**	**7.376.377**

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành (25%), ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

» Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV DRILLING II và PV DRILLING III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).

» PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 25% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến 2009) và được giảm 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và được giảm 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.

» PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 25% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.

» PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV DRILLING V. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 USD	2011 USD
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	63.462.135	52.078.999
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.462.135	52.078.999
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	210.152.326	209.700.367
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**0,30**	**0,25**

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2012 USD	2011 USD
Các khoản vay	326.900.152	379.355.132
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	51.265.059	32.081.462
Nợ thuần	275.635.093	347.273.670
Vốn chủ sở hữu	335.708.492	297.779.780
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,82	1,17

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.265.059	32.081.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	147.090.685	101.778.580
Các khoản đầu tư khác	1.595.188	1.594.888
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.249.512	1.094.925
Tổng cộng	**201.200.444**	**136.549.855**
Các khoản vay và nợ	326.900.152	379.355.132
Phải trả người bán và phải trả khác	114.222.455	94.848.397
Chi phí phải trả	36.914.547	26.463.251
Tổng cộng	**478.037.154**	**500.666.780**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
USD (các công ty con)	228.526.755	267.075.739	75.493.473	37.768.965
VND (Công ty mẹ)	18.804.873	39.701.198	47.659.586	70.828.841
DZD	1.135.730	849.981	1.677.042	1.434.331
SGD	492.460	263.465	15.703	24.114
EUR	268.474	68.119	187.302	23.077
Norwegian krone (NOK)	36.910	38.107	-	-
Bạt Thái (THB)	14.127	5.152	-	-
GBP	29.033	3.176	-	4
JPY	-	19.074	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

	USD
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ	577.094
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	3.060.666
Giảm/tăng lợi nhuận hợp nhất	**2.483.572**

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 922.659 đô la Mỹ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.265.059	-	-	51.265.059
Phải thu khách hàng và phải thu khác	147.090.685	-	-	147.090.685
Các khoản đầu tư khác	-	480.423	1.114.765	1.595.188
Các khoản ký quỹ, ký cược	428.190	821.322	-	1.249.512
Tổng cộng	**198.783.934**	**1.301.745**	**1.114.765**	**201.200.444**
Các khoản vay và nợ	93.180.949	180.876.055	52.843.148	326.900.152
Phải trả người bán và phải trả khác	114.222.455	-	-	114.222.455
Chi phí phải trả	36.914.547	-	-	36.914.547
Tổng cộng	**244.317.951**	**180.876.055**	**52.843.148**	**478.037.154**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(45.534.017)**	**(179.574.310)**	**(51.728.383)**	**(276.836.710)**
31/12/2011				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.081.462	-	-	32.081.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	101.778.580	-	-	101.778.580
Các khoản đầu tư khác	-	480.123	1.114.765	1.594.888
Các khoản ký quỹ, ký cược	296.508	798.417	-	1.094.925
Tổng cộng	**134.156.550**	**1.278.540**	**1.114.765**	**136.549.855**
Các khoản vay và nợ	98.406.710	213.763.199	67.185.223	379.355.132
Phải trả người bán và phải trả khác	94.848.397	-	-	94.848.397
Chi phí phải trả	26.463.251	-	-	26.463.251
Tổng cộng	**219.718.358**	**213.763.199**	**67.185.223**	**500.666.780**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(85.561.808)**	**(212.484.659)**	**(66.070.458)**	**(364.116.925)**

33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 USD	2011 USD
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.650.013	1.245.876

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Trong vòng một năm	1.825.595	971.120
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.751.107	2.412.110
Sau năm năm	1.600.194	2.069.122
	7.176.896	**5.452.352**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Thời gian thuê được thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 38 năm.

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT GÓP VỐN

Ngày 06 tháng 02 năm 2013, Tổng Công ty đã ký hợp đồng góp vốn liên doanh với Falcon Energy Group Limited nhằm thành lập Công ty Liên doanh PV Drilling Overseas tại Singapore để cùng đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới. Vốn điều lệ của Liên doanh tại thời điểm thành lập là 1.000 đô la Mỹ và có thể tăng lên tối đa là 70.000.000 đô la Mỹ. Tổng Công ty cam kết góp 50% vốn điều lệ của Liên doanh.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 USD	2011 USD
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	138.462.680	10.433.352
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	220.778.642	192.892.198
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	15.353.855	10.948.117
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	6.005.040	6.954.076
Vay từ PVFC		
Lãi vay đã trả	89.165	143.389
Hoàn trả trong năm	2.789.850	3.111.291

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 USD	2011 USD
Lương	305.014	324.019
Tiền thưởng	286.721	173.823
Các khoản phúc lợi khác	11.914	11.128
	603.649	**508.970**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	2012 USD	2011 USD
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	4.198.410	684.112
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	52.167.937	31.917.995
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	3.640.311	51.035.135
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	2.441.602	2.909.101

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Các khoản vay phải trả		
PVFC	1.394.925	4.184.775
Lãi vay phải trả		
PVFC	4.427	13.956
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	45.484.848	147.391

37. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUY ĐỔI THEO CHUẨN MỰC **KẾ TOÁN VIỆT NAM**

BẰNG VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam
Tel: +848 3910 0751 Fax: +848 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Deloitte.

Số: 0374/Deloitte-AUDHCM-RE

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013, từ trang 193 đến trang 233. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thoả thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

a. Thu thập báo tài chính hợp nhất đã được chuyển đổi sang đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để chuyển đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty.

b. So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp chuyển đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.

c. Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

a. Thủ tục a: Số liệu sử dụng để chuyển đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

b. Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.

c. Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra Báo cáo tài chính quy đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 – Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các mục a, b, c nêu trên.

M.S.C.N: 0100112500-002-C.I.T.N.H.H
CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 20 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1529/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	**100**		**5.078.601.899.164**	**3.914.919.645.004**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**1.067.748.648.852**	**668.192.690.536**
1. Tiền	111		723.534.498.572	373.252.381.256
2. Các khoản tương đương tiền	112		344.214.150.280	294.940.309.280
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**3.117.236.762.212**	**2.178.143.165.300**
1. Phải thu khách hàng	131		3.003.523.651.056	1.957.280.495.388
2. Trả trước cho người bán	132		53.631.975.032	58.298.904.992
3. Các khoản phải thu khác	135		64.020.918.948	169.825.322.152
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.939.782.824)	(7.261.557.232)
III. Hàng tồn kho	**140**	**6**	**787.832.554.888**	**1.003.086.456.612**
1. Hàng tồn kho	141		788.888.180.412	1.004.775.315.820
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.055.625.524)	(1.688.859.208)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**105.783.933.212**	**65.497.332.556**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.816.659.544	33.077.113.424
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.017.482.068	26.244.550.508
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31.450.280	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.918.341.320	6.175.668.624
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+270)	**200**		**14.005.016.860.116**	**14.620.498.152.392**
I. Tài sản cố định	**220**		**13.317.644.351.704**	**14.104.615.502.168**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	13.054.984.089.116	13.924.378.008.948
- Nguyên giá	*222*		*16.142.102.584.412*	*16.028.768.251.264*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(3.087.118.495.296)*	*(2.104.390.242.316)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	143.934.664.124	158.848.511.868
- Nguyên giá	228		192.028.244.848	186.040.965.484
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(48.093.580.724)*	*(27.192.453.616)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	118.725.598.464	21.388.981.352
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**458.296.979.264**	**309.701.591.924**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	10,11	425.072.403.600	276.483.264.660
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	33.224.575.664	33.218.327.264
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**227.085.413.748**	**203.693.424.464**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	203.470.252.444	183.356.215.456
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	6.508.666.688	3.707.779.732
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.106.494.616	16.629.429.276
IV. Lợi thế thương mại	**270**	**15**	**1.990.115.400**	**2.487.633.836**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**19.083.618.759.280**	**18.535.417.797.396**

Các thuyết minh kèm theo từ trang 199 đến trang 233 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**12.066.474.358.240**	**12.313.745.373.984**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**5.690.763.124.928**	**5.086.641.861.240**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.940.772.805.772	2.049.614.955.880
2. Phải trả người bán	312		2.229.154.481.992	1.950.815.463.360
3. Người mua trả tiền trước	313		15.007.323.808	162.443.528.808
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17,18	263.164.383.500	179.379.192.168
5. Phải trả người lao động	315		108.736.968.708	57.246.153.732
6. Chi phí phải trả	316	19	768.856.184.916	551.176.591.828
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	149.870.810.748	24.686.928.528
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	135.696.107.068	63.966.370.416
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		79.504.058.416	47.312.676.520
II. Nợ dài hạn	**330**		**6.375.711.233.312**	**7.227.103.512.744**
1. Phải trả dài hạn khác	333	11	1.151.539.338.776	1.188.564.399.600
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	4.867.903.560.084	5.851.593.733.416
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		25.160.703.044	37.748.896.308
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.403.199.760	3.805.775.472
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	23	325.704.431.648	145.390.707.948
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**6.992.136.471.376**	**6.202.157.253.908**
I. Vốn cổ đông	**410**	**24**	**6.992.136.471.376**	**6.202.157.253.908**
1. Vốn điều lệ	411		2.105.082.150.000	2.105.082.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.382.130.231.854	1.382.130.231.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(15.407.860.950)	(44.395.487.786)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		673.496.144.515	742.857.627.650
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		554.469.675.707	424.631.464.467
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		262.334.956.772	209.854.853.452
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.030.031.173.478	1.381.996.414.271
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**500**	**25**	**25.007.929.664**	**19.515.169.504**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500)	**600**		**19.083.618.759.280**	**18.535.417.797.396**

Các thuyết minh kèm theo từ trang 199 đến trang 233 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại		
Euro ("EUR")	6.114	18.765
Bảng Anh ("GBP")	-	3
Dinars ("DZD")	63.593.207	50.384.373
Singapore ("SGD")	13.289	30.058

Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.929.456.110.560	9.210.836.178.656
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	11.929.456.110.560	9.210.836.178.656
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	9.246.655.833.296	7.153.402.346.244
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.682.800.277.264	2.057.433.832.412
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	54.220.907.560	152.436.766.748
6. Chi phí tài chính	22	29	420.438.381.880	446.846.629.411
Trong đó: Chí phí lãi vay	*23*		*301.836.314.284*	*267.376.307.261*
7. Chi phí bán hàng	24		38.333.454.956	31.414.288.003
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		751.858.599.912	557.328.398.683
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		1.526.390.748.076	1.174.281.283.063
10. Thu nhập khác	31		174.108.187.724	92.047.016.901
11. Chi phí khác	32		63.954.602.596	109.157.647.158
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		110.153.585.128	(17.110.630.257)
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	10	60.780.436.224	72.233.252.385
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		1.697.324.769.428	1.229.403.905.191
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	30	252.602.858.776	151.134.588.353
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	14	(2.800.886.956)	5.655.845.027
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	**70**		**1.447.522.797.608**	**1.072.613.471.811**
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		*25*	*8.308.995.097*	*5.566.867.339*
- Lợi ích của các bên BCC		*11*	*117.424.456.472*	-
- Cổ đông của Tổng Công ty			*1.321.789.346.039*	*1.067.046.604.472*
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**80**	**31**	**6.290**	**5.088**

Phạm Tiến Dũng	**Hồ Ngọc Yến Phương**	**Đoàn Đắc Tùng**	**Trần Kim Hoàng**
Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngày 20 tháng 3 năm 2013			

Các thuyết minh kèm theo từ trang 199 đến trang 233 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**1.697.324.769.428**	**1.229.403.905.191**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.022.587.921.292	710.015.008.297
Các khoản dự phòng	03	55.186.535.296	60.979.156.910
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.253.027.244)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(86.911.203.368)	(120.308.539.540)
Chi phí lãi vay	06	301.836.314.284	267.376.307.261
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	**08**	**2.987.771.309.688**	**2.147.465.838.119**
Biến động các khoản phải thu	09	(935.576.056.200)	(54.188.569.596)
Biến động hàng tồn kho	10	215.887.135.408	(615.577.437.321)
Biến động các khoản phải trả	11	1.109.477.186.610	1.432.657.899.519
Biến động chi phí trả trước	12	(43.853.583.108)	16.485.080.598
Tiền lãi vay đã trả	13	(280.354.210.944)	(291.849.680.157)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(222.129.953.504)	(183.021.946.877)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(140.748.563.308)	(109.975.322.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**2.690.473.264.642**	**2.341.995.862.115**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(812.853.751.988)	(2.704.794.011.423)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	318.168.528	7.748.734.910
3. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(164.608.440.350)	(122.114.440.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	20.816.670.000	33.938.225.468
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	74.222.764.940	92.110.143.510
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(882.104.588.870)**	**(2.693.111.347.535)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(1.524.783.752)	(7.742.629.188)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.798.985.216.856	2.346.500.266.320
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.892.883.107.288)	(1.845.082.127.903)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(313.867.691.796)	(418.987.180.733)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(1.409.290.365.980)**	**74.688.328.496**
Lưu chuyển tiền và tương tương tiền trong năm	**50**	**399.078.309.792**	**(276.427.156.924)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**668.192.690.536**	**854.569.370.820**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	477.648.524	6.428.333.092
Ảnh hưởng của chuyển đổi đồng tiền hạch toán		-	83.622.143.548
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**1.067.748.648.852**	**668.192.690.536**

Các thuyết minh kèm theo từ trang 199 đến trang 233 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 59.775.316.307 đồng (năm 2011: 459.851.956.088 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 459.851.956.088 đồng (2011: 462.127.867.092 đồng) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm này.

Tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 60.780.436.224 đồng (2011: 75.016.540.848 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 75.016.540.848 đồng (2011: 47.277.179.720 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 1.369.024.440 đồng là số lãi phát sinh còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (2011: 1.588.155.828 đồng). Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi và cho vay trong năm đã bao gồm 1.588.155.828 đồng (2011: 1.669.395.741 đồng) là số lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong năm nay.

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 5.287.333.596 đồng (2011: 3.038.469.000 đồng) là số cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm đã bao gồm 163.653.136 đồng là số cổ tức của năm trước đã trả trong năm nay.

Phạm Tiến Dũng	**Hồ Ngọc Yến Phương**	**Đoàn Đắc Tùng**	**Trần Kim Hoàng**
Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngày 20 tháng 3 năm 2013			

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ, sáu công ty con và sáu công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 5 ngày 03 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là "Petro Việt Nam").

Công ty mẹ có hai Xí nghiệp trực thuộc và một Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

» Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

» Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

» Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101. Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, lầu 12A, Vicom Center, số 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là "PVD Tech"). PVD Tech được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại lầu 8, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Deepwater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deepwater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa chìm nửa nổi ("PV DRILLING V"). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 15.

Các công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là "BJ - PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV DRILLING và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là "PVD - Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Huges đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International (sau đây gọi tắt là "PVD - PTI") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD-PTI là 4 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Logging nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD-PTI đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 3,5 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Tech nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries (sau đây gọi tắt là "PVD - OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011 với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng (tương đương 5 triệu đô la Mỹ). PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của PVD - OSI. Hoạt động kinh doanh chính của PVD - OSI là sản xuất, chế tạo, ren, tiện các loại đầu nối ống và cấu kiện phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty TNHH Vietubes ("Vietubes"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012 với vốn điều lệ là 77.297.205.000 đồng (tương đương 3.707.300 đô la Mỹ), PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Vietubes. Hoạt động kinh doanh chính của Vietubes là gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại, sản xuất các loại phụ kiện cơ khí phục vụ cho ngành khoan thăm dò, khai thác dầu khí và cơ khí hàng hải, ren, gia công, sửa chữa, phục hồi các loại ống chống, cần khoan, ống khai thác, ống dẫn và các phụ kiện ngành công nghiệp Dầu khí.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đô la Mỹ sang đồng Việt Nam ("VNĐ") theo nguyên tắc: tỷ giá sử dụng quy đổi từ đô la Mỹ sang đồng VNĐ đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không trọng yếu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được

ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo

phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

	2012 (Số năm)	2011 (Số năm)
Phần mềm máy tính	5	5
Tài sản vô hình khác	10	20

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, Tổng Công ty đã điều chỉnh thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước từ 20 năm thành 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012. Việc điều chỉnh thời gian khấu hao làm chi phí khấu hao của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tăng 4.159.955.612 đồng và khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã giảm một khoản tương ứng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ, phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tiền mặt	2.640.990.400	2.948.849.068
Tiền gửi ngân hàng	720.893.508.172	370.303.532.188
Các khoản tương đương tiền	344.214.150.280	294.940.309.280
	1.067.748.648.852	**668.192.690.536**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	5.990.757.640	92.998.873.692
Nguyên liệu, vật liệu	497.600.644.116	328.672.525.788
Công cụ, dụng cụ	641.065.012	931.782.236
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.506.312.332	148.051.589.088
Hàng hoá	225.374.497.688	407.495.779.368
Hàng gửi đi bán	45.774.903.624	26.624.765.648
	788.888.180.412	**1.004.775.315.820**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.055.625.524)	(1.688.859.208)
	787.832.554.888	**1.003.086.456.612**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	311.157.427.468	15.594.462.607.812	59.012.826.348	62.924.220.608	1.211.169.028	16.028.768.251.264
Tăng trong năm	1.961.601.868	264.234.276.204	8.418.490.148	10.494.833.468	-	285.109.201.688
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.288.630.996	19.072.324.568	963.086.720	-	-	24.324.042.284
Phân loại lại	(367.989.104)	(598.180.160)	966.169.264	-	-	-
Thanh lý	-	(2.041.102.344)	(2.881.887.048)	(2.390.262.936)	-	(7.313.252.328)
Giảm khác	-	(160.353.459.836)	-	-	-	(160.353.459.836)
Chênh lệch tỷ giá	(1.511.487.960)	(26.864.558.412)	(45.904.912)	(10.247.376)	-	(28.432.198.660)
Tại ngày 31/12/2012	315.528.183.268	15.687.911.907.832	66.432.780.520	71.018.543.764	1.211.169.028	16.142.102.584.412
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	55.047.799.988	1.979.973.788.584	29.272.587.632	39.944.771.520	151.294.592	2.104.390.242.316
Khấu hao trong năm	17.788.944.864	961.042.285.176	15.158.972.476	7.410.206.668	269.722.600	1.001.670.131.784
Phân loại lại	(13.267.436)	(9.247.632)	22.515.068	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	(1.872.458.028)	(2.701.766.504)	(1.371.190.552)	-	(5.945.415.084)
Chênh lệch tỷ giá	(1.240.973.896)	(11.710.001.472)	(35.261.804)	(10.226.548)	-	(12.996.463.720)
Tại ngày 31/12/2012	71.582.503.520	2.927.424.366.628	41.717.046.868	45.973.561.088	421.017.192	3.087.118.495.296
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	**243.945.679.748**	**12.760.487.541.204**	**24.715.733.652**	**25.044.982.676**	**790.151.836**	**13.054.984.089.116**
Tại ngày 31/12/2011	**256.109.627.480**	**13.614.488.819.228**	**29.740.238.716**	**22.979.449.088**	**1.059.874.436**	**13.924.378.008.948**

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng đồng Việt Nam và dinar Algeria sang đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 7.178.986.046.843 đồng (2011: 7.644.476.492.068 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với giá trị là 133.268.312.076 đồng (2011: 93.895.998.136 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012	127.507.308.104	25.151.038.852	33.382.618.528	186.040.965.484
Tăng trong năm	-	706.360.792	-	706.360.792
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.300.892.624	-	5.300.892.624
Chênh lệch tỷ giá	-	(19.974.052)	-	(19.974.052)
Tại ngày 31/12/2012	**127.507.308.104**	**31.138.318.216**	**33.382.618.528**	**192.028.244.848**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	1.864.834.980	15.528.002.980	9.799.615.656	27.192.453.616
Khấu hao trong năm	8.350.674.180	6.740.232.392	5.826.882.936	20.917.789.508
Chênh lệch tỷ giá	-	(16.662.400)	-	(16.662.400)
Tại ngày 31/12/2012	**10.215.509.160**	**22.251.572.972**	**15.626.498.592**	**48.093.580.724**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	**117.291.798.944**	**8.886.745.244**	**17.756.119.936**	**143.934.664.124**
Tại ngày 31/12/2011	**125.642.473.124**	**9.623.053.872**	**23.583.002.872**	**158.848.511.868**

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	9.542.889.728	14.843.761.524
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	5.530.188.076	5.530.188.076
Mua thiết bị khoan	94.606.961.916	-
Các công trình xây dựng cơ bản khác	9.045.558.744	1.015.031.752
	118.725.598.464	**21.388.981.352**

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp 31/12/2012 VNĐ	Vốn đã góp 31/12/2011 VNĐ
BJ - PVD	5.000.000	49	48.039.113.955	48.039.113.955
PVD - PTI	4.000.000	51	34.238.560.029	34.238.560.029
PVD Tubulars	3.500.000	51	30.548.750.000	30.548.750.000
PVD - Baker Hughes	20.000.000	51	81.956.000.000	81.956.000.000
Vietubes	3.707.300	51	90.530.110.024	-
PVD - OSI	5.000.000	51	53.111.400.000	-

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
BJ - PVD	92.788.989.936	74.804.990.852
PVD - PTI	49.815.702.248	66.416.243.088
PVD Tubulars	51.048.157.492	51.950.030.720
PVD - Baker Hughes	83.312.000.000	83.312.000.000
Vietubes	99.738.793.664	-
PVD - OSI	48.368.760.260	-
	425.072.403.600	**276.483.264.660**

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 31/12/2011 VNĐ	Góp vốn trong năm VNĐ	Lợi nhuận trước giai đoạn đầu tư	Lợi nhuận được chia VNĐ	Lợi nhuận đã công bố VNĐ	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo VNĐ	Tại ngày 31/12/2012 VNĐ
BJ - PVD	74.804.990.852	-	-	40.350.896.692	(22.927.983.100)	561.085.492	92.788.989.936
PVD - PTI	66.416.243.088	-	-	5.390.390.540	(23.397.696.156)	1.406.764.776	49.815.702.248
PVD Tubulars	51.950.030.720	-	-	10.573.105.092	(13.188.414.568)	1.713.436.248	51.048.157.492
PVD - Baker Hughes	83.312.000.000	-	-	-	-	-	83.312.000.000
Vietubes	-	111.497.040.350	(20.816.670.000)	9.208.683.640	-	(150.260.326)	99.738.793.664
PVD - OSI	-	53.111.400.000	-	(4.742.639.740)	-	-	48.368.760.260
	276.483.264.660	**164.608.440.350**	**(20.816.670.000)**	**60.780.436.224**	**(59.514.093.824)**	**3.531.026.190**	**425.072.403.600**

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty chưa góp đủ vốn vào PVD - Baker Hughes và báo cáo tài chính của PVD – Baker Hughes vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng thành viên của liên doanh, do đó Tổng Công ty vẫn hạch toán khoản đầu tư vào liên doanh này theo phương pháp giá gốc.

Trong năm 2012, PVD Tech đầu tư vào Vietubes và sở hữu 51% vốn ở công ty này. Chi tiết khoản đầu tư vào Vietubes trong năm 2012 như sau:

	VND
Khoản vốn góp vào liên doanh	111.497.040.350
Lợi nhuận được chia của giai đoạn trước đầu tư	(20.816.670.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(150.260.326)
Gía trị thuần của khoản đầu tư	**90.530.110.024**
Trong đó: *Phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại liên doanh*	64.860.828.876
Lợi thế thương mại	*25.669.281.148*
Lợi nhuận được chia	**9.208.683.640**
Trong đó: *Lợi nhuận được chia trong năm*	*11.133.878.164*
Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	*(1.925.194.524)*
Giá trị khoản đầu tư tại ngày tại ngày 31/12/2012	**99.738.793.664**

11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC

Tổng Công ty cùng với Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ("giàn khoan TAD hay giàn khoan PV DRILLING V") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	31/12/2012 %	31/12/2011 %
Phần vốn góp của Petro Việt Nam chiếm tỷ lệ:	23,00	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty chiếm tỷ lệ:	62,43	62,00
Phần vốn góp của MB chiếm tỷ lệ:	9,71	10,00
Phần vốn góp của OCB chiếm tỷ lệ:	4,86	5,00

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tổng tài sản	4.726.332.468.471	4.439.070.007.692
Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định – giàn khoan PV DRILLING V	*4.121.823.351.649*	*4.116.802.211.454*

Số vốn thực góp của các đối tác trong BCC ghi nhận Phải trả dài hạn khác:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
- PVN	947.088.004.220	970.060.642.552
- MB	133.229.238.748	144.025.620.000
- OCB	68.756.768.760	72.012.810.000
- Khác	2.465.327.048	2.465.327.048
	1.151.539.338.776	**1.188.564.399.600**

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Doanh thu	1.361.755.376.236	151.907.433.433
Giá vốn	788.209.839.218	119.756.074.144
Chi phí quản lý tài sản liên doanh	195.009.542.985	42.299.110.231
Chi phí tài chính	164.763.873.916	19.652.495.597
Doanh thu tài chính	2.820.587.568	-
Doanh thu khác	79.854.706.203	-
Lợi nhuận/ (lỗ) thuần	296.447.413.888	(29.800.246.539)
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	16.101.046.246	-
Lợi nhuận/ (lỗ) phân phối cho liên doanh	312.548.460.134	(29.800.246.539)
Phân chia theo tỷ lệ vốn góp		
Tổng Công ty	179.022.957.416	(18.476.160.640)
Các bên BCC:	117.424.456.472	(11.324.085.899)
Petro Việt Nam	*71.886.145.831*	*(6.854.062.236)*
MB	*30.348.455.479*	*(2.980.022.605)*
OCB	*15.189.855.162*	*(1.490.001.058)*

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và chưa phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	3.224.575.664	3.218.327.264
	33.224.575.664	**33.218.327.264**

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 201 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	58.149.380.780	88.488.195.388
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV DRILLING II và III	12.407.614.504	39.279.608.512
Chi phí trả trước dài hạn cho ống khoan (Drill Pipe)	-	380.340.108
Chi phí sửa chữa cho giàn PV DRILLING I	3.768.014.308	1.605.797.144
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	93.206.216.432	-
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV DRILLING V	27.507.289.664	44.755.102.260
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.431.736.756	8.847.172.044
	203.470.252.444	**183.356.215.456**

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2011	6.621.940.300	2.491.924.500	9.113.864.800
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(2.160.831.407)	(3.495.013.620)	(5.655.845.027)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	250.351.331	(591.372)	249.759.959
Tại ngày 31/12/2011	4.711.460.224	(1.003.680.492)	3.707.779.732
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	119.177.816	2.681.709.140	2.800.886.956
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	**4.830.638.040**	**1.678.028.648**	**6.508.666.688**

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	31/12/2012				31/12/2011			
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VNĐ	Vốn điều lệ đã góp VNĐ	Giá trị khoản đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VNĐ	Vốn điều lệ đã góp VNĐ	Giá trị khoản đầu tư VNĐ
PVD Offshore	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
PVD Well	100	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
PVD Logging	100	80.000.000.000	50.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	50.000.000.000	80.000.000.000
PVD Tech	100	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	100	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
PVD Training	52	28.958.670.000	14.996.960.000	19.755.753.400	52	28.958.670.000	14.996.960.000	19.755.753.400
PVD Deepwater	100	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
				529.755.753.400				**429.755.753.400**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035123077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2012 vốn điều lệ đăng ký của PVD Well là 80.000.000.000 đồng (31/12/2011: 50.000.000.000 đồng). Đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ chưa thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well. Số vốn tăng thêm đã được Công ty mẹ góp đủ vào ngày 06 tháng 02 năm 2013.

Trong năm, Công ty mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Tech với tổng vốn điều lệ đã góp là 4.750.980 đô la Mỹ tương đương với 100.000.000.000 đồng và thực hiện chuyển đổi PVD Tech thành Công ty cổ phần. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong PVD Tech là 97%, PVD Well là 1% và PVD Offshore là 2%.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 4.285.636.640 đồng.

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Lợi thế thương mại VNĐ
Giá trị lợi thế thương mại tại thời điểm đầu tư	4.285.636.640
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	689.631.032
Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 31/12/2012	4.975.267.672
GIÁ TRỊ PHÂN BỔ LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2012	2.487.633.836
Phân bổ trong năm	428.556.667
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	68.961.769
Tại ngày 31/12/2012	2.985.152.272
GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	**1.990.115.400**
Tại ngày 31/12/2011	**2.487.633.836**

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Vay ngắn hạn	402.959.836.700	529.730.645.896
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	1.537.812.969.072	1.519.884.309.984
	1.940.772.805.772	**2.049.614.955.880**

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Ngân hàng HSBC Việt Nam	172.124.424.864	-
Ngân hàng Vietcombank	230.835.411.836	196.482.645.896
Ngân hàng Citibank, N.A - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	20.828.000.000
Ngân hàng DBS	-	145.796.000.000
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	-	166.624.000.000
	402.959.836.700	**529.730.645.896**

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng HSBC Việt Nam là khoản vay tín chấp bằng đồng đô la Mỹ tương đương với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đô la Mỹ và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Vietcombank là khoản vay tín chấp bằng đồng Việt Nam hoặc USD tương đương với hạn mức tín dụng là 1.000 tỷ đồng, và thời hạn vay tối đa là 6 tháng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	114.947.274.296	59.802.186.720
Thuế nhập khẩu	3.687.180.840	59.568.080
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.674.078.172	42.201.172.900
Thuế thu nhập cá nhân	24.949.819.544	42.055.189.448
Thuế nhà thầu	-	10.188.370.276
Các loại thuế khác	46.906.030.648	25.072.704.744
	263.164.383.500	**179.379.192.168**

18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	01/01/2012 VNĐ	Số phải nộp VNĐ	Số đã nộp VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	59.802.186.720	802.394.013.700	747.248.926.124	114.947.274.296
Thuế xuất nhập khẩu	59.568.080	12.043.270.300	8.415.657.540	3.687.180.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.201.172.900	252.602.858.776	222.129.953.504	72.674.078.172
Thuế thu nhập cá nhân	42.055.189.448	462.702.434.512	479.807.804.416	24.949.819.544
Thuế môn bài	-	26.000.000	26.000.000	-
Các loại thuế khác	35.261.075.020	290.741.648.588	279.096.692.960	46.906.030.648
	179.379.192.168	**1.820.510.225.876**	**1.736.725.034.544**	**263.164.383.500**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	443.259.059.124	220.412.337.701
Trích trước chi phí lãi vay	96.500.435.396	75.169.959.896
Trích bổ sung chi phí lương hiệu quả	-	3.591.746.944
Trích trước phí quản lý Petro Việt Nam	14.468.336.824	-
Các khoản khác	214.628.353.572	252.002.547.287
	768.856.184.916	**551.176.591.828**

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Cổ tức phải trả	5.287.333.596	3.038.469.000
Phải trả các bên BCC	131.450.027.676	-
Các khoản phải trả khác	13.133.449.476	21.648.459.528
	149.870.810.748	**24.686.928.528**

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt theo quyết định của Tổng Công ty.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Các khoản vay dài hạn	6.405.716.529.156	7.371.478.043.400
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	(1.537.812.969.072)	(1.519.884.309.984)
	4.867.903.560.084	**5.851.593.733.416**

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Vietcombank	800.560.149.365	753.743.492.256
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC")	29.053.497.900	87.160.493.700
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.674.071.033.356	3.153.115.033.356
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam ("HSBC")	1.077.849.000.000	1.556.893.000.000
MB và Vietinbank	1.124.575.652.190	1.199.547.378.904
MB và OCB	399.683.996.345	246.114.645.184
SCB	299.923.200.000	374.904.000.000
	6.405.716.529.156	**7.371.478.043.400**

Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 31/12/2012	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PV DRILLING I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	20.496.204	Đô la Mỹ
PVFC	Giàn PV DRILLING 11	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV DRILLING 11	1.394.925	Đô la Mỹ
BIDV - Vay đồng tài trợ	Giàn PV DRILLING II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV DRILLING II	110.788.277	Đô la Mỹ
BIDV	Giàn PV DRILLING III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	17.600.000	Đô la Mỹ
HSBC - Vay đồng tài trợ	Giàn PV DRILLING III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV DRILLING III	51.750.000	Đô la Mỹ
MB và Vietinbank	Giàn PV DRILLING V	SIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	53.993.454	Đô la Mỹ
SCB	Giàn PV DRILLING V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	14.400.000	Đô la Mỹ
MB và OCB	Giàn PV DRILLING V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	19.201.729	Đô la Mỹ

Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ (tiếp theo)

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 31/12/2012	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PVDRILLING V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	15.844.729	Đô la Mỹ
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại khu công nghiệp Đông Xuyên	Tiết kiệm 5 năm + 2%	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm.	4.617.350.298	Đồng Việt Nam
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	8.914.109.837	Đồng Việt Nam
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.456.916	Đô la Mỹ

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Trong vòng một năm	1.537.812.969.072	1.519.884.309.984
Trong năm thứ hai	1.513.091.729.068	1.490.584.411.698
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.254.325.496.706	2.961.675.517.902
Sau năm năm	1.100.486.334.310	1.399.333.803.816
	6.405.716.529.156	**7.371.478.043.400**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.537.812.969.072)	(1.519.884.309.984)
Số phải trả sau 12 tháng	**4.867.903.560.084**	**5.851.593.733.416**

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	145.390.707.948	73.308.774.380
Số trích lập trong năm	180.724.056.128	68.034.935.003
Số quỹ đã sử dụng	(412.172.659)	-
Chênh lệch tỷ giá	1.840.231	4.046.998.565
Tại ngày 31 tháng 12	**325.704.431.648**	**145.390.707.948**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.105.082.150.000 đồng.

Cổ phần

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	210.508.215	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	348.480	988.580
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	210.159.735	209.519.635
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và năm 2011 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 50,38% tổng số cổ phần của Tổng Công ty.

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ
Tại ngày 1/1/2011	**2.105.082.150.000**	**1.382.130.231.854**	**(36.492.366.851)**
Cổ tức công bố	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(7.903.120.935)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	**2.105.082.150.000**	**1.382.130.231.854**	**(44.395.487.786)**
Cổ tức công bố	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.524.783.752)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	30.512.410.588
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	**2.105.082.150.000**	**1.382.130.231.854**	**(15.407.860.950)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức năm 2011 cho cổ đông bằng tiền mặt là 15% vốn điều lệ với số tiền là 315.239.602.500 đồng tương đương 15.095.533 đô la Mỹ.

Theo nghị quyết số 01/01/2012/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 01 năm 2012, Tổng Công ty đã quyết định thưởng cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên với tổng số lượng cổ phiếu quỹ là 690.100 cổ phiếu, nguồn thực hiện từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng Công ty với hình thức là dùng cổ phiếu quỹ để khen thưởng bằng cổ phiếu. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện việc thưởng cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên với tổng số lượng cổ phiếu quỹ khen thưởng là 690.100 cổ phiếu, tổng giá trị là 30.512.410.588 đồng tương đương 1.605.017 đô la Mỹ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
253.826.437.681	**314.912.705.555**	**155.286.069.483**	**1.052.171.474.162**	**5.226.916.701.884**
-	-	-	(422.025.649.733)	(422.025.649.733)
-	-	-	-	(7.903.120.935)
489.031.189.969	-	-	-	489.031.189.969
-	-	-	1.067.046.604.472	1.067.046.604.472
-	109.718.758.912	54.568.783.969	(315.196.014.630)	(150.908.471.749)
742.857.627.650	**424.631.464.467**	**209.854.853.452**	**1.381.996.414.271**	**6.202.157.253.908**
-	-	-	(315.239.602.500)	(315.239.602.500)
-	-	-	-	(1.524.783.752)
-	-	-	-	30.512.410.588
(69.361.483.135)	-	-	-	(69.361.483.135)
-	-	-	1.447.522.797.608	1.447.522.797.608
-	129.838.211.240	52.480.103.320	(363.694.412.056)	(181.376.097.496)
-	-	-	(8.308.995.097)	(8.308.995.097)
-	-	-	(112.245.028.748)	(112.245.028.748)
673.496.144.515	**554.469.675.707**	**262.334.956.772**	**2.030.031.173.478**	**6.992.136.471.376**

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VNĐ	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính VNĐ	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2011	18.701.256.007	231.844.078.526	3.281.103.148	253.826.437.681
Phát sinh trong năm	(985.397.966)	492.600.680.363	(2.584.092.428)	489.031.189.969
Tại 31/12/2011	17.715.858.041	724.444.758.889	697.010.720	742.857.627.650
Phát sinh trong năm	(19.607.979.072)	(49.056.493.343)	(697.010.720)	(69.361.483.135)
Tại 31/12/2012	**(1.892.121.031)**	**675.388.265.546**	**-**	**673.496.144.515**

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	VNĐ
Vốn điều lệ của công ty con (PVD Training)	28.958.670.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	14.996.960.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	**48,21%**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011 như sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tổng tài sản	87.740.656.599	53.460.412.624
Tổng nợ phải trả	(35.839.849.332)	(13.040.877.744)
Tài sản thuần	**51.900.807.267**	**40.419.534.880**
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	28.958.670.000	28.958.670.000
Thặng dư vốn cổ phần	312.482.400	312.482.400
Các quỹ khác	5.417.171.027	2.832.056.663
Lợi nhuận chưa phân phối	17.212.483.840	8.316.325.817
Lợi ích của cổ đông thiểu số	**25.007.929.664**	**19.515.169.504**
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	13.961.700.000	13.961.700.000
Thặng dư vốn cổ phần	125.760.000	125.760.000
Các quỹ khác	2.621.894.220	1.376.617.710
Lợi nhuận chưa phân phối	8.298.575.444	4.051.091.794

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lợi nhuận trong năm	17.234.095.755	11.546.513.587
Lợi nhuận của cổ đông thiểu	8.308.995.097	5.566.867.339

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan ("DV khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại ("Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác ("Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	DV khoan VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản					
Tài sản bộ phận	15.833.975.776.740	1.426.522.466.736	15.377.015.184.440	(13.553.891.669.404)	19.083.621.758.512
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản hợp nhất					19.083.621.758.512
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	15.591.251.659.192	1.180.511.649.132	8.229.139.467.520	(12.934.428.417.604)	12.066.474.358.240
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					12.066.474.358.240

Kết quả hoạt động kinh doanh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	DV khoan VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu thuần	6.928.867.797.304	1.493.323.611.264	4.613.605.926.948	(1.106.341.224.956)	11.929.456.110.560
Giá vốn hàng bán	5.181.515.838.116	1.433.972.142.464	3.485.960.594.740	(854.792.742.024)	9.246.655.833.296
Lợi nhuận gộp	1.747.351.959.188	59.351.468.800	1.127.645.332.208	(251.548.482.932)	2.682.800.277.264
Doanh thu hoạt động tài chính	14.156.666.632	16.942.411.632	373.632.721.364	(350.510.892.068)	54.220.907.560
Chi phí tài chính	342.048.079.936	8.015.593.316	73.587.156.864	(3.212.448.236)	420.438.381.880
Chi phí bán hàng	16.970.175.356	708.860.152	21.792.357.228	(1.137.937.780)	38.333.454.956
Chi phí quản lý doanh nghiệp	383.746.839.820	46.486.575.556	571.538.211.252	(249.913.026.716)	751.858.599.912
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.018.743.530.708	21.082.851.408	834.360.328.228	(347.795.962.268)	1.526.390.748.076
Thu nhập khác	136.269.939.296	2.281.811.540	35.556.436.888	-	174.108.187.724
Chi phí khác	49.443.235.124	1.139.437.396	13.371.930.076	-	63.954.602.596
Lợi nhuận khác	86.826.704.172	1.142.374.144	22.184.506.812	-	110.153.585.128
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					60.780.436.224
Lợi nhuận kế toán trước thuế					1.697.324.769.428
Chi phí thuế TNDN hiện hành					252.602.858.776
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					(2.800.886.956)
Lợi nhuận sau thuế					**1.447.522.797.608**

Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	DV khoan VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản					
Tài sản bộ phận	15.101.799.116.128	1.296.981.408.572	15.904.593.731.648	(13.767.956.458.952)	18.535.417.797.396
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản hợp nhất					18.535.417.797.396
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	15.003.905.162.564	1.167.518.205.472	9.449.481.584.108	(13.307.159.578.160)	12.313.745.373.984
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					12.313.745.373.984

Kết quả hoạt động kinh doanh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	DV khoan VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu thuần	5.134.434.070.696	1.315.512.615.711	3.281.258.255.079	(520.368.762.830)	9.210.836.178.656
Giá vốn hàng bán	3.862.121.097.744	1.191.612.928.163	2.490.002.353.860	(390.334.033.523)	7.153.402.346.244
Lợi nhuận gộp	1.272.312.972.952	123.899.687.548	791.255.901.219	(130.034.729.307)	2.057.433.832.412
Doanh thu hoạt động tài chính	12.257.503.272	22.524.028.947	542.218.949.545	(424.563.715.016)	152.436.766.748
Chi phí tài chính	291.053.580.062	28.515.217.437	127.277.831.912	-	446.846.629.411
Chi phí bán hàng	-	1.914.061.891	29.500.226.112	-	31.414.288.003
Chi phí quản lý doanh nghiệp	203.837.090.779	48.825.041.132	434.211.575.336	(129.545.308.564)	557.328.398.683
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	789.679.805.383	67.169.396.035	742.485.217.404	(425.053.135.759)	1.174.281.283.063
Thu nhập khác	10.479.734.209	9.971.586.520	71.595.696.172	-	92.047.016.901
Chi phí khác	48.731.447.380	4.687.985.645	55.738.214.133	-	109.157.647.158
Lỗ khác	(38.251.713.171)	5.283.600.875	15.857.482.039	-	(17.110.630.257)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					72.233.252.385
Lợi nhuận kế toán trước thuế					1.229.403.905.191
Chi phí thuế TNDN hiện hành					151.134.588.353
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					5.655.845.027
Lợi nhuận sau thuế					**1.072.613.471.811**

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	922.033.399.008	732.748.291.401
Chi phí nhân công	2.777.874.057.144	2.007.163.538.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.022.587.921.292	670.900.155.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.560.614.811.700	3.312.573.683.657
Chi phí khác	319.481.733.400	356.342.003.941
Giá vốn thương mại	1.434.255.965.620	662.417.360.710
	10.036.847.888.164	**7.742.145.032.930**

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.677.954.296	42.507.155.537
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.521.958.640	107.943.366.573
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.994.624	1.986.244.638
	54.220.907.560	**152.436.766.748**

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chi phí lãi vay	301.836.314.284	267.376.307.261
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.775.357.892	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	81.212.225.180	161.013.871.928
Chi phí tài chính khác	35.614.484.524	18.456.450.222
	420.438.381.880	**446.846.629.411**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.697.324.769.428	1.229.403.905.191
Điều chỉnh cho các khoản:		
Thu nhập không chịu thuế	(347.334.892.832)	(442.697.361.043)
Chi phí thực hiện từ nguồn trích của năm trước	4.889.206.376	(1.138.286.884)
Chênh lệch đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	(3.395.026.484)	(7.487.295.270)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	89.181.851.100	46.703.917.407
Thu nhập chịu thuế	**1.440.665.907.588**	**824.784.879.401**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	246.705.285.608	150.566.715.229
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	5.897.573.168	567.873.124
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**252.602.858.776**	**151.134.588.353**

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành (25%), ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

» Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV DRILLING II và PV DRILLING III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ

phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).

» PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 25% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.

» PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 25% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.

- Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.

» PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV DRILLING V. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	1.321.789.346.039	1.067.046.604.472
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.321.789.346.039	1.067.046.604.472
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	210.152.326	209.700.367
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**6.290**	**5.088**

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các

khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Các khoản vay	6.808.676.365.856	7.901.208.689.296
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.067.748.648.852	668.192.690.536
Nợ thuần	5.740.927.717.004	7.233.015.998.760
Vốn chủ sở hữu	6.992.136.471.376	6.202.157.253.908
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,82	1,17

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.067.748.648.852	668.192.690.536
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.063.604.787.180	2.119.844.264.240
Các khoản đầu tư khác	33.224.575.664	33.218.327.264
Các khoản ký quỹ, ký cược	26.024.835.936	22.805.097.900
Tổng cộng	**4.190.602.847.632**	**2.844.060.379.940**
Các khoản vay và nợ	6.808.676.365.856	7.901.208.689.296
Phải trả người bán và phải trả khác	2.379.025.292.740	1.975.502.412.716
Chi phí phải trả	768.856.184.916	551.176.591.828
Tổng cộng	**9.956.557.843.512**	**10.427.887.693.840**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc

trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
USD (các công ty con)	4.759.755.245.490	5.562.653.491.892	1.572.378.065.078	786.652.003.020
VNĐ (Công ty mẹ)	391.667.894.844	826.896.551.944	992.653.857.208	1.475.223.100.348
DZD	23.654.984.440	17.703.404.268	34.929.430.776	29.874.246.068
SGD	10.256.956.971	5.487.449.020	327.065.384	502.246.392
EUR	5.591.786.674	1.418.782.532	3.901.134.235	480.647.756
Norwegian krone (NOK)	768.761.480	793.692.596	-	-
Bạt Thái (THB)	294.237.156	107.305.856	-	-
GBP	604.699.324	66.149.728	-	83.312
JPY	-	397.273.272	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi của đồng đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

	VNĐ
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ	12.019.713.832
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	63.747.543.608
Giảm/tăng lợi nhuận hợp nhất	**51.727.829.776**

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 19.217.141.652 đồng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài

chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.067.748.648.852	-	-	1.067.748.648.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.063.604.787.180	-	-	3.063.604.787.180
Các khoản đầu tư khác	-	10.006.248.400	23.218.327.264	33.224.575.664
Các khoản ký quỹ. ký cược	8.918.341.320	17.106.494.616	-	26.024.835.936
Tổng cộng	**4.140.271.777.352**	**27.112.743.016**	**23.218.327.264**	**4.190.602.847.632**
Các khoản vay và nợ	1.940.772.805.772	3.767.286.473.540	1.100.617.086.544	6.808.676.365.856
Phải trả người bán và phải trả khác	2.379.025.292.740	-	-	2.379.025.292.740
Chi phí phải trả	768.856.184.916	-	-	768.856.184.916
Tổng cộng	**5.088.654.283.428**	**3.767.286.473.540**	**1.100.617.086.544**	**9.956.557.843.512**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(948.382.506.076)**	**(3.740.173.730.524)**	**(1.077.398.759.280)**	**(5.765.954.995.880)**
31/12/2011				
Tiền và các khoản tương đương tiền	668.192.690.536	-	-	668.192.690.536
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.119.844.264.240	-	-	2.119.844.264.240
Các khoản đầu tư khác	-	10.000.000.000	23.218.327.264	33.218.327.264
Các khoản ký quỹ. ký cược	6.175.668.624	16.629.429.276	-	22.805.097.900
Tổng cộng	**2.794.212.623.400**	**26.629.429.276**	**23.218.327.264**	**2.844.060.379.940**
Các khoản vay và nợ	2.049.614.955.880	4.452.259.908.772	1.399.333.824.644	7.901.208.689.296
Phải trả người bán và phải trả khác	1.975.502.412.716	-	-	1.975.502.412.716
Chi phí phải trả	551.176.591.828	-	-	551.176.591.828
Tổng cộng	**4.576.293.960.424**	**4.452.259.908.772**	**1.399.333.824.644**	**10.427.887.693.840**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(1.782.081.337.024)**	**(4.425.630.479.496)**	**(1.376.115.497.380)**	**(7.583.827.313.900)**

33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	34.366.470.764	25.526.753.364

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Trong vòng một năm	38.023.501.766	20.226.487.360
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	78.128.055.835	50.239.427.080
Sau năm năm	33.328.837.782	43.095.673.016
	149.480.395.383	**113.561.587.456**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Thời gian thuê được thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 38 năm.

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT GÓP VỐN

Ngày 06 tháng 02 năm 2013, Tổng Công ty đã ký hợp đồng góp vốn liên doanh với Falcon Energy Group Limited nhằm thành lập Công ty Liên doanh PVDrilling Overseas tại Singapore để cùng đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới. Vốn điều lệ của Liên doanh tại thời điểm thành lập là 1.000 đô la Mỹ và có thể tăng lên tối đa là 70.000.000 đô la Mỹ. Tổng Công ty cam kết góp 50% vốn điều lệ của Liên doanh.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	2.883.900.699.040	213.768.949.128
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	4.598.377.551.362	3.952.168.244.822
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	319.790.091.940	224.315.969.213
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	125.072.973.120	142.482.063.164
Vay từ PVFC		
Lãi vay đã trả	1.857.131.119	2.937.897.221
Hoàn trả trong năm	58.106.995.800	63.747.241.299

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lương	6.352.841.524	6.638.829.373
Tiền thưởng	5.971.830.577	3.561.467.299
Các khoản phúc lợi khác	248.150.000	228.000.000
	12.572.822.101	**10.428.296.672**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	87.444.483.480	14.248.684.736
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	1.086.553.791.836	664.787.999.860
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	75.820.397.508	1.062.959.791.780
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	50.853.686.456	60.590.755.628
Các khoản vay phải trả		
PVFC	29.053.497.900	87.160.493.700
Lãi vay phải trả		
PVFC	92.205.973	290.679.734
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	947.358.414.144	3.069.862.456

37. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Phạm Tiến Dũng	**Hồ Ngọc Yến Phương**	**Đoàn Đắc Tùng**	**Trần Kim Hoàng**
Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngày 20 tháng 3 năm 2013			

Thông tin TỔNG CÔNG TY PV Drilling

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ (PV Drilling)
Lầu 4, Sailing Tower, 111A Pasteur,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84-8) 39142012 Fax : (84-8) 39142021
Web : www.pvdrilling.com.vn

CÔNG TY 100% VỐN CỦA PV DRILLING

XÍ NGHIỆP ĐIỀU HÀNH KHOAN **(PVD Drilling Division)**
Lầu 3, Sailing Tower, 111A Pasteur,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84-8) 39 100 662

XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ ĐẦU TƯ KHOAN DẦU KHÍ **(PVD Invest)**
Lầu 22, Green Power Building, 35 Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84-8) 38 270 728

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ BIỂN PVD **(PVD Offshore)**
43A Đường 30/4, Phường 9, Tp. Vũng Tàu,
tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
Tel : (84- 64) 3590 124

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA VẬT LÝ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ **(PVD Logging)**
Lầu 10, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84-8) 39105860

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ PVD **(PVD Well Services)**
Phòng 13, Lầu 12A, Vincom Center, 47 Lý Tự Trọng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84-8) 39 104 365

CÔNG TY TNHH MTV KHOAN DẦU KHÍ NƯỚC SÂU PVD **(PVD Deepwater)**
Lầu 5, Sailing Tower, 111A Pasteur,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84-8) 35 218 866

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ LIÊN DOANH CỦA PV DRILLING

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ PVD **(PVD Tech)**
Lầu 8, Green Power Building, 35 Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84-8) 22 205 333

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO KỸ THUẬT PVD **(PVD Training)**
KCN Đông Xuyên, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
Tel : (84-64) 3615 299

CÔNG TY LIÊN DOANH DỊCH VỤ BJ-PV DRILLING **(BJ - PV Drilling)**
65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu
Tel : (84-64) 3838095

CÔNG TY LIÊN DOANH DỊCH VỤ DẦU KHÍ PV DRILLING-PTI **(PV Drilling-PTI)**
65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu
Tel : (84-64) 3597291

CÔNG TY TNHH CẦN ỐNG KHOAN DẦU KHÍ VIỆT NAM **(PVD Tubulars Management)**
Phòng 1204, Lầu 12, Gemadept Tower,
6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84-8) 38257461

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH KỸ THUẬT GIẾNG KHOAN PV DRILLING VÀ BAKER HUGHES **(PV Drilling Baker Hughes)**
Lầu 10, Sailing Tower, 111A Pasteur,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh Việt Nam
Tel : (84-8) 38213 732

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH PVD TECH – OIL STATES INDUSTRIES **(PVD Tech – Oil States Industries Joint Venture Co., Ltd)**
Đường số 11, Khu công nghiệp Phú Mỹ I,
huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Tel : (84-64) 3899199

CÔNG TY TNHH VIETUBES **(Vietubes Corporation Limited)**
Đường số 11, KCN Đông Xuyên,
Phường Rạch Dừa, Tp. Vũng Tàu
Tel : (84-64) 3834664

Designed & Printed: lapphuong.com - 0918 271 635

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Sailing Tower, 111A Pasteur,
Phường Bến Nghé , Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: +84 - 8 - 39 142 012
Fax: +84 - 8 - 39 142 021 / 39 142 022
Web: www.pvdrilling.com.vn